

TRƯƠNG THỊ TƯƠI

ĐỘT PHÁ

Môn
NGỮ VĂN

Kì thi vào 10 THPT

CLASSIC

TRƯƠNG THỊ TƯƠI

ÔT PHÁ

Môn
NGỮ VĂN

Kì thi vào 10 THPT

LỜI



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: Biên tập: (024) 39714896;

Quản lý xuất bản: (024) 39728806; Tổng biên tập: (024) 39715011;

Fax: (024) 39729436

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc - Tổng biên tập: TS. PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập chuyên ngành:

ĐOÀN THỊ MY

Biên tập xuất bản:

ĐOÀN THỊ MY

Sửa bài:

TRƯƠNG THỊ TƯƠI

Ché bản:

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

Trình bày bìa:

NGUYỄN THỊ HOÀNG DIỆU

Môn
chính là m
không biết
cứu, biên s
của các en

CÔNG TY CỔ PHẦN CG GROUP TOÀN CẦU

Địa chỉ: Số 10 Đường Quang Hảm, Phường Quan Hoa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội

SÁCH LIÊN KẾT

ĐỘT PHÁ 9+

MÔN NGỮ VĂN KÌ THI VÀO 10 THPT (CLASSIC)

Mã số: 2L-21PT2021

In 2.000 bản, khổ 19x26cm tại Công ty CP In và Dịch vụ thương mại MÀU SẮC VIỆT

Địa chỉ: Số 10, Ngõ 32, Đường An Dương, Yên Phụ, Tây Hồ, Hà Nội.

Số xác nhận ĐKXB: 411-2021/CXBIPH/15-27/ĐHQGHN, ngày 29/01/2021

Quyết định xuất bản số: 124LK-XH/QĐ - NXB ĐHQGHN, ngày 23/02/2021

In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.

ĐỘT PHÁ

Cung c
giá nă

Khoan
học) gi
đạt đư

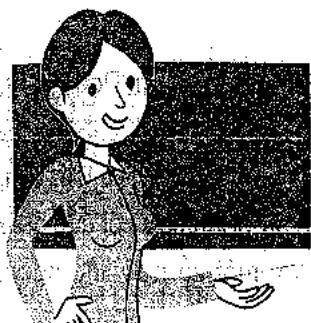
Phần k
ngắn g

Chỉ ra
Đọc - t
kĩ năng

Phần t
kĩ năng

Hệ thô
phòng

LỜI NÓI ĐẦU



Các em học sinh thân mến!

Bước vào năm học cuối cấp II là lúc các em đứng trước một dấu mốc quan trọng của cuộc đời học sinh – kỳ thi tuyển sinh THPT. Một ngôi trường cấp III chất lượng sẽ nâng bước các em vượt qua cánh cổng trường Đại học và tạo tiền đề cho tương lai tốt đẹp sau này. Chính vì vậy, kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 thực sự là cuộc “chạy đua khốc liệt” đối với tất cả chúng ta!

Môn Ngữ văn là một trong ba môn thi bắt buộc của kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10. Đồng thời, đây cũng chính là môn thi làm khó khá nhiều bạn học sinh bởi khối lượng kiến thức khổng lồ khiến các em loay hoay không biết phải học từ đâu, học cái gì và học như thế nào. Hiểu được điều đó, chúng tôi đã dày công nghiên cứu, biên soạn nên cuốn sách **ĐỘT PHÁ 9+ MÔN NGỮ VĂN** như một giải pháp tháo gỡ mọi khó khăn, vướng mắc của các em trong việc ôn luyện môn Ngữ văn chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh vào 10 THPT.

TẠI SAO

ĐỘT PHÁ 9+ MÔN NGỮ VĂN TRỞ THÀNH CUỐN SÁCH ƯU VIỆT DÀNH CHO CÁC EM?

- ❶ Cung cấp lộ trình ôn tập cụ thể, rõ ràng cho từng đối tượng học sinh (phân loại theo kết quả bài test đánh giá năng lực từng phần) giúp các em có kế hoạch ôn tập hợp lý, hiệu quả.
- ❷ Khoanh vùng kiến thức bám sát các phần trong cấu trúc đề thi (Đọc - hiểu, Nghị luận xã hội, Nghị luận văn học) giúp định hướng nội dung, trọng tâm ôn tập, nhờ đó các em có thể tiết kiệm tối đa thời gian mà vẫn đạt được hiệu quả cao.
- ❸ Phần kiến thức trọng tâm được hệ thống dưới dạng infographic với hình ảnh sinh động; nội dung lô-gic, ngắn gọn và dễ ghi nhớ.
- ❹ Chỉ ra lỗi sai thường gặp, cách khắc phục và định hướng phương pháp làm cụ thể cho từng dạng bài Đọc - hiểu, Nghị luận xã hội, Nghị luận văn học. Từ đó, giúp các em điều chỉnh, củng cố về phương pháp, kỹ năng; tránh bị mất điểm đáng tiếc.
- ❺ Phần bài tập cung cấp có đáp án chi tiết kèm theo vừa tạo cơ hội để các em tự rèn luyện, củng cố kiến thức, kỹ năng; vừa giúp các em kiểm tra, bổ sung, điều chỉnh sai sót, kịp thời lấp “lỗ hổng” kiến thức.
- ❻ Hệ thống đề thi và đáp án tham khảo phong phú, đa dạng giúp các em làm quen với cấu trúc đề thi, áp lực phòng thi để rèn luyện kỹ năng làm bài, tự đánh giá năng lực...

CẤU TRÚC CUỐN SÁCH

1. NỘI DUNG TRỌNG TÂM

Phần này được chia thành 3 chương bám sát vào cấu trúc của đề thi bao gồm: Đọc - hiểu, Nghị luận xã hội, Nghị luận văn học.

- **Đọc - hiểu:** Hệ thống kiến thức bằng infographic phần Tiếng Việt, Văn bản, và Tập làm văn; phương pháp làm bài và hệ thống bài tập củng cố (kèm đáp án) dự đoán câu hỏi đọc hiểu có thể gặp với một văn bản trong chương trình và mở rộng với một số ngữ liệu ngoài chương trình.
- **Nghị luận xã hội:** Hệ thống kiến thức; phương pháp làm các kiểu bài: nghị luận tư tưởng đạo lí, nghị luận về một hiện tượng đời sống; nghị luận về một vấn đề đặt ra từ văn bản; hệ thống bài tập củng cố (kèm đáp án).
- **Nghị luận văn học:** Hệ thống kiến thức về các văn bản (chuyên đề thơ, văn xuôi); phương pháp làm bài; hệ thống bài tập củng cố (kèm đáp án) dự đoán những câu hỏi nghị luận văn học có thể gặp của một văn bản.

2. MỘT SỐ ĐỀ THI THỬ THAM KHẢO

Cung cấp 10 đề thi thử theo cấu trúc chung của đề thi vào 10 THPT.

3. ĐÁP ÁN

Gợi ý đáp án (có biểu điểm).

Chúng tôi tin tưởng rằng, với những nội dung được biên soạn bằng tâm huyết, trách nhiệm của người thầy; **Đột phá 9+ môn Ngữ văn** sẽ trở thành người bạn đường đáng tin cậy giúp các em học sinh thân yêu vượt qua cửa ải khó khăn trước mắt.

Trong quá trình biên soạn cuốn sách chắc chắn không tránh được những thiếu sót nhất định. Chúng tôi hi vọng sẽ nhận được sự cảm thông cũng như những ý kiến đóng góp chân thành của bạn bè đồng nghiệp và các em học sinh để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau!

Chúc tất cả các em “về đích” với thành tích xuất sắc nhất!

Xin trân trọng cảm ơn!

NHÓM TÁC GIẢ

CH

MỤC LỤC



NỘI DUNG TRỌNG TÂM

CHUYÊN ĐỀ 1: ĐỌC - HIỂU	8
Phương pháp làm bài	9
Kiến thức trọng tâm	10
Tiếng Việt	10
Văn bản	15
Tập làm văn	21
Bài tập củng cố	24
CHUYÊN ĐỀ 2: NGHỊ LUẬN XÃ HỘI	62
Phương pháp làm bài	63
Kiến thức trọng tâm	65
Nghị luận hiện tượng đời sống	65
Nghị luận tư tưởng đạo lí	66
Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong văn bản	67
Bài tập củng cố	68
CHUYÊN ĐỀ 3: NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	87
Phương pháp làm bài	88
Kiến thức trọng tâm	90
Thơ	90
Chị em Thúy Kiều	90
Kiều ở lầu Ngung Bích	91
Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga	92
Đồng chí	93
Bài thơ về tiểu đội xe không kính	94
Đoàn thuyền đánh cá	95
Bếp lửa	96
Ánh trăng	97
Mùa xuân nho nhỏ	98
Viêng lảng Bác	99
Sang thu	100
Nói với con	101

ăn xuôi	102
Chuyện người con gái Nam Xương	102
Hoàng Lê nhất thống chí	103
Làng	104
Chiếc lược ngà	105
Lặng lẽ Sa Pa	106
Những ngôi sao xa xôi	107
lời tập cung cǒ	108

PHẦN 2 MỘT SỐ ĐỀ THI THỦ THAM KHẢO

lè số 1	157
lè số 2	158
lè số 3	159
lè số 4	160
lè số 5	161
lè số 6	162
lè số 7	163
lè số 8	164
lè số 9	165
lè số 10	166

PHẦN 3 ĐÁP ÁN

lè số 1	168
lè số 2	170
lè số 3	173
lè số 4	176
lè số 5	178
lè số 6	181
lè số 7	183
lè số 8	185
lè số 9	186
lè số 10	190

PHẦN

NỘI DUNG TRỌNG TÂM

ĐỌC - HIỂU

KIẾN THỨC

MỤC TIÊU

KĨ NĂNG

① Ghi nhớ các kiến thức trong tâm phần tiếng Việt: từ vựng, ngữ pháp, hoạt động giao tiếp...

② Ghi nhớ các kiến thức trong tâm phần văn bản: tác giả, tác phẩm, hoàn cảnh sáng tác, nội dung, chủ đề, hình ảnh, chi tiết đặc sắc.

③ Ghi nhớ các kiến thức về tập làm văn: thao tác lập luận, phương thức biểu đạt, hình thức lập luận...

① Nhận biết, tái hiện kiến thức đã học một cách chính xác, đầy đủ.

② Vận dụng kiến thức đã học để lý giải một khía cạnh, vấn đề...

③ Trình bày quan điểm cá nhân, liên hệ mở rộng vấn đề.

LỚ

Không
sai, lăi
kiến th

Trả lời
trọng tí

Phân b
lí, đề n

Dạng

Nh
bi

Th
hi

Vă
đại

PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI ĐỌC - HIẾU

LỜI THƯƠNG GẶP

CÁCH KHẮC PHỤC

Không chắc kiến thức, trả lời sai, lẩn lẩn giữa các đơn vị kiến thức.

Trả lời dài dòng, không đúng trong tâm.

Phân bổ thời gian không hợp lý, để mất nhiều thời gian.

Näm chắc kiến thức

Sử dụng hiệu quả thời gian trên lớp.

Ôn luyện hệ thống, tăng cường làm bài tập cùng cô.

Trình bày đúng trọng tâm

Đọc kĩ xác định rõ yêu cầu, phân loại câu hỏi.

Xác định phạm vi kiến thức trọng tâm, dày dặn, ngắn gọn.

Phân phối thời gian hợp lý

Thời gian tối đa: 20 - 25 phút.

Câu dễ làm trước, câu khó làm sau.

PHƯƠNG PHÁP

Đang

Đặc điểm

Trả lời

Nhận biết

- Yêu cầu xác định: đề tài, thể loại, phong cách ngôn ngữ, thông tin, chi tiết... trong văn bản.
- Diễn đạt lại nội dung văn bản bằng ngôn ngữ của mình.

- Trả lời đúng trọng tâm, nói đâu đáp đó.
- Đầy đủ, ngắn gọn, trực tiếp.

Thông hiểu

- Yêu cầu xác định chủ đề, nội dung chính.
- Cắt nghĩa, dòi chiêu, lì giải thông tin văn bản.
- Xác định, nêu hiệu quả nghệ thuật, chi tiết...
- Giải quyết tình huống văn bản đặt ra

- Bám sát ngữ liệu.
- Diễn giải ngắn gọn
- Trình bày theo gạch đầu dòng

Văn dụng

- Viết câu văn, đoạn văn (5 câu) trình bày quan điểm cá nhân, thể hiện trải nghiệm bản thân.
- Văn dụng ý nghĩa, bài học rút ra để giải quyết vấn đề thực tiễn đời sống.

- Quan điểm rõ ràng
- Trình bày ngắn gọn, đủ ý dung yêu cầu

CÁC LỚP TỪ

Từ đơn

tạo thành từ một tiếng có nghĩa.

Từ phức
tạo thành từ hai
tiếng trở lên, biểu
trí một ý nghĩa.

Từ ghép: Từ phức được tạo thành bởi các tiếng có quan hệ với nhau về nghĩa.

Từ láy: Từ phức được tạo thành bởi các tiếng có quan hệ lấy âm.

Từ nhiều nghĩa

Nghĩa gốc: nghĩa xuất hiện từ đầu, cơ sở hình thành nghĩa khác.

Nghĩa chuyên: nghĩa hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.

Cấp độ khái
quát nghĩa

Nghĩa rộng: phạm vi nghĩa bao hàm phạm vi nghĩa của từ khác.

Nghĩa hẹp: phạm vi nghĩa bị bao hàm bởi một từ khác.

Quan hệ
nghĩa của từ

Đồng âm: Cấu tạo âm thanh giống nhau, nghĩa khác nhau.

Đồng nghĩa: Các từ có nghĩa giống/gần giống nhau.

Trái nghĩa: Các từ có nghĩa trái ngược nhau.

Trường từ vựng: tập hợp từ có ít nhất một nét chung về nghĩa.

Từ mượn Việt - Từ do người Việt sáng tạo ra để biểu thị một sự vật, hiện tượng, đặc điểm.

Từ mượn

Từ mượn ngôn ngữ An - Âu

Từ mượn tiếng Hán

So sánh
đối chiếu
tương đối

Nhận hi
dụng từ c
gọi... của

Ân dụ
gọi tên si
khác có n

Hoán dì
gọi tên
khác có c

Liệt kê
Sắp xếp
cùng loại
lý tương

Biết ng
nhắc cùn
câu có d
diễn đạt

Tạo từ n

Vay mượn

BIỆN PHÁP TU TÙ

So sánh

đối chiếu hai hay nhiều sự vật có sự tương đồng.

Nhân hóa

dùng từ chỉ hoạt động, tính cách, tên gọi... của người để gọi vật.

Âm dù

gọi tên sự vật này bằng tên sự vật khác có nét tương đồng.

Hoán dụ

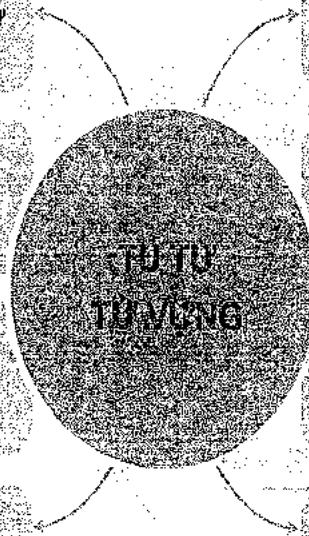
gọi tên sự vật này bằng tên sự vật khác có quan hệ gần gũi.

Liệt kê

Sắp xếp nói tiếp nhau các từ/cụm từ cùng loại nhằm diễn tả các khía cạnh tu tượng, tình cảm.

Điệp ngữ

nhắc đi nhắc lại nhiều lần một câu trúc câu có dùng ý tăng cường hiệu quả diễn đạt...



Điệp từ

nhắc đi nhắc lại nhiều lần một từ/ cụm từ.

Nói quá

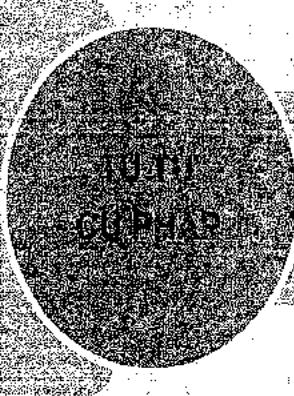
phô trương mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng.

Nói giảm, nói tránh

diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh đau buồn, thô tục, nặng nề.

Chơi chữ

dựa vào đặc sắc về âm nghĩa của từ để tạo sắc thái dị dom, hài hước.



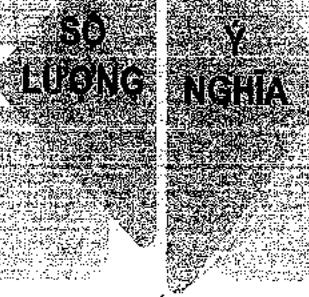
Đảo ngữ

thay đổi trật tự câu tạo ngữ pháp thông thường của câu nhằm nhấn mạnh ý, nhấn mạnh đặc điểm đối tượng.

PHÁT TRIỂN VÀ MỞ RỘNG VÓN TỪ

Tạo từ ngữ mới

Vay mượn từ của ngôn ngữ khác



Chuyển nghĩa theo phương thức ân dù

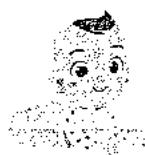
Chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ

TỪ LOẠI

DANH TỪ

- Là những từ chỉ người, vật, hiện tượng, khái niệm...

- Gồm 2 loại:
+ Danh từ chỉ đơn vị
+ Danh từ chỉ sự vật.



em bé

ĐỘNG TỪ

- Là những từ chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật.

- Gồm hai loại:
+ Động từ tình thái
+ Động từ chỉ hoạt động, trạng thái.



ngủ

TÍNH TỪ

- Là những từ chỉ đặc điểm, tính chất, hoạt động, trạng thái của sự vật.

- Gồm hai loại:
+ Tính từ chỉ đặc điểm tương đối
+ Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối.



vui vẻ

Câu đơn:
làm nòng

Câu đặc b
hình chù -

Câu ghép:
không bao

Chủ ngữ:
hành động

Vị ngữ:
trạng thái

Trạng ng
chôn, mục

Khởi ngữ:
tài được n

Lược bỏ n

Tách một t
thành câu r

Phản thông k
bằng từ ngữ

TỪ LOẠI KHÁC

Đại từ

Tôi, tớ, họ, nó, chúng tôi...

Dùng để trả người, vật, hoạt động, tính chất... được nói đến trong một ngữ cảnh hoặc dùng để hỏi.

Quan hệ từ

vì, nên, và, nhưng, tuy nhiên...

Dùng để biểu thị các ý nghĩa như quan hệ sở hữu, so sánh, nhân quả... giữa các bộ phận câu, câu với câu, câu với đoạn...

Trợ từ

chính, đích, ngay, có những...

Từ chuyên đi kèm một từ ngữ trong câu để nhấn mạnh và biểu thị thái độ đánh giá về sự vật, sự việc được nói đến.

Số từ

một, hai, một trăm...

Từ chỉ số lượng, thứ tự sự vật.

Chỉ từ

này, kia, ấy, đó, nó...

Từ dùng để trả vào sự vật nhằm xác định vị trí của vật trong không gian, thời gian.

Tình thái từ

à, u, hả, nhé, mà, sao...

Từ thêm vào câu để cấu tạo câu nghi vấn, cảm thán, cầu khiếu, biểu thị sắc thái của người nói.

Lượng từ

tất cả, những, các, mỗi...

Từ chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật một cách khái quát.

Phó từ

rất, quá, lắm, cung, đừng...

Tù chuyên đi kèm; bổ sung ý nghĩa cho động từ, tính từ.

Thốn từ

trời ôi, than ôi, này, vâng...

Tù dùng để bộc lộ tình cảm, cảm xúc của người nói hoặc dùng để gọi - đáp.

CÂU

Câu đơn: Chỉ có một thành phần chủ - vị làm nòng cốt.

Câu đặc biệt: không câu tạo theo mô hình chủ - vị.

Câu ghép: do hai hay nhiều cụm chủ - vị không bao chứa nhau tạo thành.

Chủ ngữ: Nêu tên sự vật, hiện tượng có hành động, đặc điểm... miêu tả ở vị ngữ.

Vị ngữ: Nêu đặc điểm, hành động, trạng thái của sự vật, hiện tượng...

Trạng ngữ: xác định thời gian, nơi chốn, mục đích... diễn ra sự việc.

Khởi ngữ: đứng trước chủ ngữ nêu đề tài được nói đến trong câu.

Lược bỏ một số thành phần câu.

Tách một thành phần nào đó của câu thành câu riêng.

Phản thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu.

Câu tràn thuật: miêu tả, kể, nêu nhận định, đánh giá, phán đoán...

Câu nghi vấn: dùng để hỏi, tìm hiểu thông tin chưa biết.

Câu cầu khiếu: nêu yêu cầu, đề nghị, mong muốn, mệnh lệnh...

Câu cảm thán: bộc lộ tình cảm, cảm xúc.

Tinh thái: Thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến.

Cảm thán: Bộc lộ tâm lí của người nói (vui, buồn, mừng, giận...)

Gọi - đáp: Tạo lập, duy trì quan hệ giao tiếp.

Phụ chú: Bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

- Thêm trạng ngữ
- Dùng cụm chủ - vị mở rộng thành phần câu.

Chuyển câu chủ động thành câu bị động.

Phản thông báo được suy ra từ cách diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ.

HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP



HÀNH ĐỘNG NÓI

Kiểu hành động nói

Hỏi Điều khiển Hứa hẹn Trình bày Bộc lộ cảm xúc

Cách thức thực hiện

Trực tiếp (thể hiện tương ứng với kiểu câu theo mục đích nói)
Gián tiếp (thể hiện qua ngữ cảnh giao tiếp nhất định)

Chuyện
người con gái
Nam Xương

(Trích
Truyền kỳ
man lục)

Hoàng Lê
nhất thống
chí

(Hồi thứ 14)

Vai xã hội



Lượt lời

HỘI THOẠI

Quan hệ
trên - dưới
hay
ngang hàng.

Quan hệ
thân - so.

Mỗi lần có
người tham
gia hội thoại là
một lượt lời.
Cần tôn
trọng lượt
lời của
người khác.

Chị em
Thúy Kiều
(Trích
Truyện Kiều)

Phương châm hội thoại

Lượng

Chất

Quan hệ

Cách thức

Lịch sự

Nói đúng
nội dung,
không thừa,
không thiếu.

Nói đúng sự
thật, có
bằng chứng
xác thực.

Nói đúng đẽ
tài giao tiếp,
tránh lạc đẽ.

Nói mạch
lạc, ngắn
gọn, tránh
mơ hồ.

Té nhị, thể
hiện sự tôn
trọng với
người khác.

Kiểu ở lâu
Ngưng Bích

(Trích
Truyện Kiều)

HỆ THỐNG THÔNG TIN VĂN BẢN

Tác giả	Tác phẩm	Nội dung	Đánh giá	Ngôn ngữ
Trích (Trích Truyện kỵ mạn lục)	Truyện truyền kỵ Nguyễn Dữ	Thế kỷ XVI Nhà Lê khủng hoảng, nội chiến kéo dài. Thông qua những chuyện lỵ là, hoang đường phản ánh hiện thực đương thời.	Khang định vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam. Bày tỏ niềm thương cam, xót xa trước số phận bi kịch của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.	Ngôn ngữ chữ Hán.
Hoàng Lê nhất thống chí (Hồi thứ 14)	Thể chí - Tiểu thuyết lịch sử Ngô già ván phái	Thế kỷ XVIII Nhà Lê suy vi, quân Thanh xâm lược. Quang Trung dẫn dắt quân Tây Sơn đánh phá quân Thanh. Tự sự, miêu tả Tác phẩm ghi lại toàn bộ lịch sử giai đoạn	Vẻ đẹp hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ, anh minh, sáng suốt, tâm nhìn xa rộng. Sự tham bại của quân Thanh và số phận vua tối Lê Chiêu Thống.	Ngôn ngữ chữ Hán. Kết hợp các yếu tố hiên thực và hoang đường, kì ảo.
Trích (Trích Truyện Kiều)	Truyện thơ Nôm Nguyễn Dữ	Truyện thơ Nôm Tự sự, miêu tả, biểu cảm (nói bài là miêu tả)	Tran trọng, ngợi ca vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều, dù cảm về số phận nhân vật, thể hiện cảm hứng phản văn sâu sắc.	Bút pháp ước lệ tương trưng. Ngôn ngữ tinh luyện, cảm xúc. Khai thác triệt đéc các biện pháp tư tú
Trích (Trích Truyện Kiều)	Truyện thơ Nôm Tự sự, miêu tả, biểu cảm (nói bài là biểu cảm)	Cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX	Cảnh ngộ cô đơn, bế băng và tâm long thủy chung, hiếu thảo của Thúy Kiều.	Ngôn ngữ tình miêu tả nội tâm; sử dụng ngôn ngữ dọc thoại; diệp từ, diệp cấu trúc.

Bếp lửa

(In trong tập
*Hương cây -
Bếp lửa*)

<i>Lục Vân Tiên cát</i> <i>Kiều Nguyệt Nga</i> (Trích <i>Lục Vân Tiên</i>)	Nguyễn Đình Chiểu	Truyện thơ Nôm Chiều	Cuối thế kỷ XVIII, đầu thế kỷ XIX.	Khắc họa những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật: Lục Vân Tiên tài ba dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài; Kiều Nguyệt Nga hiền hậu, nết na, ân tình.	Ngôn ngữ giản dị mộc mạc mang màu sắc Nam Bộ; xây dựng nhân vật qua hành động, cử chỉ lời nói.
--	-------------------	----------------------	------------------------------------	---	--

<i>Đồng chí</i> (In trong tập <i>Đầu súng trắng treo</i>)	Chinh Hữu	Tự do Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả	Đầu năm 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947). Cảm động trước sự chăm sóc tận tâm của một người đồng chí, tác giả viết bài thơ như một lời cảm ơn.	Ca ngợi tinh đồng chí, đồng đội thiêng liêng của những người lính vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.	<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh thơ mộc mạc, giản dị, có sức gợi cảm lớn. - Bút pháp tả thực, kết hợp hài hoà giữa yếu tố hiện thực và lãng mạn.
--	-----------	---------------------------------------	---	--	--

<i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> (Rút từ tập <i>Vàng trắng quảng lava</i>)	Phạm Tiễn Duật	Kết hợp thể thơ 7 chữ và thể 8 chữ Biểu cảm kết hợp tự sự, miêu tả	Viết năm 1969 khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang trong gian đoạn vô cùng ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn.	Hình ảnh những chiến sĩ lái xe thời chống Mỹ trên tuyến đường Trường Sơn với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam.	<ul style="list-style-type: none"> - Giọng điệu ngang tàng, phóng khoáng. - Hình ảnh thơ độc đáo, ngôn từ có tính khẩu ngữ gần với văn xuôi. - Nhan đề độc đáo, ấn tượng.
---	----------------	--	---	---	--

<i>Đoàn thuyền đánh cá</i> (Rút từ tập <i>Troi mỗi ngày lại sáng</i>)	Huy Cận	Thất ngôn trường thiên Biểu cảm, miêu tả	Sáng tác năm 1958, trong chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh của nhà thơ Huy Cận.	Bài thơ là sự kết hợp hài hoà giữa cảm hứng về thiên nhiên vũ trụ và cảm hứng lao động, cuộc sống mới. Bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của con người lao động được làm chủ thiên nhiên và làm chủ cuộc sống của mình.	<ul style="list-style-type: none"> - Âm hưởng thơ vừa khoẻ khoắn sôi nổi, vừa phơi phới, bay bổng. - Gieo vần có nhiều biến hoá linh hoạt. - Hình ảnh tráng lệ, tưởng tượng phong phú.
--	---------	--	---	--	---

*Lặng lẽ
Sa Pa*

(Rút từ tập
Giữa trong xanh)

giản nạc sắc xây vật ýng, i.	<i>Bếp lửa</i> (In trong tập <i>Hương cây - Bếp lửa</i>)	Bàng Việt	Kết hợp thể thơ 7 chữ và thể 8 chữ Biểu cảm miêu tả, tư sự	Viết năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành Luật ở nước ngoài (Liên Xô cũ). <i>Hương Cây - Bếp lửa</i> là tập thơ đầu tay của Bàng Việt - Lưu Quang Vũ.	Gọi lại những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu. Thể hiện lòng kính yêu trân trọng, biết ơn của cháu với bà và cũng là dối với gia đình, quê hometown đất nước.	- Hình tượng “Bếp lửa” mang nhieu ý nghĩa biểu tượng. - Giọng điệu, thể thơ phù hợp với hồi憶, suy ngẫm.
tho gián gjí , ta hop yêu c và	<i>Nhà trang</i> (In trong tập thơ cùng tên)	Nguyễn Duy	Thể thơ năm chữ Biểu cảm tư sự	Năm 1978, 3 năm sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Cuộc sống hòa bình với đầy đủ các tiền - nghị - hiến - đại hiện con người dễ quen đi qua khứ gian khô một thời.	Như một lời nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gian lao của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước. Gởi nhắc con người về thái độ sống ân nghĩa, thùy chung với thiên nhiên, quá khứ.	- Kết hợp hài hòa giữa tư sự và trữ tình. - Giọng điệu tâm tình, tự nhiên, hài hòa, sâu lắng.
diêu tảng ng i tho ón từ u ngũ xuôi đoc ig.	<i>Tổng</i>	Kim Lân	Truyện ngắn Tư sự, miêu tả, biểu cảm	Năm 1948. Thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.	Qua tâm trạng đau xót, tui hờ của ông Hai ở nơi tàn cát khi nghe tin đồn làng mình theo giấc truyền thể hiện tình yêu lòng quê sâu sắc thông nhất với lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến của người nông dân.	Cốt truyện tâm lí, tình huống truyện đặc sắc; miêu tả tóm lí nhân vật sâu sắc, tinh tế, ngôn ngữ nhân vật sinh động, giàu tính khẩu ngữ.
ng tho khoán a phoi jóng án co n hoà i frang trong	<i>Tổng</i> <i>Sứ</i> (Rút từ tập <i>Giữa lồng cánh</i>)	Nguyễn Thanh Lồng	Truyện ngắn Tư sự, miêu tả, biểu cảm, ngôn luận	Sang tác năm 1970, là kết quả của chuyến thực tế ở Lào Cai của tác giả, khi miến Bắc tiền lên xây dựng CNXH, xây dựng cuộc sống mới.	Ca ngợi những người lao động thầm lặng, có cách sống đẹp, công hiển sức mình cho đất nước, nói bài là nhân vật anh thanh niên giàu tinh thần trách nhiệm, chan thành, cởi mở, khí chất.	Tinh huống hợp lý, kể chuyện tư nhiên; miêu tả nhân vật từ nhieu điểm nhìn, ngôn ngữ chân thực giàu chất thơ, hoà, kết hợp giữa tư sự, trữ tình với binh luận.

*Nội với cõi
(In trong tập
Thơ Việt
Nam 1945 -
1985)*

*Những người
sao xà xổi*

*Phong cách
Hồ Chí
Minh*

*Đấu tranh
cho một
thế giới
hòa bình*

**Chiếc lược
nón**
(In trong tập
truyện ngắn
cùng tên)

Nguyễn
Quang
Sáng

Tự sự,
miêu tả,
biểu cảm,
nghị luận

Sáng tác năm 1966,
khi tác giả đang hoạt
động ở chiến trường
Nam Bộ.

Câu chuyện éo le và
cảm động về tình cảm
cha con sâu nặng của
ông Sáu và bé Thu. Ca
ngợi tình cha con thâm
thiết trong hoàn cảnh
chiến tranh.

Nghệ thuật
miêu tả tâm lí,
tính cách nhân
vật, đặc biệt là
nhân vật trẻ em;
tình huống
truyện bất ngờ
mà tự nhiên.

**Mùa xuân
nho nhỏ**
(In trong tập
Thơ Việt
Nam 1945 -
1985)

Thanh
Hải

Biểu cảm
miêu tả

Được viết vào tháng
11/1980, khi tác giả
đang nằm trên
giường bệnh, không
bao lâu trước khi nhà
thơ qua đời.

Cảm xúc trước mùa
xuân của thiên nhiên và
đất nước, thể hiện tình
yêu tha thiết với cuộc
đời và ước nguyện chân
thành góp phần xuân
nho nhỏ của đời mình
vào cuộc đời chung
cho đất nước.

Hình ảnh tiêu
biểu, sử dụng
biện pháp
chuyển đổi cảm
giác và thay đổi
cách xưng hô
hợp lí.

**Viếng lăng
Bác**
(In trong tập
Như mây
mùa xuân)

Viễn
Phương

Biểu cảm
miêu tả

Năm 1976, sau khi
cuộc kháng chiến
chống Mĩ kết thúc
thắng lợi, đất nước
thống nhất, lăng Chủ
tịch Hồ Chí Minh
cũng vừa khánh thành,
Viễn Phương ra thăm
miền Bắc, vào lăng
viếng Bác Hồ.

Niềm xúc động thành
kinh, thiêng liêng, lòng
biết ơn, tự hào pha lẫn
đau xót của tác giả khi
vào lăng viếng Bác.

- Giọng điệu
trang trọng, tha
thiết, sâu lắng.
- Nhiều hình
ảnh ẩn dụ đẹp,
giàu tính biểu
tượng vừa gần
gũi thân quen,
vừa sâu sắc.

Sang thu
(In trong tập
Từ chiến
hào về thành
phố)

Hữu
Thịnh

Biểu cảm
miêu tả

Viết vào mùa thu năm
1977, khi nhà thơ
tham gia trại viết văn
quân đội ở ngoại ô hà
Nội; đây là mùa thu
đầu tiên của người
lính vừa bước ra khỏi
cuộc chiến tranh.

Cảm nhận tinh tế về
những chuyển biến nhẹ
nhàng mà rõ rệt của đất
trời từ hạ sang thu, qua
đó bộc lộ lòng yêu
thiên nhiên gắn bó với
quê hương đất nước
của tác giả.

- Từ ngữ độc
 đáo, cảm nhận
tinh tế, sâu sắc.
- Hình ảnh gợi
nhiều nét đẹp về
cảnh về tinh.

thuật
m lí,
nhân
tết là
đem;
mông
ngò
n.

tiêu
dụng
pháp
i cảm
ay đổi
g hò

diệu
ig, tha
lặng.
hình
u dep,
biển
ra gàn
quen,
ác

ú ddc
i nhán
u sác.
nh gợ
dep ve
inh

Nỗi vui con	Y Phương	Tự do	Sáng tác năm 1980 khi đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân cả nước nói chung và nhân dân các dân tộc thiểu số nói riêng vô cùng khó khăn, thiếu thốn.	Là lời tâm tình của người cha dặn con thể hiện tình yêu thương con của người miền núi về tình cảm tốt đẹp và truyền thống của người đồng minh và mong ước con xứng đáng với truyền thống đó.	Thể thơ tự do như cách nói của người miền núi, hình ảnh phong khoáng, mộc mạc, giàu chất thơ. Giọng điệu thiết tha triu mến, lời dẩn dắt tự nhiên.
Những ngày vào xuân	Nguyễn Minh Châu	Truyền ngắn	Sáng tác năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt trên tuyến đường Trường Sơn.	Tái hiện cuộc sống chiến đấu gian khổ, khốc liệt của các cô gái thanh niên xung phong; thể hiện tâm hồn trong sáng, giàu mơ mộng, tinh thần dùng cảm nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của họ.	Cách kể chuyện tư nhiên, ngôn ngữ sinh động trẻ trung, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo.
Phong cách Hồ Chí Minh	Lê Anh Trà	Văn bản nhật dụng	1990	Vẻ đẹp của phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa truyền thông văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, giữa thanh cao và giản dị.	Sử dụng ngôn ngữ trang trọng, biện pháp so sánh, nghệ thuật đối lập hiệu quả.
Đấu tranh cho một thế giới hòa bình	G. Market	Văn bản nhật dụng	1986, tại hội nghị nguyên thủ sau nước tại México lần thứ hai về nguy cơ chiến tranh hạt nhân.	Cuộc chạy đua vũ trang tôn kính đã cướp đi nhiều điều kiện phát triển của xã hội loài người. Đấu tranh cho một thế giới hòa bình, ngăn chặn và xoa bớt nguy cơ chiến tranh là nhiệm vụ thiết thân, cấp bách của toàn thể nhân loại.	Luận điểm, luận cứ rõ ràng, chứng cứ xác đáng, cứ thế, lập luận chặt chẽ, giàu thuyết phục.

<i>Tuyên bố thể giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ của trẻ em</i>	Hội nghị cấp cao thể giới về trẻ em	Văn bản nhật dụng: Nghị luận chính trị - xã hội	1990, bối cảnh cả thế giới quan tâm đến vấn đề quyền trẻ em.	Khẳng định việc bảo vệ quyền lợi, chăm lo sự phát triển của trẻ em là một trong những nhiệm vụ cấp bách, có ý nghĩa toàn cầu. Cam kết thực hiện toàn diện các nhiệm vụ vì sự sống còn, phát triển của trẻ em vì tương lai nhân loại.	Vào đề trực tiếp, sử dụng dẫn chứng, số liệu cụ thể. Lập luận chặt chẽ, giàu sức thuyết phục.	Dùng lòi theo một môt kết t nhìn cuộ
<i>Tiếng nói của văn nghệ</i> (In trong cuốn <i>Máy văn đê văn hoc</i>)	Nguyễn Đình Thi	Tiêu luận	Viết năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.	Khẳng định văn nghệ nói sợi dây đồng cảm kì diệu giữa nghệ sĩ với bạn đọc thông qua những rung động mãnh liệt, sâu xa của trái tim. Văn nghệ giúp cho con người được sống phong phú hơn và tự hoàn thiện nhân cách, tâm hồn mình	Bố cục chặt chẽ, cách dẫn dắt tự nhiên. Lập luận chặt chẽ, giàu hình ảnh; dẫn chứng phong phú, hấp dẫn. Giọng văn chân thành, say mê, giàu sức thuyết phục.	Dùng ng con nguy đặc điền đường nে
<i>Bàn về đọc sách</i> (In trong Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui, nỗi buồn của việc đọc sách)	Chu Quang Tiêm (Trần Đình Sứ dịch)	Văn bản nhật dụng	1995	Đọc sách là con đường quan trọng để tích lũy nâng cao học vấn. Ngày nay, sách nhiều, phải biết chọn sách mà đọc; đọc ít mà chắc hơn là đọc nhiều mà rỗng. Cần kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu, giữa đọc sách thường với sách chuyên môn. Đọc sách cũng phải có kế hoạch, mục đích kiên định, vừa đọc vừa nghiên ngẫm.	Bố cục chặt chẽ, cách dẫn dắt tự nhiên, xác đáng bằng giọng chuyện trò, tâm tình. Ngôn ngữ giàu hình ảnh, cách ví von cụ thể, thú vị.	Dùng ngôn ngữ khách qua điểm sự vi

trực
dụng
ng, số
é.
i chặt
u sức
uy.

PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT

KHÁI NIỆM

Dùng lời kể một chuỗi các sự việc theo một trình tự nhất định, dẫn đến một kết thúc, thể hiện nội dung, cách nhìn cuộc sống.

Dùng ngôn ngữ để tái hiện sự vật, con người trong bối cảnh qua các đặc điểm về hình dáng, màu sắc, đường nét, tính cách, hoạt động...

Dùng ngôn ngữ để thể hiện cảm xúc, cái nhìn chủ quan về đối tượng, sự việc.

Dùng ngôn ngữ giới thiệu, trình bày,... khách quan về nguồn gốc xuất xứ, đặc điểm sự vật, hiện tượng.

Dùng lí lẽ, lập luận, dẫn chứng để bàn bạc, đánh giá vấn đề, thể hiện quan điểm cách đánh giá.

Truyền đạt nội dung, yêu cầu từ cấp trên xuống hoặc bày tỏ ý kiến cá nhân hay tập thể tới các cơ quan/ người có quyền hạn giải quyết.

Tự sự

DẤU HIỆU NHẬN BIẾT

có cốt truyện
có nhân vật
có diễn biến sự việc
có những câu văn trần thuật.



Miêu tả

có câu văn
có câu thơ
⇒ tái hiện hình dáng, diện mạo, màu sắc... của người, vật.



Biểu cảm

có câu văn
có câu thơ
⇒ bộc lộ cảm xúc, thái độ của người viết/ nhân vật trữ tình.



Thuyết minh

có đặc điểm riêng, nổi bật của đối tượng.



Nghị luận

có vấn đề bàn luận
có quan điểm của người viết
thường đi liền thao tác: chứng minh, phân tích, bình luận,...



Hành chính công vụ

Không có dấu hiệu cụ thể nào mà dựa vào văn bản đọc hiểu.



THAO TÁC LẬP LUẬN

M&

SO SÁNH

PHÂN TÍCH

CHUNG MINH

BÌNH LUẬN

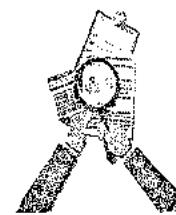
GIẢI THÍCH

BÁC BỎ

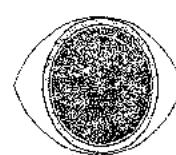
Làm rõ thông tin về sự vật bằng cách đem nó đối chiếu với đối tượng, sự vật khác quen thuộc hơn, cụ thể hơn để chỉ ra sự giống nhau và khác nhau giữa chúng.



Chia đối tượng ra thành nhiều yếu tố, bộ phận nhỏ để có thể nhận biết đối tượng một cách cặn kẽ, thấu đáo.



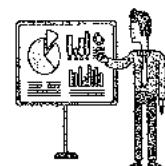
Dùng lí lẽ, dẫn chứng xác đáng để làm sáng tỏ ý kiến, quan điểm... của cá nhân liên quan đến vấn đề nghị luận và thuyết phục mọi người tin vào điều đó.



Nhận xét, đánh giá tính đúng - sai, tốt - xấu của vấn đề, thể hiện ý kiến, quan điểm cá nhân trước vấn đề nghị luận.



Dùng lí lẽ cắt nghĩa hiện tượng, các từ ngữ, thuật ngữ... khó hiểu trong đề bài được đưa ra để người đọc, người nghe hiểu rõ bản chất vấn đề.



Dùng lý lẽ và chứng cứ để phản bác những quan điểm, ý kiến sai lệch hoặc thiếu chính xác từ đó nêu ý kiến đúng của mình để thuyết phục người nghe.



Các câu, các
cùng hướng t
chủ đề, làm s
chủ đề.

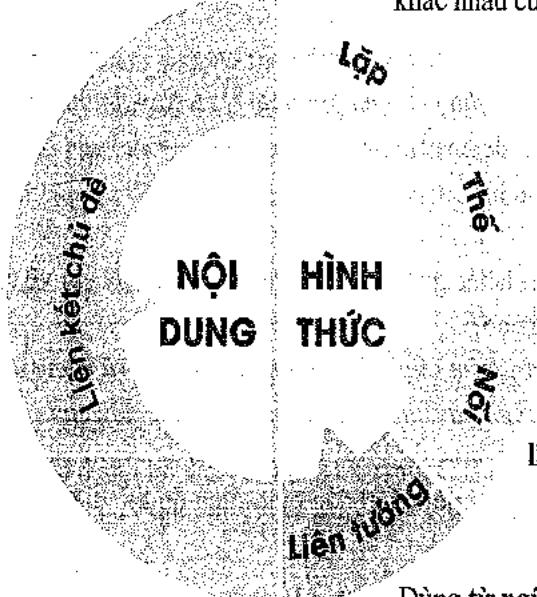
CÁI

Khái qu

MỘT SỐ PHÉP LIÊN KẾT TRONG VĂN BẢN

Lặp đi lặp lại các yếu tố ngôn ngữ ở những bộ phận khác nhau của văn bản để liên kết chúng.

Các câu, các đoạn cùng hướng tới một chủ đề, làm sáng tỏ chủ đề.



Thay thế từ ngữ nhất định bằng những từ ngữ ý nghĩa tương đương (đồng chiểu).

Dùng từ ngữ mang ý nghĩa chỉ quan hệ để liên kết các phần văn bản.

Dùng từ ngữ chỉ sự vật khác nhau nhưng có liên quan đến nhau, từ cái này mà nghĩ đến cái kia.

CÁC HÌNH THỨC LẬP LUẬN THƯỜNG GẶP

Nội dung đoạn văn được triển khai từ khái quát đến cụ thể, chi tiết.
Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn văn.

Khái quát

DIỄN DỊCH

**Cụ thể,
chi tiết**

Tổng hợp

QUY NẠP

Nội dung đoạn văn đi từ cụ thể
đến khái quát. Câu chủ đề nằm ở
cuối đoạn văn.

TỔNG - PHÂN - HỢP

Nội dung đoạn văn được triển khai theo mô hình khái quát - cụ thể - tổng hợp.



BÀI TẬP CÙNG CỐ

BÀI TẬP NGỮ LIỆU TRONG CHƯƠNG TRÌNH

Bài 1: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

Nàng bất đặc dĩ nói:

- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình roi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuồng, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thăm buồn xa, đâu còn có thể lên núi Vọng Phu kia nữa.

(Ngữ văn 9, tập 1)

- Đoạn trích nằm trong văn bản nào? Ai là tác giả? Nêu một vài hiểu biết của em về tác phẩm.
- Nhân vật nói câu nói trên trong hoàn cảnh nào?
- Nêu hàm ý trong câu nói: "Nay đã bình roi trâm gãy mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuồng, kêu xuân cái én lìa cành, nước thăm buồn xa, đâu còn có thể lên núi Vọng Phu kia nữa".
- Những hình ảnh được nhân vật dùng trong lời nói có gì đặc biệt, điều đó thể hiện tâm trạng của nàng như thế nào?

Gợi ý làm bài

- Đoạn trích nằm trong văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương*, trích *Truyền kì mạn lục* của Nguyễn Dữ.
 - Về tác phẩm *Truyền kì mạn lục*:
 - + Ghi chép tóm mạn những chuyện kì lạ được lưu truyền.
 - + Viết bằng chữ Hán, gồm 20 truyện.
 - + Sử dụng yếu tố kì lạ, hoang đường.
 - + Khai thác các truyện cổ dân gian, truyền thuyết lịch sử, dã sử của Việt Nam: *Chuyện người con gái Nam Xương* muộn cốt truyện dân gian *Vợ chàng Trương*.
 - + Nhân vật:

Những người phụ nữ đực hạnh, khao khát một cuộc sống yên bình, hạnh phúc nhưng các thế lực bạo tàn và lẽ giáo hà khắc xô đẩy họ vào những cảnh ngộ éo le, oan khuất.

Người trí thức có tâm huyệt, bất mãn với thời cuộc, không chịu trói mình trong danh lợi chật hẹp.

- Vũ Nương nói câu trên khi bị chồng nghi oan nàng hai lòng, không chung thủy.
- Hàm ý của câu nói: Vũ Nương bày tỏ sự thất vọng khi bị chồng hoài nghi, ruồng bỏ. Nàng đau khổ tột cùng vì tình nghĩa vợ chồng gắn bó bấy lâu tan vỡ, ngay cả việc chờ đợi chồng, trông ngóng chồng như trước kia cũng không thể.
- Những hình ảnh được Vũ Nương dùng trong lời nói đều là những hình ảnh ước lệ, diễn tích diễn cõi, điều đó thể hiện Vũ Nương là người có học thức, thông minh, khôn khéo. Nàng nói có lý do và dùng đủ lí lẽ (được nương nhờ chàng, náo ngò hạnh phúc mong manh, đồ vỡ) để giải thích nhưng bất thành nên trong tâm trạng rất thất vọng, đau đớn, tủi hổ.

Bài 2: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bên Hoàng Giang. Rồi quá thảy Vũ Nương ngồi trên chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau đó đến năm mươi chiếc xe cờ tản, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.

Chàng vi
- Thiếp c
nhân gian à
Rồi trong

- Đoạn trích
- Chi ra mè
- Từ phần I
- Qua câu r

Gợi ý là

- Phương ti
- Một lời dâ
chẳng thể tr
- Chuyển lời
vào rằng nà
trở về nhân
- Cái kết củ
người tiết hạ
với người m
- Qua câu n
- Vũ Nương
(với Linh Ph
- Nàng cũng
⇒ Đó là mộ

Bài 3: Đọc

Vua Quar
- Lần này i
được người
thẹn mà lo m
như vậy. Đến
làm được. C
sợ gì chúng?

- Đoạn trích
- Đoạn trích
- Trong câu
mạnh, thì ta c
câu văn đó.
- Qua đoạn

Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:

- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thè sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.

Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt rồi dần biến mất.

(Chuyện người con gái Nam Xương, Nguyễn Dữ)

Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

2. Chỉ ra một lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích trên và chuyển lời dẫn trực tiếp đó thành lời dẫn gián tiếp.

3. Từ phần kết phía trên, em thấy truyện này kết thúc có hậu hay không có hậu? Vì sao?

4. Qua câu nói của Vũ Nương với chồng, em nhận thấy nàng là con người như thế nào?

9, tập 1) Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt: Tự sự.

Một lời dẫn trực tiếp: "Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thè sống chết không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa".

Chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp như sau: Chàng vội gọi, nàng vẫn đứng giữa dòng mà nói vọng vào rằng nàng cảm ơn đức của Linh Phi đã thè sống chết không bỏ; nàng đa tạ tình chàng nhưng nàng chẳng thể trở về nhân gian được nữa.

3. Cái kết của truyện là cái kết không có hậu bởi lẽ Vũ Nương không được sống cuộc đời hạnh phúc dù nàng là người tiết hạnh, đoan chính. Chi tiết Vũ Nương trở về khi Trương Sinh lập đàn giải oan là sự an ủi phần nào đối với người mệnh bạc như nàng.

4. Qua câu nói của Vũ Nương với chồng, em nhận thấy:

Vũ Nương là người sống nặng nghĩa nặng tình, luôn biết ơn người đã có công giúp mình, sống có trước có sau (với Linh Phi).

Nàng cũng là người bao dung nhận hậu (hiểu tâm lòng, ghi nhận sự ân hậu của Trương Sinh).

⇒ Đó là một người phụ nữ tốt đẹp đáng được trọng, ngợi ca.

Bài 3 Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu:

Vua Quang Trung lại nói:

Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mươi ngày có thể đuổi được người Thanh. Nhưng nghĩ chúng là nước lớn gấp mười nước mình, sau khi bị thua một trận, át lấy làm thẹn mà lo mưu báo thù. Như thế thì việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân, nỡ nào làm như vậy. Đến lúc ấy chỉ có người khéo lời lẽ mới dẹp nổi việc binh đao, không phải Ngô Thì Nhậm thì không ai làm được. Chờ mươi năm nữa, cho ta yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?

(Ngữ văn 9, tập 1)

1. Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Do ai sáng tác?

2. Đoạn trích là lời tâm sự của vua Quang Trung với ai? Trong hoàn cảnh nào?

3. Trong câu văn "Chờ mươi năm nữa, cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng", tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào? Hãy nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong câu văn đó.

4. Qua đoạn trích, em thấy vua Quang Trung là người như thế nào?

- Vài nét
đoạn lịc
kiến. N
thi hào
cuộc đò
2. Nội
Thúy K
3. Thần
ta say đ
4.

- Biện pháp tu từ: Câu hỏi tu từ.
- Tác dụng: Khẳng định ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược của vua Quang Trung cũng như của cả dân tộc ta.

Bài 5

Gợi ý làm bài

- Đoạn trích nằm trong văn bản *Hoàng Lê nhất thống chí* do Ngô gia văn phái (nhóm tác giả) sáng tác.
 - Đoạn trích là lời vua Quang Trung nói với các tướng lĩnh (Sở, Lân, Ngô Thị Nhậm).
 - Hoàn cảnh: Quân Thanh xâm lược, vua Lê, chúa Trịnh luôn cùi, bạc nhược bán nước cầu vinh, Nguyễn Huệ lãnh đạo nghĩa quân Tây Sơn, lên ngôi vua kéo quân ra Bắc, đại phá quân Thanh. Câu nói ra đời trong thời điểm vua Quang Trung kéo quân từ Phú Xuân ra đến Tam Điệp gấp hai vị tướng vô (Sở, Lân) và Ngô Thị Nhậm.
 - Biện pháp tu từ: Câu hỏi tu từ.
 - Tác dụng: Khẳng định ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù xâm lược của vua Quang Trung cũng như của cả dân tộc ta.
3. Qua đoạn trích, em thấy vua Quang Trung là người:
- Có ý chí quyết tâm đánh thắng kẻ thù xâm lược (mười ngày có thể đuổi được quân Thanh, nước giàu quân mạnh, thì ta có sợ gì chúng?).
 - Sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng (suy tính quân giặc thua sẽ mưu toan báo thù gây binh đao kéo dài; chờ mười năm nữa).
 - Yêu thương nhân dân (việc binh đao không bao giờ dứt, không phải là phúc cho dân).

Bài 4: Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bé tài sắc lại là phần hon:
Làn thu thùy nét xuân son,
Hoa ghen thua thắm liễu hèn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghè thi họa dù mùi ca ngâm.
Cung thương lâu bậc ngũ âm,
Nghè riêng ăn đứt hò cầm một trương.
Khúc nhà tay lụa nên chuông,
Một thiên bạc mệnh lại càng náo nhân.

(Truyện Kiều, Nguyễn Du, Ngữ Văn 9, tập 1)

- Những câu thơ trên thuộc tác phẩm nào? Do ai sáng tác? Giới thiệu đôi nét về tác giả.
- Xác định nội dung chính của đoạn thơ trên.
- Tìm và giải thích nghĩa một thành ngữ trong đoạn thơ.
- Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ “Hoa ghen thua thắm, liễu hèn kém xanh”. Theo em, có thể thay thế “hèn” bằng “buồn” được không? Vì sao?

Gợi ý làm bài

- Những câu thơ trên nằm trong văn bản *Chi em Thúy Kiều* trích trong tác phẩm *Truyện Kiều* của Nguyễn Du.

1. Nêu n
2. Nêu đ
3. Tìm h
4. Theo
Gợi ý
1. Nội di
ở lâu Ng
2. Dụng
- Từ “trố
luôn thư
- Từ “xó
hiểu cho
3.
- Hai điề
- Hiệu qu
Kiều với
việc ca n

Vài nét về tác giả: Nguyễn Du tên hiệu là Thanh Hiên, sinh năm Ất Dậu (1765), mất năm Canh Thìn (1820) – giai đoạn lịch sử đầy biến động với các phong trào nông dân khởi nghĩa, sự khủng hoảng và sụp đổ của các triều đại phong kiến. Nguyễn Du sinh ra ở Hà Nội trong một gia đình giàu truyền văn học nhiều đời làm quan; được mệnh danh là đại thi hào dân tộc, là danh nhân văn hóa thế giới. Thơ văn Nguyễn Du có giá trị hiện thực sâu sắc, phản ánh chân thực cuộc đời cơ cực của ông nói riêng và xã hội đen tối, bất công nói chung.

2. Nội dung chính của đoạn thơ: Khắc họa vẻ đẹp tài sắc vẹn toàn khiến thiên nhiên phải ghen ghét, đồ kị của Thúy Kiều và dụ cảm về số phận đầy éo le, đau khổ của nàng.

3. Thành ngữ: “Nghiêng nước nghiêng thành” để nói về sắc đẹp tuyệt thế của người phụ nữ có thể khiến người ta say đắm mà để mất nước, mất thành.

4.

- Biện pháp tu từ: nhân hóa (“hoa ghen”, “liễu hèn” – sự vật có tình cảm, cảm xúc như người), ẩn dụ (“thắm”, “xanh” để nói về vẻ đẹp mặn mà, xuân sắc của Thúy Kiều). Biện pháp tu từ được sử dụng nhằm dự báo về số phận éo le của Thúy Kiều khi sắc đẹp của nàng khiến tạo hóa, tự nhiên phải hờn ghen.

Theo em, không thể thay thế từ “hờn” bằng từ “buồn” bởi từ “buồn” không làm nổi bật được tính chất hờn ghen hiểm họa của tự nhiên trước vẻ đẹp của Thúy Kiều.

Bài 5 Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,
Tin sương luồng những rày trông mai chờ.
Bên trời góc bể bơ vơ,
Tâm son gột rửa bao giờ cho phai.
Xót người tựa cửa hôm mai,
Quạt nồng áp lạnh những ai đó giờ?
Sân Lai cách mấy nắng mưa,
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.

(Kiều ở lầu Ngung Bích, Ngữ văn 9, tập 1)

1. Nêu nội dung chính của đoạn thơ.

2. Nêu dụng ý nghệ thuật của tác giả khi sử dụng từ “tưởng” và “xót” trong đoạn thơ trên.

3. Tìm hai điền cổ trong đoạn thơ trên và nêu hiệu quả nghệ thuật của cách sử dụng điền cổ đó.

4. Theo em, trong đoạn trích tại sao Nguyễn Du lại để Thúy Kiều nhớ đến Kim Trọng trước khi nhớ cha mẹ?

Gợi ý làm bài

9, tập 1) 1. Nội dung chính: Đoạn thơ diễn tả nỗi nhớ thương cha mẹ và người yêu của Thúy Kiều khi nàng bị giam lỏng ở lầu Ngung Bích.

2. Dụng ý nghệ thuật của tác giả khi sử dụng từ “tưởng” và “xót”:

- Từ “tưởng” gợi lên được nỗi lòng khắc khoải, nhớ mong về người cũ, tình xưa của Thúy Kiều. Trong lòng nàng luôn thường trực nỗi nhớ người yêu đau đớn, dày vò tâm can.

- Từ “xót” tái hiện chân thực nỗi đau đớn đến đứt ruột của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng không thể ở cạnh báo hiệu cho cha mẹ, nàng đau đớn tưởng tượng ở chốn quê nhà cha mẹ đang ngóng chờ tin tức của nàng.

3.

Hai điền cổ trong đoạn thơ: “Sân Lai”, “gốc tử”.

Hiệu quả nghệ thuật của cách sử dụng điền cổ: Bộc lộ được lòng hiếu thảo của Kiều với mẹ cha; ngầm so sánh Kiều với những tâm gương chí hiếu xưa. Góp phần làm lời thơ trở nên trang trọng, thiêng liêng hơn, phù hợp với việc ca ngợi tình cảm hiếu thảo hiêm có của Kiều.

4. Nguyễn Du để Thúy Kiều nhớ đến Kim Trọng trước nỗi nhớ cha mẹ vì:
- + Trong cơn gia biến, Thúy Kiều đã hi sinh mối tình đầu đẹp để cứu gia đình, Kiều đã phần nào “dền ơn sinh thành” cho cha mẹ.
 - + Với Kim Trọng, Kiều luôn cảnh giác trong lòng vì cảm thấy đã phụ tình chàng và có lỗi với chàng khi không giữ được lời hẹn ước. Chính nỗi đau ấy đã vò xé tâm can khiến Thúy Kiều luôn nghĩ đến Kim Trọng.

Bài 6 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Vân Tiên nghe nói liền cười:
 “Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
 Nay đà rõ đặng nguồn con,
 Nào ai tính thiệt so hon làm gì.
 Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,
 Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.

(*Ngữ văn 9, tập 1*)

1. Đoạn trích trên thuộc tác phẩm nào? Trình bày một vài hiểu biết của em về tác phẩm.
2. Giải thích nghĩa cụm từ “kiến nghĩa bất vi”.
3. Trong đoạn thơ trên lời Lục Vân Tiên là lời nói trực tiếp. Em hãy chuyển lời đó thành các câu văn xuôi theo cách dẫn gián tiếp.
4. Em có nhận xét gì về nhân vật Lục Vân Tiên qua đoạn trích?

Gợi ý làm bài

1. Đoạn trích thuộc văn bản *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga*, tác phẩm *Truyện Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu.
- **Truyện Lục Vân Tiên:**
 - + Là truyện thơ Nôm sáng tác khoảng đầu những năm 50 của thế kỷ XIX.
 - + Truyện thơ có sức ảnh hưởng lan rộng, có nhiều dị bản. Theo văn bản thường dùng, *Truyện Lục Vân Tiên* gồm 2082 câu thơ lục bát.
2. “Kiến nghĩa bất vi”: Nhìn thấy việc chính nghĩa, việc tốt mà không làm, không ra tay giúp đỡ.
3. Chuyển lời nói trực tiếp của Lục Vân Tiên thành lời dẫn gián tiếp: Vân Tiên nghe nói liền cười và nói rằng chàng làm ơn không phải chờ người trả ơn. Bây giờ chàng đã biết rõ nguồn cơn nên chàng không cần so tính bởi nếu thấy việc nghĩa mà không giúp thì không phải là người anh hùng.
4. Lục Vân Tiên là người quân tử mang tinh thần nghĩa hiệp, lý tưởng sống anh hùng coi việc nghĩa ở đời là trách nhiệm cao cả, thiêng liêng; giúp đỡ người khác mà không mong cầu báo đáp.

Bài 7 Đọc đoạn thơ sau và thực hiện yêu cầu:

Quê hương anh nước mặn đồng chua
 Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.
 Anh với tôi đôi người xa lạ
 Từ phương trời chẳng hẹn quen nhau,
 Súng bên súng đầu sát bên đầu,
 Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.
 Đồng chí!

(Đồng chí, Chính Hữu)

1. Xác định nội dung chính của đoạn trích trên.
2. Tìm và giải thích nghĩa của thành ngữ được sử dụng trong đoạn thơ.

3. Chỉ ra pháp đó.
4. Câu thơ



Gợi ý

1. Đoạn t

tưởng chí

2. Thành

“Nước i

Lưu ý: “E

du, đất đá

⇒ Thành

sở hình th

3. Biện p

- Hoán dụ

- Điện từ:

⇒ Nhận r

đoàn kết c

4.

- Câu thơ

sâu lắng c

- Tác dụng

khác nhau

tho như t

tinh đồng

sự liên m

của tình c

Bài 8 E

1. Xác địn

2. Trong c

3. Nêu ý n



Gợi ý l

1. Phương

2. Trong c

diện cảnh

cạnh nhau

thần chủ đ

nguy hiểm

4. Hình ản

3. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ “Súng bên súng, đầu sát bên đầu”, nêu tác dụng của biện pháp đó.

4. Câu thơ thứ 7 có cấu tạo đặc biệt như thế nào? Việc cấu tạo như vậy có tác dụng gì?

Gợi ý làm bài

1. Đoạn trích khẳng định cơ sở của tinh đồng chí: Chung cảnh ngộ, xuất thân nghèo khó; chung hoàn cảnh, lí tưởng chiến đấu; cùng sẻ chia, đồng cảm với nhau những khó khăn, gian khổ.

2. Thành ngữ được sử dụng trong đoạn thơ:

- “Nước mặn đồng chua”: vùng đất nghèo ven biển nhiễm phèn, nhiễm mặn khó làm ăn.

Lưu ý: “Đất cày lên sỏi đá” là hình ảnh độc đáo sáng tạo từ thành ngữ “Chó ăn đá gà ăn sỏi”: nơi đồi núi, trung du, đất đá bị ong hóa, cằn cỗi, khó canh tác.

⇒ Thành ngữ và hình ảnh độc đáo trên này nhằm chỉ ra sự tương đồng về cảnh ngộ, xuất thân nghèo khó là cơ sở hình thành tinh đồng chí.

3. Biện pháp tu từ trong câu thơ:

- Hoán dụ: “Súng” - biểu tượng cho nhiệm vụ, mục đích chiến đấu; “đầu” - biểu tượng cho suy nghĩ, lí tưởng.

- Diệp từ: “súng”, “sát”, “đầu”.

⇒ Nhấn mạnh sự gắn bó khăng khít của những người lính chung nhiệm vụ, lí tưởng chiến đấu cũng như tinh thần đoàn kết đồng sức đồng lòng kè vai sát cánh của những người lính.

4.

Câu thơ “Đồng chí!” là câu đặc biệt, chỉ gồm từ “đồng chí” và dấu chấm than giúp người đọc cảm nhận được sự sâu lắng chi với hai chữ “đồng chí”, tạo thành điểm tựa và điểm chốt, như câu thơ bùn lè nối hai phần của bài thơ.

Tác dụng của việc cấu tạo đó là: Câu thơ này khái quát lại ý của 6 câu thơ đầu: Những người lính từ phương trời khác nhau, họ có cùng cảnh ngộ xuất thân, họ có cùng mục đích lí tưởng chiến đấu và đã trở thành đồng chí. Câu thơ như một nốt nhấn vang lên như một sự phát hiện, một lời khẳng định về tình cảm mới mẻ và thiêng liêng - tình đồng chí. Câu thơ giống như bùn lè khép lại ý của 6 câu thơ đầu nhưng lại mở ra ý của 10 câu tiếp theo, tạo sự liên mạch cho cảm xúc. Câu thơ giống như một ngôi sao sáng làm nổi bật và sáng bừng cả bài thơ, là kết tinh của tình cảm cách mạng – tình đồng chí.

Bài 3 Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

Dêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tối

Đầu súng trắng treo.

(Đồng chí, Chính Hữu)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính trong đoạn thơ trên.

2. Trong câu thơ “Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tối”, vì sao Chính Hữu lại dùng từ “chờ” mà không dùng từ “đợi”?

3. Nêu ý nghĩa của hình ảnh “Đầu súng trắng treo”.

Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt chính: tự sự (kết hợp miêu tả và biểu cảm).

2. Trong câu thơ “Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tối”, Chính Hữu dùng từ “chờ” mà không dùng từ “đợi” vì: Đối diện cảnh núi rừng lạnh lẽo, hoang vu và hoàn cảnh chiến đấu nguy hiểm, những người lính cùng sát cánh bên cạnh nhau, đối mặt với hiểm nguy, với sự sống cái chết cách nhau trong gang tấc. Từ “chờ” nói lên tư thế, tinh thần chủ động sẵn sàng đánh giặc của những người lính. Họ sát cánh bên nhau vững chãi làm mờ đi khó khăn, nguy hiểm trực chờ phía trước của cuộc kháng chiến gian khổ.

4. Hình ảnh độc đáo, sáng tạo “Đầu súng trắng treo” mang nhiều ý nghĩa:

- Ý nghĩa thực là một hình ảnh được cảm nhận từ thực tiễn chiến đấu: những người lính làm nhiệm vụ canh gác giữa đêm khuya, luôn trong tư thế cầm súng sẵn sàng, ánh trăng như treo trên đầu mũi súng.
- Ý nghĩa biếm tượng phong phú:
 - + Gợi liên tưởng: chiến tranh - hòa bình, hiện thực - ảo mộng, kiên cường - lảng漫, chất chiến sĩ - chất thi sĩ.
 - + Gợi vẻ đẹp của tình đồng chí sáng trọng, sâu sắc. Sự xuất hiện của vàng trăng là một bằng chứng về sức mạnh kì diệu của tình đồng đội. Tình cảm ấy giúp tâm hồn người lính bay lên giữa lúc cam go, khốc liệt của chiến tranh.
 - + Biểu hiện cho khát vọng hòa bình và chất lảng漫 tuyệt vời của những người lính.



Bài 9 Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu:

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi
Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

*Nhin thấy gió vào xoa mắt đắng
Thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa, như ủa vào buồng lái.*

(*Ngữ văn 9, tập 1*)

1. Đoạn thơ trích trong tác phẩm nào? Do ai sáng tác? Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.
2. Qua đoạn trích, em hiểu lí do những chiếc xe không kính là gì? Qua đó, tác giả gửi gắm điều gì về cuộc chiến tranh chống đế quốc của dân tộc.
3. Chỉ ra và nêu hiệu quả của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ “Ung dung buồng lái ta ngồi/ Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng”.
4. Hình ảnh những người lính lái xe hiện lên như thế nào qua đoạn thơ trên?

Gợi ý làm bài

1.

- Đoạn thơ trích trong tác phẩm “Bài thơ về tiêu đội xe không kính” của nhà thơ Phạm Tiến Duật.
- Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ sáng tác năm 1969 trên tuyến đường Trường Sơn, trong thời kỳ kháng chiến chống Mĩ diễn ra ác liệt. Bài thơ thuộc chùm thơ được tặng giải Nhất cuộc thi thơ báo *Văn nghệ* năm 1969, in trong tập “Vàng trăng quang lừa”.
- 2. Nguyên nhân “xe không kính” bởi: bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi. Qua đó, tác giả ngầm nói về không khí khốc liệt của cuộc chiến tranh chống đế quốc tàn ác. Đó là cái ác liệt của “bom giật, bom rung” của súng đạn quân thù với sức tàn phá ghê gớm.

3.

- Đảo ngữ: Từ láy “ung dung” được đảo lên đầu câu thứ nhất.
⇒ Tô đậm sự ung dung, bình thản, điềm tĩnh đến kì lạ.
- Diệp từ “nhìn” kết hợp với thủ pháp liệt kê được nhắc lại ba lần trong câu thơ thứ hai.
- Nhấn mạnh tư thế tự tin, đường hoàng, không né tránh gian khổ hi sinh mà tiến về phía trước của những người lính.

4. Hình ảnh những người lính lái xe hiện lên qua đoạn thơ:

- Hóm hỉnh, lạc quan (khi nói về những chiếc xe không kính)
- Dũng cảm, bất chấp gian khổ, khó khăn.
- Tâm hồn lảng漫, hào hoa, yêu đời.

1. Chỉ ra
có đèn/
2. Nêu t
3. Theo
hình ảnh

Gợi

1. Biện
⇒ Tác
những c
nâng lê
2. Tác d
thích: C
trong xe
3.
- Từ “T
- Ý ngh
+ Trái t
thiêng li
thần lạc
+ Trái t
lại cảm
+ Trái t
thần, ý c



1. Khô t
khô thơ
2. Xác đ
3. Hai cá
4. Từ “l

h gác

Bài 10 Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

*Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xuốc,
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Phạm Tiến Duật)

- Chi ra và nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật được thể hiện trong hai câu thơ: “Không có kính, rồi xe không có đèn/ Không có mui xe thùng xe có xuốc”.
- Nêu tác dụng của dấu hai chấm cuối dòng thơ thứ ba của khổ thơ trên.
- Theo em, từ “trái tim” ở dòng thơ cuối được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Em hãy nêu ý nghĩa của hình ảnh ấy.

Gợi ý làm bài

- Biện pháp nghệ thuật: Điện ngữ “không có” được nhắc lại ba lần trong hai câu thơ.

⇒ Tác dụng: Nhấn mạnh mắt mát, khó khăn do chiến tranh khốc liệt gây ra. Đi qua đạn bom, khói lửa kề thù những chiếc xe ngày càng hư hỏng, méo mó, biến dạng. Sự gian khổ của những người lính lái xe vì thế mà được nâng lên gấp bội lần nhưng họ vẫn không chùn bước mà thẳng tiến về phía trước.

- Tác dụng của dấu hai chấm ở cuối dòng thơ thứ 3: Dấu hai chấm cuối dòng thơ thứ ba nhằm nhấn mạnh ý giải thích: Chỉ cần trong xe có một trái tim. Những chiếc xe biến dạng nhưng vẫn băng băng tiến về phía trước bởi trong xe có một trái tim sục sôi nhiệt huyết.

3.

- Từ “Trái tim” được dùng theo nghĩa chuyển (chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ)

Ý nghĩa của hình ảnh:

- Trái tim tượng trưng cho tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Trái tim nồng cháy một lè cao đẹp thiêng liêng: tất cả vì miền Nam thân yêu, trái tim chứa đựng bản lĩnh, chất ngang tàng, lòng dũng cảm cùng tinh thần lạc quan vào ngày thống nhất.

- Trái tim trở thành nhãn tự toàn bài thơ, hội tụ tất cả vẻ đẹp tinh thần, ý chí của người lính lái xe cũng như để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng người đọc.

- Trái tim thay thế cho tất cả những thiếu thốn trên xe “không kính, không đèn, không mui”, hợp nhất với tinh thần, ý chí của người lính lái xe không gì có thể ngăn cản, tàn phá được.

Bài 11 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then đêm sập cửa
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

(Ngữ văn 9, tập 1)

- Khô thơ trên được trích trong văn bản nào? Ai là tác giả? Giới thiệu đôi nét về tác giả và nội dung của khô thơ.
- Xác định các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn thơ.
- Hai câu đầu bài thơ sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Biện pháp nghệ thuật đó có tác dụng như thế nào?
- Từ “lại” ở câu thơ “Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi” diễn tả điều gì?

Gợi ý làm bài

1.

- Đoạn thơ trích trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của tác giả Huy Cận.
- Giới thiệu đôi nét về tác giả: Huy Cận (1919 - 2005), tên đầy đủ là Cù Huy Cận, quê ở làng Ân Phú, huyện Vũ Quang (trước đây thuộc huyện Hương Sơn, sau là Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Huy Cận đã nổi tiếng trong phong trào Thơ mới với tập thơ “Lửa thiêng” (1940). Ông tham gia cách mạng từ trước năm 1945 và sau Cách mạng tháng Tám từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng, đồng thời là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam. Huy Cận đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (năm 1996).

- Nội dung của khổ thơ: Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào lúc ngày tàn, mặt trời lặn nhưng vẫn ám áp, tràn đầy niềm vui, niềm lạc quan của người lao động.

2. Các phương thức biểu đạt: Miêu tả, biểu cảm.

3.

- Biện pháp nghệ thuật: So sánh (*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*), nhân hóa, ẩn dụ (*Sóng đã cài then, đêm sập cửa*)
- Tác dụng: Miêu tả bức tranh thiên nhiên vô cùng tráng lệ, hùng vĩ. Mặt trời được ví như một hòn lửa không lò đang từ từ lặn xuống. Trong hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với đêm buông xuống là tấm cửa không lò, những luợn sóng là then cửa. Thiên nhiên, vũ trụ trở nên gần gũi như một ngôi nhà đang chuyển mình đi vào nghỉ ngơi, còn con người bắt đầu hoạt động lao động của mình, tạo sự bình yên với những người ngủ dần ra khơi.

4.

- Từ “lại” diễn tả công việc của người dân chài được lặp lại hàng ngày, diễn ra thường xuyên, đều đặn như một nhịp sống đã quen thuộc.

- Một khía cạnh “lại” còn biểu thị ý đối lập với hoạt động có trước: Trời, biển đã nghỉ ngơi còn con người lại ra khơi đánh cá.

Bài 2 Đọc đoạn thơ và thực hiện các yêu cầu:

Thuyền ta lái gió với buồm trắng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dờ bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Cá nhụ cá chim cùng cá đé,
Cá song lấp lánh đuốc đèn hồng,
Cái đuôi em quẩy trắng vàng chóe
Đêm thò: sao lửa nước Hạ Long.

(Đoàn thuyền đánh cá, Huy Cận)

1. Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ.
2. Tìm các từ ngữ thuộc cùng trường từ vựng trong đoạn thơ trên và cho biết ý nghĩa của cách sử dụng từ đó.
3. Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp nghệ thuật trong khổ thơ thứ hai.

Gợi ý làm bài

1. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ: Bài thơ được viết năm 1958, sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp kết thúc thắng lợi miền Bắc được giải phóng, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bài thơ là kết quả của chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh của tác giả.

2.

- Các từ
 - + Truờn
⇒ Nhịp
 - + Cá: cá
⇒ Sự gi
- 3.
- Biện p
 - + Liệt k
 - + Tình t
 - + Nhân l
 - Tác dụ

1. Chỉ ra
2. Lời dặ
3. Theo e
“ngọn lử
4. Qua đ

Gợi ý

1.

- Lời dặn
bình yên!

- Dấu hiệu

2. Lời dặ
bà vẫn dặ
vì muôn c
kè của ng

3. Trong

- Hình ảnh
lửa đã đư
một biều

2.

- Các từ ngữ thuộc vùng trường từ vựng và tác dụng:
 - + Trường “hành động”: lái, lướt, đậu, dò, giăng.
 - ⇒ Nhịp độ lao động khẩn trương, hăng say và tư thế chủ động của người lao động trên biển.
 - + Cá: cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song.
 - ⇒ Sự giàu đẹp của biển quê hương.
- 3.
- Biện pháp nghệ thuật:
 - + Liệt kê các loài cá: cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song.
 - + Tính từ: lắp lánh, đèn hồng, vàng chói.
 - + Nhân hóa: Đêm thở.
 - Tác dụng: Nhấn mạnh, khẳng định vẻ giàu đẹp, đầy sức sống của biển.

Bài 13 Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
 Hàng xóm bốn bên trở về làm lại
 Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
 Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:
 “Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,
 Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,
 Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
 Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sưởi
 Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...

(Bếp lửa, Bằng Việt)

1. Chỉ ra lời dẫn trực tiếp trong đoạn thơ trên và chỉ ra dấu hiệu nhận biết của lời dẫn trực tiếp ấy.
2. Lời dặn của người bà trong đoạn thơ đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Tại sao người bà lại làm như vậy?
3. Theo em, tại sao trong đoạn thơ tác giả lại dùng hình ảnh “ngọn lửa” mà không phải là “bếp lửa”? Hình ảnh “ngọn lửa” ở đây có ý nghĩa gì?
4. Qua đoạn trích, hình ảnh người bà hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào?

Gợi ý làm bài

- 1.
- Lời dẫn trực tiếp: “Bố ở chiến khu, bố còn việc bố/ Mày có viết thư chớ kể này kể nọ/ Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”

- 2.
- Dấu hiệu để biết đây là lời dẫn trực tiếp là tác giả sử dụng dấu hai chấm và mở ngoặc kép để mở đầu lời đối thoại.
 - Lời dặn của bà không tuân thủ phương châm về chất – nói sai sự thật: Thực chất làng bị giặc đốt nhà bị cháy nhưng bà vẫn dặn cháu nếu viết thư cho bố thì nói rằng nhà vẫn bình yên. Người bà cố ý không tuân thủ phương châm về chất vì muốn con yên tâm công tác chiến đấu tại chiến khu. Bà không muốn con lại lo lắng cho gia đình khi nghe những lời kể của người cháu. Bà cứ như vậy mà hy sinh âm thầm cho con cháu, là chỗ dựa cho cả gia đình.

- 3.
- Trong đoạn thơ, tác giả dùng “ngọn lửa” mà không phải “bếp lửa” vì:
 - Hình ảnh ngọn lửa ở hai câu thơ sau là sự phát triển của hình ảnh bếp lửa ở câu thơ trên (cũng như hình ảnh bếp lửa đã được nhắc đi nhắc lại trong toàn bài thơ) ở mức khái quát cao hơn, mang ý nghĩa trừu tượng, trở thành một biểu tượng.



- Hình ảnh ngọn lửa là biểu tượng của sức sống, lòng yêu thương, niềm tin, là sức mạnh nội tâm được nhen nhóm từ trong lòng.

- Từ “bếp lửa” đến “ngọn lửa” là một sự phát triển sáng tạo của hình tượng thơ, gợi cho người đọc những cảm nhận sâu xa: Bếp lửa bà nhen không chỉ bằng nhiên liệu ở ngoài mà chính là được nhen nhóm lên từ ngọn lửa trong lòng bà. Như thế hình ảnh bà không chỉ là người nhộn lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa, ngọn lửa sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp. Ngọn lửa tự trong lòng ấy sẽ cháy mãi, bất diệt.

4. Những phẩm chất đáng quý của người bà:

- Tàn tảo, hết lòng yêu thương, lo lắng cho con cháu.

- Kiên nhẫn, bền bỉ nhen nhóm, xây dựng lại những thứ mát mẻ trong chiến tranh.

- Trong lòng bà vẫn luôn chứa ngọn lửa của niềm tin, hy vọng và tình yêu thương. Ngọn lửa của tình yêu thương, đức tính can trường, vững vàng là ngọn lửa không thể dập tắt.

Bài 2: Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

*Lật đật đòi bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm
Nhóm bếp lửa áp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ
Ôi kỳ lạ và thiêng liêng - bếp lửa!*

(Ngữ văn 9, tập 1)

1. Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Ai là tác giả?

2. Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

3. Giải thích nghĩa của các từ “nhóm” trong đoạn thơ và cho biết chúng được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyên.

4. Xét về mục đích nói, câu thơ cuối đoạn thơ vừa chép thuộc kiều câu gì? Chỉ ra và gọi tên các thành phần biệt lập được dùng trong câu thơ đó.

Gợi ý làm bài

1. Đoạn thơ thuộc tác phẩm *Bếp lửa* của nhà thơ Bằng Việt.

2. Nội dung của đoạn thơ: Hình ảnh người bà tàn tảo, lặng lẽ hi sinh cả một đời. Bà không chỉ là người nhộn lửa mà còn là người truyền lửa - ngọn lửa của sự sống, niềm tin dai dẳng cho các thế hệ mai sau.

3.

- Ý nghĩa của từ “nhóm”:

+ Từ “nhóm” trong “nhóm bếp lửa áp iu nồng đượm”: Hành động làm cho lửa bén tạo ra nhiệt, để đun nấu, đây là bếp lửa thực tế, có thể cảm nhận bằng thị giác, xúc giác.

⇒ Nghĩa gốc.

+ Ba từ “nhóm” còn lại mang ý nghĩa ẩn dụ: Bà khởi dậy trong lòng đứa cháu những yêu thương, tình nghĩa, kí ức đẹp có giá trị trong cuộc đời.

⇒ Nghĩa chuyên.

4.

- Câu thơ: “Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!” là câu cảm thán thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên khi khám phá ra điều kì diệu giữa cuộc đời bình dị, từ ngọn lửa bà nhen nhóm mỗi ngày, cháu nhận ra niềm tin, tình yêu thương, ngọn nguồn của tình nghĩa.

- Trong câu có sử dụng thành phần biệt lập: thành phần phụ chú, nhằm giải thích, nhấn mạnh về điều kì lạ và thiêng liêng với người cháu - bếp lửa - tình bà cháu.

1. Em hãy đề của bà
2. Xác định
3. Giải thi Hiệu quả
4. Theo e dòng thơ

Gợi ý

1.

- Hoàn cảnh tranh, thời

- Chủ đề thương đi

2. Nội dung với trang

3.

- Triết lý

- Dòng thời gian

người bạn

tươi mát,

của quá khứ

4

- Trong bối

xúc xung

Mỗi chí

tâm mới n



nhóm
g cảm
ợn lửa
ợn lửa

Bài 15 Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

Hồi nhớ sông với đồng
với sông rồi với biển
hồi chiến tranh ở rừng
vàng trăng thành tri kỉ

Trần trại với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngõ không bao giờ quên
cái vàng trăng tình nghĩa

(Ánh trăng, Nguyễn Duy)

- Em hãy nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Từ đó, hãy liên hệ với cuộc đời của Nguyễn Duy để phát biểu chủ đề của bài thơ.
- Xác định nội dung chính của đoạn trích trên.
- Giải thích nghĩa của từ “tri kỉ”. Từ đó cho biết dòng thơ “vàng trăng thành tri kỉ” đã sử dụng biện pháp tu từ gì? Hiệu quả của biện pháp tu từ ấy?
- Theo em, tại sao trong bài thơ, tác giả chỉ sử dụng một dấu chấm duy nhất cuối bài và chỉ viết hoa từ những dòng thơ đầu tiên của mỗi khổ thơ?

Gợi ý làm bài

9, tập 1)

a chuyên
phân biệt

nhóm lửa

n nâu, đây

h nghĩa, ki

hám phá ra
/ yêu thương,

iều kì lạ và

1. Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ ra đời vào năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh (3 năm sau ngày kết thúc chiến tranh, thống nhất đất nước).

Chủ đề bài thơ: Bài thơ có ý nghĩa như lời nhắn nhủ tới thế hệ mai sau không được lãng quên quá khứ đau thương đã qua, gợi nhắc người đọc thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, trân trọng nguồn cội.

2. Nội dung chính của đoạn trích: Ký ức về quá khứ gắn bó, gần gũi, hòa hợp của con người với thiên nhiên, với trăng.

3.

- Tri kỉ: gần gũi, gắn bó, thấu hiểu mọi tâm tư, tình cảm.

- Dòng thơ “vàng trăng thành tri kỉ” sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa. Biện pháp tu từ nhằm khẳng định trăng là người bạn chia sẻ mọi vui buồn, trăng đồng cam cộng khổ, xoa dịu những nỗi đau của chiến tranh bằng ánh sáng tươi mát, hiền hòa; trăng là người bạn đồng hành, đồng cam cộng khổ với người chiến sĩ, trăng chính là hiện thân của quá khứ chan hòa tình nghĩa.

4.

- Trong bài thơ Ánh trăng tác giả chỉ sử dụng một dấu chấm duy nhất, nhằm tạo ra sự liên mạch về cảm xúc. Cảm xúc xuyên suốt toàn bộ bài thơ, không bị ngắt quãng, đứt đoạn.

- Mỗi chữ cái đầu khổ thơ được viết hoa, tạo thành một câu kể dài trọn vẹn ý, điều đó cũng là sự sáng tạo, cách tân mới mẻ trong thơ.

Bài 16 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Tù hồi về thành phố
quen ánh điện cửa guong
vàng trăng đi qua ngõ
như người dung qua đường

*Thinh linh đèn điện tắt
phòng buyn-đinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn*

1. Xác định
2. Tại sao
3. Nếu
4. Xác c

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rung rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

- Gợi ý
1. Phương
 - 2.
 - Trăng

(Ánh trăng, Nguyễn Duy)

thật ân t
trong cá
- Sự im l
của luer
ra lối lật
thay đổi

3. Ý ngh
của cuộc
dung của

4.

- Biện p
- Tác dụ
đến cái t
quên quá



Về đê
nhà chơi
làng Việt
năm chặt

- Chún
Ông lí
thế được
lại làng.

Nhun
Không có
cả làng V
nước Việt
làng, tan

1. Phương thức biểu đạt được sử dụng trong bốn câu thơ đầu của đoạn trích là gì?
2. Chỉ ra vào nêu hiệu quả của biện pháp tu từ được sử dụng trong bốn câu thơ đầu đó.
3. Tình huống “Thinh linh đèn điện tắt” có vai trò, ý nghĩa gì trong bài thơ?
4. Các hình ảnh: Đồng, bể, sông, rừng trong đoạn trích trên đã từng xuất hiện ở khổ thơ thứ nhất của bài thơ. Việc lặp lại các hình ảnh ấy ở đoạn trích này có ý nghĩa gì?
5. Cần hiểu như thế nào về hai từ “mặt” được sử dụng trong câu thơ “Ngửa mặt lên nhìn mặt”? Giải thích nghĩa của từ “mặt” trong đoạn thơ trên. Từ “mặt” được dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyên?

● Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt được sử dụng trong bốn câu thơ đầu của đoạn trích: biểu cảm, tự sự.
 2. Đoạn thơ trên có sử dụng những biện pháp tu từ là: so sánh và nhân hóa và liệt kê.
 - Nhân hóa “Vầng trăng đi qua ngõ” làm vầng trăng trở nên sinh động và có hồn như con người.
 - So sánh “Vầng trăng đi qua ngõ/ như người dung qua đường” nhấn mạnh sự hờ hững, vô tình của nhân vật trữ tình với vầng trăng.
 - Liệt kê “ánh điện”, “của gương” tô đậm cuộc sống tiện nghi, hiện đại ở thành phố của nhân vật trữ tình.
 3. Vai trò, ý nghĩa của tình huống bất ngờ, đột ngột “Thinh linh đèn điện tắt”: Tạo nên bước ngoặt trong việc thể hiện cảm xúc của bài thơ và từ đó làm nổi bật chủ đề tác phẩm.
 4. Các hình ảnh: Đồng, bể, sông, rừng trong đoạn trích đã từng xuất hiện ở khổ thơ thứ nhất của bài thơ. Ý nghĩa của việc lặp lại:
 - Gợi nhớ về hình ảnh thiên nhiên đã gắn bó với nhân vật trữ tình trong quá khứ (hồi nhớ, hồi chiến tranh).
 - Hình ảnh hoán dụ biểu tượng cho quá khứ tuổi thơ hồn nhiên (đồng, sông, bể) và quá khứ gian lao mà hào hùng thắm tình đồng chí đồng đội (rừng).
 5. Nghĩa của hai từ “mặt” được sử dụng trong câu thơ “Ngửa mặt lên nhìn mặt” là:
 - Từ “mặt” thứ nhất là mặt người - nghĩa gốc.
 - Từ “mặt” thứ hai là mặt trăng - nghĩa chuyên.
- ⇒ Ý của cả câu là sự đối mặt với mặt trăng, người bạn tri kỉ đã bị lãng quên. Con người đối diện với vầng trăng cũng chính là sự đối mặt với quá khứ. Trực diện đối mặt với ánh trăng để thức tỉnh lương tâm, cũng có thể đó là sự đối mặt tự vấn với chính bản thân mình để nhận ra sự thay đổi.

Bài 17 Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phẳng phắc
đủ cho ta giật mình.*

1. Xác đị
2. Xác đị
3. Trong c

(Ánh trăng, Nguyễn Duy)

cả mà. H

- Xác định phương thức biểu đạt trong đoạn thơ trên.
- Tại sao trăng chẳng trách cứ, chỉ im lặng mà “ta” lại phải giật mình? Cái “giật mình” trong khổ thơ có ý nghĩa gì?
- Nêu ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh ánh trăng.
- Xác định biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ cuối khổ thơ trên. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt trong đoạn thơ: biểu cảm, miêu tả.

2.

- Trăng chẳng trách cứ, chỉ im lặng mà “ta” lại phải giật mình vì chính sự nghiêm khắc, lạnh lùng nhưng cũng thật ân tình, độ lượng bao dung đã khiến con người biết “giật mình”, biết ăn năn, tự trách, tự thấy phải thay đổi trong cách sống, biết sống.

- Sự im lặng của vầng trăng khiến nhân vật trữ tình “giật mình”, cái “giật mình” ở đây là sự “giật mình” thức tỉnh của lương tâm nhà thơ thật đáng trân trọng. Nó thể hiện suy nghĩ, trăn trở, tự đấu tranh với chính mình để nhận ra lỗi lầm, sự đổi thay. Giật mình để trở về với lương tâm trong sáng, tốt đẹp, đây cũng là sự tự sám hối trước sự thay đổi của mình.

3. Ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh ánh trăng: hình ảnh “ánh trăng” ngoài nghĩa đen là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của cuộc sống còn có nghĩa tượng trưng cho vẻ đẹp của nghĩa tình quá khứ, đầy đặn, thuỷ chung, nhân hậu bao dung của thiên nhiên, của cuộc đời, con người, nhân dân, đất nước.

4.

- Biện pháp nhân hóa: “ánh trăng im phẳng phắc”.

- Tác dụng của biện pháp tu từ: Ánh trăng được nhân hóa “im phẳng phắc” không một lời trách cứ, gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thủy chung nghĩa tình. Con người có thể lãng quên quá khứ, nhưng quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

Bài 18 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Về đến nhà, ông Hai nắm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sầm chơi sụi với nhau. Nhìn lũ con, từ thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rỉ rủng hát húi đấy ư? Khốn nạn, bàng áy tuổi đâu... ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này! Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình nói không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đồn đến được. Ông kiềm điềm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng. Quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy!...

Nhưng sao lại này ra cái tin như vậy được? Mà thẳng chánh Bèu thì đích thị là người làng không sai rồi. Không có hùa thì sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tặc ra những chuyện áy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, vắng trán làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chữa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái ó thể đó nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hận cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người ảng, tan tác mỗi người một phương nữa không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?

(Làng, Kim Lân)

Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

Xác định nội dung của đoạn trích.

Trong đoạn: “Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình nói không được đúng lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đồn đến thế được. Ông kiềm điềm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần guyễn Duy mà. Họ đã ở lại làng. Quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm điều nhục nhã ấy!...”

Theo em, điều “nhục nhã” được nói đến là điều gì? Những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả, những câu văn nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật? Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

4. Câu “Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được.” thì từ “Chả nhẽ” là thành phần gì trong câu? Nêu rõ tên thành phần đó.

Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt: tự sự.
2. Nội dung đoạn trích: Tâm trạng đau đớn của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.
3.
 - Điều “nhục nhã” được nói đến là làng Chợ Dầu theo giặc.
 - Những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả:
 - + “Ông lão bỗng ngừng lại, ngò ngợ như lời mình không được đúng lắm”.
 - + “Ông kiểm điểm từng người trong óc”.
 - Những câu văn là lời độc thoại của nội tâm của nhân vật:
 - + “Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được”.
 - + “Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà”.
 - + “Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!”
 - Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng đầy băn khoăn, day dứt nhưng vẫn tin tưởng vào lòng trung thành của người dân làng Chợ Dầu với cách mạng.
4. “Chả nhẽ” là thành phần biệt lập tình thái trong câu.

Bài 19 Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi:

Nghe mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm thì nó bảo lại:

- Thị má cứ kêu đi

Mẹ nó đám nỗi giận quơ đưa bếp dọa đánh, nó phải gọi nhưng lại nói trống:

- Vô ăn cơm!

Anh Sáu vẫn ngồi im giả vờ không nghe, chờ nó gọi “Ba vô ăn cơm”. Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:

- Cơm chín rồi!

Anh cũng không quay lại. Con bé bức quá, quay lại mẹ và bảo:

- Con kêu rồi mà người ta không nghe.

(*Chiếc lược ngà*, Nguyễn Quang Sáng)

1. Đoạn trích trên được kể theo ngôi thứ mấy? Ai là người kể? Chọn ngôi kể trên có tác dụng như thế nào?
2. Nhân vật “con bé” đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Nguyên nhân nào khiến “con bé” làm như vậy?
3. Theo em, vì sao “Anh Sáu vẫn ngồi im giả vờ không nghe, chờ nó gọi “Ba vô ăn cơm””?
4. Vì sao bé Thu không chịu gọi ông Sáu là “ba”?

Gợi ý làm bài

1.
 - Đoạn trích *Chiếc lược ngà* được kể theo ngôi thứ nhất.
 - Người kể chuyện ở đây là bác Ba. Bác vừa là một người đồng đội, một người bạn thân thiết của ông Sáu vừa là người chứng kiến câu chuyện từ đầu đến cuối.
 - Tác dụng của ngôi kể: vừa miêu tả sâu sắc tâm lý nhân vật, vừa đảm bảo khách quan trong việc nhận xét, đánh giá tính cảm nhân vật và có tầm bao quát rộng.
2.
 - Nhân vật “con bé” đã vi phạm phương châm lịch sự khi nói trống (nói trống không với ông Sáu).
 - Bé Thu cố tình vi phạm như vậy vì không muốn dùng từ “ba” để gọi ông Sáu.

3. Ông buộc co
4. Bé Tí
của bé
vậy, Th

Bài 20

Đến
đứng tr
Chắc
nhìn nó
- Thủ
Chù
cha con
- Ba
- Tiến
mà nó c
tới, nha
dụng đù

Nó v
- Ba
Ba n
nó nưa.

1. Đoạt
2. Tìm
3. Xác
hôn vai
4. Theo
5. Đoạt

Gợi

1. Đoạt
2.
- Lời d
+ “Thô
+ “Ba..
+ “Ba!
- Chuy
+ “Thô
⇒ Anh
+ “Ba..
⇒ Con
+ “Bal
⇒ Con

- ng câu
àm vật?
t rõ tên
3. Ông Sáu ngồi im, giả vờ không nghe thấy con bé gọi vì ông muốn đợi con bé sẽ dùng tiếng “ba” để gọi ông buộc con bé phải thừa nhận ông là ba nó.
 4. Bé Thu không chịu gọi ông Sáu là “ba” cũng bởi xuất phát từ tình yêu thương ba sâu sắc. Tưởng tượng về ba của bé Thu thông qua bức ảnh ngày xưa không hề giống với ông Sáu – người có vết sẹo dài trên mặt. Chính vì vậy, Thu không chấp nhận gọi một người nào khác là ba ngoài người em đã nhìn nhận qua ảnh.

Bài 20 Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu:

Đến lúc chia tay, mang ba lô trên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.

Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trùm mền lẩn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mènh mông của con bé bỗng xôn xao.

- Thôi! Ba đi nghe con! – Anh Sáu khe khẽ nói.

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nỗi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba...a...a...ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết theo dài trên má của ba nó nữa.

(Ngữ văn 9, tập 1)

1. Đoạn trích nằm trong tác phẩm nào? Do ai sáng tác?

2. Tìm lời dẫn trực tiếp trong đoạn văn trên và chuyển chúng thành lời dẫn gián tiếp.

3. Xác định phép liên kết hình thức trong đoạn “Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết theo dài bên má của ba nó nữa”.

4. Theo em, vì sao tác giả nhấn mạnh chi tiết bé Thu “hôn cả vết theo dài trên má của ba nó nữa.”?

5. Đoạn văn mang đến cho em những cảm nhận như thế nào về tình cảm bé Thu dành cho ông Sáu?

Gợi ý làm bài

1. Đoạn trích nằm trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

2.

- Lời dẫn trực tiếp:

+ “Thôi! Ba đi nghe con”!

+ “Ba...a...a...ba”!

+ “Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!”

ng Sáu vừa Chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp:

+ “Thôi! Ba đi nghe con”!

nhận xét, đánh → Anh Sáu nhìn con bé và khe khẽ nói với nó rằng anh ấy phải đi.

+ “Ba...a...a...ba”!

→ Con bé thét gọi anh Sáu một tiếng “ba”.

+ “Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!”

→ Con bé nói rằng nó không muốn cho anh Sáu đi, muốn anh ở nhà với nó.

Gợi

1. Nội

- Bức t

- Chân

- Lòng

2.

- Câu v

+ So sá

+ Nhán

- Tác d

nổi bật

3. Xét v

4. Hoàn

cảnh th

một mì

Bài 21

Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu:

- *Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia là loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu cũng không nghĩ như vậy nữa. Vâng, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chít cắt nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà cháu "thèm" hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đây, cháu tự nói với cháu thế đấy.*

(Ngữ văn 9, tập 1)

1. Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào? Do ai sáng tác?

2. Lời tâm sự trên là của ai, nói với ai, nói về điều gì? Lời tâm sự trên cho em hiểu gì về thái độ của người nói đối với nghề nghiệp mà anh đã chọn?

3. Tìm một câu có thành phần khởi ngữ trong đoạn văn trên.

4. Qua đoạn trích, theo em, nhân vật anh thanh niên có thực sự là “người cô độc nhất thế gian” không? Tại sao?

Gợi ý làm bài

1. Đoạn văn trên trích từ truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long.

2.

- Lời tâm sự trên là của anh thanh niên nói với ông họa sĩ về suy nghĩ của anh về công việc và nỗi “thèm người”.

- Lời tâm sự trên cho thấy thái độ của anh rất nghiêm túc với công việc.

3. Câu văn có thành phần khởi ngữ: “Còn người thì ai mà cháu “thèm” hờ bác?”

4. Bề ngoài, anh thanh niên là “người cô độc nhất thế gian” vì anh làm việc một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600 mét, ít cơ hội tiếp xúc với người khác. Nhưng qua câu chuyện và lời tâm sự trên thì có thể thấy anh không hề cô độc, không hề một mình. Bởi vì, anh có “công việc là đôi”, công việc của anh gắn liền với một tập thể “bao nhiêu anh em đồng chí dưới kia” nên anh không hề cô độc.

Lại i
Thao. l
là có hi
nào đượ
đồng tìn

1. Nhân
trên có

2. Chỉ r
Cao điể

Cao xâ

3. Cách
của đoạ

4. Trong

5. Em c

Gợi

1.

- Nhân v

- Tác dụ

+ Người
nhìn phi

+ Thuận
trực tiếp

+ Người
thể hiện

+ Làm c

Bài 22

Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu:

Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đây. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muôn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vẩn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chục đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hùng hục như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.

(*Lặng lẽ Sa Pa*, Nguyễn Thành Long)

1. Nêu khái quát về nội dung của tác phẩm chứa đoạn văn trên.

2. Câu văn “Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung...” sử dụng những biện pháp tu từ nào? Việc sử dụng các biện pháp tu từ đó có tác dụng gì trong việc diễn đạt nội dung đoạn trích?

3. Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu “Rét, bác ạ!” thuộc kiểu câu gì?

4. Từ đoạn văn trên, em có hình dung như thế nào về hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật anh thanh niên?

Gợi ý làm bài

1. Nội dung của tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa*:

- Bức tranh nên thơ về cảnh đẹp Sa Pa.

- Chân dung những người lao động bình thường mang phẩm chất cao đẹp, phi thường.

- Lòng yêu mến, cảm phục, trân trọng những người đang ngày đêm cống hiến quên mình cho nhân dân, đất nước.

2.

- Câu văn sử dụng biện pháp tu từ so sánh và nhân hóa.

+ So sánh: "Cái lặng im... như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn."

+ Nhân hóa: "gió chặt... quét... ném vứt".

Tác dụng: Nhấn mạnh hoàn cảnh làm việc đầy khó khăn, gian khổ, khắc nghiệt của anh thanh niên qua đó làm nổi bật những công hiến, sự hi sinh thầm lặng của nhân vật.

3. Xét về cấu tạo ngữ pháp, câu "Rét, bắc ạ!" thuộc kiểu câu rút gọn.

4. Hoàn cảnh sống và làm việc đầy khó khăn, gian khổ cả về vật chất lẫn tinh thần. Anh phải làm việc trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt (phải thức dậy lúc nửa đêm, gió rét, bão tuyết...); phải đổi mới với cuộc sống cô đơn, một mình giữa cái im lặng, đáng sợ của đất trời, rừng núi Sa Pa.

Bài 23 Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu:

Lại một đợt bom. Khói vào hang. Tôi ho sặc sụa và tức ngực. Cao điểm bây giờ thật vắng. Chỉ có Nho và chị Thao. Và bom. Và tôi ngồi đây. Và cao xạ đặt bên kia quả đồi. Cao xạ đang bắn. Tiếng súng ở dưới đất lên quả là có hiệu lực. Không gì cô đơn và khiếp sợ hơn khi bom gào thét chung quanh mà không nghe một tiếng trả lời nào dưới đất. Dù chỉ một tiếng súng trường thôi, con người cũng cảm thấy mến mông bên mình một sự che chở đồng tình. Cảm giác đó cũng giống như thấy mình có một khả năng tự vệ rất vững vậy...

(Những ngôi sao xa xôi, Lê Minh Khuê)

1. Nhân vật "tôi" trong đoạn trích trên là ai? Việc lựa chọn nhân vật này làm người kể chuyện trong truyện ngắn trên có tác dụng gì?

2. Chỉ ra phép liên kết được sử dụng trong câu "Lại một đợt bom. Khói vào hang. Tôi ho sặc sụa và tức ngực.

Cao điểm bây giờ thật vắng. Chỉ có Nho và chị Thao. Và bom. Và tôi ngồi đây. Và cao xạ đặt bên kia quả đồi.

Cao xạ đang bắn."

3. Cách đặt câu trong đoạn văn có gì đặc biệt? Tác dụng của cách đặt câu như vậy đối với việc diễn tả nội dung của đoạn văn.

4. Trong đoạn trích trên, sự xuất hiện của "các anh cao xạ" đã tác động thế nào đến tâm trạng nhân vật "tôi"?

5. Em có cảm nhận gì về hoàn cảnh sống và chiến đấu của nhân vật "tôi" cùng đồng đội của mình?

Gợi ý làm bài

1.

Nhân vật "tôi" trong đoạn trích trên là Phương Định.

Tác dụng của việc lựa chọn nhân vật Phương Định làm người kể chuyện:

+ Người kể chuyện đồng thời cũng là một cô gái thanh niên xung phong, là người trong cuộc nên sẽ tạo ra điểm nhìn phù hợp để tái hiện hiện thực tàn khốc của chiến tranh ở một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Thuận lợi cho việc miêu tả thế giới nội tâm của nhân vật với những cảm xúc, suy nghĩ được hiện lên một cách trực tiếp mang lại sự sinh động, tự nhiên cho câu chuyện.

+ Người kể chuyện là một cô gái Hà Nội mờ mộng, giàu cảm xúc làm cho câu chuyện có giọng điệu trẻ trung, thể hiện sinh động những cảm xúc hồn nhiên, trong sáng, lãng mạn của nhân vật.

+ Làm cho câu chuyện mang màu sắc chủ quan, trở nên gần gũi, đáng tin cậy,...

2. Phép liên kết được sử dụng:

- Phép lặp từ “cao xạ”.
- Phép nối: từ “và”.

3. Cách đặt câu đặc biệt của đoạn văn trên:

- Câu đặc biệt: “Lại một trận bom”.
- Những câu đơn ngắn: “Khói và hang. Tôi ho sặc sụa và tức ngực. Cao điểm bấy giờ thật vắng... Cao xạ đang bắn.”
- Những câu được tách ra từ một câu: “Và bom. Và tôi ngồi đây. Và cao xạ đặt bên kia quả đồi”.

⇒ Cách đặt câu như vậy diễn tả được sự dồn dập, căng thẳng của trận đánh cũng như tâm trạng nhân vật.

4. Sự xuất hiện của “các anh cao xạ” khiến “tôi” “cảm thấy mêt mỏi bên mình một sự che chở đồng tình. Cảm giác đó cũng giống như thấy mình có một khả năng tự vệ rất vững vây...” từ đó giúp cô mạnh mẽ hơn, dũng cảm hơn để đương đầu với khó khăn, nguy hiểm.

5. Hoàn cảnh sống và chiến đấu của những cô gái thanh niên xung phong vô cùng khắc nghiệt, chiến tranh bom đạn ác liệt với cái chết rình rập mọi lúc mọi nơi.

Bài 24 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Tôi dùng xéng nhô đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thỉnh thoảng luỗi xéng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cùa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thổi còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khóa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình.

(Những ngôi sao xa xôi, Lê Minh Khuê)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.

2. Nêu nội dung chính của đoạn trích.

3. Em có nhận xét gì về cách đặt câu và tác dụng của cách đặt câu ấy trong đoạn trích?

4. Tìm các câu có yếu tố miêu tả được sử dụng trong đoạn trích.

Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt chính: Tự sự.

2. Nội dung chính của đoạn trích: Đoạn trích diễn tả tâm trạng căng thẳng hồi hộp và hành động nhanh nhẹn, dứt khoát của nhân vật Phương Định khi phá bom nổ chậm đầy nguy hiểm.

3.

- Cách đặt câu trong đoạn trích: Sử dụng nhiều câu câu đặc biệt, câu văn ngắn, câu tách ra từ một câu hoàn cảnh.

- Tác dụng: Tái hiện cảnh phá bom ác liệt với nhịp điệu căng thẳng, dồn dập.

4. Các câu có yếu tố miêu tả trong đoạn trích:

- “Đất rắn”.

- “Một tiếng động sắc đến gai người, cùa vào da thịt tôi”.

- “Vỏ quả bom nóng”.

- “Hoặc là nóng từ bên trong quả bom”.

- “Hoặc là mặt trời nung nóng...”

1. Đoạn
2. Nêu
3. Chỉ
4. Nhậ

Gợi ý

1.

- Đoạn

- Hoàn

nước t

Bài thi

2. Nội

ngày gi

3.

- Biện

Việt Na

- Tác

4.

- Tác

được g

- “Viến

đang s

mát má

thể hiệ

nhiều n

Bài 25

1. Nêu r

2. Chỉ ra

trời đí q

3. Tác g

cuối của

Bài 25 Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! hàng tre xanh xanh Việt Nam
Bão táp mưa sa đิง thảng hàng.

(Ngữ văn 9, tập 2)

- Đoạn thơ trên trích trong tác phẩm nào? Do ai sáng tác? Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ ấy.
- Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.
- Chỉ và nêu tác dụng của phép tu từ ẩn dụ được sử dụng trong đoạn thơ.
- Nhận xét về cách xưng hô của tác giả? Theo em, tại sao nhan đề bài thơ là *Viếng lăng Bác* nhưng trong câu thơ đầu tác giả lại dùng từ “thăm”?

Gợi ý làm bài

- Đoạn thơ trích trong bài thơ *Viếng lăng Bác* của nhà thơ Viễn Phương.
Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ được viết năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi, đất nước thống nhất, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh khánh thành, Viễn Phương ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ. Bài thơ *Viếng lăng Bác* được sáng tác trong dịp đó và in trong tập thơ *Như mây mùa xuân* (1978).
2. Nội dung chính của đoạn thơ: Cảm xúc bồi hồi, xúc động của tác giả khi lần đầu tiên được tới thăm Bác sau ngày giải phóng.
3.
- Biện pháp tu từ ẩn dụ: “hang tre” biểu tượng cho sức sống bền bỉ, kiên cường, bát khuất của con người, dân tộc Việt Nam.
- Tác dụng: Thể hiện niềm xúc động, tự hào của tác giả về đất nước, dân tộc Việt Nam.
4.
- Tác giả xưng “con”, lời xưng hô thân mật, gần gũi, cảm động. Tác giả coi mình là con xa cách lâu ngày mới được gặp lại người cha già của dân tộc.
- “Viếng” là điền chia buồn với thân nhân người đã mất; còn “thăm” là gặp gỡ, trò chuyện với người thân quen đang sống. Dùng “thăm” thay cho “viếng” trước hết là cách nói giảm nói tránh làm giảm nhẹ nỗi đau thương, mất mát trước sự ra đi của Bác; khẳng định Bác mãi mãi bất tử trong trái tim của nhân dân, dân tộc. Đồng thời thể hiện tình cảm gần gũi, thân thiết của tác giả với Bác, như người con xa trở về thăm lại người cha già sau nhiều năm xa cách.

Bài 26 Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ
Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

(*Viếng lăng Bác*, Viễn Phương)

- Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.
- Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: “Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng/ Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”.
- Tác giả đã dùng những hình ảnh gì để diễn tả nỗi niềm cũng như cảm xúc của người dân thông qua hai câu thơ cuối của đoạn thơ trên?

Gợi ý làm bài

1. Nội dung đoạn trích: Đoạn thơ thể hiện lòng tôn kính, ngưỡng mộ, biết ơn của tác giả cũng như nhân dân với Bác đồng thời ngợi ca sự nghiệp vĩ đại, bất tử của Người.

2.

- Biện pháp tu từ ẩn dụ: “Mặt trời trong lăng” so sánh ngầm Bác Hồ với mặt trời. Giống như “mặt trời”, Bác là nguồn sáng, nguồn sức mạnh của dân tộc Việt Nam; Bác soi đường dẫn lối cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước. “Mặt trời” – Bác Hồ cũng tỏa hơi ấm tình thương bao la trong lòng mỗi con người Việt Nam.

⇒ Tác giả xây dựng hình ảnh ẩn dụ để ca ngợi công lao trời biển, sự vĩ đại của Bác; đồng thời thể hiện sự tôn trọng, kính mến của tác giả và toàn dân đối với Bác - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta.

- Biện pháp tu từ nhân hóa: “Mặt trời... thấy...” Mặt trời thiên nhiên cũng như đang thể hiện sự ngưỡng vọng đối với “mặt trời của dân tộc Việt Nam”.

⇒ Đề cao, khẳng định tầm vóc vĩ đại của Bác.

3. Những hình ảnh được tác giả sử dụng để diễn tả nỗi niềm của người dân qua hai câu thơ cuối:

- Hình ảnh “đòng người đi trong thương nhớ” là hình ảnh thực miêu tả những dòng người ngày ngày vào lăng viếng Bác trong sự bồi hồi, xúc động, nặng trĩu tiếc thương.

- Hình ảnh “kết tràng hoa” là hình ảnh ẩn dụ đẹp ngụ ý những dòng người vào lăng viếng Bác như những tràng hoa đẹp đẽ dâng lên Người, thể hiện tấm lòng thành kính của người dân với Bác.

- “Bảy mươi chín mùa xuân” là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng cho số tuổi của Bác, hình ảnh về cuộc đời đẹp như những mùa xuân đã hòa nhập vào mùa xuân độc lập, tự do của dân tộc.

Bài 27: Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
 Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
 Muốn làm đáo hoa tỏa hương đâu đây
 Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.*

(Viếng lăng Bác, Viễn Phương)

1. Phương thức biểu đạt chính trong khổ thơ trên là gì?
2. Chỉ ra và phân tích hiệu quả của điệp ngữ được sử dụng trong khổ thơ trên.
3. Theo em, sự lặp lại hình ảnh cây tre trong khổ thơ đầu và khổ thơ cuối bài thơ có ý nghĩa gì?
4. Có một tác phẩm khác cũng nhắc tới khát vọng muôn trờ thành con chim, nhành hoa; em hãy cho biết đó là tác phẩm nào? Ai là tác giả? Chép lại chính xác khổ thơ thể hiện khát vọng ấy.

Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

2.

- Điệp ngữ: “Muốn làm”.

- Tác dụng: Điệp ngữ “muốn làm” được lặp lại ba lần cùng nhịp thơ nhanh, dồn dập thể hiện niềm lưu luyến và mong ước thiết tha được gắn bó gần bên Bác của tác giả.

3. Ý nghĩa sự lặp lại hình ảnh cây tre trong khổ thơ đầu và khổ thơ cuối bài thơ: Hình ảnh cây tre cuối bài lặp lại theo cấu trúc đối ứng như một sự khẳng định trung hiếu là phẩm chất cốt lõi của con người trong thời kì đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là ấn tượng sâu sắc của tác giả về hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác. Ở đây, hình ảnh cây tre đã mang nét nghĩa mới so với hình ảnh cây tre ở khổ thơ thứ nhất. Trong phần mở đầu, hình ảnh hàng tre xuất hiện với dáng đứng thẳng cho dù phải đương đầu với bão táp mưa sa. Thì tới cuối bài thơ tác giả lại khen khát trờ thành cây tre trung hiếu để có thể được đứng canh gác cho Người, đây chính là ước nguyện chân thành, tha thiết của tác giả Viễn Phương.

4.

Bài thơ cũng nhắc thói khát vọng muốn trở thành con chim, nhành hoa là “Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải.

Khô thơ nhắc tới khát vọng muốn làm con chim, nhành hoa trong bài:

Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.

Bài 28 Trong bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*, nhà thơ bắt đầu bằng câu:

Mọc giữa dòng sông xanh

- Chép chính xác 5 câu tiếp theo để hoàn thiện đoạn thơ.
- Nêu nội dung chính của đoạn thơ em vừa chép.
- Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, hoàn cảnh đó có ý nghĩa thế nào đối với việc bày tỏ cảm xúc của nhà thơ?
- Nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ*.

Em hãy chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên và nêu tác dụng của chúng.

Gợi ý làm bài

1. Chép hoàn thiện đoạn thơ:

Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Oi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Tùng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.

2. Nội dung chính của đoạn thơ: Cảm xúc say sưa, ngây ngất của tác giả trước thiên nhiên đất trời xứ Huế vào xuân đầy sống động, hài hòa.

3.

Hoàn cảnh sáng tác: *Mùa xuân nho nhỏ* được viết vào tháng 11/1980, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời, thể hiện niềm mến yêu cuộc sống, yêu nước thiết tha và ước nguyện của tác giả.

Từ tình yêu cuộc sống, yêu cuộc đời, thiên nhiên được khơi nguồn, nảy nở từ sức sống, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mở rộng ra với mùa xuân đất nước, cách mạng. Cảm xúc lắng đọng dần vào suy tư và ước nguyện: Nhà thơ muốn nhập vào bản hòa ca vĩ đại của cuộc đời bằng một nốt trầm xao xuyến của riêng mình, góp vào mùa xuân chung lớn lao “một mùa xuân nho nhỏ”.

4. Ý nghĩa nhan đề bài thơ:

Nhan đề “Mùa xuân nho nhỏ” là hình ảnh ẩn dụ độc đáo biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi người.

Thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa cái riêng với cái chung, giữa cá nhân với cộng đồng. Ai cũng phải sống có ích cho đời, làm đẹp cho đất nước.

Thể nguyện ước của nhà thơ muốn làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường: là một mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân lớn của thiên nhiên, đất nước, của cuộc đời chung và khát vọng sống chân thành, cao đẹp của nhà thơ. Đó cũng chính là chủ đề của bài thơ mà nhà thơ muốn gửi gắm.

- Ý nghĩa
+ “Mùa
sinh sôi
+ “Mùa
mỗi cõi
mỗi ng
+ Từ lá
5. Ý nghĩa
đời nhâ

Bài 29

5. Biện pháp tu từ:

- Đảo ngữ: “Mọc” được đảo lên đứng đầu câu thơ, khổ thơ và toàn bài.

⇒ Nhấn mạnh sự xuất hiện của “bông hoa tím biếc”, sức sống mãnh liệt đang bùng trào dậy trong thiên nhiên xứ Huế.

- Âm dụ chuyển đổi cảm giác: “Giọt long lanh rơi” có phải giọt sương, giọt nắng, giọt mưa, hay chính là giọt âm thanh của tiếng chim chiến chiến đã ngưng đọng thành hình, thành khối, thành sức sống mùa xuân có sắc màu lóng lánh? Rõ ràng, âm thanh tiếng chim vô hình, vô ảnh vốn được cảm nhận bằng thính giác đã được hữu hình, hữu ảnh thành vật thể được cảm nhận bằng thị giác và xúc giác.

⇒ Gợi ra niềm cảm xúc say mê, ngây ngất của tác giả trước cảnh trời đất xứ Huế vào mùa xuân, thể hiện mong muốn hòa nhập thiên nhiên, đất trời trong tâm tưởng giữa mùa đông lạnh giá.

Bài 29 Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hòa ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*

(*Mùa xuân nho nhỏ*, Thanh Hải)

1. Chỉ ra phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.
2. Xác định 2 biện pháp tu từ chính được tác giả sử dụng trong đoạn thơ và phân tích hiệu quả nghệ thuật của chúng.
3. Nêu nội dung chính của đoạn thơ.
4. Nhận định “Mùa xuân nho nhỏ” được cấu tạo bởi những từ loại nào? Ý nghĩa của cấu tạo ấy trong việc thể hiện ước nguyện của nhà thơ.
5. Từ đoạn thơ, em có suy nghĩ gì về ý nghĩa cuộc sống của mỗi người trong cuộc đời?

Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm.

2. Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ: (Học sinh có thể lựa chọn hai biện pháp tu từ trong những biện pháp bên dưới)

- Biện pháp điệp ngữ:

+ “Ta làm” diễn tả khát vọng tha thiết muốn được làm những việc hữu ích hiến dâng cho cuộc đời.

+ “Dù là” thể hiện quan niệm sống “tận hiến”, nhấn mạnh vào sự tha thiết cũng như sức cống hiến không ngừng nghỉ, khao khát sống có ích cho dù là khi trẻ hay già.

- Điệp từ “ta” như một lời khẳng định, đó không chỉ là ước nguyện của nhà thơ mà còn là ước nguyện chung của rất nhiều người. (chuyển từ đại từ “tôi” ở khổ 1 thành “ta”).

- Mùa xuân nho nhỏ: biện pháp ẩn dụ đầy sáng tạo thể hiện thiết tha và cảm động ước mong được cống hiến, sống đẹp và có ích với cuộc đời chung.

3. Nội dung chính của đoạn thơ là khát vọng mãnh liệt của nhà thơ khi muốn hóa thân mình thành một mùa xuân nho nhỏ lặng lẽ tỏa hương cho đời để cống hiến cho đất nước, nhân dân những điều cao đẹp.

4.

5. - Cấu tạo nhan đề: một danh từ (“mùa xuân”) kết hợp với một tính từ (“nho nhỏ”).

1. Đoạn
2. Tron
3. Chỉ t
4. Xác
Gợi
1. Đoai
2. Khô
- “Phả”
⇒ Gọi
người,
- “Tỏa”
mạnh v
⇒ Tác
3.
- Thành
- Tác d
lạ của t
4.
- Biện p
+ “Sươ
lững lờ
+ “Chir
vã hơn

- Ý nghĩa của câu tạo nhan đề:

+ “Mùa xuân” mang ý nghĩa tả thực – đó là mùa khởi đầu của một năm, là mùa của lộc non lá biếc, của vạn vật sinh sôi này nò.

+ “Mùa xuân” còn mang ý nghĩa ẩn dụ, biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi con người. Mùa xuân hay chính là sức trẻ trong tâm hồn và trí tuệ, là nhiệt huyết và năng lực cống hiến của mỗi người vào mùa xuân lớn của thiên nhiên, của đất nước.

+ Từ láy “nho nhỏ” làm rõ hơn đặc điểm của mùa xuân rất giản dị, rất khiêm nhường.

5. Ý nghĩa cuộc sống của mỗi người: Cuộc sống có ý nghĩa là sống hòa nhập với cuộc đời, hiền dâng cho cuộc đời những gì đẹp đẽ, tinh túy nhất.

Bài 30 Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

Bồng nhận ra hương ôi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về

Sông được lúc đènh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu.

(Ngữ văn 9, tập 2)

h Hải) 1. Đoạn thơ trích trong bài thơ nào? Do ai sáng tác?

chúng. 2. Trong khổ thơ đầu, có thể thay thế từ “phả” bằng từ “tỏa” được không?

hiện 3. Chỉ ra và nêu tác dụng của thành phần tình thái trong khổ thơ đầu đoạn trích.

những 4. Xác định và phân tích hiệu quả của các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong khổ thơ thứ hai.

Gợi ý làm bài

1. Đoạn thơ trích trong bài thơ *Sang thu* của nhà thơ Hữu Thịnh.

2. Không thể thay từ “phả” bằng từ “tỏa” bởi vì:

- “Phả”: động từ có nghĩa là tỏa vào mạnh mẽ, bát ngát, trộn lẫn.

⇒ Gợi mùi hương ôi ở độ đậm nhất, thơm nồng quyến rũ, hoà vào trong gió heo may choán lấy tâm trí của con người, lan tỏa khắp không gian.

- “Tỏa”: gợi ra sự lan tỏa về mùi hương trong không gian, hương ôi sẽ không thể kích thích và gây được ấn tượng mạnh với người cảm nhận.

⇒ Tác giả muốn gây ấn tượng mạnh với người đọc về sự tập trung khi cảm nhận hương vị đặc trưng của mùa thu.

3.

- Thành phần tình thái “Hình như” trong dòng thơ “Hình như thu đã về”.

- Tác dụng: “Hình như” gợi cảm giác mơ hồ mong manh, chưa thật rõ nét thể hiện bằng khung khung, xao xuyến đến lạ của tác giả trước bước chuyển mùa chậm rãi, nhẹ nhàng.

4.

- Biện pháp nhân hóa:

+ “Sương chùng chình”: Nghệ thuật nhân hóa, kết hợp với từ láy gợi hình, diễn tả hình ảnh dòng sông êm đềm lững lờ trôi như cổ ý chậm rãi, nán lại khác với hình ảnh dòng sông mùa hạ giông bão.

+ “Chim vội vã”: nghệ thuật nhân hóa gợi lên hình ảnh những đàn chim đường như cũng mang theo ý thức vội vã hon bởi cảm nhận được hơi se lạnh của mùa thu.

+ “Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu”: Đám mây mùa hạ lặng lẽ bước sang mùa mới còn nhiều sự tiếc nuối, lưu luyến chưa muốn rời.

- Nghệ thuật đối: “Sương chùng chình” >< “Chim vội vã” - Vận động tương phản, tự nhiên muôn hình vạn trạng của thế giới tự nhiên.

⇒ Biện pháp nghệ thuật khiến cho hình ảnh tự nhiên trở nên gần gũi, thân thuộc với con người, có sức truyền cảm tới người đọc cũng như gợi lên những liên tưởng thú vị.

Bài 31 Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu:

Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã voi dần con mưa
Sấm cũng bót bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.

(Sang thu, Hữu Thỉnh)

1. Bài thơ *Sang thu* được viết theo thể thơ nào?
2. Nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ.
3. Tìm và nêu tác dụng của các từ chỉ mức độ trong những câu thơ trên.
4. Có ý kiến cho rằng “sấm” và “hàng cây đứng tuổi” là hình ảnh ẩn dụ. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Tại sao?

Gợi ý làm bài

1. Bài thơ *Sang thu* được sáng tác theo thể thơ năm chữ.

2. Ý nghĩa nhan đề: “Sang thu” như một lời thông báo về bước chuyển mình lúc giao mùa. Nhan đề bài thơ cho người đọc thấy được cảm nhận tinh tế của Hữu Thỉnh về sự chuyển mình trong khoảnh khắc sang thu. Thông qua nhan đề ta cũng cảm nhận được góc nhìn và những rung cảm đẹp đẽ của Hữu Thỉnh trước thiên nhiên, cuộc sống.

2. Các từ chỉ mức độ: bao nhiêu, voi dần, bót.

⇒ Thể hiện một cách sinh động, tinh tế bước chuyển mình của quang cảnh thiên nhiên qua các sắc thái.

3. “Sấm”, hàng cây đứng tuổi ở đây chính là hình ảnh ẩn dụ, chứa đựng suy nghĩ, triết lý về con người và cuộc đời.

- Hình ảnh ẩn dụ “sấm”:

+ Nghĩa thực: hiện tượng tự nhiên của thời tiết.

⇒ Hình ảnh thực của tự nhiên sang thu sấm thưa thớt, không còn dữ dội làm lay động hàng cây nữa.

+ Nghĩa ẩn dụ: Những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.

- Hình ảnh ẩn dụ “Hàng cây đứng tuổi”:

+ Nghĩa thực: hình ảnh tả thực của tự nhiên về những cây cổ thụ lâu năm.

+ Nghĩa ẩn dụ: thế hệ những con người từng trải đã từng vượt qua những khó khăn, những thăng trầm của cuộc đời.

⇒ Cả hai câu thơ “Sấm cũng bót bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi” thể hiện những chiêm nghiệm đầy bâng khuâng sâu lắng về cuộc đời: Con người trải qua biến cố thử thách sẽ có kinh nghiệm, trở nên hiếu mìn, hiếu người và hiếu đời hơn.

Bài 32 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Người đồng minh thương lắm con oi
Cao đô nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn
Dẫu làm sao thì cha vẫn muôn
Sóng trên đá không chê đá gấp ghênh
Sóng trong thung không chê thung nghèo đời
Sóng như sông như suối

1. Bài thơ

2. Em h

3. Chỉ ra

4. Theo e

5. Vì sao

lại dùng t

6. Em hi

Gợi ý

1. Bài tho

2. Ý nghĩ

khó khăn,

ngừng. H

vươn lên !

3. Hai biệ

Điệp trú

nhắc nhở)

-Nghệ thu

đồng minh

- So sánh

người đồn

- Ân dụ “P

kê đá cho c

lao động c

4. Những i

Ý chí b

Lối sống

Thủy chu

Tự lực tự

5. Ở phần

“thương” “

yêu bản làn

sự tiếc
n trạng
truyền

*Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng minh thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng minh tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục
Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.*

(*Nói với con*, Y Phương)

- Thịnh)
Tại sao?
1. Bài thơ *Nói với con* được sáng tác theo thể thơ nào?
 2. Em hãy giải thích ý nghĩa của hai dòng thơ “Cao đơ nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn”.
 3. Chỉ ra hai biện pháp nghệ thuật trong đoạn thơ trên và cho biết tác dụng của chúng.
 4. Theo em, trong đoạn thơ, người cha đã khẳng định những phẩm chất tốt đẹp nào của “người đồng minh”?
 5. Vì sao ở phần đầu bài thơ tác giả dùng từ “yêu” “Người đồng minh yêu lắm con ơi” nhưng sang đoạn thơ này lại dùng từ “thương” “Người đồng minh thương lắm con ơi”?
 6. Em hiểu thế nào về lời nhắn nhủ của người cha với con trong 4 dòng thơ cuối đoạn trích?

thơ cho
ông qua
c sốn
uộc đời

Gợi ý làm bài

1. Bài thơ được sáng tác theo thể thơ tự do.
2. Ý nghĩa hai dòng thơ: “Cao đơ nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn”: Dùng chiêu cao đơ nỗi buồn thể hiện những vất vả, khó khăn, nỗi buồn lo chòng chát của người đồng minh. Xa nuôi chí lớn khẳng định ý chí bền bỉ, nghị lực không ngừng. Hoàn cảnh khó khăn, nỗi buồn càng lớn, càng nhiều càng tôi luyện cho người đồng minh ý chí, nghị lực vươn lên không ngừng.
3. Hai biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích: (Học sinh chọn 2 trong số những biện pháp dưới đây)
- **Điệp trúc “sóng... không chê”:** Nhấn mạnh, tô đậm mong ước thiết tha, mãnh liệt của người cha dành cho con, nhắc nhở lối sống hồn nhiên, phóng khoáng, ân nghĩa, thủy chung với quê hương.
- **Nghệ thuật đối, thành ngữ “Lên thác xuống ghềnh”:** Nhấn mạnh cuộc sống nhiều gian nan, khó khăn của người đồng minh.
- So sánh “Sóng như sông như suối”: Khẳng định lối sống hồn nhiên, trong sáng, mạnh mẽ, phóng khoáng của người đồng minh vượt qua những gập ghềnh của cuộc đời.
- Ảnh dụ “Người đồng minh tự đục đá kê cao quê hương”: Nghĩa tá thực của hình ảnh chỉ truyền thống làm nhà kê đá cho cao của người miền núi. Nghĩa ảnh dụ khẳng định người đồng minh sử dụng chính bàn tay, khối óc, sức lao động của mình để làm giàu đẹp cho quê hương.
4. Những phẩm chất tốt đẹp của người đồng minh:
- Ý chí bền bỉ, nghị lực kiên cường trước khó khăn, thử thách.
- Lối sống trong sạch, mạnh mẽ, phóng khoáng.
- Thủy chung, tình nghĩa với quê hương.
- Tự lực tự cường xây dựng và phát triển quê hương, đất nước.
5. Ở phần đầu tác giả dùng từ “yêu” “Người đồng minh yêu lắm con ơi” nhưng sang đoạn thơ này lại dùng từ “thương” “Người đồng minh thương lắm con ơi” vì: Nếu ở trên “yêu lắm con ơi” – yêu cuộc sống bình dị vui tươi, yêu bản làng thơ mộng, yêu những tâm lòng chân thật nghĩa tình, thì đến đây người cha nói “thương lắm con ơi”.

mỗi chế
minh ra
triệu nă

Bởi sau từ “thương” đó là những nỗi vất vả, gian khó của con người quê hương. Người cha biểu lộ tình cảm yêu thương chân thành về những gian truân, thử thách cùng ý chí mà người đồng minh đã trải qua.

6. Lời nhắn nhủ của người cha: Không được khuất phục trước hoàn cảnh, khó khăn; phải luôn có ý thức vươn lên tự khẳng định mình.

Bài 33 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Có thể nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm. Người cũng chịu ảnh hưởng của tất cả các nền văn hóa, đã tiếp thu mọi cái đẹp và cái hay đồng thời với việc phê phán những tiêu cực của chủ nghĩa tư bản. Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã hòa nã với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại [...].

(Ngữ văn 9, tập 2)

- Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Ai là tác giả?
- Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn.
- Trong đoạn văn, tác giả cho thấy vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa bởi những yếu tố nào?
- Chuyển câu văn “Có thể nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh” sang hai cách dẫn trực tiếp và gián tiếp.
- Xác định hai danh từ được dùng như tính từ trong đoạn trích trên và cho biết hiệu quả nghệ thuật của cách dùng từ đó.

Gợi ý làm bài

- Đoạn văn trên trích từ văn bản *Phong cách Hồ Chí Minh* của tác giả Lê Anh Trà.
- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.
- Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hòa giữa cái gốc văn hóa dân tộc với vốn tri thức văn hóa sâu rộng của nhân loại.

- Lời dẫn trực tiếp:
Có thể nói: “Ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh.”

- Lời dẫn gián tiếp:
Có thể nói rằng ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh.

- Hai danh từ được dùng như tính từ là “Việt Nam” và “phương Đông” (rất Việt Nam, rất phương Đông).

- Hiệu quả nghệ thuật của cách dùng từ này: khái quát hóa được nhiều tố chất tốt đẹp của cả một dân tộc và một phần thế giới vào phong cách của một con người cụ thể. Cách dùng từ này cũng gây được ấn tượng sâu sắc và không thể nào quên cho người đọc về phong cách đặc biệt của Hồ Chí Minh: con người có tầm vóc, có vị trí quốc tế nhưng đồng thời rất tiêu biểu cho bản sắc văn hóa quốc gia Việt Nam và khu vực phương Đông.

Bài 34 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Không những đi ngược lại lí trí con người mà còn đi ngược lại cả lí trí tự nhiên nữa [...]. Từ khi mới nhen nhúm sự sống trên trái đất, đã phải trải qua 380 triệu năm con bướm mới bay được, rồi 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở, chỉ để làm đẹp mà thôi. Cũng đã trải qua bốn ki địa chất, con người mới hát được hay hơn chim và

1. Xác đ

2. Cụm i
lại lí tri

3. Nếu ý

4. Em c

❷ Gợi :

1. Phươ

2.

- “Một b

- Tác gi
trình tiei
diễn xu

3. Nhữn
hồng m

dụng làn

4. Tác gi
vốn đã h

nhiều m
đưa nhai
chiến tra

Bài 35

Tất c
ham hoạ
phát triể
thành kh

1. Đoạn

2. Nếu n

3. Tìm tr

4. Hãy c

5. Chỉ ra

6. Em thi
thơ của e

❷ Gợi ý

1. Phong

2. Nội di
phát triể

âm yêu
ic vươn
sâu sắc
há uyên
thời với
tê đó đà
rất Việt
lại [...]
9, tập 2)
tô nào?
văn hóa
của cách
văn hóa
giới sâu
i sâu sắc
ic và một
âu sắc và
ị trí quốc
mới nhen
nữa bông
n chim và

mỗi chết vì yêu. Trong thời đại hoàng kim này của khoa học, trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp, chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó.

(Đấu tranh cho một thế giới hòa bình, G.G.Mác-kết)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.
2. Cụm từ “một biện pháp” trong đoạn văn trên là để nói về điều gì? Tại sao tác giả cho rằng điều đó lại đi ngược lại lí trí tự nhiên?
3. Nếu ý nghĩa của những dữ liệu cụ thể được đưa ra trong đoạn trích.
4. Em có đồng ý với quan điểm, thái độ của tác giả trong đoạn trích không? Vì sao?

Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt chính: Nghị luận.
- 2.

“Một biện pháp” để nói về chiến tranh hạt nhân.

Tác giả cho rằng, chiến tranh hạt nhân đi ngược lại lí trí tự nhiên bởi vì nó phá hủy toàn bộ thành tựu của quá trình tiến hóa tự nhiên và con người, “đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó”.

3. Những dữ liệu cụ thể được đưa ra (trải qua 380 triệu năm con bướm mới bay được, rồi 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở... trải qua 380 triệu năm con bướm mới bay được, rồi 180 triệu năm nữa bông hồng mới nở) có tác dụng làm cơ sở vững chắc, tin cậy cho lập luận nhằm làm tăng tính thuyết phục với vấn đề được đề cập.

4. Tác giả bài viết phản đối, lên án chiến tranh hạt nhân. Em đồng ý với quan điểm, thái độ đó bởi vì: Chiến tranh vốn đã là hành động phi nghĩa gây nên nhiều hậu quả nặng nề (phá hủy đất nước, làm cho con người phải chịu nhiều mất mát, đau thương). Chiến tranh hạt nhân còn khủng khiếp hơn khi có thể hủy diệt sự sống trên trái đất đưa nhân loại đến bờ vực diệt vong. Con người muốn được sống hạnh phúc, hòa bình cần lên án và phản đối chiến tranh hạt nhân.

Bài 35 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rộng tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới.

(Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em, Ngữ văn 9, tập 2)

1. Đoạn trích trên thuộc phong cách ngôn ngữ nào?
2. Nếu nội dung chính của đoạn trích.
3. Tìm trong đoạn trích các từ, cụm từ chỉ đặc điểm tâm sinh lý của trẻ em trong đoạn trích trên.
4. Hãy chỉ ra và phân tích hiệu quả của một biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích.
5. Chỉ ra phép liên kết hình thức được sử dụng trong đoạn trích trên.
6. Em thấy tuổi thơ của mình có được đảm bảo đủ những quyền như đoạn trích đề cập không? Hãy viết về tuổi thơ của em (khoảng 3 đến 5 câu).

Gợi ý làm bài

1. Phong cách ngôn ngữ: chính luận.
2. Nội dung: Khẳng định bản chất của trẻ em và quyền lợi chính đáng được sống, được chơi, được học, được phát triển của chúng.

3. Các từ, cụm từ chỉ đặc điểm, tâm sinh lý của trẻ em: “trong trắng”, “dễ bị tổn thương”, “còn phụ thuộc”, “hiểu biết”, “ham hoạt động”, “đầy ước vọng”.

4. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn trích: (Học sinh chọn 1 trong các biện pháp nghệ thuật dưới đây)

- **Líệt kê:**

+ Về bản chất, đặc điểm trẻ em: “Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng.”

+ Về quyền trẻ em: “Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển.”

⇒ Thể hiện sự thấu hiểu, đánh giá đúng về trẻ em đồng thời khẳng định những quyền chính đáng mà trẻ em phải được hưởng để có thể phát triển tốt nhất.

- **Điệp ngữ:** “chúng phải được”.

⇒ Nhấn mạnh dứt khoát, chắc chắn quyền trẻ em.

5. Các phép liên kết hình thức trong đoạn văn:

- **Phép nối:** Dùng từ “đồng thời” nối câu thứ nhất và câu thứ hai.

- **Phép thế:** Thay “trẻ em trên thế giới” ở câu thứ nhất bằng “chúng” ở những câu sau.

6. Gợi ý: Em có một tuổi thơ hạnh phúc. Em được sống trong gia đình ấm áp tình yêu thương của ông bà, cha mẹ. Em được quan tâm, chăm sóc về sức khỏe, được dạy dỗ, học hành. Không những thế, em còn thường xuyên được tham gia các hoạt động văn nghệ thể dục thể thao để rèn luyện sức khỏe bản thân...

Bài 36 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kỹ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được mươi quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lây một quyển mà đọc mươi lần. “Sách cũ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngẫm kĩ một mình hay”, hai câu thơ đó đáng làm lời răn cho mỗi người đọc sách. Đọc sách vốn có lợi ích cho riêng mình, đọc nhiều không thể coi là một vinh dự, đọc ít cũng không phải là xấu hổ. Đọc ít mà đọc kỹ, thì sẽ tập thành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức làm đổi thay khí chất; đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy chầu báu phơi đầy, chỉ tò làm mắt hoa, ý loạn, tay không mà về. Thế gian có biết bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của chỉ biết lấy nhiều làm quý. Đối với việc học tập, cách đó chỉ là lừa mình dối người, đối với việc làm người thì cách đó thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém.

(Bàn về đọc sách, Chu Quang Tiềm)

1. Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

2. Qua đoạn trích trên, tác giả đã đưa ra lời khuyên gì về việc đọc sách?

3. Trong câu văn “Đọc ít mà đọc kỹ, thì sẽ tập thành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy, tưởng tượng tự do đến mức làm đổi thay khí chất; đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy chầu báu phơi đầy, chỉ tò làm mắt hoa, ý loạn, tay không mà về”, tác giả đã sử dụng phép tu từ gì? Nêu hiệu quả nghệ thuật của việc sử dụng phép tu từ ấy trong đoạn trích.

4. Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả qua câu văn “Thế gian có biết bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của chỉ biết lấy nhiều làm quý. Đối với việc học tập, cách đó chỉ là lừa mình dối người, đối với việc làm người thì cách đó thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém.”

Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.

2. Lời khuyên của tác giả về việc đọc sách: Đọc sách phải chọn cho tinh, đọc cho kỹ, vừa đọc vừa nghiên ngẫm.

3. Biện pháp tu từ được sử dụng: so sánh và ẩn dụ.

- So sánh: “đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ”.

- Ẩn dụ
lũy đượ
⇒ Tác c
có hay, c
không n

4. Thái đ
chú trọng



Tác p
sĩ mang
hiện nga
đường đ
đời hàng

1. Trong

2. Nêu n

3. Câu “J
chúng ta

4. Nhận :

Gợi ý

1. Thảo t

2.

- Nội dung

- Câu chí
người sự

3.

- Câu “N
chúng ta

- Tác dụ
nó như cl

4. Đặc sâ

- Cách dâ

- Phân tíc

Câu văn

ĐÀI TẬP

Bài 1

Trên đ
vấp ngã.
thực sự th
một quá t
thành côn

- đều biết”;
 Anh dù: “châu báu” (những điều quý giá, bổ ích có trong sách) và “tay không mà về” (Không thu hoạch, tích lũy được gì).
- i đây) \Rightarrow Tác dụng: Diễn tả một cách hình ảnh và sinh động hậu quả của việc đọc nhiều mà không nghĩ sâu thì dù sách có hay, có bổ ích cũng chẳng thu nhận được điều gì giá trị. Từ đó giúp người đọc nhận thức được rằng đọc sách không nên đọc qua loa, đại khái.
- t triển.” 4. Thái độ của tác giả: Phê phán những người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, đọc sách chỉ biết đọc số lượng mà không chú trọng vào chất lượng của sách; coi đó là những kẻ hùa mình dối người, phẩm chất tầm thường, thấp kém.
- em phải

Bài 37. Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng. Nghệ sĩ giới thiệu với chúng ta một cảm giác, tình tự, một tư tưởng bằng cách làm sống hiện diện ngay lên trong tâm hồn chúng ta cảm giác, tình tự, tư tưởng ấy. Nghệ thuật không đứng ngoài tró vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy. Bất rẽ ở cuộc đời hàng ngày của con người, văn nghệ lại tạo được sự sống cho tâm hồn người.

(Tiếng nói của văn nghệ, Nguyễn Đình Thi)

- Trong đoạn trích trên, tác giả đã sử dụng thao tác lập luận chính nào?
- Nêu nội dung chính của đoạn trích và xác định câu chủ đề của đoạn.
- Câu “Nghệ thuật không đứng ngoài tró vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy” sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật ấy.
- Nhận xét đặc sắc về lập luận trong đoạn trích.

Gợi ý làm bài

- Thao tác lập luận chính: phân tích.

2.

Nội dung của đoạn văn: Văn nghệ là sản phẩm của người sáng tác đồng thời truyền tải thông điệp cho người đọc.

Câu chủ đề của đoạn văn: “Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng”.

3.

Câu “Nghệ thuật không đứng ngoài tró vẽ cho ta đường đi, nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng chúng ta, khiến chúng ta tự phải bước lên đường ấy” sử dụng biện pháp nghệ thuật nhân hóa.

Tác dụng: Nhấn mạnh sức tác động mạnh mẽ của nghệ thuật đến cảm xúc, suy nghĩ, nhận thức của con người, nó như chất xúc tác hướng con người đến chân – thiện – mĩ.

- Đặc sắc về lập luận trong đoạn trích:

Cách dẫn dắt tự nhiên, uyển chuyển.

Phân tích cụ thể, chặt chẽ.

Câu văn giàu hình ảnh.

BÀI TẬP NGỮ LIỆU NGOÀI CHƯƠNG TRÌNH

Bài 1. Đọc ngữ liệu và thực hiện yêu cầu:

Trên đường đời bạn cũng có lúc vấp ngã. Tôi cũng vậy. Ngay cả người tài giỏi, khôn ngoan nhất cũng có lúc vấp ngã. Vấp ngã là điều bình thường, chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thực sự thất bại. Điều chúng ta cần ghi nhớ là, cuộc sống không phải là một cuộc thi đố - triệt. Cuộc sống là một quá trình thử nghiệm các biện pháp khác nhau cho đến khi tìm ra một cách thích hợp. Những người đạt được thành công phần lớn là người biết đứng dậy từ những sai lầm ngớ ngẩn của mình bởi họ coi thất bại, vấp ngã chỉ

là tạm thời và là kinh nghiệm bổ ích. Tất cả những người thành đạt mà tôi biết đều có lúc phạm sai lầm. Thường thì họ nói rằng sai lầm đóng vai trò quan trọng đối với thành công của họ. Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc. Thay vì thế, họ xác định các vấn đề của mình là gì, cố gắng cải thiện tình hình và tìm kiếm giải pháp sáng tạo hơn để giải quyết. Nếu thất bại năm lần, họ cố gắng đứng dậy năm lần, mỗi lần một cố gắng hơn, Winston Churchill đã nêu bắt được cốt lõi của quá trình này khi ông nói: "Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên".

(Trích *Cuộc sống không giới hạn*, Nick Vujicic, chương VII, trang 236)

1.

- Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.
- Cho biết cách trích dẫn ở phần in đậm?
- Chi ra phép liên kết hình thức được sử dụng trong hai câu văn sau: "Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc. Thay vì thế, họ xác định các vấn đề của mình là gì, cố gắng cải thiện tình hình và tìm kiếm giải pháp sáng tạo hơn để giải quyết."
- Em hiểu thế nào về câu văn: "Vấp ngã là điều bình thường, chỉ có những người không bao giờ đứng dậy sau vấp ngã mới là người thực sự thất bại"?
- Em có đồng ý với quan điểm của Winston Churchill: "Sự thành công là khả năng đi từ thất bại này đến thất bại khác mà không đánh mất nhiệt huyết và quyết tâm vươn lên." không? Vì sao?

Gợi ý làm bài

1.

- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.
- Trích dẫn trực tiếp.
- Phép thè: "Khi vấp ngã, họ không bỏ cuộc." = "Thay vì thế".
- Vấp ngã là điều bình thường bởi ai cũng có lúc thất bại và vấp ngã trong cuộc sống, chỉ những người không dám đứng dậy sau vấp ngã hay chính là sợ hãi, không dám đối mặt với những điều xấu nhất có thể xảy ra thì họ mới là người thực sự thất bại.
- Học sinh có thể đưa ra quan điểm riêng của mình là đồng tình hoặc không đồng tình. Đồng thời đưa ra lập luận giải thích cho quan điểm đó.

Ví dụ: Đồng tình vì:

- Thất bại là một phần của cuộc sống và đó là điều rất bình thường, không ai không thành công mà không trải qua những thất bại.
- Thất bại thử thách sự kiên nhẫn của con người. Con người biết theo đuổi đam mê, chắc chắn sẽ thành công.
- Thất bại cho con người những bài học kinh nghiệm quý báu để nuôi dưỡng đam mê của chính mình.

Bài 2 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Tính đến 7 giờ ngày 11/7/2020, dịch bệnh Covid-19 đã lan rộng đến 213 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Có 12.614.187 người nhiễm bệnh, trong số đó 561.980 người tử vong.

Đại dịch Covid-19 đã gây hoảng loạn và xáo trộn trên 213 toàn cầu. Việc cách ly và phong tỏa diễn ra ở nhiều nơi. Các công ty xí nghiệp, trường học đóng cửa hàng loạt. Sản xuất đình trệ, kinh doanh thua lỗ, giáo dục gián đoạn, nhiều hoạt động thường nhật trong cuộc sống cũng không thể tiếp tục.

Con người đối mặt với những thách thức lớn và nhận ra một trong những cách chống chọi với hoàn cảnh chính là quan sát và lắng nghe những gì đang diễn ra để có những điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tại.

Lắng nghe thế giới tự nhiên để tìm nguyên nhân dịch bệnh, chúng ta nhận ra con người đang hủy hoại cuộc sống bình yên của nhiều loại, điều này buộc mỗi người phải thay đổi cách đối xử với môi trường. Lắng nghe

chính i
lối són
đời cơ
chiến c
nguyễn

Dai
thứ và

1. Dựa
2. Chỉ
3. Xác
4. Tron
tự nhiê

Gọi
1. Nhữ
+ Việ
+ Các c
+ Sản x
thể tiếp

2. Phép
3. Nội c
giới và
4. Học :

Gợi ý:
- Nếu h
bản thâ
dịch sói
- Nếu h
hệ xã h
trình nh
với mọi

- Nếu h
đối với
trường t



chính mình trong những ngày cách li xã hội, chúng ta biết được những gì thật sự cần thiết cho bản thân và chọn lối sống đơn giản hơn, Lắng nghe mọi người xung quanh, chúng ta thấu hiểu được bao nỗi niềm của những mảnh đời co cụt trong mùa dịch để rồi biết yêu thương nhiều hơn, biết chia sẻ để không ai bị bỏ lại phía sau trong cuộc chiến chống Covid-19. Chắc hẳn đó cũng là lí do dẫn đến sự ra đời của cây ATM gạo”, của các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo và nhiều chính sách hỗ trợ khác diễn ra trong thời gian này.

Đại dịch Covid-19 đã gây ra những hậu quả nghiêm trọng. Nhưng nó cũng giúp chúng ta phải nhìn lại nhiều thứ và lắng nghe nhiều hơn.

(Thông tin tổng hợp từ báo Thanh niên và Tuổi trẻ)

1. Dựa vào văn bản, hãy cho biết đại dịch Covid-19 đã gây ra những hoảng loạn vì xáo trộn nào trên toàn cầu?
2. Chỉ ra một phép liên kết câu được sử dụng trong đoạn cuối của văn bản.
3. Xác định nội dung văn bản.
4. Trong cuộc sống, giữa ba việc: lắng nghe chính mình, lắng nghe mọi người xung quanh và lắng nghe thế giới tự nhiên, em quan tâm đến việc nào nhất? Vì sao? (Trả lời trong khoảng 3 - 5 dòng)

Gợi ý làm bài

1. Những hoảng loạn, xáo trộn mà đại dịch Covid-19 gây ra:
 - + Việc cách ly và phong tỏa diễn ra ở nhiều nơi.
 - + Các công ty, xí nghiệp, trường học đóng cửa hàng loạt.
 - + Sản xuất đình trệ, kinh doanh thua lỗ, giáo dục gián đoạn, nhiều hoạt động thường nhật của cuộc sống không thể tiếp tục.
2. Phép liên kết: phép nối (*Nhưng*)
3. Nội dung văn bản: Đại dịch Covid-19 đã khiến con người có những khoảng lặng đến lắng nghe tự nhiên, thế giới và chính mình.
4. Học sinh phát biểu quan điểm cá nhân, có lí giải phù hợp miễn sao không vi phạm chuẩn mực đạo đức, xã hội.

Gợi ý:

Nếu lựa chọn lắng nghe chính mình, cần khẳng định được: Lắng nghe chính mình là dành “khoảng lặng” cho bản thân trước cuộc sống hiện đại ồn ào, náo nhiệt. Lắng nghe chính mình giúp cho con người xác định được mục đích sống, có động lực để con người vươn tới hạnh phúc, thành công và hoàn thiện nhân cách...

Nếu lựa chọn lắng nghe mọi người xung quanh, cần nhấn mạnh: “Con người là tổng hòa của những mối quan hệ xã hội”, việc lắng nghe mọi người xung quanh thể hiện thái độ khiêm nhường, tinh thần cầu thị trong quá trình nhận thức của mỗi người. “Lắng nghe người khác” để học hỏi, hoàn thiện bản thân, chung sống chan hòa với mọi người.

Nếu lựa chọn lắng nghe thế giới tự nhiên, cần khẳng định: Thế giới tự nhiên có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với con người. Việc “lắng nghe thế giới tự nhiên” giúp con người ý thức hơn về mối quan hệ gắn bó với môi trường tự nhiên, đánh thức trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ môi trường và cuộc sống của chính mình.

Bài 3 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Chuyện kể rằng: em, cô gái mờ đường

Để cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương

Cho đoàn xe kịp giờ ra trận

Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa

Đánh lạc hướng thù. Hứng lấy những luồng bom...

đi và tôi
kỷ niệm,
hôn búi

[...] Em nằm dưới đất sâu
Như khoảng trời đã nằm yên trong đất
Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng
Nhưng vì sao ngời chói lung linh

Có phải làn da em mềm mại trắng trong
Đã hóa thành những làn mây trắng
Và ban ngày khoảng trời ngập nắng
Đi qua khoảng trời em – Vàng dương thao thức
Hồi mặt trời hay chính trái tim em trong ngực
Soi cho tôi
Ngày hôm nay bước tiếp quang đường dài.

(Trích *Khoảng trời, hố bom*; Lâm Thị Mỹ Dạ)

1. Câu thơ nào gợi lên sự hi sinh anh dũng của cô gái mờ đường trong đoạn thơ trên?
2. Dấu (...) ở cuối câu thơ “Đánh lạc hướng thù, hứng lấy làn bom” nói lên điều gì?
3. Chỉ ra những biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ và tác dụng của các biện pháp nghệ thuật đó.
4. Đoạn thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về nhan đề bài thơ?

Gợi ý làm bài

1. Câu thơ gợi lên sự hi sinh anh dũng của cô gái mờ đường:

*Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thấp lén ngọn lửa
Đánh lạc hướng thù hứng lấy làn bom...*

2. Dấu (...) tạo nên khoảng trống chứa đựng nỗi đau, nỗi tiếc thương của tác giả trước sự hi sinh anh dũng của cô gái mờ đường.

3.

- Biện pháp nói giàm, nói tránh, so sánh: “Em nằm dưới đất sâu/ Như khoảng trời đã nằm yên trong đất: Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng/ Nhưng vì sao ngời chói lung linh”; trái tim em là mặt trời, vàng dương.

⇒ Tác dụng: Biểu thị nỗi tiếc thương của tác giả và ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn cũng như sự bất tử của cô gái).

- Biện pháp ẩn dụ: trái tim em trong ngực soi cho tôi bước tiếp quang đường dài.

⇒ Tình thần yêu nước, lòng quả cảm của cô gái đã thành vàng sáng soi đường, tiếp thêm sức mạnh cho nhân vật trữ tình.

- Hình ảnh liên tưởng: “Làn da em mềm mại trắng trong/ Đã hóa thành những làn mây trắng”.

⇒ Tác dụng: Gợi lên vẻ đẹp trắng trong, thanh khiết, cao cả và sự bất tử của người con gái mờ đường cho xe đi.

4. Nhan đề nhắc đến hai hình ảnh tương phản: khoảng trời và hố bom. Hố bom là hiện thực chiến tranh khốc liệt, là đau thương, mắt mát. Khoảng trời trước hết gợi tâm hồn thanh khiết, cao cả của người con gái đã hi sinh, còn là biểu tượng của bình yên, của hòa bình. Vì hòa bình của dân tộc, người con gái ấy đã hi sinh. Cho nên chọn hai hình ảnh này đặt tên bài thơ, tác giả đã gợi ra một từ thơ đẹp.

Bài 4 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

...Tôi lặng lẽ gật đầu và quay quả chạy về nhà để kịp thu gọn đồ đạc. Sau khi chào từ biệt mọi người trong nhà, cá bà Sáu lẵn người mẹ tội nghiệp của chị Ngà, tôi ngậm ngùi quay lưng bước qua ngách cửa, với vàng như người chạy trốn. Nhưng khi băng qua sân, mắt chạm phải dây cũn vàng từ nay không người nâng niu chăm sóc, lòng tôi bắt giác chùng xuống và đôi chân bỗng dung nambièn không bước nổi. Những cánh hoa vàng mỏng manh kia rồi đây biết sẽ đem lại niềm vui cho tâm hồn ai trong những ngày sắp tới khi chị Ngà đã vĩnh viễn ra

1. Hãy cl
ý, đâu l
2. Câu v
ngừng ở
3. Hãy c
đoạn văn
Gợi ý

1. Các ph
- Phương
2. Hàm ý
ngập ngù
- Nội du
trong trê
ngừng”,
- Tác dụ
hiệu quả
xuyên, bi
những sự

3. Các bi
- Tương p
cứng ngậ
⇒ Nhấn:
- Ảnh: ‘
xuống và
⇒ Thể hi
trong câu
- Hoán d
tâm trạng
như con i
⇒ Sự kết
hòn của n
- Hiệu qu
của nhân
rời xa nh
Trạng thá
gùi gắm r

đi và tôi cũng đang từ bỏ nơi này? Chiều nay tôi ra đi, tuổi thơ tôi ở lại, mỗi tình đầu của tôi ở lại và màu hoa ký niệm kia cũng ngập ngừng ở lại. Dừng buồn hoa cúc nhé, tao cũng như mày thôi, từ nay trở đi mỗi khi hoàng hôn buông xuống, trái tim lè loi trong ngực tao sẽ luôn đón đau khi nhớ tới một người...

(Trích *Đi qua hoa cúc*, Nguyễn Nhật Ánh - NXB Trẻ - 2005)

- Hãy chỉ ra các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn và cho biết, trong các phương thức biểu đạt ấy, đâu là phương thức biểu đạt chính?
- Câu văn “Chiều nay tôi ra đi, tuổi thơ tôi ở lại, mỗi tình đầu của tôi ở lại và màu hoa ký niệm kia cũng ngập ngừng ở lại...” mang hàm ý gì? Tác dụng?
- Hãy chỉ ra và phân tích tác dụng nghệ thuật của các biện pháp tu từ được Nguyễn Nhật Ánh sử dụng trong đoạn văn.

Gợi ý làm bài

1. Các phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

- Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn: tự sự.

2. Hàm ý của câu “Chiều nay tôi ra đi, tuổi thơ tôi ở lại, mỗi tình đầu của tôi ở lại và màu hoa ký niệm kia cũng ngập ngừng ở lại...”

- Nội dung biểu đạt: Nhân vật trữ tình dẫu phải ra đi nhưng vẫn không nguôi tiếc nuối về một thời tuổi thơ đẹp trong trẻo, tinh khôi; vẫn không khỏi xót xa cho những rung động đầu đời và vẫn còn chút gì đó vương vấn, “ngập ngừng”, như muốn níu kéo, muốn ở lại...

- Tác dụng: Tạo tính hâm súc cho lời nói; lời nói ngắn gọn mà chất chứa nhiều nội dung, ý nghĩa. Đồng thời tạo hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc với người nghe, khơi dậy trong lòng người đọc nỗi xót xa, chút bâng khuâng, xao xuyến, buồn bã. Đây là tâm lý chung của con người khi phải rời xa nơi mình đã một thời gắn bó; phải rời bỏ những sự vật thân thương...

3. Các biện pháp tu từ (chính) được Nguyễn Nhật Ánh sử dụng:

- Tương phản (Đối lập): “Chiều nay tôi ra đi, tuổi thơ tôi ở lại, mỗi tình đầu của tôi ở lại và màu hoa ký niệm kia cũng ngập ngừng ở lại...”: Tương phản giữa ra đi và ở lại.

⇒ Nhận mạnh sự ra đi của nhân vật trữ tình, sự ra đi để lại nhiều nỗi niềm, gây cảm giác chia lìa, mất mát.

- Ảnh dụ: “Lòng tôi bất giác chùng xuống...”; “đôi chân bỗng dung nặng nề không bước nổi...”: Lòng tôi chùng xuống và đôi chân nặng nề là ảnh dụ cho nỗi niềm huyền tiếc của nhân vật.

⇒ Thể hiện sâu sắc nỗi tiếc tuổi khi phải rời xa nơi mình đã một thời gắn bó, tình cảm yêu thương của chàng trai trong câu chuyện.

- Hoán dụ + Nhân hóa: “Trái tim lè loi trong ngực tao sẽ luôn đón đau...”: Trái tim hoán dụ cho cảm xúc, tâm trạng, cho nỗi đau đớn của nhân vật trữ tình. Trái tim cũng được nhân hóa, cũng có tâm tư, tình cảm như con người.

⇒ Sự kết hợp của hai biện pháp nghệ thuật này cũng là dụng ý của tác giả, diễn tả chiều sâu cảm xúc trong tâm hồn của nhân vật.

- Hiệu quả chung: Sự tổng hòa của các thủ pháp tu từ trong đoạn trích trên góp phần bộc bạch tâm trạng, nỗi niềm của nhân vật trữ tình. Đó là những cung bậc cảm xúc: buồn bã, nuối tiếc, xót xa, cay đắng, luyến tiếc... khi phải rời xa những kỷ niệm tuổi thơ, phải để lại mối tình đầu khắc khoải nhưng nhớ gắn với loài hoa ký niệm: hoa cúc.

Trạng thái cảm xúc quen thuộc, những rung động nhẹ nhàng của lứa tuổi mới lớn - tuổi học trò đã được nhà văn gửi gắm một cách tài tình qua lớp vỏ ngôn từ giàu hình tượng với những biện pháp tu từ đặc sắc.

Tác giả
vậy, biế
3. Học
của mìn
Ví dụ:
trời xai
Vì: Phé
rõ của t

Bài 7

Tuổi
Chiề
buồm. C
bè... nk

Ban c
trời tự a
tôi mới i
tù trời v
mang th

1. Xác đ
2. Tác g
3. Nêu t
4. Theo

1. Nhữn
2. Nhữn
- "Cánh
- "Tiếng
- "Sáo đ

3.
- Biện p
- Tác dụ
không m

4. Điều t
- Cảnh d
suốt đời.
- Cảnh d

Bài 8

Bài 5 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Lãng phí thời gian là mất tuyệt đối... Thời gian là một dòng chảy thẳng, không bao giờ dừng lại và cũng không bao giờ quay lui. Mọi cơ hội, nếu bỏ qua là mất. Tuổi trẻ mà không làm được gì cho đời, cho bản thân thì nó vẫn xồng xộc đến với tuổi già. Thời gian là một dòng chảy đều đặn, lạnh lùng, chẳng bao giờ chờ đợi sự chậm trễ. Hãy quý trọng thời gian, nhất là trong thời đại trí tuệ này; nền kinh tế tri thức đã và đang làm cho thời gian trở nên vô giá. Chưa đầy một giờ, công nghệ Nhật Bản đã có thể sản xuất một tấm thép, con tàu tốc hành của các nước phát triển, trong vài giờ đã có thể vượt qua được vài ngàn kilômét. Mọi biểu hiện đúng đắn, rành ràng đều trở nên lạc lõng trong xu thế hiện nay. Giải trí là cần thiết nhưng chơi bời quá mức, để thời gian trôi qua vô vị là có tội với đời, với tương lai đất nước.

(Phong cách sống của người đời, nhà báo Trường Giang, theo nguồn Internet)

- Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên.
- Hãy chỉ ra trong đoạn trích 01 phép liên kết về hình thức trong đoạn trích.
- Em hiểu như thế nào về câu văn: "Thời gian là một dòng chảy đều đặn, lạnh lùng, chẳng bao giờ chờ đợi sự chậm trễ"?
- Thông qua đoạn trích trên, em hãy nêu ngắn gọn bài học có ý nghĩa nhất đối với bản thân.

Gợi ý làm bài

- Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.
- Phép liên kết hình thức: phép lập (thời gian)
- "Thời gian là một dòng chảy đều đặn, lạnh lùng, chẳng bao giờ chờ đợi sự chậm trễ": Thời gian sẽ liên tục trôi qua mà không biện pháp nào có thể ngăn cản; nó không phụ thuộc vào bất cứ điều gì. Dù bạn có nhanh hay chậm, thời gian vẫn sẽ cứ tuần hoàn trôi đi.
- Bài học có ý nghĩa nhất: Con người cần biết quý trọng thời gian, biết sử dụng quý thời gian của mình cho hợp lý để không bỏ lỡ các cơ hội trong cuộc đời hay hối tiếc vì những gì đã qua.

Bài 6 Đọc đoạn trích thực hiện yêu cầu:

Buổi sớm nắng sáng. Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn buồm múa luộn giữa trời xanh.

Lại đến một buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng. Biển lặng, đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai đem rắc lên trên.

Rồi ngày mưa rào. Mưa giăng giăng bốn phía. Có quang nắng xuyên xuống biển óng ánh đủ màu: xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc... Có quang biển thăm sì, nặng trịch. Những cánh buồm ra khỏi cơn mưa, uớt đầm, thấm lại, khỏe nhẹ, bồi hồi, nhu ngực áo bác nông dân cày xong ruộng về bị ướt.

(Trích Biển đẹp, Vũ Tú Nam)

- Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản.
- Biển được miêu tả ở những thời điểm nào? Tác giả miêu tả như vậy với dụng ý gì?
- Trong văn bản có nhiều hình ảnh so sánh, em ấn tượng nhất với hình ảnh nào? Vì sao? Trình bày khoảng 5 - 7 dòng.

Gợi ý làm bài

- Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong văn bản: miêu tả.
- Biển được miêu tả ở những thời điểm:
 - Buổi sớm nắng sáng.
 - Buổi chiều gió mùa đông bắc vừa dừng.
 - Một ngày mưa rào.

Tác giả miêu tả như vậy nhằm: cho thấy vẻ đẹp của biển vào mỗi thời điểm khác nhau. Trong mỗi thời điểm như vậy, biển lại hiện lên với một vẻ đẹp riêng, mơ mộng.

3. Học sinh có thể chọn bất cứ hình ảnh so sánh nào mà mình cảm thấy ấn tượng nhất và lí giải cách chọn lựa của mình cho phù hợp.

Ví dụ: *Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh.*

Vì: Phép so sánh làm câu văn thêm phần sinh động, hấp dẫn. Đặc biệt, phép so sánh cũng làm nổi bật vẻ đẹp rực rỡ của những cánh buồm, chúng như một sinh thể sống vô cùng sinh động.

Bài 7 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều.

Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát đai nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè, ... như gọi tháp xuống những vì sao sóm.

Bầu đêm, trên bãi thả diều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác diều đang trôi trên dài Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này tôi mới hiểu đó là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời gian dài chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hi vọng khi tha thiết cầu xin: "Bay đi diều ơi! Bay đi!" Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.

(Cánh diều tuổi thơ, Tạ Duy Anh)

1. Xác định những phương thức biểu đạt được sử dụng trong văn bản.
2. Tác giả đã chọn những chi tiết nào để tả cánh diều?
3. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: "Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ".
4. Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua hình ảnh cánh diều? Trả lời trong khoảng 3 đến 5 dòng.

Gợi ý làm bài

1. Những phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn văn trên: tự sự, miêu tả, biểu cảm.

2. Những chi tiết tác giả chọn để tả cánh diều:

"Cánh diều mềm mại như cánh bướm".

"Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng".

"Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè, ... như gọi tháp xuống những vì sao sóm".

3.

- Biện pháp tu từ được sử dụng: so sánh. Tác giả so sánh bầu trời đêm với một tấm thảm nhung.

- Tác dụng: Gợi vẻ đẹp của bầu trời đêm. Tấm thảm nhung có đặc tính mềm, mịn; bầu trời đêm cũng mịn và không một gợn mây, mở ra không gian cao rộng.

4. Điều tác giả muốn nói thông qua hình ảnh cánh diều:

Cánh diều là những kí niệm tuổi thơ của tác giả với những người bạn nơi thôn quê. Đó là kí ức đẹp theo tác giả suốt đời.

Cánh diều tuổi thơ là nơi chứa những khát vọng, những ước mơ của tác giả bay cao, bay xa.

Bài 8 Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

Cái cò... sung chát đào chua
câu ca mẹ hát gió đưa về trời
ta đi trọn kiếp con người
cũng không đi hết mây lời mẹ ru

Bao giờ cho đến mùa thu
 trái hồng trái bưởi đánh đu giữa râm
 bao giờ cho đến tháng năm
 mẹ ta trái chiếu ta nầm đến sao.

(Trích Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, Nguyễn Duy)

- Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ.
- Em hiểu thế nào về hình ảnh: “ta đi trọn kiếp con người/ cũng không đi hết mây lời mẹ ru”?
- Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép điệp ngữ “Bao giờ cho đến...” được sử dụng ở đoạn thơ.
- Nêu cảm nhận của em khi đọc đoạn thơ (Trình bày khoảng 5-7 dòng)

Gợi ý làm bài

1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn thơ: biểu cảm.

2. Ý nghĩa của câu thơ:

+ “lời mẹ ru” không chỉ là lời ca và giai điệu để dỗ dành trẻ nhỏ ngủ ngon mà còn thể hiện tâm hồn, tấm lòng người hát ru. Tiếng ru là tình cảm, là ước mong, là lời gửi gắm, tâm tình của người mẹ với con mình.

+ “Không đi hết”: không thấy hết, không thể hiểu hết, không sống hết những gì mẹ đã chuẩn bị cho con qua lời ru ấy. Bởi đó là tấm lòng bao dung vô bờ của mẹ, là sự che chở, nâng đỡ, dìu dắt trọn đời của mẹ.

+ Câu thơ còn là cảm giác thầm thía của người con qua trải nghiệm cuộc đời khi nhìn nhận lại, cảm nhận lại những gì có được từ lời ru và tình yêu của người mẹ.

+ Câu thơ cũng chính là lời tri ân của người con với mẹ; là lời ca ngợi sự vô giá, vô bờ bến của tình mẫu tử mẹ dành cho con.

3. Hiệu quả của biện pháp nghệ thuật điệp ngữ:

- Gợi lại những kí ức tuổi thơ êm đềm, bình yên, đầy yêu thương bên người mẹ.

- Thể hiện khát khao muốn được sống lại những năm tháng tuổi thơ bên mẹ.

- Thể hiện nỗi nhớ và lòng biết ơn sâu sắc đối với người mẹ của mình.

4.

+ Đoạn thơ là lời tâm sự đầy trắc ẩn của người con dành cho người mẹ.

+ Con được nuôi lớn từ những lời ru, lời ca dao trong câu hát của mẹ.

+ Con được sống trong sự che chở, yêu thương của mẹ là những kí ức đi suốt cuộc đời con, nuôi con khôn lớn và trưởng thành.

+ Những lời dạy dỗ của mẹ cả cuộc đời con chưa bao giờ là hiếu và thầm thía hết.

+ Đoạn thơ cũng là lòng biết ơn của con với mẹ, tình cảm con dành cho mẹ.

Bài 2: Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Sách kể chuyện hay... sách ca hát

Nhiều lần tôi khóc khi đọc sách: sách kể chuyện hay biết bao về con người, họ trở nên đáng yêu và gần gũi biết bao. Là một thằng bé con bị công việc nhà độn làm cho kiệt sức, luôn luôn phải hứng tất những lời叱咤 mắng đòn đập, tôi trịnh trọng hứa với mình là lớn lên, tôi sẽ giúp mọi người, hết lòng phục vụ họ.

Như những con chim kì diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái. Tôi trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lý hơn và ngày càng ít để ý đến vô số chuyện bực bối trong cuộc sống.

Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tôi gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát về cuộc sống ấy.

(M.Gorki, Dẫn theo Tạ Đức Hiền, Tập làm văn THPT, Nxb Giáo dục, 1998)

1. Dựa
2. Xác
sách ca
tới cái t

3. Em c
để lên t



Gợi

1. Hai t

- Đọc s
và ngày

- Sách

thèm k

2.

- Phép 1

- Tác dụ

3. Học s
Ví dụ:

- Đồng

- Ví: đợ

(con) đ



Bài 3

Mim

Khác

Mim cù
thiện, đ

hé chào
[...] Th

Chúc

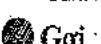
1. Kẻ t

2. Chi r

Mim cù

3. Theo

4. “Chúc



Gợi

1. Hai pl

2. Phép 1

3. Theo

+ “Cái c

+ “Mim

thân thiệ

4. Lời k

- Dựa vào văn bản, em hãy chỉ ra 2 tác dụng của việc đọc sách.
- Xác định và nêu tác dụng của phép liên kết trong 2 câu sau: “Như những con chim kì diệu trong truyện cổ tích, sách ca hát về cuộc sống đa dạng và phong phú như thế nào, con người táo bạo như thế nào trong khát vọng đạt tới cái thiện và cái đẹp. Và càng đọc, trong lòng tôi càng tràn đầy tinh thần lành mạnh và hăng hái”.
- Em có đồng tình với ý kiến “Mỗi cuốn sách đều là một bậc thang nhỏ mà khi bước lên, tôi tách khỏi con thú để lên tới gần con người” không? Vì sao?

Gợi ý làm bài

- Hai tác dụng của việc đọc sách:

- Đọc sách giúp tinh thần hăng hái và lành mạnh, ta trở nên điềm tĩnh hơn, tin ở mình hơn, làm việc hợp lý hơn và ngày càng ít để ý đến vô số chuyện bực bội trong cuộc sống.
- Sách giúp ta tách khỏi con thú để lên tới gần con người, tới gần quan niệm về cuộc sống tốt đẹp nhất và về sự thèm khát về cuộc sống.

tâm lòng

-

- Phép liên kết: phép nối (Và)

- Tác dụng: Nhấn mạnh về ý nghĩa, tác dụng của việc đọc sách đối với con người.

- Học sinh tự do phát biểu quan điểm bản thân, có sự lí giải xác đáng.

Ví dụ:

- Đồng tình với quan điểm.

- Vì: đọc sách giúp con người phát triển và hoàn thiện nhân cách, giúp con người tách dần khỏi phần bản năng (con) để đi đến phần người, hướng con người đến cái đích của chân - thiện - mĩ.

Bài 10 Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Mỉm cười là một trạng thái tinh thần đặc biệt.

Khác với bản thân cái cười. Cái cười cần và phải có đối tượng rõ ràng. Không có người ta bảo mình “có vấn đề rồi”. Mỉm cười đến từ xa xôi, xa xôi đến mức có vẻ như mỉm cười là tự thân. Mỉm cười là trạng thái trong lành, thân thiện, dang tay vui đón vũ trụ, hòa vui cùng cuộc đời. Như tia nắng xuân mềm mại, mỏng manh, rụt rè, vô tư tự hé chào khu vườn cuối đông.

[...] Thật là vui khi nhìn thấy cái mỉm cười ở trong cái cười của ai đó, của những người bạn mình.

Chúc bạn bè ta, mỗi sáng trước khi ra cửa mỉm cười.

(Lòng người mènh mang, Hoàng Hồng Minh, NXB Văn hóa thông tin, 2014)

- Kể tên 2 phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích.
- Chỉ ra phép liên kết giữa hai câu văn: “Mỉm cười đến từ xa xôi, xa xôi đến mức có vẻ như mỉm cười là tự thân. Mỉm cười là trạng thái trong lành, thân thiện, dang tay vui đón vũ trụ, hòa vui cùng cuộc đời”.
- Theo tác giả, tại sao “mỉm cười” khác với “cái cười”?
- “Chúc bạn bè ta, mỗi sáng trước khi ra cửa mỉm cười” Câu nói trên cho em lời khuyên gì về thái độ sống?

Gợi ý làm bài

- Hai phương thức biểu đạt trong đoạn trích: nghị luận, biểu cảm.

- Phép liên kết: phép lặp (mỉm cười).

- Theo tác giả sự khác nhau giữa cái cười và mỉm cười là:

+ “Cái cười cần và phải có đối tượng rõ ràng”.

+ “Mỉm cười đến từ xa xôi, xa xôi đến mức có vẻ như mỉm cười là tự thân. Mỉm cười là trạng thái trong lành, thân thiện, dang tay đón vũ trụ, hòa vui cùng cuộc đời”.

- Lời khuyên về thái độ sống: luôn sống lạc quan, vui vẻ, yêu đời.

PH

NGHỊ LUẬN

XÃ HỘI

Nhân
xã hội

Khôn
tâm v

Luận
ràng;

Chưa
đoạn,

Áp dụ
viết b

Bài v
cảm,
rao gi

Bài v
lượng

Lỗi d

Phân
hợp li

Hiểu được cách triển khai một bài nghị luận xã hội theo các dạng: nghị luận hiện tượng đời sống; nghị luận tư tưởng đạo lí; nghị luận vấn đề đặt ra từ tác phẩm văn học.

Hiểu, ghi nhớ những vấn đề xã hội đáng quan tâm để dùng làm dẫn chứng cho bài văn nghị luận xã hội.

Vận dụng các thao tác lập luận tiến hành nghị luận về một vấn đề xã hội: hiện tượng đời sống, tư tưởng đạo lí, vấn đề xã hội đặt ra từ văn bản.

Đưa, sử dụng dẫn chứng vào bài nghị luận xã hội một cách hiệu quả, thuyết phục.

MỤC TIÊU

PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

LỖI THƯỜNG GẶP

CÁCH KHẮC PHỤC

Nhầm lẫn dạng đề nghị luận xã hội.

1

Phân biệt và nhận diện các dạng đề nghị luận xã hội.

Không xác định đúng trọng tâm vấn đề nghị luận.

2

Đọc kỹ ngữ liệu, câu hỏi và phân tích yêu cầu của đề trước khi làm bài.



Luận điểm, luận cứ không rõ ràng, lán man; thiếu liên kết.

3

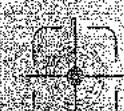
Xác định rõ hệ thống luận điểm, luận cứ, bám sát vào hệ thống luận điểm, luận cứ đó để triển khai bài viết.



Chưa biết cách viết phần mở đầu, kết luận.

4

Mở đoạn đi thẳng trong làm, nếu luận điểm bài viết ngắn gọn, súc tích (tốt nhất trong khuôn khổ một câu văn). Kết luận tóm tắt ngắn gọn nội dung bài viết.



Áp dụng cung nhắc các bước viết bài, bài viết không sâu.

5

Tóm bày bài viết có trọng tâm, tập trung vào làm rõ vấn đề.



Bài viết lén gẩn, thiếu truyền cảm, thuyết phục, thiên về rao giảng道理.

6

Tổng hợp dẫn chứng, chọn lọc, vận dụng linh hoạt biện pháp trình thuật (tắc lấp luận, các yếu tố biểu cảm...), để bài viết sinh động, hấp dẫn.



Bài viết không đúng dung lượng yêu cầu.

7

Tóm bày trọng dung, dung lượng cho phép, không quá ngắn hay quá dài.



Lỗi dùng từ, diễn đạt.

8

Tóm tắt lại bài viết để sửa lỗi dùng từ và diễn đạt.



Phản bộ thời gian không hợp lý.

9

Thời gian tối thiểu 15 - 25 phút (phù thuộc vào dung lượng yêu cầu của đề bài).

PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI

Là
về

Xác định đề

Điều kiện quan trọng để hình dung hướng đi bài viết, tránh lạc đề.

Nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

Nghị luận về một hiện tượng/ đời sống xã hội

Nghị luận một vấn đề đặt ra từ văn bản, tác phẩm.



Lập dàn ý

Xác định hệ thống luận điểm, luận cứ đầy đủ để tránh bỏ sót ý, lẫn lộn ý khi viết bài.



Triển khai bài viết

- Giải thích tư tưởng, đạo lí.

- Phân tích mặt đúng, bắc bối những biểu hiện sai lệch có liên quan đến vấn đề bàn luận.

- Nêu ý nghĩa của vấn đề (bài học nhận thức và hành động về tư tưởng, đạo lí).

- Nêu rõ hiện tượng.

- Nêu nguyên nhân. Phân tích các mặt đúng - sai, lợi - hại.

- Bày tỏ thái độ, ý kiến về hiện tượng xã hội đó.

Viết bài hoàn chỉnh bám sát hệ thống luận điểm, luận cứ. Chỉnh sửa lỗi dùng từ, diễn đạt.

Phản 1: Phân tích/ nêu ý nghĩa nội dung văn bản để rút ra ý nghĩa của vấn đề (câu chuyện).

Phản 2 (trọng tâm): Nghị luận (phát biểu) về ý nghĩa vấn đề xã hội rút ra từ văn bản, tác phẩm.

Dã
đờ

Tiêu
truy
vật

NGHỊ LUẬN VỀ HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

Là kiểu bài sử dụng tổng hợp các thao tác lập luận để làm cho người đọc hiểu rõ, hiểu đúng, hiểu sâu và đồng tình với ý kiến của người viết trước những hiện tượng đời sống có ý nghĩa xã hội.

DẤNG VĂN ĐỀ NGHỊ LUẬN

Tích cực

đoàn kết trong đại dịch, tương
thân tương ái mùa mưa lũ...



Tiêu cực

bạo lực học đường, sống ảo,
biến đổi khí hậu, hối của...



BỘ CỤC

Mở bài

Dẫn dắt hiện tượng
đời sống.

Thân bài

- Giải thích: Nếu cách hiểu về vấn đề, đánh giá hiện tượng (tích cực/tiêu cực).
- Bản luận: nêu biểu hiện, ý nghĩa (tích cực), hậu quả (tiêu cực), mở rộng phản đòn.
- Bài học: Rút ra bài học nhân thực và hành động cho bản thân.

Kết bài

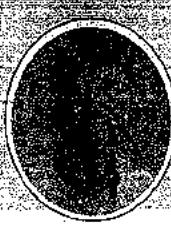
Khẳng định ý nghĩa, tính
thời sự của hiện tượng.

LƯU Ý VỀ DÂN CHUNG

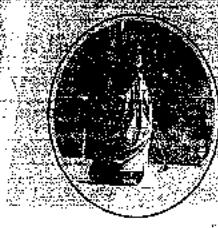
Tiêu biểu và xác thực (được
truyền thông để cập đến; nhân
vật nổi tiếng, thành công).

Nhân vật có thực, có sức ảnh
hưởng trong cộng đồng, truyền
cảm hứng cho cộng đồng.

Nhân vật để lại bài học ý
nghĩa trong cuộc sống.



Tỷ phú
Bill Gates



Nick Vujicic



Đội tuyển U23
Việt Nam

NGHỊ LUẬN VỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÍ

Là quá trình kết hợp những thao tác lập luận để làm rõ những vấn đề tư tưởng, đạo lí trong cuộc đời.

DẶNG VẤN ĐỀ NGHỊ LUẬN

Nhận thức	Đạo đức, tính cách	Ứng xử	Quan hệ gia đình	Quan hệ xã hội
lí tưởng, mục đích sống, nghề nghiệp, ước mơ, ứng xử với môi trường...	lòng yêu nước, lòng nhân ái, vị tha, bao dung, độ lượng...	hành vi, thái độ đối nhân xử thế trong cuộc sống.	tình mẫu tử, tình phụ tử, tình anh em...	tình đồng bào, tình thầy trò, tình bạn...



BỐ CỤC

Mở bài

Dẫn dắt trực tiếp vào vấn đề nghị luận.

Thân bài

- Giải thích từ cụ thể đến khái quát.
- Phân tích, bàn luận: Nêu biểu hiện, ảnh hưởng, nguyên nhân... của vấn đề.
- Đánh giá: Đánh giá tính đúng - sai, tốt - xấu... của vấn đề; thể hiện rõ quan điểm.
- Liên hệ bản thân.

Kết bài

Khẳng định chung về tư tưởng, đạo lí đã nghị luận.

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI ĐẶT RA TRONG VĂN BẢN

Là kiểu bài bàn về những nội dung, thông điệp mà người viết đặt ra, gửi gắm trong tác phẩm (có thể về tư tưởng đạo lý hoặc về hiện tượng đời sống).

MINH HOA DÀNG BÀI

*Không hiểu bằng cách nào, một hạt cát lọt
được vào bên trong cơ thể một con trai. Vì khách
không mời mà đến đó tuy rái nhỏ, nhưng gây rái
nhiều khó chịu và đau đớn cho cơ thể mềm mại
của con trai. Không thể lòng hạt cát ra ngoài,
cuối cùng con trai quyết định phô bằng cách
tiết ra một chất dẻo bọc quanh hạt cát.*

*Ngay qua ngay, con trai đã biến hạt cát gay ra
những nỗi đau cho mình thành một viên ngọc trai
lấp lánh tuyết đẹp.*

(Lòn lòn trong trái tim của mẹ, Bùi Xuân Lộc)

Hãy viết một đoạn văn nghị luận bày tỏ
những suy nghĩ về bài học cuộc sống em rút ra
từ câu chuyện trên.

LƯU Ý DÀNG BÀI

- Liên quan/xuất phát từ tác phẩm văn học nhưng mục đích chính là yêu cầu nghị luận về vấn đề xã hội.

- Cần phân biệt dạng bài này với dạng nghị luận văn học: Tập trung nghị luận vấn đề được đặt ra từ tác phẩm, không đi vào nghị luận ý nghĩa nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.

- Phải đọc kỹ văn bản - ngũ liệu để xác định đúng vấn đề nghị luận.

BỘ CỤC

Mở bài

Dẫn dắt, nêu ra vấn đề nghị luận

Thân bài

Phân tích/tóm tắt văn bản, tác phẩm để chỉ ra vấn đề xã hội cần bàn luận

Kết bài

Khái quát, nêu ý nghĩa vấn đề

Giải thích vấn đề

Bàn luận vấn đề

- Bài học: Rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân



BÀI TẬP CÙNG CỐ

Bài 3

Covid-19

Gợi ý

Chủ t

yếu tố c

động tro

kiến thú

tận côn

rộng lớn

con ngư

cầu của t

cùng tùn

ta niềm s

duy của

động và

tinh mạn

cách xă

không tạ

dưới sự

được tiế

chúng ta

thật nhu

biểu ngh

trò chơi

lợi hon i

nghệ và

thích. M

nhu Wil

khi ngư

chúng ta

Thật đái

che giấu

hay xem

việc học

việc học

Bài 3

Gợi ý

Hiện

thu hút :

biểu là c

máy thậ

tinh táo

Dạng bài Nghị luận hiện tượng đời sống

Đề 1: Viết đoạn văn (khoảng 1 trang giấy) trình bày suy nghĩ về tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam trong mùa dịch Covid-19.

Gợi ý làm bài

Nhìn lại lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, đoàn kết luôn là truyền thống quý báu, nguồn sức mạnh, động lực quan trọng, nhân tố quyết định mọi thắng lợi. Ngày nay, trước sự bùng nổ của đại dịch Covid-19, tinh thần ấy lại một lần nữa sục sôi mạnh mẽ mang lại những chiến thắng bước đầu cho đất nước và nhân dân ta. Virus SARS-CoV-2, mà giới khoa học ngậm ngùi: “chúng ta chỉ biết rất ít về nó”, các chính trị gia gọi đó là “kẻ thù vô hình”; đã đặt các quốc gia vào tình trạng khẩn cấp như thời chiến với những mối đe dọa về sức khỏe, tính mạng và gây nên khủng hoảng đời sống, kinh tế toàn cầu nghiêm trọng. Vì không nhìn thấy “kẻ thù” bằng mắt thường, vũ khí chiến đấu của con người lúc này chỉ có thể là sự sáng suốt, bình tĩnh, ý chí, nhận thức và tinh thần đoàn kết. Trong trận chiến chống dịch COVID-19, với tinh thần “chống dịch như chống giặc”, Đảng, Chính phủ Việt Nam đã sớm kêu gọi nhân dân quyết liệt, đoàn kết một lòng, tạo nên sức mạnh tập thể, cùng nhau đẩy lùi dịch bệnh. Từ đó, đã huy động được sức mạnh hướng ứng, chung tay của mỗi người dân, mỗi cá nhân trong phòng, chống dịch. Mỗi người dân, các tầng lớp nhân dân, các giới tùy khả năng của mình, người có tiền góp tiền, người có hiện vật góp hiện vật, người có sức giúp sức, người có ý tưởng góp ý tưởng... Với truyền thống đoàn kết, tương thân, tương ái của dân tộc, thời gian qua, nhiều tổ chức, cá nhân đã tự nguyện vận động, ủng hộ một số địa phương, cơ sở, cá nhân và những trường hợp phải cách ly, điều trị. Nhiều cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước, đồng bào ta ở nước ngoài, với tình cảm sâu sắc và trách nhiệm của mình đã tích cực tham gia ủng hộ phòng, chống dịch COVID-19. Nhiều câu chuyện đẹp và cảm động đã được lan tỏa trong đại dịch như sự ra đời của ATM gạo, ATM khẩu trang phát miễn phí cho người khó khăn; câu chuyện cụ ông 90 tuổi đạp xe đến khu cách ly ủng hộ rau, gạo và 20 ngàn đồng ở Hà Tĩnh... Không chỉ có vậy, tinh thần đoàn kết còn được thể hiện qua việc người người, nhà nhà đồng lòng thực hiện chỉ thị 16 về giãn cách xã hội, tuân thủ kêu gọi “ai ở chỗ nào ở yên chỗ đó”. Nghịch lý mà lại hợp lý thay, những thuật ngữ được nhắc đến nhiều trong trận chiến Covid-19 này như “tự cách ly”, “giãn cách xã hội”, “cô lập”... đang là biểu hiện quan trọng của đoàn kết xã hội ở nước ta. Với mỗi người, chúng ta cần nhận thức rõ trách nhiệm của bản thân mình trước thời cuộc. Chúng ta chia sẻ cho nhau niềm yêu thương, sự cảm thông, nỗi lo lắng và tri thức, hiểu biết về dịch bệnh. Chúng ta ủng hộ, lan tỏa điều tốt và đấu tranh với những hành vi thiếu trung thực trong khai báo, thiếu trách nhiệm trong giao tiếp, tiếp xúc xã hội. Chúng ta lên án những kẻ tung tin giả, tin đồn, gây hoang mang và những kẻ đang ra sức lợi dụng tình hình dịch bệnh để chống phá Đảng, Nhà nước, chế độ làm mất niềm tin nhân dân, chia rẽ khối đại đoàn kết. Bên cạnh đó, những việc làm nhỏ như rửa tay thường xuyên, tập thể dục, hạn chế đến nơi đông người, đeo khẩu trang, khai báo y tế trung thực, cập nhật thường xuyên thông tin, nhắc nhở người thân, gia đình biện pháp phòng dịch... cũng là đoàn kết, là yêu nước. Đoàn kết không phải một mỹ từ để hô khẩu hiệu, mỗi chúng ta hãy cùng nhau dùng hành động nhỏ để làm nên chiến thắng lớn, quyết tâm quét sạch đại dịch!

Bài 2: Viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về tinh thần tự học, đặc biệt là trong tình hình đại dịch Covid-19 như hiện nay.

Gợi ý làm bài

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Trong cách học, phải lấy tự học làm cốt”. Quả vậy, tự học chính là yếu tố cần thiết để làm nên thành công. Trước hết chúng ta cần hiểu hiểu tự học là gì? Tự học là tinh thần chủ động trong tiếp nhận tri thức và vận dụng sáng tạo lý thuyết vào thực hành, là tích cực tìm hiểu, khám phá những kiến thức mới, là học mọi lúc mọi nơi, học từ mọi người. Tự học bồ ích bởi kiến thức của nhân loại là vô cùng tần còn sự hiểu biết của chúng ta chỉ như giọt nước giữa đại dương mênh mông, như một hạt cát giữa sa mạc rộng lớn. Kiến thức chúng ta được học ở nhà trường chỉ có thể đáp ứng một phần rất nhỏ nhu cầu hiểu biết của con người. Tự học giúp chúng ta chiếm lĩnh kho tàng tri thức nhân loại phong phú, mới mẻ; đáp ứng được nhu cầu của thời đại. Dù làm ngành gì, nghề gì, chúng ta cũng cần tự học; ngay cả nhà bác học thiên tài như Đác-uyн cũng từng nói: “Nhà bác học không có nghĩa là ngừng học”. Chính tinh thần tự học sẽ khơi dậy trong mỗi chúng ta niềm say mê, hứng thú và chủ động trong tìm tòi, nghiên cứu từ đó phát huy tối đa tính sáng tạo và khả năng tư duy của bản thân. Không có gì bất ngờ nếu một người có tinh thần tự học trở thành một người độc lập trong hành động và cuộc sống. Trong bối cảnh hiện nay, khi đại dịch Covid-19 bùng nổ trên toàn cầu thì vấn đề sức khỏe, tính mạng được đặt lên hàng đầu. Ở Việt Nam, đã có thời điểm tất cả trường học phải đóng cửa để thực hiện giãn cách xã hội, tránh để virus lây lan. Vấn đề đặt ra cho học sinh, sinh viên là: Phải làm gì để thời gian nghỉ dịch không tạo nên lỗ hổng kiến thức không lồ sau khi trở lại trường học? Không có những giờ nghe giảng trực tiếp dưới sự dẫn dắt của thầy cô, chúng ta phải học online qua thiết bị công nghệ hay thậm chí là hoàn toàn không được tiếp xúc với bất cứ bài giảng nào với bất cứ hình thức nào. Đó là lúc tinh thần tự học “lên ngôi”! Trước hết, chúng ta cần ôn lại kiến thức trong sách vở để bù đắp những lỗ hổng đã có, rèn luyện các dạng bài, dạng đề thật nhuần nhuyễn. Quan trọng nhất là chúng ta cũng phải chuẩn bị cho bản thân tâm thế thật tốt với thời khóa biểu nghiêm túc như đi học trên lớp. Sẽ là vô ích nếu tự học với một thái độ thiếu tập trung, lơ đãng bởi phim ảnh, trò chơi điện tử, sách truyện. Nếu còn thời gian, hãy đọc trước những bài học trong sách giáo khoa, điều này có lợi hơn rất nhiều khi chúng ta trở lại trường học. Ngoài ra, chúng ta cũng có thể tận dụng các phương tiện công nghệ và internet để lên mạng học hỏi, tra cứu những kiến thức mới, tìm hiểu lĩnh vực mà chúng ta đam mê, yêu thích. Mỗi học sinh chúng ta hãy chủ động biến thách thức thành “cơ hội” để vươn lên trên người khác giống như William Arthur Ward từng nói: “Hãy học khi người khác ngủ; lao động khi người khác hười nhác; chuẩn bị khi người khác chơi bời; và có giấc mơ khi người khác chỉ ao ước”. Để việc tự học đạt được hiệu quả cao nhất, chúng ta cần sự kiên trì, nỗ lực không ngừng, không ngại cái mới, cái khó, có một phương pháp học tập hợp lý... Thật đáng xấu hổ cho những con người không bao giờ chịu học hỏi, luôn cho mình là đúng hay luôn cố gắng che giấu sự ngu dốt của bản thân mình... Tuy nhiên, để cao vai trò của việc tự học không có nghĩa là phủ nhận hay xem nhẹ vai trò của thầy cô, nhà trường. Họ chính là người định hướng, vạch ra một lộ trình bài bản nhất để việc học của mỗi chúng ta trở nên hiệu quả nhất. Thật sai lầm khi ai đó nghĩ rằng rời khỏi trường học là kết thúc việc học thêm những điều mới. Cuộc sống chính là một quá trình không ngừng tự học và không ngừng vươn lên.

Bài 3: Viết đoạn văn nghị luận về vấn đề bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Gợi ý làm bài

Hiện nay, vấn đề chủ quyền biển đảo Việt Nam chính là một trong những vấn đề nhạy cảm, mang tính thời sự thu hút sự quan tâm của toàn thể đồng bào cả nước và cả hệ thống chính trị. Chủ quyền biển đảo Việt Nam được hiểu là quyền lực độc lập của Việt Nam đối với vùng biển và hải đảo quốc gia. Hòa bình lập lại ở Việt Nam đã mấy thập kỉ qua nhưng quá trình đấu tranh bảo vệ độc lập tự do của chúng ta vẫn chưa dừng lại, chúng ta vẫn phải tinh túc và đề cao cảnh giác với những thế lực thù địch trong và ngoài nước. Biển đảo Việt Nam trong đó có

hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là của người Việt Nam. Điều này đã được chứng minh bằng lịch sử và các tài liệu khoa học. Các tư liệu khoa học và pháp lý được công bố hiện nay, đều thể hiện quá trình khai phá, chiếm hữu và thực thi chủ quyền liên tục của Việt Nam suốt chiều dài lịch sử. Tuy nhiên những năm gần đây, các thế lực bên ngoài đã có nhiều hành động xâm hại đến chủ quyền biển đảo của nước ta như kẻ đường lưỡi bò; hạ dàn khoan trái phép; đưa tàu quân sự, tàu chiến vào vùng biển Việt Nam để kích động chiến tranh; bắt ngư dân, tấn công các tàu cá Việt trên vùng biển của chính Việt Nam, ngang ngược xây dựng thành phố Tam Sa trên quần đảo Hoàng Sa... Trong bối cảnh đó; Đảng, Nhà nước đã tiến hành những chính sách phù hợp để bảo vệ chủ quyền biển đảo chính đáng của mình từ biện pháp hòa bình, đàm phán tránh xung đột đến cứng rắn thể hiện quan điểm. Tuy nhiên, để “cuộc chiến” căng thẳng này có thể đi đến thắng lợi, vai trò của mỗi cá nhân người Việt là vô cùng quan trọng. Mỗi người cần nghiên cứu, nhận thức sâu sắc về ý nghĩa thiêng liêng chủ quyền biển đảo và giá trị to lớn của chủ quyền mà ông cha ta đã đổ xương máu để xây dựng; về lịch sử Việt Nam đặc biệt là lịch sử địa lý liên quan đến chủ quyền biển đảo, về lịch sử hai quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa... tìm hiểu rõ chính sách ngoại giao nhất quán của Đảng và Nhà nước ta về vấn đề Biển Đông cũng như nội dung của luật pháp, chế độ pháp lý của các vùng biển theo Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển 1982. Bên cạnh đó, mỗi chúng ta cũng cần hướng ứng tích cực các diễn đàn hợp pháp trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên internet, khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên các diễn đàn, đồng thời kịch liệt lên án, tham gia đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm phạm chủ quyền biển đảo Việt Nam. Sẵn sàng trở thành hậu thuẫn, là chỗ dựa tinh cảm vững chắc của những người lính biển đảo, bằng những việc làm thiết thực như gửi thư đến các anh lính hải đảo để chia sẻ, động viên và tiếp sức cho các anh hùng lực lượng canh giữ biển trời. Điều quan trọng nữa là không ngừng tu dưỡng phẩm chất người Việt Nam mới, tích cực tham gia xây dựng đất nước giàu mạnh, có định hướng lý tưởng yêu nước và đoàn kết thi chúng ta sẽ kết nối khối sức mạnh lớn đủ sức bảo vệ chủ quyền biển đảo. Và, nếu trong một hoàn cảnh nào đó, khi Tổ quốc gọi tên, hãy chuẩn bị tâm thế sẵn sàng trực tiếp tham gia vào công cuộc giữ gìn biển đảo quê hương. Thời gian gần đây, trước hành động xâm phạm chủ quyền đáng căm phẫn của một số thế lực thù địch bên ngoài, nhiều cuộc mít-tinh biểu tình, bạo động thậm chí tiêu cực hơn là tự thiêu đã xảy ra. Vẫn biết rằng những việc làm đó xuất phát từ tình yêu nước; tuy nhiên, mỗi người cần hiểu rằng những việc làm đó có thể sẽ tạo cơ hội để thế lực thù địch lợi dụng, xúi giục chống phá Nhà nước hay gây hoang mang, chia rẽ lòng dân... Chính vì vậy hãy luôn là một người yêu nước sáng suốt! Biển đảo Việt Nam là một phần lãnh thổ thiêng liêng không thể tách rời của Tổ quốc được cha ông truyền lại. Bảo vệ chủ quyền biển đảo chính là bảo vệ lãnh thổ, đất nước và cuộc sống bình yên của chính bản thân, gia đình chúng ta.

Bài 4: Viết đoạn văn nghị luận xã hội về vấn đề bạo lực học đường.

Gợi ý làm bài

Những năm trở lại đây, bạo lực học đường đang ngày càng trở thành vấn đề nhức nhối gây đau đầu đối với gia đình, nhà trường, ngành Giáo dục và toàn xã hội. Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lý đạo đức xúc phạm, trấn áp người khác gây nên những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học. Tại Việt Nam, số liệu được Bộ Giáo dục và Đào tạo đưa ra gần đây nhất, trong một năm học, toàn quốc xảy ra gần 1.600 vụ việc học sinh đánh nhau ở trong và ngoài trường học. Cũng theo thống kê của Bộ Giáo Dục và Đào tạo, cứ khoảng trên 5.200 học sinh (thì có một vụ đánh nhau; cứ hơn 11.000 học sinh thì có một em bị buộc thôi học vì đánh nhau, cứ 9 trường thì có một trường có học sinh đánh nhau...). Mỗi ngày, trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang mạng xã hội hay trong chính cuộc sống xung quanh, chúng ta có thể dễ dàng bắt gặp những tin tức về các vụ bạo lực học đường. Đó là cảnh một nhóm học sinh đánh đập thô bạo bạn học không đủ sức kháng cự; những vụ nữ sinh đánh nhau còn xé áo, xé quần nhằm làm nhục bạn rồi tung lên mạng xã hội. Hay có những bài báo đưa tin thầy giáo, cô giáo có những lời lẽ hành động xúc phạm đến danh dự

và thân
quả vô
tinh thà
các gia
nhiệm t
tử bắn t
văn hóa
cô giáo
trách nl
lý. Một
hành đ
pháp n
hành vi
những
tử hành
con tiê
lực học
xã hội.
bạo lực
trường



● Gợi

Troi
càng đ
đon gi
phổ bi
“Sóng
những
lên các
đôi kh
đôi th
mạng ;
ra khâ
một cc
lên mạ
trê thô
huồng
mất n
trọng |
like, sì
con ng
thật. N

và thân thể học sinh. Rồi học sinh có thái độ vô lễ, coi thường thầy cô giáo... Bạo lực có thể gây ra những hậu quả vô cùng nghiêm trọng đối với mọi người. Với người bị hại, hành vi bạo lực làm ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần thậm chí là tính mạng. Không chỉ thế, hậu quả của bạo lực học đường con gây mất mát, thương đau cho các gia đình có con bị hại. Đối với kẻ gây ra bạo lực, chắc chắn họ sẽ bị lên án, kỉ luật, nặng hơn là chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi của mình. Về nguyên nhân của bạo lực học đường, đầu tiên chính là xuất phát từ bản thân người thực hiện hành vi bạo lực. Với học sinh, sinh viên là ảnh hưởng bởi môi trường bạo lực, thiếu văn hóa hoặc tiếp xúc với quá nhiều những yếu tố bạo lực như phim ảnh hay các trò chơi điện tử. Về phía thầy cô giáo có hành vi bạo lực là bởi thiếu tình thương yêu. Bên cạnh đó, gia đình và nhà trường cũng có một phần trách nhiệm do chưa có sự quan tâm thích đáng cũng như chưa có phương pháp giáo dục con cái, học sinh hợp lý. Một nguyên nhân nữa phải kể đến chính là sự dừng đung của một bộ phận người trong xã hội trước những hành động bạo lực học đường, im lặng chính là hành động tiếp tay tàn nhẫn để bạo lực học đường lan rộng. Giải pháp nào để ngăn chặn bạo lực học đường? Trước hết, bản thân mỗi người cần có những nhận thức đúng đắn về hành vi của mình, có cách điều chỉnh và rèn luyện bản thân theo những hướng tích cực hơn. Nhà trường cần có những phương pháp giáo dục toàn diện hơn, chặt chẽ hơn để học sinh có thể nhìn thấy những tác hại khôn lường từ hành vi thiếu ý thức của mình. Gia đình cũng cần quan tâm tới cuộc sống của con cái nhiều hơn, hạn chế cho con tiếp xúc với những môi trường chứa nhiều bạo lực như phim ảnh hay các trò chơi điện tử... Tình trạng bạo lực học đường đã và đang gây nhức nhối cho xã hội nhưng đó chỉ là một mảng tối trong bức tranh rộng lớn của xã hội. Chúng ta không nên đánh mất niềm tin vào con người. Mỗi chúng ta cần nhận thức đúng đắn về vấn nạn bạo lực học đường; sống có lí tưởng với trái tim đạo đức, đầy yêu thương. Hãy cùng nhau chung tay trả lại cho trường học môi trường phát triển lành mạnh như đúng bản chất của nó!

Bài 5 Viết đoạn văn nghị luận về hiện tượng “sóng ảo” trong giới trẻ hiện nay.

Gợi ý làm bài

Trong những năm trở lại đây, cùng với sự phát triển chóng mặt của khoa học công nghệ, cụm từ “sóng ảo” ngày càng được nhắc đến nhiều hơn khi nói về lối sống của một bộ phận giới trẻ hiện nay. “Sóng ảo”, hiểu một cách đơn giản đó là lối sống thoát li thực tại, sống không giao tiếp với cuộc sống bên ngoài. “Sóng ảo” là một hình thức phổ biến nhất hiện nay đối với các bạn trẻ, đặc biệt là ở trên các trang mạng xã hội facebook, instagram, zalo,... “Sóng ảo” đang được các bạn trẻ hưởng ứng nhanh chóng. Những bữa ăn sang chảnh, những món hàng hiệu xa xỉ, những địa điểm du lịch nổi tiếng... của mình (thậm chí là của người xa lạ) được các bạn trẻ chỉnh sửa và “post” lên các trang mạng để được trầm trồ, ghen tị và xem đó như một cách thể hiện, khẳng định đẳng cấp. Các bạn trẻ đôi khi cũng coi “sóng ảo” là cách tránh hiện thực đời sống. Những bức bối, những khó chịu của cuộc sống đời thực khiến con người mệt mỏi, bất lực muôn tìm đến một nơi để giải tỏa, để trút hết tâm tư. Và họ tìm đến với mạng xã hội như một thứ thuốc giải thần kì. Từ đó tạo nên sự đối lập sống thật và sống ảo. Một sự thật đang diễn ra khá phổ biến đó là nhiều người ngoài đời thực rất ít nói, kiệm lời nhưng khi lên mạng xã hội thì họ như trở thành một con người khác, hoạt bát, năng nổ, dễ bắt chuyện. Những cô cậu trẻ tuổi với vẻ ngoài bình thường nhưng khi lên mạng lại trở thành “hot girl”, “hot boy” được nhiều người theo dõi. Chính những điều ấy hình thành cho giới trẻ thói quen sống ảo, khép mình với cuộc đời thực ngoài kia. “Sóng ảo” là một hiện tượng tiêu cực, dễ dàng ảnh hưởng tới sự phát triển của mỗi người. Khi mải mê đắm chìm trong thế giới ảo, chắc chắn rằng mỗi người sẽ đánh mất những giá trị tốt đẹp của cuộc sống xung quanh như tình cảm gia đình, tình bạn bè, tình thầy cô... hay nghiêm trọng hơn là hình thành thái độ băng quan, vô cảm với cuộc đời. Khi quá quen bày tỏ cảm xúc bằng những nút like, share vô cảm dần dần có thể khiến ta “quên đi cách biểu đạt cảm xúc” thực sự. Bên cạnh đó, với lối sống ảo, con người ta dần mất sự kiểm chứng xác thực với các thông tin trên mạng xã hội, mơ hồ đồn đại và tin rằng đó là thật. Những thông tin sai lệch trên mạng xã hội vô tình đều độc suy nghĩ con người, khiến con người mất dần lí trí.

khrien ng
bi trung
Câu nói
người vi
hay co g
lao, tình
tinh cảm
Bí kíp
Hi Lạp
Gọi
Hi L
con đườ
quá trình
của nhữ
cùng mă
học đã t
của việc
thức mă
trình họ
bát lực l
bị điểm
những l
của việc
nâng ca
sóng xâ
hương.
của mỗ
Ê-dì-xo
học đất
Mạc Dì
để có n
mỗi ng
đầu trê
quân n
hào. T
thông l
trách đ
người l
Đó là n
sức mă
lực vư

Ngày hôm nay, ta chứng kiến không biết bao nhiêu vụ tin tức lừa đảo, bao nhiêu vụ nghi ngờ lẫn nhau trên facebook rồi hẹn đánh nhau,... Biết bao con người đã đi vào con đường lầm lỡ vì tin vào mạng xã hội, vì đắm chìm trong thế giới đó. Học sinh lười học, ngày ngày mải mê bên máy tính, điện thoại, lúc nào cũng chăm chăm làm sao để có những bức hình đẹp mà không suy nghĩ tới bốn phận và trách nhiệm của một người học sinh. Tất cả thực trạng ấy là một giọt nước mắt buồn cho cả một xã hội đang phát triển theo con đường hội nhập. Nói về nguyên nhân dẫn đến thực tế ấy, một phần là do cách quản lý, định hướng của các bậc phụ huynh khi cho con cái mình tiếp xúc với công nghệ hiện đại. Thế nhưng nguyên nhân sâu xa chính là bắt nguồn từ bản thân mỗi người trẻ. Họ dễ bị cám dỗ, không làm chủ được mình, không có ý thức sắp xếp thời gian hợp lí, vì vậy vô tình để thế giới ảo điều khiển con người mình. Mỗi người cần tự răn đe bản thân trước sự cám dỗ của mạng xã hội, hãy hòa nhập với cộng đồng nhiều hơn, đi ra ngoài và trải nghiệm cuộc sống muôn màu. Hãy nhớ rằng mạng xã hội là công cụ của con người để giải trí khi mệt mỏi, căng thẳng; đừng tự biến mình thành công cụ để mạng xã hội điều khiển, thao túng mà đánh mất quyền làm người.

Dạng bài Nghị luận tư tưởng đạo lí

3.1 Bersot nói: “Trong vũ trụ có lăm kỳ quan, nhưng kỳ quan đẹp nhất là trái tim của người mẹ”. Trình bày ý kiến của em về câu nói trên bằng một đoạn văn (khoảng 1 trang giấy)

Gợi ý làm bài

Bàn về vẻ đẹp của tình mẫu tử, Bersot từng nói: “Trong vũ trụ có lăm kỳ quan nhưng kỳ quan đẹp nhất là trái tim của người mẹ” để ca ngợi và khẳng định tình cảm thiêng liêng, cao quý của người mẹ dành cho con trong cuộc đời. “Kỳ quan” được hiểu là công trình kiến trúc đẹp, kỳ lạ, hiếm thấy, nó thường mang vẻ đẹp tuyệt vời khiến người ta ngưỡng mộ. “Trái tim người mẹ” chính là để nói về tình cảm, tình yêu thương vô bờ bến của người mẹ. Khi đồng nhất giữa “kỳ quan” và “trái tim người mẹ”, Bersot át hẳn muôn đề cao công lao, tình yêu thương vĩ đại của người mẹ, nó đẹp đẽ, bất tử và tuyệt vời hơn bất cứ kỳ quan nào mà con người được chiêm ngưỡng. Trái tim của người mẹ là kỳ quan vĩ đại nhất, tình yêu thương của người mẹ là thiêng liêng, cao đẹp nhất. Bởi lẽ mẹ là người mang nặng đẻ đau suốt chín tháng mười ngày, người nuôi dưỡng ta khôn lớn, người chia sẻ vui buồn, dạy ta những bài học đầu tiên của cuộc sống... Kể cả khi con có lòn khôn, trưởng thành thì trước lòng mẹ bao la, con vẫn luôn là đứa con bé bỏng. Mẹ yêu thương, theo con đến suốt đời. Là khi con thơ bé, từ lúc chào đời đã được mẹ dỗ dành, nâng niu, lớn hơn một chút nữa, mẹ chính là người nâng đỡ những bước đi đầu tiên. Rồi khi lớn lên, khi cuộc sống bon chen làm con mệt mỏi, lòng mẹ lại là bến đỗ bình yên vỗ về trái tim bé bỏng của con. Tình mẹ là vậy đấy, bình dị, giản đơn, nhưng nó vĩnh hằng và thiêng liêng hơn bất cứ một kỳ quan nào trong vũ trụ. Trái tim mẹ không phải là cái gì đó vô hình mà nó được thể hiện trong những điều bé nhỏ, bình dị. Người mẹ sẵn sàng hi sinh vô điều kiện để mang lại cho con những điều tuyệt vời nhất, đó là tình yêu thương cao cả mà suốt cuộc đời này con không thể nào thấu hết. Sóng với trái tim của người mẹ, con người luôn được bao bọc bởi tình yêu thương. Đâu đó trên khắp đất nước Việt Nam có vô vàn những tấm gương về tình mẫu tử. Đó là người mẹ chiến sĩ Đậu Thị Huyền Trâm, mang thai 5 tháng thì phát hiện ung thư nhưng chị từ chối mọi phương pháp điều trị, chịu đựng mọi đau đớn để bảo vệ tính mạng đứa con trong bụng. Đó là người mẹ mắc bệnh hở van tim ba lá Đặng Thị Bé Thủy đã hi sinh mạng sống để con được chào đời bình an... Và còn rất nhiều bà mẹ bằng cách này hay cách khác vẫn đang từng ngày hi sinh thầm lặng vì những đứa con – những người hùng phi thường. Tuy vậy, xã hội vẫn luôn tồn tại những mặt trái của nó. Trên các trang mạng xã hội, mặt báo, không ít những thông tin về việc mẹ bạo hành con cái hay những vụ việc mẹ bỏ rơi con ngay từ khi mới sinh ra, thậm chí buộc đứa trẻ vào túi nilông vứt đi để chó tha, ném con từ tầng cao xuống khe nhà... Đó là những hành động nhẫn tâm, vô cảm

trên
chim
m sao
i thực
uyên
h tiếp
Họ dễ
điều
i cộng
ia con
từng
Trình
là trái
trong
ết với
người
hướng
gưỡng
át. Bởi
sẽ vui
ng mẹ
ic chào
en. Rồi
ng của
o trong
Người
cả mà
đọc bởi
i người
ng pháp
van tim
ng cách
ng. Tuy
g thông
đứa trẻ
vô cảm

khiến người đọc phải xót xa, căm phẫn. Những hành động đó của họ cần phải bị phê phán, bài trừ, thậm chí phải bị trừng phạt nghiêm minh để cho tinh thần từ luôn phát huy được những giá trị thiêng liêng và tốt đẹp của nó. Câu nói của Bersot là lời khẳng định, ngợi ca, tôn vinh những giá trị cao đẹp của tình mẹ, thức tỉnh những con người vô tâm, bất hiếu với bậc sinh thành. Những thứ đã qua đi không bao giờ lấy lại được. Vậy nên, chúng ta hãy cố gắng tu dưỡng để trở thành những con người có đạo đức tốt, nhân cách cao đẹp, để đền đáp những công lao, tình cảm của mẹ dành cho chúng ta. Tình mẫu tử là tình cảm vô giá. Được sống, biết trân trọng và nâng niu tình cảm thiêng liêng ấy, cuộc sống của con người sẽ trở nên bền vững và ý nghĩa hơn bao giờ hết.

Bài 2 Nghị luận về câu: “*Cái rẽ của học hành thì cay đắng nhưng quà của nó thì ngọt ngào*” (Ngạn ngữ Hi Lạp) bằng một đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy)

Gợi ý làm bài

Hi Lạp, xứ sở của những vị thần thông minh, nhân bản đã đúc kết một câu nói đơn giản nhưng chính xác về con đường học hành đó là: “Cái rẽ của học hành thì cay đắng nhưng quà của nó thì ngọt ngào”. “Học hành” là quá trình học tập, rèn luyện để tích lũy kiến thức, mở mang hiểu biết của mỗi người. “Rẽ đắng” là hình ảnh ẩn dụ của những khó khăn, vất vả trong quá trình học tập. “Quà” được nhắc đến ở đây chính là thành quả, kết quả cuối cùng mà quá trình học tập mang lại; “quà ngọt” là phần thưởng tất yếu, xứng đáng với những công sức mà người học đã bỏ ra. Câu ngạn ngữ của Hi Lạp đã thể hiện nhận thức sâu sắc về quy luật của việc học cũng như ý nghĩa của việc học đối với mỗi người. Sở dĩ nói cái rẽ của học hành thì đắng cay bởi lẽ để học tập, lĩnh hội những tri thức mới, con người sẽ phải đầu tư rất nhiều thời gian, công sức và cả một quá trình học tập lâu dài. Trong quá trình học tập, gây dựng nền móng (chùm rẽ) tri thức ấy, tất yếu sẽ có những vất vả, gian nan; đó là sự chán nản, bất lực khi không thể lĩnh hội một đơn vị kiến thức khó; đó là khi ta trải qua cảm giác thất bại, niềm vị cay đắng: bị điểm kém, bị quở trách, thi hỏng... Để đạt được mục đích cuối cùng, mỗi người phải từng bước chinh phục những khó khăn ấy để leo lên bậc thang của học vấn. Và, trải qua quá trình học tập nhiều gian khổ thành quả của việc học sẽ là những trái ngọt, là phần thưởng xứng đáng cho mọi cố gắng. Vị ngọt ở đây trước hết là việc nâng cao hiểu biết, sự am hiểu của bản thân về những tri thức mới mẻ, nâng cao tự tin của con người trong cuộc sống xã hội. Bên cạnh đó, vị ngọt cũng là niềm vui sướng, tự hào cho cá nhân, gia đình, thầy cô, nhà trường, quê hương. Thành công từ việc học chính là đôi cánh cho những ước mơ, khát vọng lập nghiệp, kiến thiết đất nước của mỗi cá nhân. Nhân loại có vô vàn những tấm gương ham học mà đạt được thành tựu. Nhà khoa học vĩ đại E-đi-xon đã trải qua hàng ngàn thí nghiệm thất bại mới có thể phát minh ra bóng đèn. Marie Curie - nhà nữ bác học đầu tiên trên thế giới đạt giải Nobel đã hi sinh cả tuổi thanh xuân, vượt qua bao nhiêu sóng gió vì khoa học. Mac Đĩnh Chi - chú bé nghèo bắt đom đóm làm đèn học, vượt qua bao nỗi mặc cảm miệt mài học tập kinh sử để có ngày đỗ bảng vàng vinh quy báu, trở thành “lưỡng quốc trạng nguyên”... Kiến thức vô tận mà cuộc đời mỗi người là hữu hạn trăm năm, chính vì vậy mỗi người cần không ngừng tự giác, bồi dưỡng, rèn luyện, phấn đấu trên con đường lĩnh hội tri thức. Chỉ khi chúng ta không ngừng nỗ lực, kiên trì theo đuổi học vấn mà không quản ngại khó khăn thì những thành quả mà chúng ta thu nhận được mới thực sự quý giá và khiến chúng ta tự hào. Thật đáng buồn khi ngày nay nhiều thế hệ trẻ không còn xem trọng việc học, không tiếp nối được truyền thống hiếu học của cha ông. Khi gặp khó khăn, một điểm kém, một bài toán khó, một bài văn dài vội than trời trách đất, cho rằng học cũng chẳng thể áp dụng được vào cuộc sống, chương trình khô khan, chán nản... Cũng có người học muôn nếm quà ngọt mà không phải đổ mồ hôi, công sức nên sẵn sàng gian lận, ý lại vào người khác. Đó là những suy nghĩ, việc làm thiên cận vã vô ích sẽ chỉ dẫn chúng ta đến cái đích thất bại mà thôi. Học vấn có sức mạnh biện kề vô danh thành vĩ nhân; chính vì vậy, để chinh phục nó hay luôn giữ vững quyết tâm và nghị lực vượt qua chông gai, thử thách. Thành công sẽ đến với người nỗ lực.

Qua bài
thách c
sau kh
trước i
bỏ cuộ
của Đứ
nhiều i
trái qu
Bác đâ
từng b
chủ cù
qua ng
vẫn cò
đồ lõi c
hận, c
là ta dâ
cầm c
cần ph
không
cho ho
quan tí
tóm lại
tương

Bài 3

Bài 3 Nghị luận về câu nói của nhà văn Nga Lép Tôn-xtôi: “Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống”.

Gợi ý làm bài

Bàn về vai trò vô cùng quan trọng của lí tưởng với cuộc sống con người, nhà văn Nga Lép Tôn -xtôi nói: “Lí tưởng là ngọn đèn chỉ đường. Không có lí tưởng thì không có phương hướng kiên định, mà không có phương hướng thì không có cuộc sống”. Có lẽ mỗi khi chạm đến hai chữ “lí tưởng” thì nhiều người cảm thấy như gặp một điều gì xa vời, gắn với những vĩ nhân như lí tưởng vô sán của Lê-nin, lí tưởng cách mạng của Các Mác, Ăng ghen... Nhưng không, “lí tưởng” chỉ đơn giản là mục đích cao nhất mà mỗi con người muốn hướng tới, là lí do, sự khao khát mà mỗi người mong mỏi đạt được. Theo Lép Tôn-xtôi, “lí tưởng” là “ngọn đèn chỉ đường” giúp ta thấy rõ đường đi, ngay cả trong những phút giây đen tối. Không có lí tưởng thì không thể có “phương hướng kiên định” ấy là cái mục tiêu, là đường lối xác định được đề ra dựa trên sự quyết tâm giữ vững lập trường. “Cuộc sống” trong câu nói là sống ý nghĩa chứ không phải chí tồn tại. Câu nói khẳng định: Lí tưởng rất quan trọng. Và, sống trên đời, mỗi người cần có một lí tưởng sống, vì sống mà không có lí tưởng thì sẽ không thể xác định những việc nên làm, dẫn đến việc chúng ta sống một cuộc đời thừa, không có giá trị. Quan điểm của Lép Tôn-xtôi là hoàn toàn đúng đắn. Minh chứng cho điều này, tiêu biểu nhất chính là Bác Hồ kính yêu của dân tộc Việt Nam. Với lí tưởng tìm ra con đường cứu nước đưa dân tộc thoát khỏi bùn nô lệ tăm tối, ngày 5/6/1911, Bác đã ra đi tìm đường cứu nước với hai bàn tay trắng, bôn ba xú lạ quê người. Chính nhờ lí tưởng cao đẹp ấy soi đường mà Người đã thành công, đất nước nhân dân Việt Nam mới được thấy ánh sáng của tự do, độc lập, hạnh phúc. Một người khác cũng có thể chúng ta đều biết đó là bác sĩ Đặng Thùy Trâm. Sinh ra ở Hà Nội, tốt nghiệp Đại học Y Khoa; chỉ hoàn toàn có thể có một công việc ổn định ở hậu phương, sống cuộc sống bình thường, an ổn. Thế nhưng, chị lựa chọn bỏ lại sau lưng tất cả để xung phong vào chiến trường miền Nam tham gia kháng chiến chống Mỹ. Chính lí tưởng đã soi đường cho chị và biết bao lớp người anh dũng hi sinh để bảo vệ non sông, gấm vóc Việt Nam. Nếu những tấm gương lịch sử ấy quá xa vời, vậy hãy nói về thời hiện tại, cái tên Nguyễn Công Hùng không hề xa lạ với nhiều người. Anh bị bại liệt toàn thân từ năm hai tuổi nhưng có thể trở thành chủ Trung tâm đào tạo Tin học, Giám đốc Trung tâm Nghị lực sống - mái nhà cho người khuyết tật... Nếu không có lí tưởng liệu anh có thể thành công như vậy? Lí tưởng rất quan trọng trong cuộc sống của mỗi chúng ta. Tuy nhiên, không phải ai cũng hiểu được điều đó. Đâu đó vẫn còn những con người đó suốt ngày ăn chơi lêu lổng, không chịu tâm vào tu dưỡng kiến thức, đạo đức. Có thể họ cho rằng, đó là “lí tưởng” mà họ theo đuổi nhưng thực tế lại là suy nghĩ thiển cận. Bất cứ việc gì, ngay cả ăn chơi hưởng thụ cũng cần có điều kiện, nếu không có mục tiêu làm việc phấn đấu làm ra của cải thì sẽ chẳng có gì được làm ra. Cuối cùng, những người ấy thường kết thúc cuộc đời của mình trong thiểu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần hay nghiêm trọng hơn là trở thành gánh nặng của gia đình, xã hội. Vì vậy, mỗi cá nhân chúng ta nên hướng đến những lí tưởng sống có ý nghĩa, để không sống hoài, sống phí những năm tháng qua đi.

Bài 4 Viết đoạn văn nghị luận về câu nói của Đặng Thùy Trâm: “Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”.

Gợi ý làm bài

Cuộc đời không phải con đường trãi đầy hoa hồng, chính vì vậy, muốn sống ý nghĩa con người nhất định phải luôn kiên cường đối diện và vượt qua như Đặng Thùy Trâm từng nói: “Đời phải trải qua giông tố nhưng không được cúi đầu trước giông tố”. Giông tố” là một hiện tượng thời tiết nguy hiểm tồn tại ngoài ý thức của con người, trong câu nói của Đặng Thùy Trâm, nó biểu tượng cho những khó khăn, thử thách tất yếu có thể xảy ra với cuộc sống của con người. “Cúi đầu” ám ý chỉ hành động chấp nhận, thái độ khuất phục, đầu hàng trước khó khăn, số phận.

Bài 4

Gợi

Bàn
đầu th
là sự k
và nhâ
của coi
người c
hiện th
người c
người l
ta khôn
nhận t
hy sinh
bóng đ
giác qu
phải c
giá trị t

Qua đây, câu nói hướng đến khuyên con người dũng cảm đối đầu; không nản chí, lùi bước trước khó khăn, thử thách cuộc đời. Quả đúng như vậy, cuộc đời là một chuỗi những thăng trầm, thất bại luôn đi kèm với thành công, sau khổ đau là những hạnh phúc. Tất cả chúng ta đều không được quyền lựa chọn cuộc sống cũng không lường trước những bất trắc, khó khăn sẽ đến nên mâu chốt nằm ở chỗ biết cách vươn lên. Người thất bại thì chấp nhận bỏ cuộc, né tránh; người thành công thì dũng cảm đương đầu tìm ra con đường đúng đắn. Chính trong 14 điều răn của Đức Phật thì điều đầu tiên là: “Kẻ thù lớn nhất của đời người là chính mình”. Trong thực tế cuộc sống có rất nhiều những tấm gương đã vượt qua “giòng tố” cuộc đời để vươn tới niềm vui hạnh phúc, thành công. Bác Hồ đã trải qua bao khó khăn hiểm nguy trên con đường tìm ra ánh sáng chân lý, tìm ra con đường giải phóng cho dân tộc. Bác đã khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bill Gates trước khi trở thành tỷ phú giàu nhất thế giới từng bỏ dở giấc mơ đại học và thành lập công ty, nhiều lần thất bại nhưng không nản, cuối cùng trở thành ông chủ của Tập đoàn Microsoft. Giả sử nếu những con người ấy không có đủ dũng khí, sức mạnh và lòng tin để vượt qua nghịch cảnh, liệu họ có thể trở thành những cá nhân khiến cả thế giới nể phục hay không? Ngược lại, xã hội vẫn còn có một số người sống lay lắt, thiếu nghị lực, đứng trước một chút ít khó khăn đã nản lòng, buông bỏ và đổ lỗi cho số phận... Một số người khác lại chọn cách sống ý lại, dựa dẫm, không được giúp đỡ lại sinh lòng oán hận, chán ghét. Có ai đó đã từng nói rằng chiến thắng ngọt ngào nhất không phải là khi ta đánh bại kẻ thù nào mà là ta đã chiến thắng chính bản thân mình. Nếu bạn chỉ biết ngủ vùi trong thất bại thì có nghĩa là bạn đang tự gián cảm chính cuộc đời mình, bạn hoàn toàn thua cuộc. Là học sinh, ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường, chúng ta cần phải rèn luyện ý chí bền bỉ trong những việc nhỏ nhất như: gấp bài tập khó không bỏ cuộc, điền số thập không nản chí... Lứa thử vàng, gian nan thử sức. Chính vì vậy, trước khó khăn hãy ngừng than vãn, ngừng đổ lỗi cho hoàn cảnh; hãy coi đó là môi trường thử thách, là cơ hội, động lực để phấn đấu vươn lên. Người ta sẽ chẳng quan tâm ta đã thất bại bao nhiêu lần trước khi thành công mà chỉ muốn biết thành công của ta là gì mà thôi. Nói tóm lại, trong cuộc đời, chỉ có một con đường duy nhất để vươn lên là không từ bỏ, vững tin tiến về phía trước, tương lai sẽ mở rộng cửa chào đón chúng ta.

Bài 5 Viết đoạn văn nghị luận về câu nói: “Trên đời này chỉ có một thứ mà ta phải cùi đầu thán phục, đó là tài năng và chỉ có một thứ ta phải quý gối tôn trọng, đó là lòng tốt” (V. Huy-go)

Gợi ý làm bài

Bàn về tài năng, đức độ con người, nhà văn V. Hu-go từng nói: “Trên đời này chỉ có một thứ mà ta phải cùi đầu thán phục đó là tài năng và chỉ có một thứ mà ta phải quý gối tôn trọng đó là lòng tốt”. “Tài năng” được hiểu là sự khéo léo khả năng sáng tạo và trí tuệ vượt bậc của con người. “Lòng tốt” cách ứng xử vị tha, khoan dung và nhân hậu giữa người với người. Đây là hai phẩm chất đặc biệt quý giá, thuộc hai lĩnh vực trí tuệ và tâm hồn của con người. “Quý gối tôn trọng”, “cùi đầu thán phục” là cách ứng xử mang thái độ kính cẩn, yêu quý những người có tài năng và lòng tốt. Qua đây, câu nói của V. Hu-go đề cao tài năng và lòng tốt ở mỗi người, đồng thời thể hiện thái độ kính trọng đối với những người có tài năng và lòng tốt. Vậy tại sao ta phải cùi đầu thán phục những người có tài năng? Tài năng là biểu hiện cao nhất cho khả năng trí tuệ của con người, là điều kiện tốt nhất để con người khẳng định giá trị của bản thân và đóng góp cho cuộc sống chung của cả cộng đồng. Đối diện với tài năng, ta không chỉ được chiêm ngưỡng, thán phục trước những nỗ lực mà còn được mở rộng tầm hiểu biết, nâng cao nhận thức để tự hoàn thiện bản thân. Với những người có lòng tốt ta phải “quý gối” vì lòng tốt xét đến cùng là sự hy sinh, dâng hiến cho người, cho đời trên cơ sở của tinh thần nhân đạo. Lòng tốt có thể cảm hóa quý dữ, xưa tan bóng đêm, có thể đưa con người ta hoàn lương trở về với cái thiện cuộc đời. Lòng tốt chính là liều thuốc đánh thức giác quan thứ sáu còn ẩn sâu trong mỗi người. Một con người có tài năng thì chưa đủ, để được hoàn hảo thì họ phải có lòng thương người. Câu nói của V.Huy-go đề xuất một cách đánh giá và một thái độ đúng đắn với những giá trị tốt đẹp của con người. Tài năng bao giờ cũng cần được đề cao và lòng tốt bao giờ cũng cần được coi trọng.

Mọi biểu hiện miệt thị lòng tốt và phủ nhận tài năng đều cần phải lên án, phê phán. Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là chúng ta tuyệt đối hoà vị trí của tài năng và lòng tốt vì trong cuộc sống, trong con người vẫn còn có nhiều phẩm chất khác cần được coi trọng, đề cao. Xã hội ngày nay, thật giả, tốt xấu lẫn lộn. Con người có khi trở nên mê muội, không còn phân biệt cái gì là đáng quý, đáng tôn trọng. Có những con người suốt cuộc đời chỉ lo tìm kiếm công danh, lợi lộc. Họ trau dồi cho thật nhiều kiến thức chỉ để tiền thân, chỉ vì mưu cầu lợi ích cá nhân. Họ chỉ đề cao chữ tài mà chữ tâm thì xem nhẹ, không nhắc đến. Vì thế, một người dù có tài đến đâu mà không có trong mình một tình thần hỷ xả, một tâm hồn cao thượng thì cũng chẳng làm cho người khác nể phục bao nhiêu, đôi khi còn làm cho người khác căm ghét. Ngược lại có những con người có lòng tốt nhưng lại không đủ tài để gánh vác, giúp ích cho đời thì cũng trở nên vô dụng. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: "Có tài mà không có đức là người vô dụng, có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó". Là học sinh ngồi trên ghế nhà trường, chúng ta phải tích cực không ngừng rèn giũa bản thân, bồi dưỡng tài năng; đồng thời bồi đắp lòng tốt, tình yêu người, yêu đời. Có như vậy, cuộc sống của chúng ta mới thực sự có ý nghĩa và đạt được những khát vọng trong cuộc đời. Tài năng và lòng tốt là những điều đáng quý, đáng trân trọng. Cái tài nhòe cái tâm mà cháy lên, cái tâm nhòe cái tài mà toả sáng.

Dạng bài Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong văn bản

Bí kíp: Từ “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ, em hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về ý kiến: “Tất cả kho tàng trên Trái Đất không thể sánh bằng hạnh phúc gia đình” (Calderon)

Gợi ý làm bài

Trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ, Vũ Nương rơi vào bi kịch phải chọn cái chết để chứng minh sự trong sạch phần nhiều xuất phát từ mâu thuẫn, xung đột gia đình. Đọc truyện chúng ta mới càng thấy thầm thía rằng “Tất cả kho tàng trên Trái Đất không thể sánh bằng hạnh phúc gia đình” như Calderon đã nhận định. “Kho tàng” là từ dùng để chỉ toàn bộ tài sản tinh thần quý giá của một cá nhân, cộng đồng. “Hạnh phúc gia đình” là niềm vui, những điều tốt đẹp từ mỗi thành viên gia đình góp lại. So sánh hạnh phúc gia đình hơn tất cả kho tàng trên Trái Đất để nhấn mạnh tầm quan trọng của hạnh phúc gia đình. Nếu kho tàng có thể được bổ sung, làm giàu bằng cách cho ra những sản phẩm tinh thần, được phát triển bằng việc đón nhận và bảo vệ bằng cách duy trì, phổ biến rộng rãi và chia sẻ mai một thì hạnh phúc gia đình được hình thành, bồi đắp từ tình cảm, tâm lòng chân thành, tinh thần trách nhiệm của mỗi thành viên. Sống trong gia đình hạnh phúc, chúng ta sẽ rất bình yên, nhận được sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ, đồng cảm, là chốn nương thân khi ta gặp giông bão cuộc đời, gia đình hạnh phúc đem lại cho ta niềm vui, sự lạc quan, yêu đời, nuôi dưỡng ta những tình cảm tốt đẹp. Gia đình đầm ấm, mọi người mới dốc sức lo việc chung, con cái mới được quan tâm, giáo dục tốt, đây cũng là nét đẹp của lối sống văn minh, có văn hóa trong xã hội hiện nay. Vậy mà chế độ phong kiến với những bất công tồn tại hơn ngàn năm đã đem lại sóng gió cho nhiều gia đình do quan điểm chồng chúa, vợ tôi gây nên. Trong “Chuyện người con gái Nam Xương”, Trương Sinh vì cố chấp bảo thủ với niềm tin mù quáng đã gây nên nỗi oan ức cho Vũ Nương khiến nàng phải chọn con đường tự vẫn để chứng minh trong sạch. Vũ Nương chết trong tủi hờn, đứa con thiêng tinh me, Trương Sinh sống trong dần vật đau đớn cả cuộc đời, cái kết như thế mới thật đáng buồn. Hiểu được giá trị của hạnh phúc gia đình, chúng ta cần phải biết yêu thương, quan tâm người thân trong gia đình, có sự lắng nghe tôn trọng và giúp đỡ nhau trong mọi hoàn cảnh, biết nhường nhịn để gia đình yên ấm. Muôn hái trái ngọt thì phải vụn tròng. Hạnh phúc cũng như hạt giống được ươm mầm được chăm sóc, rồi lớn lên thành cây. Nếu như chăm sóc tốt thì cao lớn thành cây đại thụ xum xuê cành lá ví như hạnh phúc tròn đầy, gia đình thêm gắn kết. Còn nếu như chăm sóc không tốt thì như cây non yếu ớt, gió lay dễ đổ ví như hạnh phúc nhạt nhòa, tình cảm chóng rạn nứt. Hạnh phúc gia đình, quý giá và đáng trân trọng nhưng không bao gồm sự ích kỉ, đôi khi

là níu g
mảng c
hoàn c
phúc l
cùng c
nhất n
cha m
luôn t
BAT
viết m
G Xã
mãi đ
biết o
thực ti
tự nh
lại hìn
bán m
tùi nh
áp lạn
Ngày
quê ở
trái q
ngày
trân t
Thực
mát c
phố E
khắc
trên đ
Ngày
hành
yêu, l
tháng
ngày
là tár
bô ic
được
thuor
áp lự
có cù
đóa l

hông
đã có
ó khi
sẽ chỉ
ch cá
u mà
phục
hông

Có tài
nghề
lòng
g khát
i cháy

y nghĩ

ái chết
ta mới
lđerons

"Hạnh
nh hơn
ược bô
ệ bằng
h cảm,

a sẽ rất
io cuộc
ep. Gia
nét đẹp

; tồn tại
Chuyện
úc cho
òn, đứa
g buồn.

ja đình,
uôn hái
n thành
gia đình
ạt nhòa,

, đôi khi

là níu giữ một điều gì đó xa vời, hay cố chấp bắt buộc người khác tạo dựng một điều gì theo ý của mình mà không mang đến cảm nhận của họ. Hạnh phúc gia đình được vun trồng bằng tình yêu thương thể hiện đúng cách, đúng hoàn cảnh và đúng thời điểm. Đừng để nó đi vào con đường lầm lạc nếu không thì cái tưởng chừng như hạnh phúc lại hóa ra bi kịch không lối thoát. Là học sinh, những đứa con trong gia đình, trách nhiệm của chúng ta là cùng cha mẹ xây dựng hạnh phúc gia đình. Hãy quan tâm đến cha mẹ nhiều hơn bằng những hành động dù nhỏ nhất nhất: một cái ôm, một lời nói yêu thương, một hành động giúp đỡ khi cần, ngoan ngoãn, vâng lời... sẽ làm cha mẹ vui lòng. Hãy nắm bắt và trân trọng những hạnh phúc giàn dị mà vĩ đại mình đang có để cuộc sống luôn luôn tốt đẹp, đong đầy yêu thương!

Bài 2 Từ tấm lòng hiếu thảo của Kiều với cha mẹ trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngung Bích”, em hãy viết một đoạn văn nêu những suy nghĩ về chữ “hiếu” trong xã hội ngày nay.

Gợi ý làm bài

Xã hội phát triển từng ngày, có những thứ đã trở thành lỗi thời, phải thay đổi nhưng cũng có những giá trị mãi mãi được đề cao; chữ “hiếu” là một trong số đó. Lòng hiếu thảo có nghĩa là tình cảm, thái độ kính trọng, tôn thờ, biết ơn cha mẹ của mình và đó là một trong những truyền thống đạo đức cao đẹp của con người. Lòng hiếu thảo thực tế chính là nghĩa vụ mà chúng ta phải làm vì không tự nhiên mà chúng ta có mặt ở cõi đời này được, không tự nhiên mà chúng ta nên người. Nó còn là thước đo để đánh giá phẩm chất, đạo đức của con người. Hãy nhớ lại hình ảnh nàng Kiều ở lầu Ngung Bích trong những miêu tả của Nguyễn Du. Người con gái xinh đẹp ấy đã bán mình chuộc cha, hi sinh cả tuổi xuân để bảo vệ cha mẹ mình. Và cũng chính nàng, trong bước đường cùng tủi nhục, đau đớn nhất vẫn không nguôi nhớ về cha mẹ nơi quê nhà: lo lắng, thương xót không ai “quạt nồng, ấp lạnh”, không ai kè cận làm vui lòng cha mẹ... Nhưng, hiếu thảo vốn dĩ không phải chỉ trong sách vở, văn thơ. Ngày nay cũng có vô vàn những tấm gương hiếu thảo đáng trân trọng như vậy. Đó là em Phan Văn Tài (22 tuổi, quê ở Quảng Nam) sẵn sàng bán thận cứu mẹ; là người con “23 năm cuốc bộ tìm mẹ thất lạc giữa triệu người” trải qua bao mưa nắng, khổ cực - ông Nguyễn Lâm Thức (Nghệ An); là cậu bé Lê Văn Chiên (12 tuổi, Nghệ An) ngày ngày lặn lội mò cua bắt ốc, cuốc rau má bán lấy tiền nuôi bà và nuôi dưỡng ước mơ được đi học... Chúng ta trân trọng những tấm gương tốt đẹp ấy bao nhiêu lại càng đau lòng trước những “đứa con nghịch tử” bấy nhiêu. Thực tế, xã hội ngày càng hiện đại lại càng sản sinh ra nhiều con người vô cảm, coi rẻ luân thường đạo lí, đánh mất chữ “hiếu” và đánh mất chính mình. Ngày 11/3/ 2019, dư luận rúng động với thảm án ở Hóc Môn (Thành phố Hồ Chí Minh) khi đứa con trai Nguyễn Hoàng Nam (26 tuổi) ra tay giết hại cha, mẹ, bà nội và một người thân khác do “ngáo đá”. Nguyễn Thế Triều (1983, Tiền Giang) bản tính ham ăn, biếng làm, chơi bời lêu lổng; sống bám trên đùi vai giày của mẹ. Mỗi lần người mẹ buồn bức la mắng mong con tinh ngộ lại trở thành nỗi thù hận trong y. Ngày 31/8/2012, y dùng dao phay chặt nhiều nhát vào đầu, gáy mẹ ruột khiến nạn nhân tử vong. Ngoài những hành động man rợ như vậy, ngoài xã hội kia còn có muôn kiểu “bất hiếu” khác: chửi mắng, đánh đập cha mẹ già yếu, bỏ đói không cho ăn, đuổi ra khỏi nhà, bỏ mặc... “Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng/ Con nuôi cha mẹ tinh tháng tinh ngày” - thực trạng ấy đang rung lên hồi chuông cảnh báo về sự xuống cấp của đạo đức, sự bất hiếu ngày càng phổ biến trong xã hội ngày nay. Để loại bỏ thực trạng đau lòng này, mỗi bậc làm cha làm mẹ phải là tấm gương tốt cho con cái noi theo về lòng hiếu thảo, uốn nắn chúng từ khi còn thơ trẻ vào những hoạt động bổ ích, tích cực, bồi đắp cho chúng tinh thần yêu thương... Với mỗi người, ngay từ khi còn nhỏ thì cần nhận thức được rằng cha mẹ là người mang nặng đẻ đau, nuôi ta khôn lớn trưởng thành. Hãy ngoan ngoãn, vâng lời và yêu thương cha mẹ của mình bằng tất cả sự biết ơn thành thật nhất. Hãy hiếu và thông cảm cho những lúc cha mẹ vì áp lực cuộc sống hay nóng giận mà đánh mắng bởi dù thế nào những mệt mỏi, căm giận kia cũng chỉ vì muốn con có cuộc sống tốt đẹp hơn. Và, hơn hết, phải sống sao cho xứng khi được sinh ra trong cuộc đời này. Hãy luôn là đóa hoa ngát hương làm vui lòng đấng sinh thành; đừng trở thành con dao bén gai tốn thương trái tim cha mẹ.

Chúng t
tiền tuy
bà mẹ g
liệt, ra đ
do của n
nó! Cứ l
để con c
vẹn ngư
chiến sĩ
đang ng
những l
cả nhữn
sinh vì T
châu thc
tuổi thai
Cha hi s
được cắ
cô gắng
khi ta cò
điều lón
không g
nhen, số
công nh
sỉ nhục,
ngày cài
này đã r
có đức t
cũng ph
trong tâ
Đức hi s

Bài 5
quyết tâ
về tình ;
Gợi ;
Tình
mà khôn
dấp, dự
quen, yê
triển. Tr
thù vượt
vô danh
tho “Đò
tham gia

Bài 3 Sau khi học xong đoạn tích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” (Ngữ văn 9, tập 1), có học sinh đã phát biểu: “Nhân vật Lục Vân Tiên quả là một người anh hùng, là tấm gương nghĩa hiệp tuyệt vời nhưng chỉ là trong quá khứ, còn hiện nay không có những con người như vậy nữa”. Từ nhận thức về xã hội hiện nay, em hãy viết đoạn văn trao đổi với bạn về vấn đề trên.

Gợi ý làm bài

Trong số chúng ta, có lẽ ai cũng đã hơn một lần hành động quên mình vì mọi người mà thể hiện tinh thần vị nghĩa, giống như chàng Lục Vân Tiên thuở nào. Sẽ là phiền diện, sai lầm nếu nói: “Nhân vật Lục Vân Tiên quả là một người anh hùng, là tấm gương nghĩa hiệp tuyệt vời nhưng chỉ là trong quá khứ, còn hiện nay không có những con người như vậy nữa”. Trong đoạn trích Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga, Lục Vân Tiên hiện lên là một chàng trai hết sức hào hiệp, thấy người gặp nạn liền ra tay cứu giúp. Chàng khảng khái từ chối ý định báo đáp của Kiều Nguyệt Nga, coi đó là việc tất nhiên mình phải làm. Hành động xả thân cứu người của Lục Vân Tiên thật đáng trọng và đáng quý, biểu trưng cho tinh thần vị nghĩa cao đẹp. Vậy còn hiện nay? Cuộc sống xô bồ, con người phải tất tả ngược xuôi bon chen vào vòng danh lợi để mưu sinh. Và nhiều khi cuộc mưu sinh ấy khiến không ít người trở nên ích kí, nhò nhen chi biết sống cho bản thân. Nhưng, không phải vì thế mà ta có thể đánh đồng họ với cả xã hội; vẫn còn rất nhiều người ngoài kia luôn sống hết mình vì người khác. Chúng ta không quên hình ảnh của nữ ca sĩ Thủy Tiên rong ruổi trên khắp nẻo đường, tìm đến và hỗ trợ, cứu giúp đồng bào miền Trung trong trận lũ lịch sử 2020. Ở đâu có người khó khăn, cô đều tìm cách giúp đỡ họ vượt qua hoạn nạn. Không những thế, cô còn kêu gọi, vận động các mạnh thường quân, các nhà hảo tâm, các tổ chức từ thiện, các doanh nghiệp, cá nhân có chung nguyện vọng cùng chung tay giúp sức tạo nên một phong trào tương trợ nhân ái rộng lớn trên khắp cả nước. Tổng số tiền Thủy Tiên kêu gọi được lên tới 180 tỷ đồng. Cô dùng toàn bộ số tiền đó cứu giúp những già đình gặp khó khăn do mưa lũ mua lương thực tiếp tế, hỗ trợ tiền khắc phục hậu quả, xây nhà, tránh lũ... Trong quá trình ấy, Thủy Tiên từng bị nhiều người soi mói, chỉ trích, vu khống, cố tình bôi nhọ danh dự và nhân phẩm đã dũng cảm vượt qua vũng vàng hành động. Chúng ta cũng không quên những hiệp sĩ đường phố đã âm thầm thực thi công lý, hàng trăm lần thành công bắt cướp... Dù nhiều người không hiểu vẫn luôn gọi họ là những kẻ bao đồng nhưng những người hùng ấy vẫn sẵn sàng xả thân, chấp nhận cả những thương tổn vì muốn bảo vệ bình yên cho nhân dân. Và ở quanh ta vẫn có biết bao những tấm lòng vàng chung tay góp sức để ủng hộ đồng bào lũ lụt, có những người tự nguyện gắn đời mình với những vùng đất xa xôi, hèo lánh trong sự nghiệp trồng người... Thậm chí những hành động nhỏ như bệnh vực bạn bị bắt nạt, lên tiếng trước những hành vi sai lầm cũng là hiệp nghĩa. Vậy đây, những hành động hào hiệp thẩm đượm tình người ấy đâu phải chỉ có ở thời Lục Vân Tiên, mà rõ ràng đang hiện hữu ở ngay cuộc sống này, như một thứ thuốc diệu kì cứu sống những mảnh đời bất hạnh. Tuy nhiên, nên hiểu rằng, làm việc nghĩa là đáng quý nhưng cũng cần lượng sức mình. Khi vượt quá khả năng, chúng ta cần tìm đến những người có thẩm quyền, những người liên quan để được hỗ trợ giúp đỡ hiệu quả nhất. Xã hội càng văn minh, con người cần phải biết tôn trọng và thực hiện những nguyên tắc chung, biết sống vì mọi người, đề cao lòng nhân ái và tinh thần hiệp nghĩa. Phải tuân thủ và bảo vệ pháp luật, hướng đến bảo vệ cộng đồng. Tuổi trẻ cũng cần nỗ lực rèn luyện mình, ra sức học tập và nâng cao bản lĩnh sống. Biết đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, cái bất công, bảo vệ lẽ phải hướng đến lý tưởng cao cả.

Bài 4 Từ nội dung bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt và những hiểu biết xã hội của mình, em hãy nêu suy nghĩ về biểu hiện của sự hi sinh thầm lặng trong cuộc sống.

Gợi ý làm bài

Trong bài thơ “Bếp lửa”, hình ảnh người bà với dáng dấp của người mẹ Việt Nam anh hùng đã gợi lên nhiều suy ngẫm cho độc giả nhiều thế hệ về sự hi sinh thầm lặng. Hi sinh hiếu một cách đơn giản là sự tự nguyện đánh đổi những nhu cầu cá nhân, hạnh phúc riêng, lợi ích riêng để cho người khác có được những điều tốt đẹp hơn.

Chúng ta không quên những người anh hùng vô danh đã bỏ lại mẹ già, vợ trẻ, con thơ phía sau mà lên đường ra tiền tuyến, chung tay bảo vệ hòa bình cho đất nước Việt Nam. Chúng ta cũng không quên, ở hậu phương, những bà mẹ già ngồi đợi con, những người vợ đợi chồng, những đứa con đợi cha trong vô vọng bởi chiến trường ác liệt, ra đi không thể hẹn ngày về. Tất cả họ đã hi sinh hạnh phúc riêng để làm nên đất nước Việt Nam độc lập tự do của ngày nay. Người bà trong bài thơ “Bếp lửa” đã thà thiết dặn dò cháu nhỏ: “Mày có viết thư chó kề này kề nơ/ Cứ bảo nhà vẫn được bình yên”. Bao nhiêu nước mắt đã rơi, bao nhiêu đau xót và tủi hờn được kìm nén lại để con được yên tâm chiến đấu. Ngày nay, chiến tranh đã đi qua, hòa bình lập lại, đất nước ta được thống nhất yên nguyễn, nhưng không phải vì thế mà đức tính hi sinh dần bị mai một. Điều đó thể hiện qua hình ảnh của các chiến sĩ ngoài biển xa xôi, nơi biên cương Tổ quốc hay những chiến sĩ, bộ đội, công an trong đất liền vẫn còn đang ngày đêm thay phiên nhau túc trực, canh gác. Họ phải thay đổi giờ giấc sinh hoạt, phải hi sinh sức khỏe, những lần tụ họp quây quần bên gia đình trong các dịp lễ để hoàn thành nhiệm vụ với Tổ quốc, nhân dân. Ngay cả những con người bình thường cũng luôn ẩn chứa đức hi sinh. Người bà trong bài thơ “Bếp lửa” không chỉ hi sinh vì Tổ quốc mà còn hết lòng hi sinh vì con cháu, người luôn “chắt chiu” tất cả những gì tốt đẹp nhất cho đứa cháu thơ dại. Sự hi sinh của cha mẹ ông bà cho con cháu là sự hi sinh bình dị nhưng cũng thực vĩ đại. Mẹ hi sinh tuổi thanh xuân, để chăm sóc nuôi dạy con cái, cho con cái được tình yêu thương để được phát triển toàn diện. Cha hi sinh tuổi tác để ngày đêm làm việc, mong sao cho con luôn được đủ đầy hạnh phúc, có đủ cơm ăn áo mặc, được cắp sách đến trường như bao bạn bè đồng trang lứa. Cha mẹ hi sinh những thời gian quý báu của mình để cố gắng chăm sóc và dạy dỗ con cái nên người. Cha mẹ hi sinh giác ngủ để thức trắng đêm lo cho chúng ta mỗi khi ta còn nhỏ, hay là thức trắng đêm lo cho ta mỗi khi ta bị bệnh. Tất cả những thứ tốt đẹp, từ điều nhỏ nhặt đến điều lớn lao, cha mẹ đều muốn dành cho con, không giữ lại cho mình điều gì. Một sự hi sinh thật vĩ đại và to lớn, không gì có thể sánh nỗi được. Bên cạnh đức tính tốt đẹp là đức hi sinh thì vẫn còn đó một lối sống ích kỷ, nhỏ nhen, sống theo chủ nghĩa cá nhân, chỉ biết nghĩ cho bản thân mình mà không nghĩ cho người khác. Họ không công nhận sự hi sinh của người khác, sống thờ ơ, lạnh nhạt, vô cảm. Có một số người còn tệ hại hơn, đó chính là si nhục, giãm đạp, tước đoạt công lao của người khác, những hành động như thế đáng lên án và bài trừ để xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Đức hi sinh được xem là thước đo đánh giá phẩm chất của con người. Đức tính tốt đẹp này đã rèn luyện cho chúng ta sự can đảm, biết vượt qua mọi khó khăn, gian lao, trắc trở trong cuộc sống. Người có đức tính hi sinh luôn là người được mọi người yêu mến, tin cậy, quý trọng. “Bàn tay tặng hoa hồng bao giờ cũng phảng phất hương thơm!” Chính vì vậy, mỗi chúng ta hãy học cách cho đi để nhận lấy sự thanh thản, an yên trong tâm hồn. Và biết đâu rằng, sự hi sinh tưởng chừng nhỏ bé của chúng ta sẽ làm nên những điều vĩ đại tuyệt vời. Đức hi sinh thực chất không phải là mất mà chính là lan tỏa hạnh phúc, yêu thương.

Bài 5 Xuất phát từ tình yêu quê hương, đất nước; những anh lính Cụ Hồ trong bài thơ “Đồng chí” đã quyết tâm ra đi chiến đấu giải phóng dân tộc. Từ đó, em hãy viết một đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về tình yêu quê hương, đất nước.

Gợi ý làm bài

Tình yêu quê hương, đất nước là thứ tình cảm thiêng liêng, quý báu trong tim mỗi con người bởi ai sinh ra mà không có quê hương nguồn cội. Tình yêu quê hương đất nước có thể hiểu là tình cảm gắn bó, yêu mến, yêu thương, dựng xây quê hương. Nói một cách đơn giản tình yêu đất nước chính là yêu gia đình, yêu xóm làng thân quen, yêu những lũy tre bờ đê, yêu từng cánh đồng lúa chín... để rồi vì nó mà cố gắng, phấn đấu giữ gìn, phát triển. Trong thời kỳ kháng chiến yêu quê hương, đất nước chính là đứng lên, cầm súng ra trận chiến đấu với kẻ thù vượt qua mọi khó khăn, gian khổ với tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Có biết bao người hùng vô danh đã ra đi, sống và chết với tình yêu quê hương đất nước được nhắc đến trong lịch sử, thơ ca. Trong bài thơ “Đồng chí”, những anh lính Cụ Hồ đã dứt khoát “mặc kệ” bỏ lại sau lưng gia đình, ruộng vườn, nhà cửa tham gia kháng chiến chống Pháp. Dù vô vàn gian khổ, áo “rách vai”, quần “vải mảnh vá”, “chân không giày”,

Ngày 20/11 hàng năm, trang truyền th

khi bước chân th

nhìn rõ l

những k

Áy là nh

bình độc

lao động

Để giữ gìn

hùng và t

phản đầy

ý thức ti

người có

người h

đại

tôi – “M

Gợi ý

Trong

vô cùng c

thiết phái

“lú

tưởng

đẹp nhất,

truyện ng

thanh niê

“thèm ng

nien xung

chiến tr

cuộc sống

anh ngườ

Đó là nh

là các bác

việc gian

chọn việc

họ là nhữ

con ngườ

sẽ luôn d

tại bộ ph

gi diễn ra

chặng tu

chỉ biết n

“buốt giá”.. nhưng họ không từ bỏ, vẫn đoàn kết, chắc tay súng trong cuộc chiến trường kỳ “súng bên súng đầu sát bên đầu” để bảo vệ độc lập tự do cho dân tộc. Nhưng, không phải chỉ xông pha chiến trường trận mạc mới là yêu nước. Ở hậu phương, có biết bao bà mẹ đã hi sinh hạnh phúc, kim nén nỗi đau để tiễn chồng, con ra chiến trường bom đạn; có biết bao người ngày đêm tham gia sản xuất cung cấp nhu yếu phẩm chi viện chiến trường... Chính vì lòng yêu quê hương đất nước từ trong cốt túy của bao thế hệ người đi trước đã làm nên đất nước Việt Nam hôm nay. Ngày nay khi đất nước thanh bình, lòng yêu nước gắn liền với ước mong công hiến, làm nhiều việc có ích cho quê hương, đất nước mình. Tùy theo sức lực và hoàn cảnh mà mỗi người có những đóng góp khác nhau: bác nông dân chăm chỉ, cần mẫn trên những cánh đồng mang lại mùa màng bội thu; nhà khoa học say mê nghiên cứu tìm ra những hướng đi mới cho nền kinh tế đất nước; các chiến sĩ công an, bộ đội giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ biên giới chủ quyền dân tộc; các cầu thủ bóng đá... Với các bạn học sinh, chúng ta cần cố gắng, nỗ lực rèn luyện để phát triển bản thân, không ngừng học hỏi để tích lũy tri thức làm hành trang trong cuộc sống, đưa đất nước phát triển nhanh kịp cùng các cường quốc năm châu. Không chỉ vậy, chúng ta cần tích cực tham gia các hoạt động xã hội như các hoạt động tình nguyện trồng cây xanh nhằm bảo vệ môi trường, giữ gìn đường phố sạch sẽ, kêu gọi mọi người tham gia giao thông an toàn... Hay có những việc nhỏ như không vứt rác bừa bãi, không tàn phá môi trường, không hủy diệt muông thú cũng là biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước. Tuy nhiên, vẫn còn đâu đó một bộ phận rất nhỏ những người có nhận thức lệch lạc. Họ cũng biết hỏi rằng tại sao nước ta lại nghèo, lại thua kém nhiều quốc gia trên thế giới, những bản thân họ lại không biết phải làm gì và không làm gì để “cải thiện tình hình”. Một số thanh niên đang chạy theo lối sống thực dụng, ăn chơi sa đọa, lãng phí, sống tự do, cá nhân, vô tổ chức. Họ bỏ bê học hành, lao vào những thú vui vô bổ, quên đi trách nhiệm với quê hương, đất nước mình. Điều đó sẽ dẫn đến nhiều hệ lụy về một đất nước có rất nhiều thanh niên vô trách nhiệm, thờ ơ với sự phát triển của đất nước, bản sắc văn hóa dân tộc dần mai một. Phải chăng chính những người trẻ chúng ta đang dẫn đất nước đi vào một con đường suy thoái? Trang sử dân tộc đã được dựng xây từ biết bao máu xương của cha anh, những giọt mồ hôi công sức của những người lao động đã rơi xuống. Mỗi chúng ta hôm nay phải sống sao cho xứng với tổ tiên, cha anh thuở trước, nối tiếp truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam anh hùng.

Bài 6 Từ bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy, em hãy viết đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ về đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”.

❷ Gợi ý làm bài

“Ánh trăng” của Nguyễn Duy là bài thơ hay gợi nhắc mỗi chúng ta về đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, ân nghĩa thủy chung của dân tộc từ ngàn đời nay. “Nguồn” là nơi xuất phát của những dòng sông, con suối, mạch nước. Câu tục ngữ không chỉ nói đến việc uống nước phải nhớ đến nguồn, mà còn có ý nghĩa sâu xa. “Uống nước” hiểu rộng ra là hưởng thụ mọi thành quả, sản phẩm vật chất và tinh thần. “Nhớ nguồn” là nhớ đến nguồn gốc, cội nguồn của những thành quả đó. Nếu nguồn là đất nước thì chúng ta không nên quên tổ tiên, nòi giống của mình. Nếu nguồn là xã hội thì ta không nên quên ơn người giúp đỡ, dạy dỗ, những người đã cống hiến hi sinh cho độc lập, tự do, cho sự tiến bộ văn minh của nhân loại. Nếu nguồn là gia đình thì ta không quên ơn ông bà, cha mẹ, người thân... “Uống nước nhớ nguồn” là một thái độ sống đúng đắn cần được trân trọng, phát huy. Bởi mọi thành quả trong xã hội từ vật chất đến tinh thần là kết quả của công sức lao động vất vả tạo nên. Nhờ ơn là biểu hiện sự cảm kích, ghi nhận công lao đó của người hưởng thụ thành quả, từ đó chúng ta sẽ có ý thức giữ gìn, bảo vệ thành quả, không coi thường người lao động chân tay, không có ý nghĩ “có tiền mua tiền cũng được”. Mặt khác, một đất nước, xã hội giữ được truyền thống “Uống nước nhớ nguồn” sẽ tạo nên nền tảng đạo đức tốt đẹp, bền vững giữa các thế hệ, giúp bảo tồn những giá trị vật chất và tinh thần của người xưa, tôn cao vẻ đẹp phẩm chất, nhân cách con người. Trong thực tế ngày nay, người Việt Nam đã và đang phát huy truyền thống đạo lý tốt đẹp ấy của dân tộc thông qua các hành động, việc làm thiết thực. Ngày 27/7 hàng năm, toàn dân lại dành những giây phút thiêng liêng tưởng nhớ những vị anh hùng dân tộc, những con người đã xả thân vì độc lập tự do của Tổ quốc.

Ngày 20/11 là ngày để các thế hệ học trò thể hiện tình cảm kính trọng, biết ơn tri ân những người thầy, người cô. Hàng năm, chúng ta có những dịp lễ tết truyền thống, giỗ chạp để tưởng nhớ về cội nguồn cha ông mình... Tuy nhiên, trong cuộc sống hiện đại nhiều xô bồ, vô tình hay có ý có một bộ phận người đang dần làm mất đi nét đẹp truyền thống quý áy trong chính bản thân mình. Người lính trong bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy sau khi bước ra khỏi chiến tranh, sống cuộc sống vật chất tiện nghi, hiện đại đã vô tình quên đi một thời sống giản dị, chân thành gắn bó với đồng đội, nhân dân. Nhưng thật may, đối diện với ánh trăng, người lính giật mình thức tỉnh, nhìn rõ lòng mình. Chúng ta có thể khoan dung với những sự lãng quên vô tình nhưng không thể dung thứ cho những kẻ chọn lối sống vong ơn phu nghĩa, chỉ biết nhận lấy mà không biết ơn, chà đạp lên các giá trị đạo đức. Ấy là những đứa con “nghịch tử” đang tâm sát hại, bạo hành cha mẹ, ông bà; là những kẻ được sống trong hòa bình độc lập thì quay lại bôi nhọ, nói xấu Đảng, Bác Hồ; là những kẻ tự cho mình là đẳng cấp, coi khinh người lao động nghèo khó mà quên rằng bản thân đang ăn bát cơm, hạt gạo do những người “tầm thường” ấy làm ra... Để giữ gìn và phát huy truyền thống đạo lý tốt đẹp của cha ông, mỗi chúng ta hôm nay cần tự hào với lịch sử anh hùng và truyền thống văn hóa vẻ vang của dân tộc; cố gắng học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức thật tốt để góp phần đẩy mạnh đất nước, đưa đất nước ngày càng vững mạnh. Không chỉ vậy, chúng ta cũng cần rèn cho mình ý thức tiết kiệm, chống lãng phí khi sử dụng thành quả lao động của người khác mang lại. Ca dao có câu: “Con người có cõi, có ông! Như cây có cội như sông có nguồn”. Chính vì vậy, để thực sự xứng đáng với hai tiếng con người hãy luôn hướng về “nguồn cội” bằng thái độ trân trọng, biết ơn sâu sắc nhất!

Sài 7 Từ nhân vật anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” (hoặc Phương Định – “Những ngôi sao xa xôi”, “Mùa xuân nho nhỏ”...) viết đoạn văn trình bày suy nghĩ về lí tưởng của tuổi trẻ.

Gợi ý làm bài

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, thanh niên với sức khỏe, sức trẻ của mình nắm giữ một vai trò vô cùng quan trọng. Chính vì vậy, tuổi trẻ - những người như nhân vật anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” cần thiết phải xác định cho mình lí tưởng sống đúng đắn để thúc đẩy bản thân góp phần phát triển xã hội. Trước hết, “lí tưởng” được hiểu là mục đích tốt đẹp mà con người muốn hướng tới, mong mỏi đạt được. Và, lí tưởng cao đẹp nhất có lẽ chính là lí tưởng công hiến. Thời kháng chiến, có biết bao người như nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” đã vượt qua vô vàn khó khăn, gian khổ để thực hiện công hiến cho đất nước. Người thanh niên chấp nhận một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m với thời tiết khắc nghiệt và nỗi cô độc tối “thêm người”... để hoàn thành nhiệm vụ “đo gió, đo mưa, đo mây” phục vụ sản xuất, chiến đấu. Người nữ thanh niên xung phong Đặng Thùy Trâm sẵn sàng bỏ lại sau lưng cuộc sống yên ả, tương lai sáng lạn ở Thủ đô để vào chiến trường ác liệt. Chị đã sống, chiến đấu và hi sinh anh dũng hết mình cũng bởi vì lí tưởng cứu nước. Trong cuộc sống hôm nay, có biết bao người trẻ cũng đang thầm lặng làm những việc có ích cho đất nước. Đó là hình ảnh người thầy, người cô sẵn sàng vượt qua đèo cao, núi sâu, cõng con chữ lên vùng núi để dạy cho các em thơ. Đó là những người lính đảo vẫn ngày đêm nắm chắc tay súng, bảo vệ sự bình yên cho nhân dân đất nước. Đó là các bác sĩ trẻ tốt nghiệp đại học tình nguyện về vùng sâu vùng xa chữa bệnh cho dân nghèo... Dù biết công việc gian khổ nhưng họ vẫn cần mẫn, tỉ mỉ, vượt qua mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Bởi nếu “ai cũng chọn việc nhẹ nhàng, gian khổ biết dành phần ai?”. Chính họ là những người đã làm nên đất nước, cũng chính họ là những người mang đất nước đi xa, sánh vai với các cường quốc nǎn chảo. Và tất nhiên, dù thế nào, những con người ấy cũng đã được cảm nhận niềm hạnh phúc từ thành quả, công việc mình làm. Người dân Việt Nam sẽ luôn dành cho họ lòng biết ơn và sự tôn vinh xứng đáng. Tuy nhiên, thực tế cuộc sống cho thấy, vẫn còn tồn tại bộ phận không nhỏ thanh niên có chưa xác định được lí tưởng sống cho mình. Họ sống hờ hững với những gì diễn ra xung quanh, sống theo quan niệm “được đến đâu thì hay đến đó”, “nước đến chân mới nhảy”. Phải chăng tuổi trẻ ngày nay khi đã được đáp ứng quá đầy đủ về vật chất lẫn tinh thần thì dần trở nên ích kỵ hơn, chỉ biết nghĩ cho riêng mình. Thật đáng buồn trước một thực tế rằng mục tiêu của phần lớn các bạn trẻ ngày nay

vở; từ
thức đà
thách,
trong s



tù trìn



Gó

là phải thật thành công trong cuộc sống, khẳng định được vị trí của mình trong xã hội; kiểm thật nhiều tiền để có thể thỏa mãn nhu cầu của cuộc sống của riêng mình. Đất nước là nơi mỗi người sinh ra, lớn lên, trưởng thành. Đất nước có phát triển giàu đẹp thì cuộc sống của chúng ta mới thực sự được hạnh phúc. Chính vì vậy, người trẻ cần phải tạo cho mình một lý tưởng sống cao đẹp, vì mọi người, vì quê hương đất nước. Lý tưởng không thể tự nhiên mà có theo cách viễn vông mà phải được định hướng ngay từ khi chúng ta còn nhỏ. Là một học sinh, để góp phần xây dựng và phát triển đất nước, mỗi chúng ta ngay từ bây giờ hãy bồi dưỡng tình yêu với quê hương đất nước; tích cực, chủ động học tập rèn luyện đạo đức, sức khỏe để tạo tiền đề vững chắc cho tương lai. Và, một điều quan trọng nữa là hãy luôn giữ vững nghị lực, ý chí kiên định vượt lên hoàn cảnh, vượt qua chính mình trước những thử thách, khó khăn của cuộc sống. Làm được những điều đó chúng ta sẽ biết mình cần phải làm gì. Con tàu lạc lối sẽ gặp phải đá ngầm và chìm dần xuống đáy biển sâu. Hãy trang bị cho mình một ngọn đèn lí tưởng thật sáng rõ để tự tin vững vàng bước tiếp chặng đường cha anh đi trước xây dựng bảo vệ đất nước muôn đời.

Bài 8: Qua hình ảnh nhân vật Phương Định (truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”), em hãy viết đoạn văn (khoảng 1 trang giấy) trình bày suy nghĩ về lòng dũng cảm của thế hệ trẻ trong thời đại ngày nay.

❷ Gợi ý làm bài

Lòng dũng cảm là một trong những phẩm chất tốt đẹp và đáng quý ở mỗi con người. “Dũng cảm” được hiểu là không sợ nguy hiểm, khó khăn, dám đứng lên đấu tranh chống lại cái xấu, cái ác, các thế lực tàn bạo để bảo vệ công lý, chính nghĩa. Lòng dũng cảm là nghị lực, là sức mạnh, là ý chí kiên cường để con người có thể vượt lên tất cả, chinh phục thiên nhiên, chiến thắng kẻ thù... và có khi là để chiến thắng chính bản thân mình. Trong lịch sử những cuộc chiến tranh vệ quốc của dân tộc, đã có rất nhiều những tấm gương dũng cảm, vì nước quên thân, luôn sẵn sàng đối mặt với kẻ thù bất chấp khó khăn gian khổ, thậm chí cả hy sinh mất mát. Phương Định trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”, một cô thiếu nữ trẻ trung, yêu đời, đã trở thành nữ thanh niên xung phong đầy quả cảm. Bom đạn chiến trường ác liệt nhưng cô cùng các đồng đội vẫn sống, làm việc và không ngừng mơ mộng. Đặc biệt trong một lần phá bom, không khí căng thẳng, thời gian dường như đông cứng lại với quả bom có thể nổ tung bất cứ lúc nào, nhưng Phương Định vẫn tị mỉ, chính xác hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Ngày nay, để xứng đáng với cha anh ngày trước, thế hệ trẻ Việt Nam đã và đang tiếp tục khẳng định lòng dũng cảm trên khắp các “mặt trận” đời sống. Chắc hẳn chúng ta còn nhớ chàng trai Nguyễn Văn Nam, học sinh Trường THPT Đô Lương 1, Nghệ An. Buổi chiều định mệnh ngày 30/4/2013, sau khi dùng hết sức lực để cứu được 5 em nhỏ bị đuối nước vào bờ, chàng trai trẻ ấy đã kiệt sức rồi bị nước cuốn trôi và ra đi mãi mãi ở tuổi 18 đẹp nhất cuộc đời... Còn nhiều nữa những tấm gương của lòng dũng cảm khác đang ngày đêm góp phần làm rạng rỡ vẻ đẹp con người Việt Nam. Khi dũng cảm con người trở nên vĩ đại và phi thường. Lòng dũng cảm sẽ giúp cho xã hội thêm phát triển, ngày càng tốt đẹp hơn. Con người sẽ có lòng tin vào cuộc sống hiện tại, họ sẽ vui sống để đón chờ một tương lai tươi sáng phía trước. Sự dũng cảm còn giúp con người tạo dựng những giá trị vật chất và tinh thần. Một người có hoàn cảnh khó khăn mà dũng cảm vượt qua mọi thử thách họ sẽ lớn lên nhiều, họ có thể tự tạo lập cho mình cuộc sống riêng. Như vậy lòng dũng cảm còn thúc đẩy sự tự lập trong mỗi con người. Khi họ thành công họ sẽ tin vào bản thân, tin vào khả năng có thực của mình và họ sẽ tiếp tục dũng cảm vượt lên trên cuộc sống. Tuy nhiên, thực tế cuộc sống cho thấy, vẫn còn đó những người hèn nhát với lời sống bo bo giữ mình, không dám lên tiếng đấu tranh trước cái xấu cái ác. Tất nhiên, chúng ta ai cũng có quyền sống cho bản thân nhưng phải sống làm sao để không phải hổ thẹn, sống làm sao cho ý nghĩa mới là đáng quý. Lại có những người làm tướng lòng dũng cảm với hành động liều lĩnh, mù quáng, bất chấp công lý. Đó là hành động khiêu khích, đánh nhau để chứng tỏ “máu anh hùng”, là lái xe lượn lách, đánh võng, bốc đầu để chứng tỏ với thiên hạ rằng ta giỏi... Để bồi đắp lòng dũng cảm, mỗi người hãy bắt đầu bằng lòng yêu thương con người, yêu cái thiện, yêu cái đẹp, ghét cái xấu. Đặc biệt, cần biết được đâu là cái ác, cái xấu. Để đứng lên đấu tranh, thì cần có một kiến thức, vốn hiểu biết về tự nhiên, xã hội. Những thứ đó từ đâu mà có? Không ở đâu khác hơn chính là từ sách

Nhữ

một cá

Trong i

tương l

vai trò

thể phủ

hệ than

Có thể

và hội t

cộng đ

xa xôi.

lớn, đặt

huyền t

đi lập n

Bạch L

yêu ở đ

góp phâ

ác dám

trách nh

té thị tri

xuất hiệ

về nhận

các hoạt

được sir

ban tăng

Chính v

thi trách

triển đất

sức khỏe

hình ch

đảo, tha

Internet,

tiền để có
ng thành.
người trê
ông thể tự
ic sinh, đê
quê hương
i. Và, một
nình trước
im gì. Con
en lí tưởng
uôn đời.

viết đoạn
ly này.

được hiểu
ạo để bảo
ó thể vượt
Trong lịch
quên thân,
Định trong
ung phong
ông ngừng
lại với quâ
i của mình.
lòng dũng
inh Trường
được 5 em
18 đẹp nhất
rạng rỡ và
giúp cho xâ
vui sống đe
vật chất và
u, họ có thể
người. Khi
m vượt lên
g bo bo giữ
ng cho bản
ai có những
động khiêu
với thiên hâ
ùi cái thiện,
cần có một
h là từ sách

y; từ những bài học giáo dục công dân, bài văn, bài sứ... mà ta thấy được đâu là chân, thiện, mĩ. Những kiến thức đã có thì cần phải rèn kỹ năng, thái độ cho mình để có niềm tin rằng mình sẽ vượt qua những khó khăn, thử thách. Mỗi người cần quyết tâm rèn luyện lòng dũng cảm, để chúng ta sống tốt hơn, để xã hội của ta hoàn toàn trong sạch, thực sự có đủ điều kiện để chúng ta phát triển toàn diện.

Bài 9 Qua khát vọng của Thanh Hải trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” viết một đoạn văn khoảng 200 từ trình bày suy nghĩ về trách nhiệm với đất nước của thế hệ trẻ ngày nay.

Gợi ý làm bài

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*

Những câu thơ ấy trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải không đơn giản chỉ thể hiện lí tưởng của một cá nhân mà mỗi lần vang lên đều như lời nhắc nhở thế hệ trẻ hôm nay về trách nhiệm với đất nước, nhân dân. Trong mọi thời kỳ, với mỗi quốc gia, thanh niên bao giờ cũng có vai trò hết sức to lớn, họ là sức sống hiện tại và tương lai của dân tộc. Bất cứ thời đại nào, mỗi con người chúng ta nhất là thế hệ thanh niên cũng luôn phải ý thức vai trò trách nhiệm của mình đối với đất nước. Chiến tranh đã lùi xa gần 40 năm nhưng lớp bụi thời gian không thể phủ mờ những công hiến, hy sinh của bao thế hệ thanh niên quyết tâm “Ba sẵn sàng” để bảo vệ Tổ quốc. Thế hệ thanh niên hiện đang được sống trong hòa bình với một môi trường đảm bảo cho sự phát triển toàn diện. Có thể nói ít có thời kỳ nào mà tuổi trẻ Việt Nam lại có cơ hội và vai trò to lớn đến thế trong tiến trình đổi mới và hội nhập như hiện nay. Số đông thanh niên trở thành lực lượng đi đầu, thổi bùng lên ngọn lửa tình nguyện vì cộng đồng và không cam chịu đói nghèo. Các mùa hè tình nguyện đã làm xanh nhiều góc phố bờ biển và bản làng xa xôi. Hàng chục ngàn trí thức trẻ tình nguyện lên đường về nông thôn, miền núi. Nhiều chương trình, dự án lớn, đậm chất thanh niên ra đời như: xây dựng các Cung đường Thanh niên xung phong trên đường Hồ Chí Minh huyền thoại; xoá hàng ngàn cầu kẽ thay thế bằng cầu nông thôn mới ở đồng bằng sông Cửu Long; tình nguyện đi lập nghiệp tại đảo Thanh niên Bạch Long Vĩ, Cồn Cỏ với những công trình hiện đại như đóng mới tàu cao tốc Bạch Long, xây dựng trạm điện sức gió... Bên cạnh đội hình thanh niên xung phong lập nghiệp và hoạt động chủ yếu ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, còn có hàng ngàn doanh nghiệp trẻ đang hăng hái, trăn trở gop phần tạo dựng nên “Thương hiệu Việt” và nhiều bạn trẻ khác đang “khởi nghiệp” bằng chính bàn tay, khôi ôc dám nghĩ, dám làm. Như vậy, phần đông thanh niên thời nay vẫn luôn tiếp bước cha anh đi trước, ý thức được trách nhiệm với đất nước với những đóng góp không nhỏ. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, mặt trái của kinh tế thị trường đang làm biến đổi nhiều mặt đời sống xã hội. Ở một bộ phận không nhỏ thanh niên Việt Nam đã xuất hiện ngày càng nhiều lối sống thực dụng, ích kỷ, buông thả, thiếu ý thức rèn luyện. Họ không chỉ non kém về nhận thức chính trị, chưa xác định được lý tưởng sống đúng đắn mà còn sống thụ động, thờ ơ, ngại tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, vi phạm pháp luật, tin vào những điều mê tín dị đoan... Họ đã không hiểu rằng: được sinh ra là một hạnh phúc và sống tự do, но dù là một món quà quý báu, vô giá mà quê hương đất nước đã ban tặng. Hạnh phúc không tự nhiên mà có mà đó xương máu, tâm huyết của biết bao người con của đất nước. Chính vì vậy để duy trì và tiếp nối niềm hạnh phúc đó cho bản thân, cho thế hệ sau, chúng ta phải sẵn sàng thực thi trách nhiệm. Với thế hệ học sinh, trách nhiệm lớn lao nhất chính là học tập để tích lũy tri thức gop phần phát triển đất nước theo kịp thời đại, hội nhập với xu thế phát triển chung của quốc tế. Bên cạnh đó, phải rèn luyện sức khỏe để có khả năng công hiến và bảo vệ đất nước. Đồng thời, chúng ta cũng cần quan tâm theo dõi đến tình hình chung của đất nước, tỉnh táo trước hành động của mình không bị kẻ xấu lợi dụng. Về vấn đề chủ quyền biển đảo, thanh niên cần hướng ứng và tích cực các diễn đàn họp pháp trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên internet, khẳng định chủ quyền biển đảo của Việt Nam trên các diễn đàn, đồng thời kịch liệt lên án và đấu tranh

tham gia ngăn chặn các hành vi vi phạm xâm phạm chủ quyền biển, hải đảo thiêng liêng của Tổ Quốc, phải luôn có “trái tim nóng, cái đầu lạnh”. Như vậy, trách nhiệm xây dựng và bảo vệ đất nước không phải của riêng ai, mỗi người trong chúng ta hãy cùng nhau góp phần nhỏ bé vào sự nghiệp vĩ đại ấy!

Bé 10 Từ văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh”, em hãy liên hệ và trình bày suy nghĩ về phong cách sống của giới trẻ hiện nay bằng một đoạn văn.

Gợi ý làm bài

Đất nước ta đang trong quá trình đổi mới, hội nhập và phát triển, vì vậy việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc của mỗi người là vô cùng cần thiết, trong đó, phong cách sống của mỗi người, đặc biệt là lớp trẻ ngày nay cũng đóng góp một phần quan trọng trong việc đổi mới đất nước. Trước hết, chúng ta hiểu rằng “phong cách” là tính cách, cá tính riêng của mỗi người biểu hiện qua lối sống, cách sinh hoạt, ứng xử, làm việc... Còn “phong cách sống” được hiểu là lối sống riêng thể hiện tính cách, cá tính của họ. Nói về phong cách thì cũng phải thừa nhận, phong cách mỗi người một khác, mỗi thời mỗi khác nhưng đã là phong cách sống cao đẹp thì phải có một nền tảng, tiêu chí chung: sống có lối sống, hoài bão, có văn hóa, sống giản dị, phù hợp với bản sắc dân tộc, thời đại... Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại của dân tộc ta chính là tấm gương cho một phong cách sống cao đẹp. “Phong cách Hồ Chí Minh” là sự kết hợp hài hòa giữa những ảnh hưởng của tinh hoa văn hóa nhân loại và gốc văn hóa dân tộc, rất giản dị tự nhiên mà cũng rất hiện đại, thanh cao và trang trọng. Người luôn sống giản dị, thanh cao, trong sạch, sống “cần – kiệm – liêm – chính”. Là con cháu Bác Hồ, đa số lớp trẻ hiện nay noi gương Bác với một phong cách, lối sống cao đẹp. Họ chăm chỉ tu dưỡng đạo đức, chăm chỉ học tập, có mục đích sống rõ ràng và biết cố gắng, nỗ lực hết mình vì lý tưởng sống cao đẹp. Rất nhiều bạn trẻ có những hành động đẹp, đáng trân trọng như tham gia các hoạt động thiện nguyện Mùa hè Xanh giúp đỡ các sinh viên, học sinh; tham gia hiến máu nhân đạo, lao động công ích giúp đỡ người già neo đơn, trẻ em mồ côi, bệnh nhân có những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Luôn học hỏi, sáng tạo, cư xử văn văn trong cuộc sống, luôn thân thiện và giúp đỡ những người nước ngoài... Lối sống tích cực ấy không chỉ làm cho giá trị bản thân con người được đề cao hơn, gây thiện cảm, niềm tin yêu, sự tôn trọng của mọi người mà còn góp phần làm cho xã hội phát triển mạnh mẽ hơn, sánh vai bình đẳng với thế giới, thoát khỏi tình trạng đói nghèo, lạc hậu. Tuy vậy, vẫn còn một bộ phận không nhỏ có lối sống thực dụng, vị kí, hưởng thụ, đua đòi, sùng ngoại thái quá, lập dị. Có những bạn trẻ cuồng thần tượng đến mức đáng báo động, bất chấp hết các quy chuẩn đạo đức cần có để bảo vệ thần tượng của mình. Có những bạn trẻ với lối sống phóng túng, yêu sớm, yêu vội, sống thử, nạo phá thai, nghiện hút, ăn mặc hở hạo... Lại có những bạn trẻ vô cảm trước mọi việc xung quanh mình; coi những người già, trẻ em là phiền phức, coi kính người thấp kém hơn mình; giải quyết mọi sự bằng nắm đấm... Thực tế ấy quả thật đáng buồn! Tất cả những phong cách sống đó không những hủy hoại, làm mất đi giá trị bản thân trong mắt mọi người mà còn làm mọi người khinh ghét, xa lánh, không tôn trọng mình hon; làm cho đất nước ngày càng lạc hậu, không phát triển, không thể đứng lên sánh vai với thế giới. Có một câu nói thế này để nói về những người sống vô nghĩa: “Một số người đã chết ở tuổi 25 nhưng 75 tuổi mới được重生”. Thật vậy, giới trẻ nếu như không có phong cách sống tốt sẽ có một tương lai thất bại, một cuộc sống thiếu thốn cả về vật chất lẫn tinh thần. Là học sinh, ngay từ bây giờ chúng ta phải hình thành cho mình một phong cách sống lành mạnh, cao đẹp thông qua việc sống có lý tưởng, nề nếp, năng động sáng tạo; luôn yêu thương kính trọng người thân, thầy cô, bè bạn. Đồng thời, chúng ta cũng phải luôn nhắc nhở mình tuân thủ nghiêm pháp luật và chính sách của Đảng và Nhà nước; bồi dưỡng tâm hồn bằng những việc làm lành mạnh, tốt đẹp như: Tham gia chiến dịch tình nguyện, giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống, chăm chỉ đọc sách... Bản sắc dân tộc vô cùng cần thiết, phải được bảo tồn và lưu giữ. Sự tồn tại của các trào lưu văn hóa ngoại lai trong cùng một khung văn hóa gốc sẽ không thể tránh khỏi những điều bất cập nhưng hòa nhập thôi chứ đừng hòa tan. Hãy luôn giữ cho mình một ý chí kiên định, phong cách sống lành mạnh từ trong cốt tủy. Đó chính là cái gốc của cuộc sống hạnh phúc, ổn định và phát triển.

ĐỀ 11 Từ văn bản “Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ của trẻ em”, anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về vấn đề bảo vệ quyền trẻ em ở nước ta hiện nay.

Gợi ý làm bài

Trong “Thư gửi học sinh nhân ngày khai trường”, Bác Hồ viết: “*Non sông Việt Nam có trở nên vang hay không, dân tộc Việt Nam có được vang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn do công học tập của các cháu*”. Có thể thấy, trẻ em chính là người sẽ quyết định tương lai, vị thế của mỗi dân tộc trên trường quốc tế. Ở Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung, các vấn đề quyền trẻ em luôn được toàn xã hội đặc biệt quan tâm. Việt Nam là nước thứ hai trên thế giới kí và phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về Quyền Trẻ em. Sau Hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em năm 1990, Hội đồng Bộ trưởng nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã quyết định Chương trình hành động vì sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em Việt Nam từ năm 1991 đến 2000, đặt thành một bộ phận của chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Trên cơ sở đường lối, chiến lược phát triển đó; chính quyền địa phương các cấp đã vạch kế hoạch, hành động cụ thể nhằm đảm bảo các quyền lợi của trẻ em như các chính sách hỗ trợ kinh tế đối với trẻ em nghèo để các em có thể đến trường; quan tâm xây dựng cơ sở vật chất, trường học, thiết bị dạy học... để nâng cao chất lượng giáo dục; kêu gọi các tổ chức xã hội và nhân dân đóng góp xây dựng trường lớp, giúp đỡ trẻ em khuyết tật, đóng góp quỹ vì người nghèo, vì trẻ em bị nhiễm chất độc màu da cam; khuyến khích mở các lớp học tình thương, các trung tâm bảo trợ trẻ em mồ côi, tàn tật, lang thang không nơi nương tựa... Ngoài ra, xã hội và cộng đồng cũng chú trọng xây dựng những quỹ trẻ em để chung tay bảo trợ và giúp đỡ các em ở những vùng khó khăn không có điều kiện đi học, hoặc bô mẹ ôm đau đẻ các em không bị lõi dở trước mơ đến trường. Trong điều kiện hiện nay, kinh tế gia đình về cơ bản đã được nâng lên tới mức ổn định, vì vậy các bậc cha mẹ luôn cố gắng dành cho trẻ sự chăm sóc, điều kiện đầy đủ nhất để phát triển thể chất và tinh thần. Trẻ em không phân biệt trai hay gái được tạo điều kiện học tập phát triển theo khả năng của mình. Tuy nhiên, chăm sóc, giáo dục hay quan trọng hơn là việc bảo vệ quyền trẻ em chưa bao giờ là một chuyện dễ dàng. Mặc dù đã có nhiều cố gắng với những biện pháp quyết liệt, mạnh mẽ nhưng vẫn còn rất nhiều những đứa trẻ không được đáp ứng đủ điều kiện vật chất và tinh thần. Chúng không được ăn no, mặc ấm, không được đi học hay bị bóc lột sức lao động bằng những công việc nặng nhọc. Thậm chí, nổi lên những năm gần đây là số lượng trẻ em bị bạo hành, xâm hại ngày càng cao bởi chính bô mẹ đẻ của mình và những người giám hộ. Cũng có những trường hợp trẻ em gái bị rủ rê, lừa gạt, ép buộc đi khỏi địa phương, đi nơi khác làm việc hoặc bị bán ra nước ngoài nhưng các cơ quan chức năng, kể cả gia đình chưa chủ động nắm bắt, vẫn còn lơ là trong việc bảo vệ trẻ nhỏ.Thêm vào đó, vấn đề bất bình đẳng giữa trẻ em giàu - nghèo, người dân tộc thiểu số hay nông thôn - thành thị vẫn còn khá rõ rệt. Tuyên truyền các điều luật về bảo vệ trẻ em còn kém, nhất là ở nông thôn, miền núi và vùng sâu vùng xa. Để chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em một cách tốt nhất, hướng các em đến một môi trường lành mạnh, cơ bản, để phát triển toàn diện, sẽ cần rất nhiều thời gian và sự chung sức của gia đình, xã hội, các cơ quan hữu quan. Chúng ta cần tăng cường, sâu sát hơn nữa đến hoàn cảnh của trẻ em trên khắp vùng miền Tổ quốc đặc biệt là trẻ em vùng sâu vùng xa, vùng nông thôn, dân tộc thiểu số để các em có được điều kiện tốt nhất để phát triển. Các bậc làm cha làm mẹ cần tạo một bầu không khí yêu thương, đoàn kết, gắn bó quan tâm giữa các thành viên gia đình, cho dù cuộc sống còn nhiều vất vả, nhưng khi có trẻ em trong gia đình thì các thành viên phải cố gắng bỏ qua những mâu thuẫn, xích mích để cho trẻ em luôn luôn có cảm tưởng rằng ngôi nhà của mình chính là tổ ấm. Với những trẻ em có thiên hướng xuất hiện một số năng khiếu, cha mẹ phải biết phát hiện, khuyến khích tạo mọi điều kiện để uomo tài năng. Bên cạnh đó, mỗi người cần tích cực tham gia vào thực hiện quyền trẻ em bằng những hành động thực tiễn như chia sẻ khó khăn với những mảnh đời nhỏ bé bất hạnh, đối xử với trẻ bằng tình yêu thương chân thành hay sẵn sàng lên tiếng trước những hành vi bạo hành, sử dụng lao động trẻ em... Để xứng đáng với sự quan tâm, chăm sóc của gia đình, xã hội, chúng ta phải có ý thức vươn lên, cố gắng trong học tập và rèn luyện trở thành người có ích cho xã hội.

Bài 12 Từ văn bản “Bản về đọc sách”, em hãy viết đoạn văn nghị luận về văn hóa đọc của xã hội hiện đại.

Gợi ý làm bài

Đọc sách để tiếp thu tri thức và làm giàu cho đầu óc là một việc làm rất cần thiết. Tuy nhiên, ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của nền công nghệ điện tử, việc đọc sách cũng có nhiều thay đổi sâu sắc. Văn hóa đọc sách là đọc sách một cách có văn hóa. Nói cách khác đó chính là ý thức đọc sách đúng đắn của con người. Văn hóa đọc đề cao tính nghệ thuật, nhu cầu thưởng thức văn hóa đích thực trong việc đọc sách. Bởi thế, nó vượt lên trên khái niệm đọc đơn thuần. Chưa bao giờ việc đọc sách và văn hóa đọc sách được người ta lo lắng và bàn luận nhiều như ngày nay. Theo Giáo sư Chu Hảo, Giám đốc Nhà xuất bản Trí thức, thì: “Nói văn hóa đọc lâm nguy cũng hơi quá, nhưng đáng báo động”. Việt Nam là một dân tộc yêu sách, yêu tri thức và luôn cầu tiến trên con đường tri thức. Thế nhưng thời điểm hiện tại, văn hóa đọc của người Việt, đặc biệt là giới trẻ sa sút nghiêm trọng. Ngày càng có ít bạn trẻ thích đọc sách và càng có ít người viết sách. Họ thích giải trí trên các phương tiện nghe, nhìn hơn là cầm sách lên đọc. Với sự phát triển như vũ bão của nền công nghiệp hiện đại, đặc biệt là ngành Công nghệ thông tin, truyền thông, giải trí, các phương tiện nghe, nhìn (điện thoại, máy tính bàn, laptop,...) tỏ ra vượt trội và tính năng tiện dụng, hấp dẫn, có sức lôi cuốn mạnh mẽ hơn so với trang sách in. Việc chuyển từ đọc sách in sang đọc online là một xu thế tất yếu. Sách điện tử sẽ là hình thức của sách trong tương lai. Từ sự thay đổi về phương tiện, con người cũng thay đổi về sở thích và thói quen đọc sách. Họ thích sự giản đơn, nhanh chóng và tiện lợi. Cũng có một số người coi việc đọc sách chỉ là thứ trang sức tri thức, đọc theo mốt để “lên mặt với đời”. Có một thời gian những cuốn sách như “Mãi mãi tuổi 20”, “Lê Văn yêu và sống”, “Thế giới phẳng” làm mưa làm gió trên thị trường. Thế là dù không thích, không hiểu nhưng nhiều bạn trẻ vẫn chạy đi mua những cuốn sách mà mọi người vẫn đọc để mình không trở thành người lạc hậu. Một số bạn trẻ sống hời hợt, tôn vinh những giá trị kém cỏi, khiến cho các văn hóa phẩm lèch lạc có xu hướng trỗi dậy. Chẳng hạn, nhiều người thích đọc truyện ngôn tình hơn là một tiểu thuyết đích thực. Không ít người chỉ thích đọc truyện phiêu lưu, trinh thám, kinh dị, sex,... Văn hóa đọc vì thế mà bị suy thoái trầm trọng. Chúng ta cần hiểu rằng trước khi có các phương tiện nghe nhìn, sách là con đường ngắn nhất, cũng hiệu quả nhất để con người tiếp cận thông tin, văn hóa, tri thức. Sẽ là sai lầm nếu cho rằng với những thông tin hiện đại thì đọc sách là không cần thiết! Bởi đúng như lời nhà văn hóa Hữu Ngọc khẳng định: “Bạn thân hình ảnh thì thoáng qua, từ ngữ mới đọng lại lâu bền”. Quả thực Internet có khối lượng thông tin phong phú, nhanh và cập nhật nhưng liệu đọc xong còn đọng lại trong đầu được bao nhiêu? Chúng ta có thể “gậm nhẩm”, “nhâm nhí” từng câu văn, từng xúc cảm mà tác giả gửi gắm vào đó không? Tuy nhiên, nói như vậy không có nghĩa là tất cả mọi người đang dần từ bỏ sách. Đọc sách và xây dựng văn hóa đọc sách lành mạnh, hiệu quả và tiến bộ vẫn là một nhu cầu thiết yếu trong xã hội ngày nay. Chúng ta không chỉ đọc để thường thức vẻ đẹp của nghệ thuật mà còn làm giàu tri thức, đánh thức niềm rung cảm chân thiện ở mỗi con người. Tuy nhiên, đọc sách cũng cần sáng suốt và tinh tế. Trước hết là việc lựa chọn sách để đọc. Chúng ta nên đọc nhiều loại sách thuộc các lĩnh vực khoa học, triết học, văn chương nghệ thuật, từ sách học làm người,... tránh đọc những quyển sách có nội dung dễ dãi, tầm thường, nhảm nhí vừa mất thời gian lại vừa rất có hại cho tâm hồn. Chúng ta cũng không thể đọc hết số đầu sách hiện có mà nên xác định trong cuộc đời mình chỉ cần đọc những cuốn sách thực sự cần thiết mà thôi. Như Chu Quang Tiềm nói trong “Bản về đọc sách” là đọc sách cốt lấy tinh túy. Không tham lam đọc trăm nghìn quyển mà không nhớ gì về nó. Đọc sách nhất thiết phải đọc chậm rãi và nghiên ngẫm sâu sắc, tiếp nhận đầy đủ tinh hoa có trong sách. Từ tri thức tiếp nhận biến nó thành hành động hữu ích, góp phần phát triển bản thân, xã hội và thế giới. Đó mới là người biết đọc sách. Dù có thay đổi nhiều về hình thức và phương thức đọc thì sách vẫn là sản phẩm tinh thần kì diệu của con người. Đọc sách có văn hóa là một cách tích lũy tri thức hữu ích nhất. Một xã hội tiến bộ phải là một xã hội biết quý trọng sách. Một khi con người say mê đọc sách chắc chắn rằng tri thức sẽ phát triển, nhân tài sẽ xuất hiện, đất nước sẽ cường thịnh, phồn vinh.

NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

KIẾN THỨC

MỤC TIÊU

KI NĂNG

Học thuộc các bài thơ, các chi tiết tiêu biểu trong tác phẩm văn xuôi thuộc chương trình.

Hiểu được nội dung, đặc sắc nghệ thuật của các tác phẩm đã học.

Hiểu được các khía cạnh liên quan đến văn bản: nhân vật, tình huống, nhân vật, hình tượng.

Sử dụng câu văn, câu thơ làm dẫn chứng trong bài Nghị luận văn học.

Phân tích nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học.

Phân tích các khía cạnh văn bản: nhân vật, tình huống, nhân vật, hình tượng.

PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

LỐI THƯỜNG GẶP

CÁCH KHẮC PHỤC

Xác định sai, không bám sát yêu cầu nghị luận.

1 Xác định vấn đề nghị luận, gạch chân từ khóa yêu cầu.

Lủng tung trong dạng để so sánh.

2 Phân tích lẩn lướt các chi tiết sau đó chỉ ra sự tương đồng và khác biệt.

Biến bài nghị luận văn học thành bài kê chuyên, diễn xuôi tác phẩm.

3 Bám sát các chi tiết (văn xuôi) để làm bật nội dung yêu cầu; tìm các yếu tố hình thức chứa nội dung (thơ) để phân tích.

Thiếu kiến thức về tác phẩm
(Nhớ sai tác giả, chép sai thơ, nhầm nhân vật, sự kiện...)

4 Ghi nhớ kiến thức về tác giả, tác phẩm; học thuộc các bài thơ, nắm được sự kiện, chi tiết, nhân vật cốt truyện với tác phẩm văn xuôi.

Thiếu kiến thức lí luận văn học
(dùng sai khái niệm, thuật ngữ
lí luận vững về...)

5 Nắm chắc các khái niệm, thuật ngữ lí luận văn học thường gặp như tình huống truyện, giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo...
Đọc, học hỏi qua sách của các nhà lí luận, phê bình nổi tiếng.

Lỗi kiến thức tập làm văn
(diễn đạt lón xộn, thừa thiếu ý, sử dụng sai thao tác lập luận...)

6 Lập dàn ý trước khi viết bài, hiểu được đặc điểm, cách tiến hành các thao tác lập luận để sử dụng đúng.

Lỗi về kiến thức ngôn ngữ
(dùng từ sai, câu dài lan man, không liên kết ý...)

7 Trau dồi vốn từ, nắm chắc kiến thức từ vựng, ngữ pháp...

Bài viết không đúng dung lượng yêu cầu

8 Trình bày trong dung lượng cho phép, không quá ngắn hay quá dài.

Phản bộ thời gian không hợp lý

9 Thời gian tối đa từ 60 - 80 phút (phù thuộc vào dung lượng yêu cầu của đề bài)

PHƯƠNG PHÁP LÀM BÀI

Xác định đề

Điều kiện quan trọng để hình dung hướng đi bài viết, tránh lạc đề.

Nghi luận về một đối tượng văn học: Nhân vật, hình tượng, tình huống, nhân dề...

Liên kết văn học:
Đang so sánh

Liên kết văn học:
Đang liên hệ

Lập dàn ý

Xác định hệ thống luận điểm, luận cứ đầy đủ để tránh bỏ sót ý, lẩn lộn ý khi viết bài.

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đối tượng nghiên cứu.

- Trình bày lân lượt các luận điểm về đối tượng (có luận cứ, lý lẽ thích hợp đi kèm).

- Đánh giá: Giá trị đối tượng; tài năng, vị trí của tác giả; liên hệ mở rộng).

- Tổng kết văn đề.

- Giới thiệu hai đối tượng và văn đề cần so sánh.

- Lần lượt làm rõ từng đối tượng.

- Chỉ ra điểm tương đồng, khác biệt và hiến.

- Đánh giá chung về nội dung và nghệ thuật.

- Giới thiệu văn đề, tập trung vào đối tượng chính.

- Làm rõ đối tượng chính.

- Liên hệ với đối tượng phụ để làm rõ bài văn đề.

- Chỉ ra sự tương đồng, khác biệt để làm rõ bài đối tượng chính.

- Đánh giá chung về nghệ thuật, nội dung.

Triển khai bài viết

Viết bài hoàn chỉnh
bám sát hệ thống luận điểm, luận cứ.

Chỉnh sửa lỗi dùng từ,
diễn đạt.

CHỊ EM THÚY KIỀU

THÚY VÂN

Đánh giá: Vân xem trang trọng khác với

Vẻ đẹp: Khuôn trăng đầy đặn; nét ngài nồng; hoa cười, ngọc thốt; mây thưa mướt tóc, tuyêt nhường màu da.

Dụ cảm số phận: Mây thưa, tuyêt nhường.

Vẻ đẹp sang trọng, quý phái.

Vẻ đẹp Thúy Vân sánh với những thứ đẹp nhất của tự nhiên: trăng, hoa, mây, tuyêt, ngọc.

Thiên nhiên cảm mến, ngưỡng mộ dù cảm số phận tốt lành, yên bình.

THÚY KIỀU

Đánh giá: Kiều càng sắc sảo, mặn mà/ Số bé tài sắc lại là phần hơn.

Ngoại hình: Chá múa, điểm nhấn "Làn thu thủy nết xuân son", thành ngữ: Nghiêng nước nghiêng thành.

Tài năng: Cầm, kì, thi, họa.

Phẩm chất: thông minh vốn sẵn tinh trời.

Tâm hồn: thiên bạc mệnh.

Dụ cảm số phận: Hoa ghen, liêu kèn.

Vẻ đẹp tài sắc vẹn toàn, hon hàn Thúy Vân.

Vẻ đẹp tuyệt sắc, mặn mà.

Tài năng lí tưởng theo chuẩn mực phong kiến; thông minh, nhạy bén; tâm hồn đa sầu đa cảm.

Thiên nhiên đồ kỹ, ganh ghét dụ cảm số phận chìm nổi, khổ đau.

NỐI H
Nhớ Kí

Tưởng
nguyệ

Rày tr

Chân
Tâm
bao g

Nhớ cl

Xót ng
h

Quat n
nhữn

Sân L

Kiều n
đã mắc
bán mì
phận cù

KIỀU Ở LÂU NGUNG BÍCH



HOÀN CẢNH CỦA THÚY KIỀU

<i>Lâu Ngung Bích khóa xuân</i>	<i>non xa, trăng giàn, còn cát, bát ngát</i>	<i>Mây sớm đèn khuya</i>	<i>Bẽ bàng, chia tám lòng</i>
↓	↓	↓	↓
Tinh cảnh bị giam lỏng tại lâu Ngung Bích.	Không gian mênh mông, hoang vắng, lạnh lẽo.	Thời gian tuần hoàn, khép kín, âm đậm.	Tâm trạng chán ngán, bẽ bàng, buồn tủi, bơ vơ.

Người con gái lưu lạc, đau khổ, túi nhục, cô đơn, tuyệt vọng

NỒI LÒNG NHỚ THƯƠNG CỦA KIỀU

Nhớ Kim Trọng: đau đớn, xót xa

*Tường người dưới
nguyệt chén đồng*

Hồi tưởng lại lời thề
→ nguyên dưới trăng cùng
Kim Trọng.

Rày trọng mai chờ

Day dứt nghĩ đến cảnh
→ Kim Trọng vẫn nhớ
thương, trông ngóng.

*Chân trời góc bể...
Tâm son gội rìa
bao giờ cho phai*

Xót xa cho tình cảnh bơ
vô, lưu lạc của bản thân
và khẳng định lòng thủy
chung, son sắt.

Nhớ cha mẹ: lo lắng, giàu đức hi sinh

*Xót người tựa của
hôm mai*

Xót thương cha mẹ ngày
→ ngày tựa của trông
ngóng tin tức.

*Quạt nồng áp lạnh
những ai đó giờ*

Lo lắng không biết ai
→ phụng dưỡng cha mẹ
khi già yếu.

Sân Lai... gốc Từ

Đến cổ cho thấy tâm
→ lòng hiếu thảo, giàu đức
hi sinh của Kiều.

Kiều nhớ Kim Trọng trước bối cảnh cho rằng mình
đã mắc nợ, phụ tình chàng Kim; với cha mẹ nàng
bản minh thuộc cha phần nào đã thực hiện bốn
phận của mình.

TÂM TRẠNG THÚY KIỀU

Tâm thế

Buồn trông → Diệp ngữ nhấn mạnh nỗi
buồn càng lúc càng dâng
trào theo cảnh vật mênh
mang, vắng lặng.

Cảm nhận về cuộc sống hiện tại

*của bé, ngọt
nước, nội cõi,
chân mây, mặt
đất, mặt duênh* → Thế giới xung quanh
rộng lớn, đầy bất trắc bùa
vây Thúy Kiều.

→ Nỗi buồn cô đơn, tê
tái, héo úa cõi lòng.

*thuyền... thấp
thoáng xa xa, hoa
trôi... về đâu* →

Thân phận con người nhỏ
bé, lẻ loi, bất định giữa
cuộc đời.

→ Hoang mang, sợ hãi.

Dự cảm về tương lai

*ngon nước mới sa
><
hoa trôi; gió cuốn
mặt duênh; ầm
ầm tiếng sóng* →

Những hiểm nguy như
đang rình rập, bao vây.
→ Tâm trạng lo âu, bế
tắc, tuyệt vọng.

Nghệ thuật tả cảnh ngũ tinh, diệp ngữ, từ láy, câu hỏi
tù từ gợi thân phận nhỏ bé, cô đơn của Kiều trong
cuộc đời vô định.



LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA

NHÂN VẬT LỤC VÂN TIÊN

A nh hùng hảo hán
có tài vĩ dũng, khí
phách anh hùng, có
tâm lòng vì nghĩa
quên thân.

Chính trực, đường
hoàng, khinh tài
trọng nghĩa, dôn
hậu bao dung.

Bé cây làm gãy nhẽm
làng xông vồ.

Bó đảng hung đồ, chờ
quen làm thói hò hò.

Tả đột hữu xông...
Khác nào Triệu Tử...

Hỏi: "Ai than khóc ở
trong xe này?"

Khoan khoan... ta là
phận trai.

Làm ơn há dễ trong
người trả ơn.

→ Hành động mộc mạc, giản dị, tự nhiên.

→ Dỗng dạc, đanh thép kết án kẻ bất nhân; tuyên bố sự có mặt của chính nghĩa.

→ Hành động can trường, không do dự, tính toán
→ hồn thiệt, không quản nguy hiểm tính mạng
như dũng tướng tài ba.

→ Hỏi han quan tâm, ân cần, hòa nhã dịu dàng.

→ Giữ gìn lẽ nghĩa của một người có văn hóa,
→ thầm nhuần sách vở thánh hiền và tinh thần lẽ
giáo phong kiến.

→ Từ chối dứt khoát ý định trả ơn của Kiều
Nguyệt Nga.

NHÂN VẬT KIỀU NGUYỆT NGA

Người con gái hiếu thảo,
giữ đạo tam tòng

Thùy mị, nết na, khiêm
nhường, có học thức.

Trọng nghĩa

• Từ ngàn dặm xa xôi, chẳng
quản ngại vất vả, khó khăn
đến sum họp cùng cha.

• Nói về tên, quê quán, gia thế,
hoàn cảnh gặp nạn, thể hiện
lòng cảm kích và mong muốn
báo đáp ân nghĩa.
• Xung hô: quân tử - tiện thiếp.
• Nói năng mực thước, khiêm
tốn, khúc chiết.

• Vượt qua những rào cản lẽ
giáo (nam nữ thù thu bất thân;
trai gái không được gặp mặt,
tiếp xúc trực tiếp).
• Xin được khấu đầu tạ ơn
người cứu mạng; tha thiết
mong được báo đáp.

Cảm nhận vẻ đẹp của tình

ĐỒNG CHÍ

Ý NGHĨA NHAN ĐỀ

Khai quát chủ đề tư tưởng
mà bài thơ hướng tới.

Đồng chí chỉ những người
có chung lí tưởng, chí
hướng; những người đồng
cam công khủ.

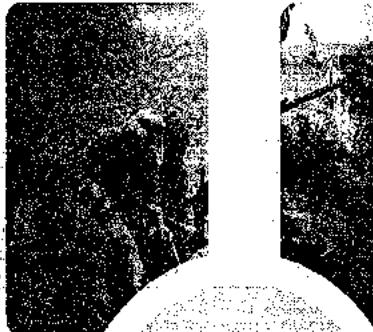
Sức mạnh của tình đồng
chí giúp người lính vượt
qua khó khăn, gian khổ
chiến đấu và chiến thắng.

Người nông dân mặc áo lính

Người nông dân áo vải, từ
những vùng quê nghèo khó
bước vào cuộc chiến đấu.

Nước mặn đồng chua: vùng
đất phèn mặn, không thể
trồng trọt.

Đất cày lên sỏi đá: đất khô
cằn, khó canh tác.



Mục đích, lí tưởng cao đẹp

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đầu: biểu tượng cho suy
nghĩ, lí tưởng bảo vệ Tổ quốc

Súng: biểu tượng nhiệm vụ
chiến đấu.

Sát, bên: khẳng định sự gắn
bó, đồng lòng của người lính.

HÌNH TƯỢNG

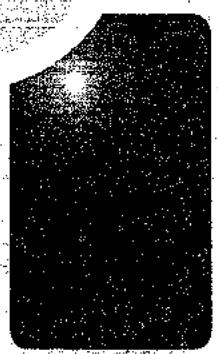
NGƯỜI LINH



Thấu hiểu, cảm thông
hoàn cảnh, tâm tư nỗi lòng
của nhau.

Cùng nhau chia sẻ khó khăn,
thiểu thốn: áo rách vai, chân
không giày...

Đoàn kết, gắn bó thầm lặng:
Thương nhau tay nắm lấy
bàn tay.



Tư thế chủ động, đề cao cảnh
giác: chờ giặc tới.

Hình ảnh đầu súng trắng trao:
hiện thực - mơ mộng; chiến
tranh - hòa bình; chiến sĩ -
thi sĩ.

Tình đồng chí đồng đội gắn bó

Chủ động, lặng lẽ

BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

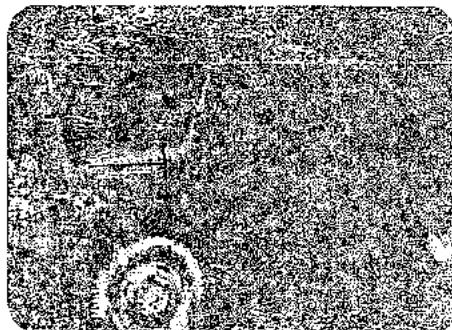
Ý NGHĨA NHAN ĐỀ

Dung lượng: dài, tưởng như thừa thãi (từ *Bài thơ*)

BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH

nhân mạnh chất
thơ của hiện thực

diễn tả hiện thực
khốc liệt



*Nhan đề độc đáo, mới lạ vừa thể hiện được hiện thực
khốc liệt vừa bộc lộ chất thơ lăng mạn từ hiện thực ấy.*

BỨC 1

HÌNH TƯỢNG NHỮNG CHIẾC XE KHÔNG KÍNH

Hình ảnh tả thực

Gọi hình ảnh những chiếc xe
vận tải trên tuyến đường
Trường Sơn.

Thực hiện nhiệm vụ chỉ viện
cho chiến trường miền Nam.

Gọi hiện thực khốc liệt

Những chiếc xe được miêu tả
chân thực, trần trụi gắn với sự
tàn phá của chiến tranh:
Bom giật bom rung.
Điệp từ “không có”, liệt kê.

Nổi bật người lính lái xe

Hiên ngang, ung dung
Dũng cảm, bất chấp nguy hiểm
Tinh đồng chí, đồng đội
Tinh thần yêu nước, hì hò.

VẺ ĐẸP

HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH LÁI XE

Khó khăn, gian khổ: *bom giật,
bom rung; gió xoa mắt đắng; sao
trời, đột ngột cánh chim...*

Tư thế ung dung, bình thản đối
diện: *ung dung, nhìn đất, nhìn
trời, nhìn thẳng.*

Tư thế
ung dung

Đứng về
ngang tàng

Cái bắt tay thấu hiểu, truyền cho
nhau sức mạnh, hoi ấm.
Gắn bó, sẻ chia khó khăn, gian
khổ: bếp Hoàng Cầm, gia đình...

Tinh
đồng chí

Tinh thần
lạc quan

Đối diện khó khăn, gian khổ
bằng thái độ hài hước, hóm
hỉnh: *ù thì, bụi phun tóc trắng...*
Tiếng cười ngao nghẽ: *cười
ha ha.*

Bất chấp nguy hiểm luôn tiến
về phía trước.
Niềm tin vào chiến thắng.
Trái tim tràn đầy nhiệt huyết,
yêu đời, yêu nước.

ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ

BÚC TRANH THIÊN NHIÊN

Cánh rờ khơi
khi hoàng hôn

Kì vĩ, tráng lệ, so sánh *Mặt trời... như hòn lửa*.

Vũ trụ bao la, rộng lớn như ngôi nhà lớn, nhân hóa *sóng cát
then, đêm sáp cua*.

Biển cá giàu có,
trù phú

Cá bạc biển Đông lặng, cá thu biển Đông như đoàn thoí.
Vẻ đẹp sinh động, long lanh, chân thực: *cá song lấp lánh
được đèn hồng, cái đuôi em quẩy trăng vàng chói...*

Cánh trở về
tho mộng

Vẻ đẹp sự hồi sinh: *Mặt trời đổi biến nhô màu mới*.

Thiên nhiên giàu có ẩn chứa niềm vui và thành quả lao
động: *Mặt cá huy hoàng muôn dặm phơi*.

VẺ ĐẸP CON NGƯỜI LAO ĐỘNG MỚI

Tinh thần lao
động hàng say,
phản chấn

Khi thể hồn hỡi, hào hùng, vui tươi: *cầu hãi căng
buông voi gió khơi*.

Niềm mong mỏi, tin tưởng sóng yên biển lặng, bắt
được nhiều tôm cá.

Khán trương,
mạnh mẽ,
khóe khoắn

Hành động rất nhanh, rất khán trương, trí tuệ: *đầu
đô, đầu đòn thế trận, vay giáng*.

Hình ảnh người lao động gần gũi, khỏe khắn: *kéo
xoắn tay, lấp trời sáng*.

Phản khơi,
hỗn hởi trong
niềm vui
thắng lợi

Con người lao động thời đại mới chủ động, tự tin
trong tư thế “*chạy đua cung mặt trời*”.

Niềm vui bắn hoan với thành quả lao động; tin tưởng
vào ngay mai trời sáng.

BẾP LỬA

Bếp lửa là hình ảnh quen thuộc ở làng quê Việt Nam.

Bếp lửa là hình ảnh gần gũi, thân thuộc.

Hình ảnh ngọn lửa được nhen lúc sáng sớm lung linh, huyền ảo.

Hình ảnh bếp lửa gắn bó với tuổi thơ.

Ấp ủ, nồng đượm

Bếp lửa là biểu tượng tình yêu thương và đức hi sinh của bà.

Bếp lửa ấp ủ tình bà cháu thiêng liêng, sâu nặng.

Bếp lửa trở thành ám ảnh không thể dập tắt trong lòng người cháu.

Hình ảnh người bà

Tàn tảo, chịu thương chịu khó

Biết mấy nắng mưa: lắp lại diễn tả vòng tuần hoàn khép kín của thời gian, ẩn dụ cho những cơ cực, cay đắng đời bà.

Lận đận... mây chục năm: vất vả, lam lũ tưởng không bao giờ dứt.

Giàu đức hi sinh

Hết lòng yêu thương, chăm lo, dạy bảo cháu.

Trở thành hậu phuông vững chắc để con yên tâm công tác.

Nhóm yêu thương, ước mơ, khát vọng

Bà nhóm bếp lửa; niềm yêu thương; nhóm dậy những tâm tình tuổi nhỏ...



Hình ảnh người cháu

Tình yêu thương bà sâu sắc

Thấu hiểu những khó khăn, vất vả, lam lũ của cuộc đời bà.

Biết ơn sự chăm lo, dạy bảo, yêu thương, hi sinh bà dành cho.

Luôn nhớ về bà, những kỉ niệm của bà cháu.

★ Suy ngẫm về bà và bếp lửa

Bà gắn liền với hình ảnh bếp lửa ấm áp, thân thuộc; thắp lên niềm tin, tình yêu, nghị lực.

Bà là người thắp lửa, giữ lửa truyền tới thế hệ trẻ.



Thôn i

Gắn bó
bè, sông

Đồng cát
gian kh

Tr

Sự đổi

Điều ki
đèn điện

Con ng
trắng; V
qua đuc

Trăng

Cứ tròn
thủy ch

Ánh tră
+ Trăng
trách m

+ Sứ dụ
sức tác
sáng tìn

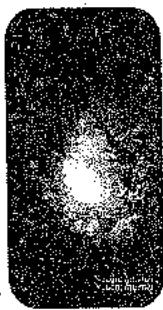
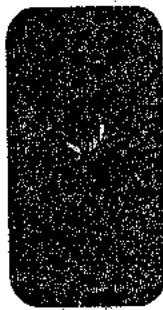
ÁNH TRĂNG

TRĂNG TRONG QUÁ KHỨ

Thân thiết, gắn bó với người

Gắn bó bền chặt: Liệt kê (*dòng, bể, sông, rừng*), điệp từ (*với*)

Đồng cam cộng khổ, chia sẻ vất vả, gian khổ: *hồi chiến tranh ở rừng*.



Bình dị, trong sáng, tinh nghĩa

Giản dị, trong sáng: ẩn dụ (*trần trụi với thiên nhiên*), so sánh (*hòn nhiên như cây cỏ*)

Ân nghĩa: nhân hóa (*vàng trăng tinh nghĩa*)

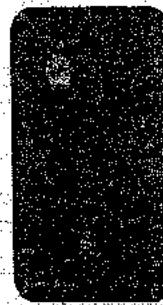
Trăng hiện diện như hình ảnh của quá khứ với những kí ức chan hòa, tình nghĩa và thủy chung.

TRĂNG TRONG HIỆN TẠI

Sự đổi thay của con người

Điều kiện sống tiện nghi, hiện đại: đèn điện, phòng buyn-định.

Con người lạnh nhạt, thờ ơ với trăng: *Vàng trăng... như người dung qua đường*. (nhân hóa, so sánh)



Trăng thức tỉnh con người

Tình huống bất ngờ: thình lình đèn điện tắt.

Vàng trăng tròn: trăng vẫn nguyên vẹn, nghĩa tình, thủy chung

TRĂNG VÀ NHỮNG TRIẾT LÝ, CHIỀM NGHIỆM CỦA CON NGƯỜI

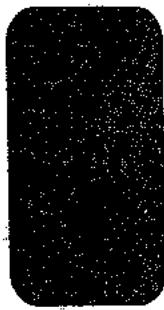
Trăng

Cú tròn vành vạnh: vẹn nguyên, thủy chung, không thay đổi.

Ánh trăng im phẳng phắc:

+ Trăng nghiêm khắc nhắc nhở, trách móc.

+ Sử dụng “ánh trăng” nhấn mạnh sức tác động, soi chiếu của ánh sáng tinh tế, nhẹ nhàng.



Người

Rưng rưng: tâm trạng xúc động, ấm năn khi đối diện với trăng (*ngửa mặt lên nhìn mặt*)

Giật mình: hồi hận, thức tỉnh để sau đó hướng về chân - thiện - mĩ; cái giật mình của lương tri

MÙA XUÂN NHO NHỎ

MÙA XUÂN THIÊN NHIÊN, ĐẤT NƯỚC



Mùa xuân thiên nhiên



Mùa xuân đất nước



Hình ảnh, màu sắc

- *Dòng sông xanh*
- *Bông hoa tím biếc*
- Đào ngũ mọc vẻ đẹp khỏe khoắn, tràn đầy sức sống.
→ Thiên nhiên giản dị, trong sáng.

Âm thanh

- *Chim chiến chiến... hót vang trời*: khỏe khoắn, vui vẻ.
- Ân dù chuyền đổi cảm giác (*giọt long lanh*): trong trẻo, tinh khôi.
- Âm thanh vui tươi, rộn rã.

Hình ảnh

- *Người cầm súng*: nhiệm vụ chiến đấu.
- *Người ra đồng*: nhiệm vụ sản xuất.
- *Lộc*: cành lá nguy trang - thắng lợi chiến đấu - lúa nương - thành quả lao động.

Suy ngẫm đất nước

- *Hồi hả, xôn xao*: nhịp sống lao động khẩn trương, vui vẻ.
- *So sánh đất nước như vì sao*: đẹp đẽ, vĩnh hằng.
- *Cú đi lên phía trước*: quyết tâm cao độ.

Tác giả bâng khuâng, ngây ngất, nâng niu:
oi, hót chi, háng.

Tác giả lạc quan, tin tưởng, ca ngợi sức sống mạnh mẽ dù nhiều khó khăn, gian khổ.

ƯỚC NGUYỆN CỐNG HIẾN CHÂN THÀNH, GIẢN DỊ

Ước nguyện

cống hiến thầm lặng

Ước nguyện cống hiến suốt đời

- *Điệp từ ta*: Thể hiện ước nguyện chân thành muôn hòa nhập cá nhân với tập thể, cái tôi với cái ta.
- Hình ảnh *con chim, nhành hoa, nốt trầm, mùa xuân nho nhỏ*: ước nguyện cống hiến giản dị, khiêm nhường.



- *Điệp ngữ dù là*: Khẳng định ước nguyện cống hiến thiết tha, mãnh liệt.
- *Hoán dụ Tuổi hai mươi, khi tóc bạc*: Thể hiện mong muôn sống đẹp, tận hiến cho hết cả cuộc đời.



Cảm x

♦ Cách trọng, t

♦ Thăm t thương với non

♦ Hình à đứng th sóng bờ Việt Nar

Cảm x

♦ Bác m nỗi buồn

♦ Vàng t nhẹ, bin cho tâm

♦ Trời x bất tử, v

♦ Nghe t trước sự

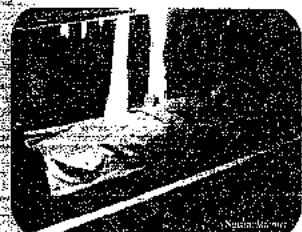
VIẾNG LĂNG BÁC

Cảm xúc khi đứng ngoài lăng

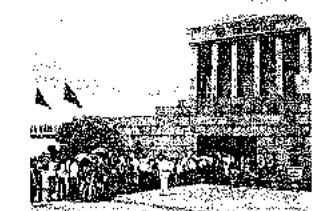
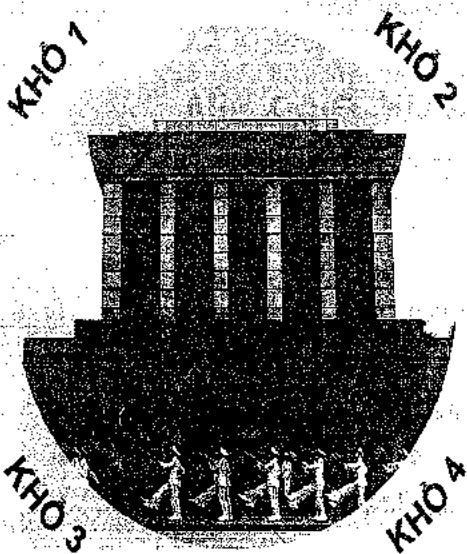
- ♦ Cách xưng hô vừa gần gũi, ấm áp, vừa kính trọng, thiêng liêng: *con - Bác*.
- ♦ *Thắm* (nói giảm nói tránh) làm giảm bớt nỗi đau thương mất mát và khẳng định Bác còn sống mãi với non sông, đất nước.
- ♦ Hình ảnh *hang tre bát ngát, bão táp mưa sa* *đứng thẳng hàng* tượng trưng cho sức sống bền bỉ, kiên cường của dân tộc Việt Nam.



Cảm xúc trong lăng



- ♦ *Bác nằm trong giấc ngủ bình yên* làm giảm nỗi buồn đau, xót xa trước sự ra đi của Bác.
- ♦ *Vầng trăng sáng dịu hiền* gợi thứ ánh sáng dịu nhẹ, bình yên trong lăng cũng là hình ảnh ẩn dụ cho tâm hồn cao đẹp của Bác.
- ♦ *Trời xanh*: Hình ảnh ẩn dụ khẳng định Bác luôn bất tử, vĩnh cửu, trường tồn cùng dân tộc.
- ♦ *Nghe nhói ở trong tim*: Nỗi đau đớn, quặn thắt trước sự ra đi của Bác.



Cảm xúc khi rời lăng



- ♦ *Thương trào nước mắt*: Cảm xúc được diễn tả trực tiếp thể hiện sự lưu luyến, bùi rịn khi phải rời xa Bác.
- ♦ *Uớc mong được hóa thành con chim, đoá hoa, cây tre...* là những sự vật giản dị nhưng đẹp đẽ của quê hương, đất nước ở bên Bác.
- ♦ Hình ảnh *cây tre cuối khổ* thơ tạo kết cấu đầu cuối tương ứng, thể hiện nguyện ước đi theo con đường Bác đã lựa chọn; hoàn thiện phẩm chất của người Việt Nam: kiên cường, bất khuất, trung hiếu...

SANG THU

NHỮNG TÍN HIỆU GIAO MÙA

Hình ảnh

Hương ối

Phả: hòa trộn đậm ngọt, mạnh mẽ.



Gió se

Ngon gió mang theo hơi lạnh đặc trưng của mùa thu.



Sương chùng chình (nhân hóa)

Làn sương bay như cỗ ý chậm lại.



Tâm trạng

Cảm nhận, đón nhận mùa thu bằng tất cả các giác quan: khứu giác, xúc giác, thị giác.

PHẦN



Bỗng

Ngạc nhiên, bất ngờ, xúc động.



Hình như

Cảm nhận tinh tế nhận ra thu đã về nhưng vẫn còn chút mơ hồ chưa chắc chắn.



Say mê, ngỡ ngàng trước tín hiệu giao mùa

BỨC TRANH THIÊN NHIÊN LÚC GIAO MÙA

Sông đèn lồng

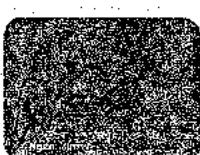


Dòng sông tĩnh lặng, chảy trôi như đang nghỉ ngơi sau mùa giông bão.



Chim vội vã

Cánh chim bay đi tránh rét như vội vã, gấp gấp hơn.



Đám mây mùa hạ vắt nua mình sang thu

Liên tưởng độc đáo: đám mây trở thành cầu nối giữa hai mùa, thời khắc giao mùa trùu tượng trở nên hữu hình.



sóng động, gần gũi
↑
nhân hóa

TÌNH

Bức tranh thiên nhiên đẹp đẽ, sóng động, dung dị, duyên dáng.

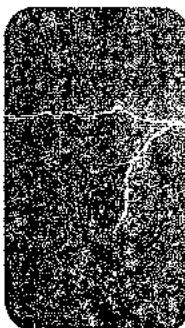
NHỮNG SUY TƯ, CHIÊM NGHIỆM

Tả thực

Nắng, mưa, sấm: những hiện tượng thiên nhiên đặc trưng của mùa hạ.

Vẫn còn, voi dàn, bót: Sắc độ giảm dần.

⇒ *Những chuyển biến âm thầm của cảnh vật lúc sang thu.*



Ảnh dụ

Sấm: Vang động bất thường của ngoại cảnh, cuộc đời.

Hàng cây đứng tuổi: Con người từng trải.

⇒ *Khi con người từng trải thì sẽ vui vẻ hơn trước những biến động của cuộc đời.*



- Đột
bước:
của c
- Mỗi
con c
đón n

NÓI VỚI CON

PHẨM CHẤT TỐT ĐẸP CỦA NGƯỜI ĐỒNG MÌNH



Cần cù,
lao động,
tài hoa

Cách gọi độc đáo, gần gũi, thân thương: *người đồng minh*.
Yêu lao động, tài hoa, khéo léo: *đan, cài, ken*.
Niềm vui giản dị, mộc mạc ngay trong cuộc sống: *câu hát*.



Ý chí bền bỉ,
giàu mơ ước

- Dùng cái cao vời vợi của trời để đo nỗi buồn (nỗi buồn chòng chát), lấy cái xa để đo ý chí (bền bỉ)
- Sắp xếp tính từ tăng tiến khẳng định khó khăn thử thách càng lớn thì ý chí con người càng mạnh mẽ, bền bỉ.



Phóng khoáng,
tình nghĩa với
quê hương

- Cuộc sống nghèo khổ, khó khăn, trắc trở.
- Điệp ngữ *sống, không chê*: khẳng định sự chấp nhận, thủy chung gắn bó cùng quê hương nghèo khổ.
- *Sóng như sông như suối*: tâm hồn, ý chí khoáng đạt.



Tự lực, tự cường,
tự tôn dân tộc

- Người đồng minh mộc mạc, giản dị nhưng giàu chí khí, nghị lực, niềm tin: *thô sơ da thịt >< chẳng mấy ai nhỏ bé*.
- Người đồng minh tự tay xây dựng quê hương, dân tộc: *tự đúc đá kê cao quê hương*.

TÌNH CẢM CỦA NGƯỜI CHA VỚI CON

Kể về kỉ niệm
khi con còn nhỏ

- Điệp ngữ *một bước hai bước*: sự lớn lên từng ngày của con.
- Mỗi bước con đi, mỗi tiếng con cười đều được cha mẹ đón nhận và chăm chút.

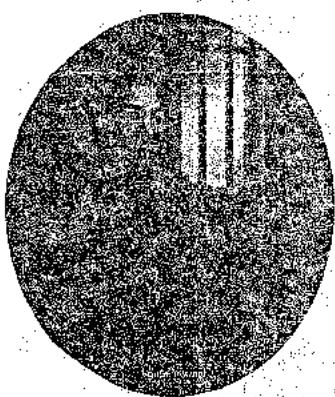
Mong muốn con trưởng
thành với phẩm chất đẹp

- Lao động cần cù, khéo léo.
- Ý chí bền bỉ, kiên cường.
- Thùy chung, gắn bó với quê hương, nguồn cội.
- Ý thức tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc.

Lời dặn dò, nhấn nhú

- *Lên đường/ Không bao giờ nhỏ bé được*: Con khôn lớn trưởng thành giàu ý chí, nghị lực, niềm tin.
- *Nghe con*: lắng đọng cảm xúc, ẩn chứa yêu thương.

CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG



Phẩm chất tốt đẹp



Xinh đẹp, nét na

Tư dung tốt đẹp, biết giữ gìn khuôn phép



Thùy chung, tình nghĩa,
yêu thương chồng

Mong chồng đi lính bình yên vô sự trở
về, tiết hạnh chờ chồng



Hiếu thảo với mẹ chồng

Chăm sóc khi ôm đau, ma chay chu đáo...



Giàu lòng vị tha

Không oán hận chồng; chồng lập đàn
giải oan thì hiện về.

VŨ NƯƠNG

Tên thật: Vũ Thị Thiết

Quê: Nam Xương

Số phận bi kịch



Nạn nhân của chế độ
nam quyền

Hôn nhân không bình đẳng giai cấp.
Hôn nhân không tình yêu, tự do.



Nạn nhân của chiến tranh

Gia đình chia lìa, một mình gánh vác gia
đình; xa cách dẫn đến hiếu làm....



Bi kịch hạnh phúc tan vỡ

Bị chồng nghi oan, phải chọn cái chết để
chứng minh trong sạch.

Trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp Vũ Nương

Vũ Nương thùy mị, nét na, tư dung tốt đẹp.

Thùy chung, yêu chồng, thương con.

Hiếu thảo với mẹ chồng.

Đồng cảm, xót thương cho số phận khổ đau, bi kịch của Vũ Nương.

Chiến tranh chia lìa hạnh phúc

Bị chồng nghi oan phải tìm đến
cái chết chứng minh trong sạch.

Mở ra lối thoát

Vũ Nương gieo mình xuống sông tự vẫn,
được Linh Phi cứu, sống dưới thủy cung.

GIÁ TRỊ NHÂN ĐẠO

Sức mạnh lèn án, tố cáo

Xã hội phong kiến nam quyền cướp đoạt
tình yêu, hạnh phúc, tự do người phụ nữ.

Chiến tranh phi nghĩa.

HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ



HÌNH TƯỢNG VUA QUANG TRUNG

- Quang Trung (1753 - 1792), tên thật là Nguyễn Huệ.
- Trị vì 22/12/1788 - 16/9/1792 (3 năm).
- Là 1 trong 14 vị anh hùng tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.

Yêu nước, thương dân

Nghe tin giặc đến, định kéo quân đi ngay.
Khẳng định chủ quyền dân tộc.
Nêu cao truyền thống đánh giặc giữ nước.

Tài thao lược, mạnh mẽ, quyết đoán

Hành động xông xáo, nhanh gọn, có chủ đích, quả quyết.
Vừa hành quân vừa đánh giặc; hàng ngũ quân đội chính tề, sớm hơn dự kiến...

Trí tuệ sáng suốt, nhạy bén

Quyết định lên ngôi đế chính danh vị, thống nhất nội bộ, hội tụ anh tài, giữ lòng người.
Sáng suốt nhận định về địch - ta.
Sáng suốt trong việc sét đoán bè tôi.

Tâm nhìn xa trông rộng

"Phương lược tiến đánh đã có tính sẵn".
Kế sách ngoại giao trong 10 năm.

Oai phong, lâm liệt

Thân chinh ra chiến trường chỉ huy chiến dịch.
Cưỡi voi đi đốc thúc, tấm áo bào màu đỏ sẫm đen khói súng.

QUÂN THANH VÀ VUA TÔI LÊ CHIÊU THỐNG

Mượn gió bẻ măng, âm mưu xâm lược nước ta.

Hồng hách, chủ quan, không nắm được tình hình, chỉ lo ăn chơi, chè chén.

Sâm Nghi Đồng thất cõi;
Tôn Sĩ Nghị tháo chạy; giặc chạy trốn dày xép lên nhau.

Quân
Thanh



Vua tôi
Lê Chiêu
Thống



Công rắn cắn gà nhà, muồn lợi dụng quân Thanh để giữ ngai vàng.

Cướp thuyền của dân để tháo chạy.
Cạo đầu, tết tóc, gieo nấm tro tàn nơi đất khách.

LÀNG

TÌNH HUỐNG TRUYỀN

Ông Hai yêu làng vô cùng, luôn khoe về làng trong niềm hân diện nay phải xa làng, đi tản cư.

Độc đáo

Ông Hai nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây, phản cách mạng.

Thể hiện sâu sắc tính cách nhân vật, là cơ sở cho sự chuyển biến tâm lý của nhân vật ông Hai.

V Nghĩa

Góp phần thể hiện rõ hơn chủ đề tác phẩm; tình yêu làng hòa với tình yêu nước.

NHÂN VẬT ÔNG HAI

Trước khi nghe tin làng theo giặc

- Luôn tự hào, ca ngợi, khoe về làng:
- + Khoé đường lát gạch, khoé cái dinh phần của quan tổng đốc.
- + Khoé những giao thông, hầm hào...
- Luôn nhớ về làng:
- + Thường xuyên theo dõi về làng.
- + Chao ôi, ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.

Khi nghe tin làng theo giặc

- Nghe tin, ngạc nhiên, sững sờ, bàng hoàng: *Cổ họng nghẹn ắng lại; giọng lạc hẳn đi...*
- Xấu hổ, làng tránh: *Cúi gầm mặt xuống mà đi...*
- Dày vò, đau đớn, nhục nhã: *nằm vật ra giường, nước mắt cứ giàn ra, căm giận gọi dân làng là chúng bay.*

Sau khi nghe tin cải chính

- Sung sướng, hạnh phúc tột độ vì làng minh trong sạch:
- + *Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng vui tươi rạng rỡ hẳn lên.*
- + *Cặp mắt hung hung đỏ hấp háy.*
- + Ông chạy đi khắp nơi múa tay lên mà khoe tin: *Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ q. Đốt nhẫn.*
- + Tiếp tục vén quần lên tận ben nói chuyện về làng.

Tình yêu làng



Tình yêu nước



- Nghe tin làng theo giặc, dứt khoát lựa chọn: *Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.*
- Ông lão nói chuyện với con, tự nhắc mình: "*Üng hộ Cụ Hồ con nhoi*".

CHIẾC LƯỢC NGÀ

TÌNH CẢM CHA CON SÂU NẮNG CỦA ÔNG SÁU

Tình cảm ông Sáu dành cho bé Thu

- Hồi hộp, xúc động, khao khát khi gặp con: *nôn nao; không chờ xuồng cập bến, nhún chân nhảy thót lên.*

Khi
gặp
con

- Hụt hẫng, đau đón, thất vọng: *dừng sững, mặt sầm lại... tay buông xuống như bị gãy.*

- Đau khổ, bất lực đến tột cùng: càng muốn gần con con càng xa lánh, anh đau khổ, đánh con.

Khi
chia
tay

- Buồn rầu, thất vọng: muốn ôm hôn con nhưng sợ nó giẫy lên, nhìn con buồn rầu.

- Sung sướng, hạnh phúc nghe con gọi “ba”: *một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt...*

Khi ở
căn cứ

- Luôn nhớ thương xen lẫn sự day dứt, ân hận vì đã đánh con.

- Giữ đúng lời hứa với con, dồn hết tâm trí và công sức làm cây lược; gò lung, tần mẩn khắc từng nét chữ: “*Yêu nhớ tặng Thu con của ba.*”

- Lúc hi sinh điều duy nhất nhẫn nhú lại là tặng cây lược cho con.

Tình cảm bé Thu dành cho ông Sáu

- Lo lắng, sợ hãi: Mặt tái đi, vụt chạy, kêu thét lên “*Má! Má!*”.

- Ương ngạnh, cự tuyệt vì cho rằng ông Sáu không phải ba (vì có vết sẹo không giống người trong bức ảnh).

+ Ngờ vực, lảng tránh.
+ Nói trống không, không gọi ông Sáu là ba.
+ Cự tuyệt mọi sự quan tâm của ông Sáu (hành động hất cái trứng cá).

Trước
khi
nhận
cha

- Ăn năn, hối hận vì đã không nhận cha: *nằm im, lẩn lộn; buồn rầu, thở dài như người lớn, nghĩ ngợi xâu xa...*

- Yêu thương, nuối tiếc khi chia tay:
+ *Dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó, nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ... hôn cả vết theo dài bên má của ba nó nữa.*
+ Kêu thét lên: “*Ba!*”, không cho ba đi, dặn ba trở về mua cho một cây lược.

Sau
khi
nhận
cha

LĂNG LỄ SA PA

NHÂN ĐỀ

Kết cấu

Sa Pa (danh từ) địa danh gợi vẻ đẹp tinh mịch, êm đềm, thơ mộng.

Lặng lẽ (tính từ) gợi trạng thái âm thầm, nhẹ nhàng, không phô trương.

Ý nghĩa

Ca ngợi những con người ngày đêm lao động hăng say, miệt mài, thầm lặng cống hiến.

NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN

Anh thanh niên là hình ảnh tiêu biểu cho những con người ở Sa Pa, là chân dung con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

▀ Ngoại hình

Bé nhõ, nét mặt rạng rỡ.

Tuổi: 27.

Vẻ đẹp phẩm chất

Yêu nghề, tinh thần trách nhiệm cao

Chấp nhận sống, làm việc trong hoàn cảnh khắc nghiệt.
Tìm thấy ý nghĩa trong công việc và cảm thấy hạnh phúc.
Làm việc tự giác, tận tụy.
Đúng giờ và chính xác đến từng phút.

Nếp sống khoa học, ngăn nắp, giản dị

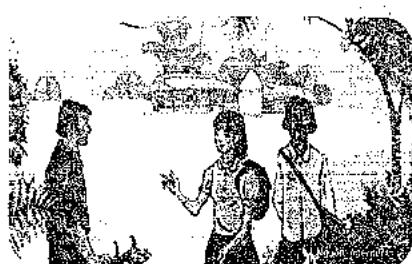
Tự tạo niềm vui bằng việc trồng hoa, nuôi gà, nuôi ong.
Sắp xếp cuộc sống gọn gàng, ngăn nắp.
Đọc sách để nâng cao hiểu biết, chất lượng cuộc sống.

Chân thành, cởi mở, hiếu khách

Luôn thèm người, muốn được nhìn ngắm, trò chuyện.
Có khách thì vui sướng, cuồng cuồng, trân trọng từng phút.
Thân thiện, cởi mở, quan tâm đến mọi người.

Khiêm tốn

Cho rằng đóng góp của mình là nhỏ bé so với người khác.
Khi biết ông họa sĩ định vẽ mình, anh e ngại từ chối.



NHAI

Nhữn
(Cùn

NHẬP

▀ L
Là o
Xinl
ánh

▀ H
Ô tr
cao t
Đườ
tước
xăng

▀ C
Đo k
bom.
Có k
cao c
lắp l
=> C
chết

NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI

NHAN ĐỀ

Kết cấu

*Những ngôi sao
xa xôi*
(Cụm danh từ)

Nghĩa thực: ngôi sao trên mũ, trên vai người lính.

Àn dụ: vẻ đẹp anh hùng, tâm hồn trong sáng.



Ý nghĩa

Giảm bớt hiện thực khốc liệt; nổi bật cảm hứng ngọt ca thể hệ nữ thanh niên xung phong thời chống Mỹ.

NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH



Lai lịch, ngoại hình

Là cô gái Hà Nội.

Xinh đẹp: hai bím tóc dài, cổ cao, ánh mắt xa xăm.

Hoàn cảnh

Ở trong một cái hang dưới chân cao điểm.

Đường bị đánh lở loét, thân cây bị tước khô cháy, môt vài thùng xăng, ô tô méo mó, han gi...

Công việc

Đo khối lượng đất đá lắp vào hố bom, đếm và phá bom chưa nổ.

Có khi bị bom vùi luôn, bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt

lắp lánh...

=> Công việc nguy hiểm với cái chết luôn cận kề.

Phương Định (cũng như Nho và Thao) là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời chống Mỹ: dũng cảm, kiên cường, tinh thần trách nhiệm cao, tình đồng đội sâu sắc.

Vẻ đẹp phẩm chất

Dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm.

Là cô gái Hà Nội, sẵn sàng rời Thủ đô để tham gia chiến trường ác liệt.

Công việc nguy hiểm nhưng không hề sợ hãi, nao núng.

Phá bom thuần túy, nhanh gọn, bình tĩnh chạy đua cùng thời gian chiến thắng cái chết.

Yêu thương đồng đội

Hiểu rõ tính cách, sở thích của đồng đội.

Lo lắng khi đồng đội làm nhiệm vụ chưa về.

Yêu thương, chăm sóc Nho chu đáo khi bị thương.

Hiểu tâm trạng sợ hãi, lo lắng của chị Thao khi Nho bị thương.

Tâm hồn nhạy cảm, mơ mộng

Nhạy cảm, mơ mộng: hay nhớ về kỉ niệm, thường quan tâm đến ngoại hình.

Hồn nhiên, yêu đời: thích hát, hát mọi lúc, say sưa tận hưởng cơn mưa mặc bom đạn.



BÀI TẬP CÙNG CÓ

Đạng bài Nghị luận văn học thơ

Bài 1: Cảm nhận về vẻ đẹp, tài hoa của Thúy Kiều qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” (trích “Truyện Kiều”, Nguyễn Du)

Gợi ý làm bài

Văn học Việt Nam, thậm chí văn học thế giới, ít có tác phẩm nào chinh phục được tình cảm của đông đảo người đọc như Truyện Kiều. Tác phẩm muộn câu chuyện của nàng Kiều để vẽ lên bức tranh toàn cảnh về hiện thực xã hội phong kiến thối nát, kim tiền, xấu xa, đồi bại và đầy rẫy bất công ở Việt Nam vào cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX; đồng thời thể hiện ước mơ giải phóng con người, đòi quyền sống, quyền tự do, công lý, tình yêu và hạnh phúc. Mười lăm năm lưu lạc, Kiều có thể trở thành “gái lầu xanh” bị chà đạp đến “hoa tàn nhị héo” nhưng những vẻ đẹp ở nàng vẫn mãi được khẳng định, ngợi ca. Trong đoạn trích Chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã khắc họa hình ảnh một nàng Kiều tài sắc vẹn toàn khiến người đọc không khỏi say mê, ngưỡng mộ.

Trong đoạn trích, Thúy Kiều xuất hiện bên cạnh người em của mình là Thúy Vân. Dù “mỗi người một vẻ” nhưng đều toàn diện, hoàn mĩ “mười phân vẹn mười”. Nguyễn Du viết: “Mai cốt cách, tuyết tinh thần” chính là ngầm ý khẳng định một vẻ đẹp trong trắng, thanh bạch, tinh khiết như “mai”, như “tuyết” khiến người đọc ấn tượng về một cái đẹp thoát tục, cao quý, không vương chút bụi trần. Đặc biệt, khi nói về vẻ đẹp của Thúy Kiều, Nguyễn Du đã sử dụng biện pháp nghệ thuật đòn bẩy tài tình, khéo léo: tả Thúy Vân trước, tả Thúy Kiều sau. Sau khi dựng lên chân dung và vẻ đẹp nhân vật Thúy Vân, nhà thơ tập trung bút lực vào miêu tả vẻ đẹp của Kiều trong sự đối sánh với vẻ đẹp của Vân:

*Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bè tài sắc lại là phần hơn.*

Vẻ đẹp của Kiều đột nhiên xuất hiện sau những câu thơ thật hay miêu tả về Thúy Vân. Ở đây, Nguyễn Du đã khéo léo lồng vào trong câu thơ một sự so sánh thật nhẹ trước vẻ đẹp của hai nàng. Nếu như Vân xinh đẹp, “trang trọng khác vời” nhường ấy thì Kiều - chị của Vân lại “càng sắc sảo mặn mà” xinh đẹp hơn bội phần. Không chỉ về “sắc” đẹp mà còn cả “tài” hoa nữa: “so bè tài sắc lại là phần hơn”. Những tính từ so sánh với độ tăng “càng”, “lại” càng khiến người đọc có thêm những suy tư về nét đẹp của Kiều. Vẻ sắc sảo, mặn mà cùng tài sắc của Kiều còn hơn Thúy Vân một bậc, vậy không hiểu Kiều đẹp đến nhường nào?

Trước hết là vẻ đẹp nhan sắc – ngoại hình của Kiều. Nguyễn Du tiếp tục sử dụng thủ pháp ước lệ tượng trưng lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm thước đo cho vẻ đẹp của con người. Bằng một loạt các hình ảnh: thu thùy, xuân son, hoa, liễu; Nguyễn Du đã làm hiện vẻ đẹp của một trang giai nhân tuyệt mĩ. Không như Thúy Vân, Nguyễn Du miêu tả chi tiết toàn bộ gương mặt thì ở Thúy Kiều, ông lại chỉ tả điểm, lấy điểm để tả diện. Như chúng ta vẫn thường nói, “đôi mắt là cửa sổ tâm hồn” có lẽ vì thế mà Nguyễn Du đi vào đặc tả đôi mắt của Kiều: “Làn thu thùy, nét xuân son”. Một đôi mắt sáng trong, sâu thẳm như làn nước mùa thu và đôi lông mày thanh thoát như nét núi xuân son đã toát lên vẻ đẹp dịu dàng, đằm thắm, cuốn hút lạ thường. Qua đó, người đọc không chỉ thấy được một tâm hồn trong sáng mà còn có chiều sâu của nàng Kiều. Vẻ đẹp của Kiều đã vượt ra khỏi những nét đẹp chuẩn mực thông thường của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Có lẽ vì thế mà trước sắc đẹp ấy “Hoa ghen thua thảm kiều hèn kém xanh”. Hoa và liễu vốn gợi liên tưởng về vẻ đẹp xuân sắc, dịu dàng của người con gái. Ở đây, nó cũng được dùng để miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều. Thế nhưng, qua nghệ thuật so sánh, Nguyễn Du đã nâng vẻ đẹp của nàng Kiều lên mức thoát tục; “thảm” đượm hơn cả sắc “hoa” khiến “hoa” phải ghen tỵ,

yêu điệu
khẳng đ
Chính t
chẳng đ
thành n
đẹp yêu
Nguyễn
kinh di
Khô

Nói
hơn. Tà
ở mức
khiến n
thi ca. T
giới kh
ai ai cũ
muộn, i
phải nó

Ngu
chi đẹp
xưa, có
cho số
thói m
tượng t
mực đó
sảo, mặ

Đoạ
của ông
Những
hiện s

Bài 2

Gợi
Bao
ngọc q
không



yếu điệu, mềm mại hơn cả “liễu” khiến “liễu” phát “hòn”. Ở đây, nghệ thuật nhân hóa được sử dụng vừa để khẳng định vẻ đẹp tuyệt thế của Kiều vừa ám chỉ trong đó cả sự oán hờn, đố kị của thiên nhiên, cuộc đời với nàng. Chính từ đây, Nguyễn Du đã nói lên dự cảm về cuộc đời nhiều truân chuyên, đau đớn bởi thiên nhiên vạn vật đã chẳng đồng lòng mà bao dung nàng. Không chỉ vậy, để nói về sắc đẹp của Thúy Kiều, Nguyễn Du còn sử dụng thành ngữ nói quá “Nghiêng nước nghiêng thành”. Thành ngữ này xuất phát từ Trung Quốc, dùng để chỉ sắc đẹp yêu kiều của giai nhân có thể khiến quân vương trầm mê đến quên triều chính, làm mất nước. Vậy mới thấy, Nguyễn Du đã dùng những “mỹ từ” đẹp nhất để họa nên bức chân một trang tuyệt thế khiến người người phải kinh diễm, thán phục.

Không chỉ có nhan sắc tuyệt mĩ mà tài năng của Kiều cũng vào bậc hiêm có xưa nay:

“Sắc đành đòi một tài đành họa hai
Thông minh vốn sẵn tính trời
Pha nghệ thi họa dù mùi ca ngâm
Cung thương lầu bậc ngũ âm
Nghệ riêng ăn đứt hồ cầm một chương
Khúc nhã tay lựa nên chương
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân”

Nói về ngoại hình thì Kiều đã đẹp đến “nghiêng nước nghiêng thành” mà tài năng của nàng lại càng nổi bật hơn. Tài năng của nàng đã đạt đến độ lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến “cầm, kì, thi, họa” đều đạt ở mức đỉnh cao. Từ khả năng vẽ tranh “thi họa” đến khả năng làm thơ, ngâm thơ “đù mùi ca ngâm”, tất cả đều khiến người khác phải trầm trồ, thán phục. Thế nhưng, nổi bật nhất trong tài năng của nàng là khả năng đàn hát, thi ca. Tài năng ấy của nàng đã vượt xa mọi người “lầu bậc ngũ âm”, thậm chí vượt xa những người con gái tài giỏi khác một bậc “ăn đứt hồ cầm một chương”. Và khúc nhạc “bạc mệnh” của nàng sáng tác ra khi cất lên khiến ai ai cũng phải cất lòng sâu thương, đau đớn. Đó là khúc nhạc để nói lên một tâm tư đa cảm, một trái tim sâu muộn, một cuộc đời éo le. Khúc nhạc ấy phải chăng sau này đã vận vào cuộc đời giông bão của nàng? Tuy vậy, phải nói rằng, tài năng của nàng quả thật khiến người ta bội phục muôn phần.

Nguyễn Du đã thật ưu ái khi miêu tả chân dung Thúy Kiều. Nàng hiện lên qua những câu thơ của ông không chỉ đẹp ở nhan sắc mà còn toàn diện ở trí tuệ, tinh thần. Nàng là tiêu biểu cho số phận người phụ nữ trong xã hội xưa, có nhan sắc, có trí tuệ nhưng lại chịu cảnh vùi dập của cuộc đời, của xã hội phong kiến. Thật cảm thương cho số phận của nàng, bởi vậy trong suốt cả bài thơ, hơn một lần Nguyễn Du đã phải thốt lên: “Hồng nhan quen thói mà hồng đánh ghen”. Bức tranh chân dung Thúy Kiều được dựng lên chủ yếu thông qua bút pháp ước lệ tượng trưng, lấy thiên nhiên để miêu tả vẻ đẹp con người. Nhưng vẻ đẹp của nàng còn vượt xa cả những chuẩn mực đó. Cho thấy vẻ đẹp tuyệt mĩ của tạo hóa. Sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, giàu giá trị biểu cảm: ghen, hờn, sắc sảo, mặn mà,... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp tuyệt sắc của Thúy Kiều.

Đoạn trích đã thể hiện ngòi bút tinh tế, tài hoa của Nguyễn Du, khẳng định tài năng nghệ thuật tả người số một của ông quả là “kì tài diệu bút”. Tả Kiều không cốt tả hình dáng mà cốt để làm nổi bật vẻ đẹp và trí tuệ của nàng. Những câu thơ về Kiều còn mang tính chất dự báo về số phận éo le, một cuộc đời đầy trắc trở. Qua đó cũng thể hiện sự nâng niu trân trọng của Nguyễn Du trước vẻ đẹp của người phụ nữ.

Bài 2 Trình bày cảm nhận của em về 8 câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngung Bích”

Gợi ý làm bài

Bao thế kỉ qua, Truyện Kiều đã trở thành món ăn tinh thần không thể thiếu với mỗi người dân Việt Nam, là viên ngọc quý sáng giá trong kho tàng văn học dân tộc. Để có được thành công ấy, bên cạnh nội dung nhân đạo cao cả không thể không kể đến tài năng nghệ thuật bậc thầy của Nguyễn Du mà đặc biệt là nghệ thuật tả cảnh ngũ tinh.

Biết
hướng
tiếng s
lấy thâ
vọng t
những

Ngà
cánh lì
đến độ
bình v
diệp kí
gọi cát
rõ nhữ
sáng lê



Đoà
tả cảnh
đồng c

Nguy

Gợ

Ngu
loạn lạ
nhân d
không
thể hiệ

Lục
qua hàn

Với
gặp cái
mình t
việc di
dường
người.
cướp đ
đó chứ
bắt luo
vệ nhâ

Tám câu thơ cuối đoạn trích “Kiều ở lầu Ngung Bích” là một minh chứng cho điều đó. Mỗi cảnh trong đoạn thơ gợi ra một nỗi buồn khác nhau nhưng tựu chung lại thể hiện tâm trạng cô đơn, buồn tủi, tuyệt vọng của Kiều khi ở “Lầu Ngung Bích khóa xuân”.

Trong tác phẩm, khi gia đình gặp con gia biến, Thúy Kiều quyết định bán mình chuộc cha. Nàng bị lừa đẩy vào lầu xanh. Đau đớn và tủi nhục, Kiều tự tử nhưng không thành. Từ Bà lừa nàng ra ở Lầu Ngung Bích, hứa sẽ kén chồng cho nàng vào nơi tử tế. Trong giờ phút bên ngoài tưởng như yên tĩnh này thì chính trong lòng Kiều lại ngồn ngang trăm mối. Một nỗi buồn mênh mang đang choán ngợp tâm hồn Kiều: rời xa người yêu, rời xa cha mẹ để rồi nhìn đâu nàng cũng thấy buồn. Nguyễn Du đã chọn cách biểu hiện “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này” để thể hiện tâm trạng Kiều. Những dòng thơ sinh động, dưới cái tài miêu tả nội tâm nhân vật của tác giả làm hiện lên một bức tranh vừa gợi tả cảnh thiên nhiên vừa gợi nỗi lòng của Thúy Kiều. Một mình bơ vơ, trơ trọi giữa không gian mênh mông, nỗi nhớ nhà quê hương bỗng trỗi dậy trong lòng Kiều.

Buồn trong cửa bể chiều hôm

Thuyền ai thấp thoáng, cánh buồm xa xa.

Không gian xa rộng, quạnh hiu nơi “cửa bể” như càng làm nổi rõ hơn thân phận nhỏ bé, cô đơn của Kiều. Không gian ấy cộng hưởng cùng thời gian “chiều hôm” - thời khắc gọi nhở, gợi buồn - khiến như thấm sâu hơn vào tâm hồn người con gái nơi xứ lạ nỗi niềm xót xa. Giữa khung cảnh ấy, trái tim cô đơn, tâm hồn trống vắng cần lắm một hơi ấm, một sự hiện diện của sự sống: “Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?”. “Thuyền” ở đây chính là hình ảnh biểu tượng cho sự sống con người. Nhưng đó là sự hiện hữu mờ mờ, như có như không, được diễn tả qua hai từ “thấp thoáng”, “xa xa”. Sự xuất hiện mờ ảo của cánh buồm không làm cho khung cảnh thêm thân mật, ám áp mà càng gợi sâu, gợi cảm giác cô liêu cho con người. Không tìm thấy sự sẻ chia từ nơi cửa biển xa xăm, Kiều hướng tầm mắt về “ngọn nước” gần mình hơn:

Buồn trong ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

“Ngọn nước mới sa” chứa đựng một sức mạnh của tự nhiên có thể vùi dập, cuốn trôi, hủy diệt những gì nhỏ bé. Giờ đây, không gian không chỉ mênh mông rợn ngợp mà nó còn mạnh mẽ dữ dội. “Hoa”, sự vật đẹp đẽ, có hương có sắc nhưng lại mềm yếu, chính là hình ảnh phản chiếu của nàng Kiều. Nàng xinh đẹp, thông minh nhưng nhỏ bé, yếu ớt trước cuộc đời, xã hội. Câu hỏi từ từ như xoáy vào nỗi đau thân phận của nàng, phiêu bạt, vô định không biết đâu là chốn về, chốn nương náu cuộc đời. Đau xót thay khi Kiều giờ đây như một con chim lạc bay đang bay trong giông tố. Tím đèn với thiên nhiên đó mong sao voi bót môi sầu chất chứa trong lòng nhưng càng nhìn cảnh, tâm trạng lại càng rối bời. Dường như nước gọi lên sự lạnh lẽo, bất định, chảy trôi nên Kiều tìm về với bờ cỏ xanh, với mặt đất:

Buồn trong nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.

Không phải là “cỏ non xanh tận chân trời” như ngày Tết Thanh minh mà là “nội cỏ rầu rầu” màu vàng úa, héo hắt, tàn tạ, thê lương càng làm cho Thúy Kiều thêm chán ngán, vô vọng. Thêm vào đó, màu “xanh xanh” gợi sắc thái nhàn nhạt, cỏ cây không còn nét tươi tắn, không mang sức sống, hi vọng nữa mà ảm đạm, té ngất. Màu cỏ hay cũng chính là tâm hồn của Thúy Kiều đang héo úa, heo hắt, rệu rã trước cuộc đời. Đặc biệt, nội cỏ “rầu rầu” nhuốm màu đau thương ấy còn trai ra đến vô tận, bao trùm toàn bộ không gian “chân mây mặt đất” gợi cuộc sống úa tàn, bi thương, vô vọng kéo dài không biết đến bao giờ. Tâm trạng thủy Kiều rơi vào trạng thái hoảng hốt, tâm thức bấn loạn vô cùng, nhìn đâu cũng thấy vô vọng.

Trong hoàn cảnh cô đơn, đau khổ, Kiều cần một tiếng vọng của sự sống con người nhưng đáp lại nàng chỉ có những thanh âm hãi hùng của thiên nhiên:

Buồn trong gió cuốn mặt duềnh.

Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghé ngồi.

Biển khơi đang êm á, phảng lặng bỗng vang lên những âm thanh ghê gớm, khủng khiếp. Tầm nhìn của Kiều hướng từ xa về gần, từ cao đến thấp, mong mỏi kiếm tìm một sự đáp vọng. Thanh âm duy nhất đáp lại nàng là tiếng sóng “ầm ầm”, “kêu quanh ghé ngòi”. Tiếng sóng ầm ầm khắp bốn phía như trực sẵn, chờ lao đến cuốn lấy thân phận nhỏ bé của Thúy Kiều, như sẵn sàng đẩy con người xuống vực thẳm. Kiều hoàn toàn rơi vào tuyệt vọng trong nghịch cảnh trớ trêu của mình. Sóng gió biển khơi hay sóng gió cuộc đời đang đón đợi nàng? Đó là những âm thanh định mệnh báo trước một tai ương đầy bất trắc.

Ngòi bút của Nguyễn Du hết sức tinh tế khi tả cảnh cũng như ngũ tình. Cảnh và tình uốn lượn song song, mỗi cảnh là một bức tranh tâm trạng. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần, màu sắc từ nhạt đến đậm, âm thanh từ tĩnh đến động, nỗi buồn từ man mác đến âu lo, kinh sợ. Cảnh vật thay đổi, bốn bức tranh tạo thành một bộ tranh từ bình về tâm trạng của Kiều. Cụm từ “Buồn trông...” mở đầu câu thơ lực tạo âm hưởng trầm buồn đã trở thành điệp khúc đoạn thơ và điệp khúc tâm trạng Thúy Kiều. Những câu hỏi tu từ cùng với một loạt các từ láy gợi hình gợi cảm đã góp phần làm xô dậy những con sóng lòng của Kiều. Đoạn trích “Kiều ở lâu Ngung Bích” cho ta thấy rõ những nét tâm trạng của Kiều, giúp ta có những dự cảm đau đớn về tương lai Kiều phía trước đồng thời làm sáng lên cái tài, cái tâm và cái tâm của một thiên tài Nguyễn Du.

Đoạn trích được nhiều người biết đến và quý trọng. Có lẽ vừa bởi cái tài lớn của Nguyễn Du trong bút pháp tả cảnh ngũ tình vừa bởi tấm lòng nhân đạo chủ nghĩa lớn của ông lay động tâm thức người đọc một nỗi xót xa, đồng cảm với thân phận của những con người tài hoa bạc mệnh.

Bài 3 Trình bày cảm nhận của em về nhân vật Lục Vân Tiên trong đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” (trích truyện thơ “Lục Vân Tiên”, Nguyễn Đình Chiểu)

Gợi ý làm bài

Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước Nam Bộ nổi tiếng với bộ truyện thơ “Lục Vân Tiên”. Giữa thời kì loạn lạc, xã hội rối ren, chế độ phong kiến suy tàn, bọn vua quan nhà Nguyễn thối nát gây nhiều đau thương cho nhân dân; “Lục Vân Tiên” hướng đến khắc họa hình tượng người anh hùng lí tưởng dũng cảm, trượng nghĩa, không màng danh lợi, vì nhân dân trừ gian diệt ác. Đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” đã phản náo thể hiện được tính cách ấy ở người anh hùng Lục Vân Tiên.

Lục Vân Tiên hiện lên trước hết là một người anh hùng tài năng, dũng cảm, nghĩa hiệp. Điều đó được thể hiện qua hành động trượng nghĩa của chàng khi gặp chuyện bất bình:

Vân Tiên ghé lại bên đàng
Bé cây làm gãy nhằm làng xông vó.

Với quan niệm sống của một đấng trượng phu: “Kiến ngãi bất vì vô dũng dâ”; trên đường đi thi, Lục Vân Tiên gặp cảnh lũ cướp Phong Lai cướp phá dân lành, chàng không khoanh tay đứng nhìn mà dũng cảm đối đầu. Một mình trong tay không có khí giới, Lục Vân Tiên vẫn dứt khoát “bé cây làm gãy” mà “nhằm làng xông vó”. Sự việc diễn ra thật bất ngờ, nhanh chóng bởi Vân Tiên chỉ là người qua đường thấy bất bình thì chẳng tha. Chàng dường như không kịp suy nghĩ, không lo đến an nguy của bản thân mà cứ thế xông vào dẹp tan lũ cướp cứu người. Nên nhớ là chàng đang đi thi, công danh phú quý đang đợi chàng ở phía trước. Không những thế, bọn cướp đông đảo, hung hăng, ai ai cũng đều khiếp sợ chúng. Thế mà chàng quyết định một cách nhanh chóng. Điều đó chứng tỏ hành động vì việc nghĩa đã trở thành bản chất tốt đẹp của chàng. Không dừng lại ở đó, căm giận lũ bất lương, Lục Vân Tiên sục sôi lên án hành động dã man của chúng, chàng đứng về phía nhân dân, quyết bảo vệ nhân dân:

Kêu rǎng: “Bờ đắng hung đở.
Chớ quen làm thói hổ đồ hại dân.”



Gọi

Trong

kháng c

đến bài

gay go,

chiến ch

cảm, ch

Trước

đất nước

Nhữn

thân giù

nhau bờ

đất cao

Mặc dù

nên cụ t

ngữ dân

làng quê

sẵn sàng

đã mờ n

Ở đây

đích, nh

tu từ ẩn

chí vây,

Đến đây,

cánh, xu

thơ chí v

liêng. Tù

liêng các

trong gia

vây, tron

tương, cl

nông dâ

nuốc qu

xúc sâu

Về đe

tinh đồng

Câu nói của Lục Vân Tiên chính là quan điểm đầy tính chính nghĩa và không những thế, đó như một tuyên bố đầy danh thép, không được vì duy trì cuộc sống mà lại chà đạp lên người khác, gây đau khổ cho người khác bằng hành động của lũ côn đồ, đầy ngạo mạn trái với luân thường đạo lí làm người, việc làm của bọn cướp rất đáng lên án, và cần được trừng trị thích đáng.

Hình ảnh Lục Vân Tiên xông xáo tung hoành được nhà thơ miêu tả thật đẹp sánh ngang với hình ảnh Triệu Tử Long - một dung tướng thời Tam Quốc:

Vân Tiên tả đột hữu xung,

Khác nào Triệu Tử phá vòng Dương Dang.

Nguyễn Đình Chiểu miêu tả hành động trượng nghĩa của Lục Vân Tiên với những hình ảnh chân thực vô cùng đẹp đẽ “tả đột hữu xung”, “khác nào Triệu Tử”. Hành động của Vân Tiên cho thấy tâm thế chủ động tung hoành, không hề nao núng. Tài năng của chàng được ví với Triệu Tử Long - một danh tướng thời Tam Quốc lại càng cho thấy tầm vóc lớn lao phi thường của Lục Vân Tiên. Chính tài năng miêu tả tài tình của nhà thơ đã làm cho người đọc như đang đứng giữa cái cảnh Lục Vân Tiên trừng trị lũ hung đồ đó. Người đọc như đang chứng kiến hành động vô cùng nhanh nhạy đầy linh hoạt, khi “tả đột hữu xông” làm bọn cướp lao đảo “bốn phía vỡ tan”, phải nhanh chân “tìm đường chạy ngay”.

Để hoàn thiện hình tượng người anh hùng, Nguyễn Đình Chiểu cũng đặc biệt khắc họa hình ảnh Lục Vân Tiên qua sự chính trực, vô tư, không màng danh lợi. Đánh xong bọn cướp thấy hai cô gái còn chưa hết hãi hùng Vân Tiên đã ân cần hỏi han, an ủi họ. Hành động của chàng thật đàng hoàng, chứng chạc. Tuy có phần câu nệ nhưng vẫn là phong độ giữ lẽ của một con người có văn hóa trong khi ứng xử với hai người con gái:

Khoan khoan ngồi đó chờ ra.

Nàng là phận gái ta là phận trai.

Đặc biệt, tính cách nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên còn được biểu hiện qua cử chỉ từ chối việc trả ơn của Kiều Nguyệt Nga - người mà chàng đã cứu thoát khỏi tay bọn cướp. Khi Kiều Nguyệt Nga nói muốn trả ơn bằng lời lẽ phù hợp đạo lí, chân thành; “Vân Tiên nghe nói liền cười”. Nụ cười của chàng thật vô tư, hào hiệp, khảng khái biểu lộ một tâm hồn cao cả. Và chúng ta hãy nghe chàng giải thích:

Làm ơn há để trông người trả ơn.

Nay đã rõ đặng nguồn con

Nào ai đã tính thiệt so hon làm gì.

Nhớ câu kiền ngãi bất vi,

Làm người thé áy cũng phi anh hùng.

Với chàng, nếu làm ơn mà trông người khác hoặc buộc người khác trả ơn thì không phải là con người nghĩa hiệp. Chàng không chấp nhận những kẻ như vậy. Chàng hành động không phải để được đền đáp. Việc từ chối sự đền ơn của Kiều Nguyệt Nga càng tô đẹp thêm con người nghĩa hiệp Lục Vân Tiên. Chàng vốn trọng nghĩa khinh tài. Cứ chi áy của chàng càng làm cho chúng ta thêm khâm phục và yêu mến. Quan niệm của chàng cũng chính là quan niệm của Nguyễn Đình Chiểu. Chàng xem việc đánh cướp của mình là một hành động nhân nghĩa. Người tráng sĩ phải ra tay cứu nhân độ thế, diệt trừ cái ác, chở che bênh vực người lầm than, bị áp bức. Nếu thấy việc nghĩa mà không làm thì còn đâu đáng mặt anh hùng nữa?

Nguyễn Đình Chiểu đã khắc họa nhân vật Lục Vân Tiên mang cốt cách tráng sĩ thời loạn, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, trọng nghĩa khinh tài, sống và hành động theo phương châm: “Lộ kiền bất bình, bạt đao tương trợ”. Vân Tiên cũng như người anh hùng Từ Hải trong “Truyện Kiều”:

Anh hùng tiếng đã gọi rằng,

Giữa đường gặp chuyện bất bình chẳng tha!

Hình ảnh Vân Tiên đánh cướp được khắc họa thần tình. Cử chỉ, hành động, ngôn ngữ và cách ứng xử của chàng rất đẹp, mang phong thái người anh hùng, người tráng sĩ ngày xưa. Tuy nhiên hình tượng này rất chân thật vì lòng thương người, ý chí quả cảm, tinh thần vị nghĩa của Vân Tiên đậm đà màu sắc đạo lí của nhân dân ta.

Bài 4 Cảm nhận về hình ảnh người lính trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.

Gợi ý làm bài

Trong thơ ca cách mạng Việt Nam, có nhiều nhà văn, nhà thơ tập trung bút lực khắc họa hình ảnh người lính kháng chiến như “Nhớ” của Hồng Nguyên, “Cá nước” của Tô Hữu... Trong chùm thơ ấy, không thể không kể đến bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu. Bài thơ được sáng tác vào năm 1948 là năm cuộc kháng chiến hết sức gay go, quyết liệt. Trong bài thơ này, tác giả đã khắc họa thành công hình tượng người lính nông dân trong kháng chiến chống Pháp với vẻ đẹp sống động từ hoàn cảnh xuất thân đến tâm hồn và ý chí nghị lực mạnh mẽ, dũng cảm, chan chứa tình đồng chí của người lính cách mạng.

Trước hết, họ là những người lính xuất thân từ là người nông dân áo vải lam lũ, nghèo khó trên khắp mọi miền đất nước và chứa chan tinh thần yêu nước, trách nhiệm với quê hương dân tộc:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đát cày lên sỏi đá.

Những người đồng đội ấy thường là những người nông dân mặc áo lính, đi kèm giống nhau về cảnh ngộ xuất thân giúp họ có thể dễ dàng gần gũi, đồng cảm với nhau. “Anh và tôi” từ những vùng quê khác nhau, chỉ giống nhau bởi cái nghèo khó của đất đai, đồng ruộng. Anh từ miền quê ven biển “nước mặn đồng chua”, tôi ở vùng đất cao “đất cày lên sỏi đá”. Hình ảnh “quê hương anh” và “làng tôi” hiện lên với biết bao nỗi gian nan, vất vả. Mặc dù nhà thơ không chú ý miêu tả nhưng chính điều đó lại làm cho hình ảnh vốn chỉ là danh từ chung kia trở nên cụ thể đến mức có thể nhìn thấy được, nhất là dưới con mắt của những người con làng quê Việt Nam. Thành ngữ dân gian được tác giả vận dụng rất tự nhiên, nhuần nhuyễn khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung ra những làng quê nghèo khó, nơi sinh ra những người lính dũng cảm. Khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ sẵn sàng ra đi và nhanh chóng có mặt trong đoàn quân chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Hình ảnh anh – tôi riêng biệt đã mờ nhòa, hình ảnh sóng đôi đã thể hiện sự gắn bó trong đồng của họ trong nhiệm vụ và lí tưởng chiến đấu:

Súng bên súng đầu sát bên đầu.

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kí.

Ở đây, “súng” và “đầu” là hai hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. “Súng” biểu tượng cho mục đích, nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc; “đầu” là biểu tượng cho suy nghĩ, lí tưởng. Cách sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ kết hợp các từ mang tính gắn kết “bên”, “sát” đã khẳng định sự gắn kết của những người lính. Không chỉ vậy, những người lính còn san sẻ với nhau những khó khăn, khổ cực: “Đêm rét chung chăn thành đôi tri kí”. Đến đây, từ “hai người xa lạ” ban đầu những người lính trở thành “đôi tri kí”. Chính những tương đồng về hoàn cảnh, xuất thân, lí tưởng... đã kéo những con người xa lạ lại gần với nhau. Để rồi khép lại đoạn thơ đầu là dòng thơ chỉ với một từ “Đồng chí”. Từ trong thâm tâm họ, bỗng bật thốt lên hai từ “đồng chí” thật ngắn gọn mà thiêng liêng. Từ “đồng chí” như một nốt nhấn đặc biệt mang những sắc thái biểu cảm khác nhau, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình đồng chí, đồng đội. Tình cảm ấy phải trải qua bao khó khăn, thử thách, được tôi luyện trong gian khổ thì mới thực sự vững bền. “Anh” và “tôi” đã trở thành một khối đoàn kết, thống nhất gắn bó. Như vậy, trong tình đồng chí có tình cảm giai cấp, có tình bạn bè tri kí và có sự gắn bó giữa con người cùng chung lí tưởng, chung mục đích chiến đấu. Và khi họ gọi nhau bằng tiếng “đồng chí”, họ không chỉ còn là những người nông dân nghèo đói, lam lũ mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lí tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên chiến thắng cho dân tộc. Câu thơ vén vẹn có hai chữ như chất chứa, dồn nén bao cảm xúc sâu xa từ sáu câu thơ trước và khởi đầu cho những suy nghĩ tiếp theo.

Vẻ đẹp của tình đồng chí còn được thể hiện ở những biểu hiện cụ thể của tình đồng chí. Biểu hiện đầu tiên của tình đồng chí là họ thấu hiểu tâm tư, nỗi lòng của nhau:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giêng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

Những người lính ra đi để lại sau lưng mảnh trời quê hương với những băn khoăn, trăn trở. Từ những câu thơ nói về gia cảnh, về cảnh ngộ, ta bắt gặp một sự thay đổi lớn lao trong quan niệm của người chiến sĩ. "Ruộng nương" gửi tạm cho "bạn thân cày", "gian nhà không" để "mặc kệ gió lung lay". Lên đường đi chiến đấu, người lính chấp nhận sự hi sinh, tạm gạt sang một bên những toan tính riêng tư. Hai chữ "mặc kệ" đã nói lên được sự kiên quyết, dứt khoát, mạnh mẽ của người lính. Song dù dứt khoát, kiên quyết đến vậy nhưng người lính vẫn luôn nặng lòng với quê hương bởi đó là nơi sinh ra, nuôi dưỡng tâm hồn họ - những người lính nông dân thật thà, chất phác. Hình ảnh hoán dụ mang tính nhân hóa: "Giêng nước, gốc đa nhớ người ra lính" càng tô đậm sự gắn bó, yêu thương của người lính đối với quê nhà, nó giúp người lính diễn tả một cách hồn nhiên và tinh tế tâm hồn mình.

Ba câu thơ với hình ảnh: ruộng nương, gian nhà, giêng nước, gốc đa, hình ảnh nào cũng thật thán thương, chan chứa tình quê hương với bao nỗi nhớ thương voi đầy. Hình ảnh hoán dụ mang tính nhân hóa làm nỗi bật thêm tâm tư, nỗi nhớ nhung của những người đồng chí. Nhắc tới nỗi nhớ da diết ấy, Chính Hữu đã nói đến sự hy sinh không mấy dễ dàng của người lính. Dù vậy nhưng họ vẫn luôn thấu hiểu và chia sẻ cho nhau.

Tình đồng chí đã được tiếp thêm sức mạnh bởi tình yêu quê hương, bởi sự đồng cam cộng khổ, sự sẻ chia những gian lao thiêu thốn của cuộc đời người lính.

*Anh với tôi biết từng con ôn lạnh
Sốt run người vàng trán ướt mồ hôi
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.*

Là người lính, các anh đã từng trải qua những cơn sốt rét nơi rừng sâu trong hoàn cảnh thiếu thuốc men, lại thêm trang phục phong phanh giữa mùa đông lạnh giá. Tất cả những khó khăn, gian khổ được tái hiện bằng những chi tiết hết sức chân thực, không một chút vẽ vời trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, quân đội Cụ Hồ mới được thành lập thiêu thốn đủ bể, khó khăn trăm đường. Nhưng dù có khó khăn như vậy mà họ vẫn giữ vững ý chí, quyết tâm cùng với bản lĩnh vững vàng để canh gác, chiến đấu vì Tổ quốc thân yêu của mình. Chi tiết "miệng cười buốt giá" đã làm ấm lên, sáng lên tinh đồng đội và tinh thần lạc quan của người chiến sĩ. Cứ chỉ "thương nhau tay nắm lấy bàn tay" đã thể hiện được tình thương yêu đồng đội sâu sắc. Cách biểu lộ tình thương yêu ấy không ồn ào nhưng lại thâm thía. Cái nắm tay ấy cũng giống như những cái bắt tay qua cửa kính vỡ của những chàng trai thuộc tiểu đội xe không kính trong thời kì chống Mĩ. Tuy chỉ là một cái nắm tay, bắt tay bé nhỏ thôi nhưng nó lại ẩn chứa một biểu tượng thiêng liêng. Cái nắm tay ấy đã truyền cho những người lính niềm tin, sức mạnh để vượt qua tất cả. Nhà thơ đã phát hiện rất tinh tường cái sức mạnh tinh thần ẩn sâu trong trái tim người lính. Sức mạnh tinh thần ấy, trên cơ sở cảm thông và thấu hiểu sâu sắc lẫn nhau, đã tạo nên chiềub sâu và sự bền vững của thứ tình cảm thầm lặng nhưng rất đỗi thiêng liêng này.

Đến với ba câu thơ cuối, ta bắt gặp được một bức tranh đẹp đẽ về tình đồng chí:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trắng treo.*

Ba câu thơ tả một đêm phục kích giặc trong một không gian âm u, hoang vắng và lạnh lẽo: "rừng hoang sương muối". Không chỉ cái gió, cái rét cứ đeo đuổi họ mà còn bao nguy hiểm đang rình rập người chiến sĩ.

Nội bật t
sóng với
chủ động
cuối là m
trăng trê
của ngườ
nét lãng
cánh hết
chiến sĩ v
hệ bắt ng
"Súng" l
và thi sĩ,
người chí
Đây là m
người đ
Thời g
chí" vẫn
gữi, bình
mạc, châ
chí, đồng
khắc ngh
khỏi xúc

Gợi ý
Trong
thơ "Đồn
là cảm h
Trong đờ

Ba câu
đem hoại
lên trời, t
tới khi c
Mỗi c
hoang su
nghiệt ày
họ đã có
ù "chò"
cả sự hi
sách bức

Nổi bật trên nền hiện thực khắc nghiệt ấy là những người lính “đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”, cái nơi mà sự sống với cái chết chỉ đến trong gang tấc. Từ “chờ” ở đây cũng đã nói rõ lên cái tư thế hiên ngang, tự tin, sẵn sàng, chủ động đánh giặc của họ. Và khi đó, tầm vóc của những người chiến sĩ ấy càng trở nên lớn lao hơn. Câu thơ cuối là một hình ảnh đẹp được nhận ra từ những đêm hành quân phục kích giặc của chính người lính. Đêm khuya, trăng trên vòm trời cao đã sà xuống thấp dần, ở một vị trí nào đấy, vàng trăng như được treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ đang phục kích chờ giặc. Tình cảm đồng chí ám áp, thiêng liêng đã mang đến cho người lính nét lâng mạn, cảm hứng thi sĩ trong hiện thực đầy khắc nghiệt qua hình ảnh “đầu súng trăng treo”. Trong hoàn cảnh hết sức gian khổ, khốc liệt: đêm đông giá lạnh, rừng hoang sương muối, cái chết cận kề, tâm hồn của người chiến sĩ vẫn tìm thấy chất thơ bay bổng trong vẻ đẹp bất ngờ của vàng trăng. Từ “treo” đã tạo nên một mối quan hệ bất ngờ độc đáo, nối hai sự vật ở cách xa nhau – mặt đất và bầu trời, gợi những liên tưởng thú vị, bất ngờ. “Súng” là biểu tượng của chiến đấu, “trăng” là biểu tượng của hòa bình. Súng và trăng là hư và thực, là chiến sĩ và thi sĩ, là một cặp tố đậm vẻ đẹp của những đồng chí đang đứng cạnh bên nhau. Chính tình đồng chí đã làm cho người chiến sĩ cảm thấy cuộc đời vẫn đẹp, vẫn thơ mộng, tạo cho họ sức mạnh chiến đấu và niềm tin chiến thắng. Đây là một sáng tạo đầy bất ngờ, góp phần nâng cao giá trị bài thơ, tạo được những dư vang sâu lắng trong lòng người đọc. Đây cũng là minh chứng cho bút pháp tả thực và bút pháp lâng mạn của Chính Hữu.

Thời gian qua đi, chiến tranh đã lùi xa vào trong quá khứ nhưng hình tượng về người lính trong bài thơ “Đồng chí” vẫn luôn có sức lay động kì diệu với biết bao thế hệ người đọc. Những dòng thơ với ngôn từ, hình ảnh gần gũi, bình dị, giàu sức gợi đã mở ra những ấn tượng sâu sắc về hình ảnh những người lính bộ đội Cụ Hồ thật mộc mạc, chân thật. Đặc biệt hơn, bài thơ cũng khẳng định tình cảm đồng đội gắn bó sâu nặng giữa những người đồng chí, đồng đội ấy. Chính tình đồng chí, sự cảm thông, thấu hiểu là động lực giúp họ vượt lên hoàn cảnh hiện thực khắc nghiệt trở thành bức tượng đài bất tử về người anh hùng vô danh trong chiến tranh khiến người đọc không khỏi xúc động, tự hào.

Bài 5. Trình bày cảm nhận về ba câu thơ kết bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.

Gợi ý làm bài

Trong vô số những bài thơ, tác phẩm viết về hình ảnh và cuộc sống của những người lính cách mạng thì bài thơ “Đồng chí” của nhà thơ Chính Hữu được xem là một trong những áng thơ tiêu biểu nhất. Xuyên suốt bài thơ là cảm hứng ngọt ca tinh thần đồng chí đồng đội luôn sát cánh bên nhau trong những giờ khắc vào sinh ra tử. Trong dòng chảy đó, khổ thơ cuối cùng chính là khúc vĩ thanh ngân nga mãi về tình cảm cảm thiêng liêng ấy:

Đêm nay rìeng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

Ba câu thơ viết lên trở thành những nét vẽ diệu kì phác họa bức tranh đẹp, có hồn về tình đồng chí. Giữa rặng đêm hoang vu, lạnh lẽo, đầy bất trắc rình rập, họ vững tin đứng cạnh nhau, khoác súng trên vai, đầu súng hướng lên trời, tư thế hiên ngang “chờ giặc tới”. Ánh trăng đêm, có lẽ là trăng cuối tháng, cứ chéch dần, chéch dần, chờ tới khi chạm tới đầu mũi súng, đầu súng như vuon tận lên trời cao.

Mỗi chặng đường hành quân là tràn ngập những gian lao, vất vả, những người lính phải sống trong cảnh “rừng hoang sương muối”, lạnh đến thấu da cắt thịt trong những đêm đông giá lạnh. Trong khung cảnh thiên nhiên khắc nghiệt ấy, những người lính vẫn luôn kề vai sát cánh “Đứng cạnh bên nhau”. Họ không cô đơn, lạnh lẽo vì bên họ đã có đồng đội và cây súng, là những người bạn tin cậy nhất, sưởi ấm lòng người lính. Đặc biệt, chỉ với một từ “chờ”, đã chứng tỏ người lính vẫn luôn giữ vững tinh thần tinh túng; chủ động đón nhận thử thách, thậm chí là cả sự hi sinh: “chờ giặc tới”. Với cây súng trên vai, dáng hình các anh tạc vào không gian, thời gian, tạc vào sử sách bức tượng đài cao lớn phi thường về người anh hùng “áo vải chân không”.

khắc họa
Không c

Ở đây
có mùi x
thát, đều
thử thách
Trường S
sĩ kiên cu
kiên định
thể vượt c
tim, lý tú
của nhữn

Những
thiên nhi
đường ra
cho nhau,

Những
Với nhữn
chiếc khô
những ng

1

Gợi ý

Phạm T
tranh đã đ
giai điệu l
nhất, man
lính trên t
quan của 1
Việt Nam
Án tượ

Trên tư
phục. Tình
linh, như n
mạnh mẽ i
dung cả tì
khô, hi sin
trái tim dù
làn cùng g

Những người chiến sĩ luôn đồng hành cùng nhau và tuyệt vời hơn là họ còn luôn có ánh trăng làm bạn. Hình ảnh “đầu súng trăng treo” làm khung cảnh trở nên có chút mộng mơ, đan xen giữa thực và ảo. Trăng luôn lặng lẽ, yên tĩnh để ủng hộ các anh. Ánh trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp thanh bình, khi màn đêm yên tĩnh, không có khói lửa đạn bom, không có hình ảnh của những người lính phải ngã xuống hi sinh vì đất nước, ánh trăng càng trở nên êm đềm xiết bao. Tương phản với trăng, là ngọn súng, là cuộc sống chiến đấu gian khổ. Quả thực, “đầu súng trăng treo” là hình ảnh, chi tiết đặt giá nhất trong toàn bộ bài thơ của nhà thơ Chính Hữu. Đối với người lính, tuy khó khăn gian khổ là vậy nhưng tâm hồn của các anh vẫn rất lạc quan, yêu đời. Họ san sẻ hơi ấm, niềm tin về một tương lai đất nước được thống nhất, hòa bình. Họ quên đi những nỗi sợ về bệnh tật, cái chết, trong màn đêm nơi đây, cùng với ánh trăng soi tỏ lòng người lính về những ước muôn đẹp tươi.

Một lời kết nhẹ nhàng, đẹp đẽ chẳng lời nào có thể miêu tả hết được giá trị của những vần thơ ấy. Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu đã làm sống lại tinh thần của những người lính Cụ Hồ, không chỉ thế, những thế hệ trẻ ngày hôm nay còn được hiểu hơn về những hi sinh cao cả của thế hệ đi trước, cùng với tình cảm đồng chí, tương thân tương ái của cả dân tộc Việt.

Bài 6 Phân tích hình tượng những chiếc xe không kính trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.

Gợi ý làm bài

Hòa mình vào khí thế hăm hở, hào hùng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, thời điểm đó, nhiều nhà thơ trẻ vừa cầm bút vừa cầm súng tham gia chiến đấu, dùng tiếng thơ của mình làm bàn xoay ché độ, mỗi vần thơ là bom đạn phá cường quyền. Trong số đó không thể không kể đến nhà thơ Phạm Tiến Duật với “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Trong bài thơ, bên cạnh hình tượng người lính lái xe với vẻ đẹp mạnh mẽ, hiên ngang, lạc quan; người đọc còn thấy được sự tàn khốc của hiện thực chiến tranh thông qua hình tượng những chiếc xe không kính.

Đầu tiên, hình ảnh những chiếc xe không kính gây ấn tượng khác lạ và độc đáo qua cách đặt nhan đề của Phạm Tiến Duật: “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Nhan đề khá dài, tác giả đã thêm vào hai chữ “bài thơ” để khẳng định chất thơ trong tác phẩm đồng thời thể hiện tâm hồn và cái nhìn lãng mạn của tác giả trước hiện thực khốc liệt, gian khổ. Cũng từ cách đặt nhan đề, Phạm Tiến Duật cũng muốn nhấn mạnh những chiếc xe không kính trong khói lửa chiến tranh có rất nhiều, rất đông trở thành cả một “tiểu đội xe không kính”. Từ đó, nhà thơ làm nổi bật lên sự tàn khốc của chiến tranh và tinh thần hiên ngang, dũng cảm, sôi nổi và trẻ trung của người lính khi lái những chiếc xe không kính bon bon ra chiến trường. Cho nên, ngay nhan đề thơ đã gợi mở chủ đề, tạo được giọng điệu, sắc thái thẩm mỹ riêng cho toàn bộ bài thơ: hóm hỉnh, tươi vui, tinh nghịch, rất lính tráng.

Hình tượng những chiếc xe không kính là hình ảnh thực, rất quen thuộc, thường xuyên xuất hiện trong những năm kháng chiến chống Mỹ. Trên tuyến đường Trường Sơn huyết mạch, những chiếc xe vẫn thẳng tiến đi qua những mìn bom bão đạn, vượt qua những hố bom, sự truy lùng bắn phá của giặc để thực hiện nhiệm vụ chỉ viện cho miền Nam đánh Mỹ. Trên những chiếc xe không chỉ chứa đựng lương thực, thực phẩm, vũ khí, đạn dược mà còn gửi gắm sự quan tâm, giúp đỡ, sẻ chia của miền Bắc đối với “miền Nam ruột thịt”. Bởi vậy, dù có bao nhiêu khó khăn, hình ảnh những chiếc xe vẫn gắn liền với sự xông pha và chiến đấu hết mình. Từ hình ảnh thực gần gũi đó, nhà thơ sáng tạo ra hình tượng những chiếc xe không kính để gọi ra hiện thực tàn khốc cũng như những khắc nghiệt, gian khổ, thiêng thốn của cuộc sống nơi chiến trường. Ngay từ những câu thơ đầu tiên, tác giả Phạm Tiến Duật đã làm nổi bật điều này:

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi.

Câu thơ mang tính khẩu ngữ như buột miệng thành thơ khẳng định những chiếc xe này vốn vẫn có kính như những chiếc xe bình thường khác. Và để lý giải vì sao hiện tại những chiếc xe có hình thù như vậy, tác giả khẳng định “bom giật, bom rung” ném kính bị vỡ. Chữ “bom” xuất hiện hai lần kết hợp với động từ “giật, rung” đã



khắc họa hiện thực trần trụi của chiến tranh, sự tàn phá dữ dội của bom đạn hủy hoại những chiếc xe không kính. Không chỉ vậy, Phạm Tiến Duật còn khắc họa rõ nét sự biến dạng của những chiếc xe không kính:

Không có kính, rồi xe không có đèn,

Không có mui xe, thùng xe có xuốc.

Ở đây, ngoài “không có kính” nhà thơ còn mở ra hàng loạt những con số không khác: “không có đèn”, “không có mui xe”. Chỉ một thứ duy nhất có thêm nhưng lại là “có xuốc”. Như vậy cả “không có” và “có” đều là tồn tại, đều là hư hại. Điệp từ “không có” được nhắc lại ba lần kết hợp với biện pháp liệt kê như nhân lên những thử thách khốc liệt của chiến tranh, hoàn thiện dung mạo tròn trịa đến kinh ngạc của chiếc xe vận tải. Vượt dãy Trường Sơn, đi qua đạn bom khói lửa của kẻ thù, mang trên mình đầy thương tích; những chiếc xe như một dũng sĩ kiên cường, vượt qua khó khăn, thử thách. Những khó khăn cứ chồng chất lên nhau như thử thách sự bền bỉ, kiên định của người chiến sĩ. Nhưng, kỳ lạ thay, chính những chiếc xe đầy thương tích, tướng chừng như không thể vượt qua được bom đạn của chiến tranh nữa lại vẫn hàng ngày băng băng ra trận tuyến, mang trong mình trái tim, lý tưởng cao đẹp: chiến đấu vì miền Nam phía trước. Chiến tranh chỉ có thể phá hủy hình dạng bên ngoài của những chiếc xe chứ không thể hủy hoại ý chí, nhiệt huyết trong chúng.

Những chiếc xe không kính, bị tàn phá nhưng chính nó đã tạo điều kiện, cơ hội để các chiến sĩ giao hòa với thiên nhiên. Những cơn gió, đàn chim, ánh sao trời lùa vào buồng lái, đồng hành cùng người lính trên suốt chặng đường ra mặt trận. Không chỉ vậy từ những ô cửa kính vỡ cũng là cơ hội để những người lính tiếp thêm sức mạnh cho nhau, tạo ra động lực để họ vượt qua mọi khó khăn, gian khổ: “Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”.

Những chiếc xe không kính là hình tượng nổi bật, là sáng tạo độc đáo có một không hai của nền văn học Việt. Với những nét vẽ chân thực đến mức trần trụi, cho thấy sự khốc liệt của chiến tranh. Đồng thời hình ảnh những chiếc không kính cũng trở thành bức phông nền làm nổi bật vẻ đẹp ngang tàng, ý chí chiến đấu kiên cường của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn.

Bài 7 Phân tích hình ảnh người lính trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của nhà thơ Phạm Tiến Duật.

Gợi ý làm bài

Phạm Tiến Duật là một nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Những năm tháng chiến tranh đã để lại dấu ấn sâu đậm trong trái tim người lính ấy, để rồi ngân thành những cung bậc cảm xúc, những giai điệu hào hùng, trẻ tráng và hồn nhiên. “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” là một trong những khúc ca hay nhất, mang đậm âm hưởng của những ngày tháng gian khó mà tràn đầy hùng tâm tráng trí của những người lính trên tuyến đường Trường Sơn những năm chống Mĩ. Tác phẩm đã ghi lại nét ngang tàng, dũng cảm và lạc quan của người chiến sĩ lái xe trong binh đoàn vận tải quân sự, qua đó ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam thời chống Mĩ.

Ảnh tượng đầu tiên của người đọc về những người lính lái xe Trường Sơn ấy là tư thế ứng dụng, hiên ngang:

Ung dung buồng lái ta ngồi,

Nhin đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Trên tuyến đường Trường Sơn ác liệt đầy mìn bom bão đạn, người lính luôn giữ cho mình bản lĩnh đáng khâm phục. Tính từ “ung dung” được đảo lên đầu câu thơ, cũng là từ đầu tiên Phạm Tiến Duật dùng để nói về người lính, như một sự khắc sâu vào tâm trí người đọc tâm thế của những con người anh dũng ấy. Tuy nhiên, ảnh tượng mạnh mẽ nhất về họ không chỉ là tư thế ngồi “ung dung” mà hơn hết là ở cái nhìn khoáng đạt, dũng mãnh, chứa đựng cả tinh thần sẵn sàng hi sinh và lòng quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ. Họ dám đối diện, nhìn thẳng vào gian khổ, hi sinh mắt mát, cũng chính là nhìn thẳng vào bản thân; không hề run sợ, né tránh. Đó là thái độ của những trái tim dũng cảm, những con người chân chính. Hai chữ “ta ngồi” kết hợp với điệp từ “nhìn” được lặp lại ba lần cùng giọng thơ đĩnh đạc đã giúp Phạm Tiến Duật dựng nên thành công tư thế của những người lính lái xe:

Gian
khó khă

Có t
ái bát t
đầy nhâ

Tổ quốc
nhất bối

Bếp
lòng đất
lính đã
tín hiệu
bát đũa
đây tác
phải chí
mà đã t
quanh b
Đường
tình cảm

Lý tu
thành vi

Tác
gập ghè
diệp ngi
lính lúc
“trời xa
đất nướ
thêm” l
lao cho

Về đ
giải phó

Điệt
thầy tro
Tác giả

hiên ngang, kiên định, bất khuất. Nhịp thơ 2/2/2 gợi cho người đọc hình ảnh chiếc xe đang lăn bánh, nhẹ nhàng, thanh thản trước tay lái tự tin của người lính. Chính tâm thế ấy giúp họ bình tĩnh đối diện với những khó khăn, gian khổ của chiến trường:

Nhin thấy gió vào xoa mắt dáng
Thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngọt cánh chim
Nhìn sa như ùa vào buồng lái.

Đoạn thơ ngắn như dựng lên một thước phim quay chậm theo ánh nhìn của người chiến sĩ. “Gió” được nhân hoá qua biện pháp chuyển đổi cảm giác đầy ánh tượng: “xoa mắt dáng”. Hiện thực khó khăn khốc liệt của chiến tranh không làm mất đi nét trẻ trung, lãng mạn trong tâm hồn của người lính. Hình ảnh “con đường chạy thẳng vào tim” phải chăng là một lời nhắn nhủ của các chiến sĩ: con đường chiến đấu, con đường đến với miền Nam ruột thịt là con đường của trái tim, được sự chỉ dẫn của trái tim. Trên con đường ấy, đồng hành với gió là bụi:

Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.

Gió bụi tượng trưng cho những gian khổ, thử thách mà các chiến sĩ trên tuyến đường Trường Sơn phải trải qua. Tiếng “ừ” vang lên như là sự chấp nhận, nhưng là sự chấp nhận một cách chủ động của người chiến sĩ. Độc đáo và dí dỏm biết bao là hình ảnh so sánh: “Bụi phun tóc trắng như người già”. Hiện thực khó khăn, gian khổ đã được những tâm hồn trẻ trung, lạc quan của người lính nhìn nhận một cách hóm hỉnh, bình thản. Đó là cái bình thản của những người coi thường khó khăn, gian khổ. Với họ, những trò ngại trên con đường chiến đấu là không đáng kể. Chính vì thế, “Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc/Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”. Phạm Tiến Duật đã đưa vào câu thơ chất hiện thực ngôn ngữ, tựa như một câu chuyện của đời sống, tự nó đã mang trong mình chất thơ và người nghệ sĩ chỉ làm công việc của người chắp bút. Chính nhà thơ Phạm Tiến Duật đã từng tâm sự rằng: “Lúc đó, việc sáng tác thơ không còn theo vận điệu, cú pháp cổ điển nữa mà lấy vận nhịp của cuộc sống thay cho vận nhịp chữ nghĩa”. Nhịp chiến đấu sôi động của những người lính đã phổ nhạc vào câu chữ, làm nên khúc ca hào hùng về chính cuộc sống của họ. Đó là một cuộc đời bi tráng, đậm chất lính. Không chỉ là gió bụi chiến trường, những người lính còn phải trải qua những cơn mưa rừng dữ dội:

Không có kính, ừ thì ướt áo.
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.

Ở đây có sự lặp lại cấu trúc của câu thơ đầu khổ thơ thứ hai. Đó là sự lặp lại có tính chất liệt kê những gian khổ, qua đó thể hiện tinh thần không nao núng trước những khó khăn của người lính. Họ thản nhiên coi việc mưa giội vào xe là điều tất yếu. Tác giả lại sử dụng một loạt những động từ mạnh để chỉ sự dữ dội của mưa “tuôn”, “xối”, càng nhấn mạnh thêm những gian khổ mà người lính phải trải qua. Nhưng họ chấp nhận một cách ngang tàng, lạc quan: “Chưa cần thay lái trăm cây số nữa/ Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi”. Đó là thái độ của những người lính mang trong mình tâm thế bất khuất, coi thường gian khổ, hi sinh, luôn sẵn sàng tiến về phía trước để chi viện cho chiến trường miền Nam. Tinh thần ấy được tính bằng con số cụ thể - “trăm cây số”. Cụ thể nhưng lại mang ý nghĩa biểu tượng cho quãng đường mưa bom bão đạn, hi sinh, mất mát. Đọc những câu thơ này ta càng thêm thầm thía biết bao gian khổ, hi sinh, mồ hôi và xương máu của người lính trên chiến trường Trường Sơn ác liệt.

Gian khổ, khó khăn tội huyền bần chất kiên cường, bất khuất, sự lạc quan của người lính chiến và cõng tù trong
khó khăn, tình đồng chí đồng đội thắm thiết tỏa sáng:

Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới

Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi.

Có thể nói, đây là cái bắt tay đồng điệu, thấu hiểu của những con người cùng chung chí hướng, cũng chính là
cái bắt tay truyền lửa – ngọn lửa soi sáng những chặng đường khốc liệt được thắp lên từ trái tim chiến sĩ tràn
dày nhiệt tình cách mạng. Những con người vốn “xa lạ”, gặp nhau nơi chiến trường; đồng điệu nhau ở tình yêu
Tổ quốc và trở thành đồng chí đồng đội. Họ kè vai, sát cánh bên nhau không chỉ trong những giờ phút gian nguy
nhất băng qua mưa bom bão đạn, đối mặt với kẻ thù, cận kề cái chết mà cả trong những phút giây ám áp tình thân:

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

Chung bát đũa nghĩa là gia đình đây.

Bếp Hoàng Cầm là bếp đã chiến do anh nuôi tên là Hoàng Cầm chế tạo ra. Đây là loại bếp được đặt sâu trong
lòng đất để hạn chế sự tỏa khói, tránh bị địch phát hiện. Nhưng đi vào trang thơ Phạm Tiết Duật, cái bếp của người
lính đã được “dựng giữa trời”, thật sừng sững, thật ngang tàng như thách thức kẻ thù. Và hơn hết, nó đã trở thành
tín hiệu của sự sum họp, đoàn tụ. Ở nơi nào có bếp Hoàng Cầm là nơi đó có một gia đình lính, bởi theo họ, “chung
bát đũa nghĩa là gia đình đây”. Câu thơ có giọng điệu rất dí dỏm và thoảng nụ cười hồn nhiên rất chất lính. Ở
đây tác giả đã có một cách định nghĩa rất độc đáo về gia đình. Đối với những người lính lái xe, không nhất thiết
phải chung huyết thống mà chỉ cần chung bát, chung bát đũa thì đã là gia đình rồi. Bát đũa bình thường giản dị
mà đã trở thành vật thiêng liêng gắn kết tình cảm giữa những người lính xa nhà chỉ cần được quây quần xung
quanh bếp Hoàng Cầm, cùng chia sẻ bữa cơm đậm bạc là họ đã được tận hưởng cảm giác ấm cúng của gia đình.
Đường như với những người lính Trường Sơn, tình đồng chí đồng đội cũng đẹp đẽ, thiêng liêng chẳng khác nào
tình cảm gia đình.

Lý tưởng chiến đấu cao đẹp và niềm tin vào chiến thắng của dân tộc ở người lính lái xe được thể hiện thật chân
thành và xúc động trong những vần thơ giản dị:

Võng mắc chóng chênh đường xe chạy

Lại đi lại đi trời xanh thêm.

Tác giả đã miêu tả hết sức chân thực giấc ngủ của người lính lái xe. Giấc ngủ “chóng chênh” vì đường xe chạy
gập ghềnh, từ láy “chóng chênh” đã góp phần tô đậm cuộc sống gian khổ của người lính Trường Sơn. Đặc biệt
diệp ngữ “lại đi” khiến câu thơ như một tiếng reo vui, chất chứa trong đó là bao nhiêu hồi hổi, háo hức của người
lính lúc lên đường ra trận. Người lính hiểu mỗi chuyến xe vào chiến trường là để cho “trời xanh thêm”. Hình ảnh
“trời xanh” là ẩn dụ cho hòa bình, cho độc lập, tự do của Tổ quốc, cho ngày giải phóng miền Nam thống nhất
đất nước. Đến đây lí tưởng chiến đấu của người lính Trường Sơn đã sáng ngời, Người chiến sĩ thấy “trời xanh
thêm” là đã tin tưởng vào ngày chiến thắng đang đến gần, niềm tin ấy đã làm nên nguồn sức mạnh tinh thần lớn
lao cho cả tiểu đội xe không kính.

Vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn kết đọng ở lòng yêu nước cháy bỏng và ý chí chiến đấu vì sự nghiệp
giải phóng miền Nam:

Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xương

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chi cần trong xe có một trái tim.

Diệp ngữ “không có” đã làm nên âm điệu nhanh, mạnh, khỏe khoắn, dồn dập cho cả đoạn thơ. Ta cảm nhận
thấy trong nhịp điệu ấy khí thế khẩn trương, hồi hộp của những đoàn xe ra trận và cả sự ác liệt trong cuộc chiến.
Tác giả đã sử dụng thành công nghệ thuật liệt kê “không có kính”, đồng nghĩa với sự chồng chất những mắt mè,

Phụ t
thiên nh
lại hằng
căng bu
người là
vẽ đẹp t
người d

Với t
hết, qua
những r
“đến dê
muôn đ
khám pl

Hành
động trc

“Thu
Họ chủ
bằng ch
cá bội t
xa, vùng
thầy tần

Khô

Tác
“buồm
hình ản
đầy gân
hình ản
thê nữa

Nếu
minh th
được là

hi sinh của người lính. Đến đây hình tượng những chiếc xe không kính đã phát triển ở mức cao hơn. Xe không chỉ “không có kính”, mà còn “không có đèn”, “không có mũi xe”, chiếc xe đã trở nên hỏng hóc, méo mó và biến dạng như một thứ đồ phế thải, tượng chung xe không thể chạy được. Nhưng, thật kì diệu “Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”. Đây là một điều bất ngờ, hơn thế nữa là những phi thường, là một sự bất chấp đầy thách thức. Tại sao lại có điều kì diệu ấy? Nhà thơ Phạm Tiến Duật đã phát hiện rằng: “Chỉ cần trong xe có một trái tim” thì dù thế nào xe vẫn cứ chạy. Không có cách lí giải nào cụ thể và thuyết phục hơn thế. “Chỉ cần” có nghĩa là yếu tố duy nhất để xe vẫn cứ chạy chính là trái tim người lính. Chỉ có trái tim quả cảm, giàu lòng yêu nước của người chiến sĩ lái xe thi mọi khó khăn sẽ lùi lại phía sau. Đặc biệt, nhà thơ đã phát hiện ra cả tiêu đội xe không kính vẫn chạy vì “miền Nam phía trước”, vì một nửa đất nước đang rên siết dưới gót giày xâm lược của đế quốc Mỹ. Ý chí chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước của người lính Trường Sơn đến đây đã ngời sáng. Có thể nói, đẹp nhất trong bài thơ là “trái tim” người lính. Hình ảnh này được đặt trong thể đối lập với ba cái “không”: “không kính”, “không đèn”, “không mũi”. Đây chính là sự đối lập giữa cái ác liệt của cuộc chiến với tinh thần, khí phách, tấm lòng của người lính lái xe. Hình ảnh “trái tim” chính là hoán dụ cho người chiến sĩ Trường Sơn yêu nước dũng cảm. Với hình ảnh giàu ý nghĩa này, nhà thơ Phạm Tiến Duật đã mở ra một góc nhìn mới cho hình tượng người lính lái xe không kính. Phải chăng “trái tim” là cội nguồn sức mạnh của cả tiêu đội xe không kính, gốc rễ phẩm chất anh hùng của người lính Trường Sơn. Từ hình ảnh “trái tim” cầm lái, nhà thơ đã khẳng định một chân lí của thời đại chống Mĩ, đó là sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là phương tiện, vũ khí mà là con người với trái tim yêu nước nồng nàn và ý chí kiên cường dũng cảm. Có thể nói hình ảnh “trái tim” đã làm bật lên chủ đề của bài thơ và làm ngời sáng vẻ đẹp của người chiến sĩ lái xe Trường Sơn thời chống Mĩ.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước anh dũng của dân tộc, biết bao chiến sĩ đã hi sinh, “hóa thân cho dáng hình xứ sở” (Nguyễn Khoa Diệm). “Bài thơ về tiêu đội xe không kính” như một nén tâm nhang Phạm Tiến Duật gửi tới những đồng đội thân yêu, là lời khích lệ thế hệ trẻ Việt Nam trên con đường xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Tiếng nói của một thế hệ thanh niên thời chống Mĩ đã được nhà thơ tài hoa phổ thành thơ, trở thành khúc anh hùng ca về những con người giản dị, lạc quan yêu đời, kiêu hùng, bất khuất. Hình ảnh những người lính của “tiêu đội xe không kính” ấy chắc chắn rằng sẽ còn sống mãi trong trái tim nhiều thế hệ người Việt Nam!

Bài 8 Trình bày cảm nhận về vẻ đẹp của người lao động trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.

Gợi ý làm bài

Ra đời vào năm 1958, là kết quả chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh, bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” là một trong số những bài thơ tiêu biểu cho thơ của Huy Cận sau Cách mạng tháng Tám năm 1945. Bài thơ không chỉ gây ấn tượng với hình ảnh thiên nhiên giàu có, trù phú mà còn bởi hình ảnh những người dân chài lưới khỏe khoắn, cần cù, chăm chỉ. Họ tiêu biểu cho con người mới, cuộc sống mới đang trên hành trình lao động hăng say để xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc. Bằng bút pháp lảng man, Huy Cận đã tái hiện một cách chân thực và đẹp đẽ nhất những người ngư dân trong lần ra khơi đánh cá.

Hình ảnh những con người lao động mới trong bài thơ được khắc họa trên nền thiên nhiên rộng lớn, bao la và trước hết, họ là những người có tâm hồn phóng khoáng, yêu lao động và luôn có niềm hi vọng, ước mong đánh bắt được nhiều hải sản. Hai câu thơ mở đầu bài thơ đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên miền biển lúc hoàng hôn tuyệt đẹp với việc sử dụng những hình ảnh so sánh độc đáo “mặt trời xuống biển như hòn lửa” cùng biện pháp nhân hóa - “sóng đã cài then, đêm sập cửa”. Và để rồi, trên cái nền thiên nhiên thơ mộng, gần gũi, thân thương ấy, hình ảnh con người dần hiện ra:

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

Phụ từ “lại” nhấn mạnh ngữ điệu của câu thơ; đồng thời, qua đó gợi lên thế chủ động của con người trước thiên nhiên và hon thê, nó cho chúng ta thấy rằng công việc ra khơi của những con người nơi đây vẫn lặp đi lặp lại hằng ngày, trở thành một công việc quen thuộc đối với những con người nơi đây. Đặc biệt, hình ảnh “câu hát cảng buồm cùng gió khơi” là một sáng tạo độc đáo, qua đó đã cụ thể hóa niềm vui sướng cùng sự hào hứng của người lao động.Thêm vào đó, với việc sử dụng nghệ thuật chuyển đổi cảm giác “câu hát cảng buồm” đã gợi lên vẻ đẹp tâm hồn của người lao động gửi vào trong những lời ca ấy. Trong tâm trạng hứng khởi khi ra khơi, những người dân chài đã cất lên tiếng hát ngọt ca sự giàu có của biển ca và gửi gắm niềm ước mong của mình.

Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng

Cá thu biển đông nhu đoàn thoi

Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng

Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi.

Với thủ pháp liệt kê cùng biện pháp so sánh, tác giả đã ngợi ca sự giàu có, trù phú của biển ca. Nhưng hơn hết, qua hình ảnh nhân hóa “đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng” như đã gợi lên trước mắt người đọc hình ảnh những người lao động đang làm việc, lao động hăng say không kể ngày đêm giữa biển cả. Đồng thời, câu hát “đến dệt lưới ta đoàn cá ơi” không chỉ như một lời mời gọi những loài cá mà hon thê nữa, nó còn cho thấy ước muôn đánh bắt được thật nhiều những loài hải sản và những điều đó xét đến cùng là khao khát, là hi vọng được khám phá, chinh phục tự nhiên của những người lao động nơi đây.

Hành trình đánh cá trên biển gặp không ít nhưng khó khăn, vất vả, nhưng những ngư dân vẫn hiên ngang, chủ động trong quá trình làm việc của mình:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng

Lướt giữa mây cao với biển băng

Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Dàn đan thé trận lưới vây giăng.

“Thuyền ta” hay cũng chính những người dân đánh cá lái, lướt giữa không gian thiên nhiên bao la, rộng lớn. Họ chủ động tiến tới, chủ động chinh phục thiên nhiên. Hệ thống hình ảnh lái gió, buồm trăng, mây cao, biển băng cho thấy con người mang trong mình sinh lực lớn lao, mạnh mẽ để chinh phục biển cả, thu về những mẻ cá bội thu. Sự chủ động đó còn được khắc họa rõ hơn trong hai câu thơ sau, những ngư dân ra những vùng biển xa, vùng biển sâu để dò tìm những mẻ cá lớn và giăng lưới để bắt chúng. Tất cả những cử chỉ, hành động đó cho thấy tầm vóc lớn lao và tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ vũ trụ của con người.

Không chỉ vậy, những người dân chài còn hiện lên với sự tài ba khỏe khoắn, đó là vẻ đẹp phi thường thật lớn lao:

Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng

Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng

Vây bạc đuôi vàng lóe rạng đông

Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

Tác giả sử dụng hàng loạt các hình ảnh độc đáo, hấp dẫn và giàu giá trị đặc tả - “kéo xoăn tay”, “lưới xếp”, “buồm lên” để tái hiện lại một cách chân thực công việc kéo lưới của những người dân chài. Với việc sử dụng hình ảnh ẩn dụ “ta kéo xoăn tay chùm cá nặng” dường như tác giả đã tạo nên những nét vẽ, những nét tạo hình đầy gân guốc, chắc khỏe, cứng cỏi, gợi lên vẻ đẹp khỏe khoắn của những người dân làng chài. Đồng thời, những hình ảnh “vây bạc”, “đuôi vàng” không chỉ gợi nên sự giàu có của biển cả, sự bội thu của chuyến ra khơi mà hon thê nữa nó còn thể hiện niềm vui sướng, phơi phới của những người lao động.

Nếu như trong những khổ thơ trên, hình ảnh người lao động hiện lên với niềm hứng khởi, với công việc của mình thì trong khổ thơ kết thúc bài thơ, người lao động lại hiện lên với niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan khi được làm chủ đất trời, thiên nhiên bao la, rộng lớn.

Chính
truyền
một đ
chăm

Kh

Mặc k
những
này k
nó có
mà bà
còn th
phuen
do ch
được i

Đến đ
chóng
mặt tr
lòng c
cho q
bao d

Đẹ
sức m

Tù
buổi s
nâng l
có ý n
bà dàn
Vì thế
là ngợi

Câu hát cảng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

Nếu câu hát ra khơi là câu hát “cảng buồm cùng gió khơi” thì câu hát trở về của đoàn thuyền lại là câu hát “cảng buồm với gió khơi”, tác giả đã biến đổi từ “cùng” thành từ “với”, để khắc họa niềm vui thắng lợi của những người dân chài khi trở về trên một chiếc thuyền đầy ắp cá sau một chuyến đi thuận lợi và bội thu. Đặc biệt, hình ảnh nhân hóa “đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời” đã biến đoàn thuyền trở thành một sinh thể sống đang chạy đua với thiên nhiên. Chính điều đó đã nâng tầm vóc của đoàn thuyền, của con người ngang với tầm vóc của vũ trụ, thiên nhiên, đồng thời qua đó gợi lên tư thế hào hùng, khẩn trương giành lấy thời gian lao động của những người dân chài.

“Đoàn thuyền đánh cá” là một bài ca hào hùng, tràn ngập niềm vui về cuộc sống và lao động của những người dân trên biển. Tác phẩm ngọt ca về đẹp phẩm chất của con người lao động mới, vẻ đẹp của sự cần cù, chăm chỉ, gan góc, không quản ngày đêm làm giàu cho quê hương đất nước.

Bài 9 Trình bày cảm nhận của em về người bà trong bài thơ “Bếp lửa” của Băng Việt.

Gợi ý làm bài

Từ lâu, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam với những phẩm chất tốt đẹp đã trở thành nguồn thi hứng dồi dào, bất tận cho biết bao nhà văn, nhà thơ. Trong số đó, Băng Việt, với bài thơ “Bếp lửa” cũng đã góp một tiếng thơ tuyệt mĩ về người phụ nữ Việt Nam qua hình ảnh người bà - một người phụ nữ nhân hậu, bao dung, giàu tình yêu thương và đức hi sinh.

Ba câu thơ đầu với hình ảnh bếp lửa là mạch nguồn khơi dậy hình ảnh người bà thân thương:

Một bếp lửa chòi vὸn sương sớm

Một bếp lửa áp iu nồng đượm

Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.

Cụm từ “một bếp lửa” vang lên trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ. Giữa cái sương sớm buốt lạnh, bếp lửa hiện lên làm cho không gian trở nên thật ấm áp. “Chòi vὸn sương sớm” không chỉ gọi tả hình ảnh bếp lửa quen thuộc trong mỗi gia đình Việt Nam những sớm mai mà còn gợi lên hình ảnh bếp lửa chập chờn trong kí ức tuổi thơ. Hai chữ “áp iu” vừa diễn tả được cái khéo léo trong công việc nhóm lửa của bà, nhưng đồng thời còn cho thấy tấm lòng bao dung, nhân hậu toát ra từ những cử chỉ ấy. Từ hình ảnh bếp lửa, bằng tinh cảm chân thật, tự nhiên tác giả đã bật lên: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”: Hình ảnh ví dụ “nắng mưa” tượng trưng cho những khó khăn cực nhọc trong đời bà; đồng thời cũng là nỗi ám ảnh khôn nguôi day dứt trong lòng người cháu.

Bà là người phụ nữ tảo tần, chịu thương, chịu khó. Trong những năm cá dân tộc ta sống trong đói kém, cái đói đã giết chết biết bao nhiêu người dân Việt Nam, nhưng bà vẫn tảo tần, nuôi cháu khôn lớn. Quá khứ về những năm đói kém áy náy hiện rõ ràng hơn bao giờ hết qua cách thể hiện ngôn từ đặc sắc đói mòn đói mòn và hình ảnh đầy sự ám ảnh: “Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy”. Mỗi lần cháu nghĩ lại vẫn còn cay cay nỗi đau sống mũi. Khô thở không một lần nhắc đến bà, nhưng vẻ đẹp của bà vẫn hiện hữu, vẫn thật lớn lao, đẹp đẽ, đó là vẻ đẹp của sự hi sinh thầm lặng. Bà tảo tần nuôi nồng, bà là cây cổ thụ to lớn che chở cho cháu và cả gia đình vượt qua những giông tố cuộc đời. Dáng bà nhỏ bé mà ý chí, sự hi sinh lại lớn lao vô cùng.

Bà không chỉ tảo tần, chăm lo cho gia đình mà bà còn là người nuôi dưỡng, bảo ban cháu khôn lớn trưởng thành. Bà vừa làm bà, vừa làm cha mẹ bao bọc, che chở cho cháu: Tám năm cha mẹ xa nhà, bận công tác ở chiến khu là tám năm cháu được sống trong vòng tay yêu thương, ấm áp của bà. Bà với một tình yêu thương thầm lặng, mỗi ngày đều bảo ban, dạy dỗ cháu: “Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe/ Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”.

Chính bà là người đã nuôi dưỡng tâm hồn cháu bằng việc kể những câu chuyện ở Huế để nhắc nhớ cháu về truyền thống gia đình, về những đau thương mất mát của dân tộc. Bà còn bảo ban, dạy cháu từng chút từng chút một để cháu ngày một khôn lớn trưởng thành trong suy nghĩ và nhân cách. Hàng loạt các từ “bà bảo”, bà dạy, bà chăm đã diễn tả sâu sắc tình yêu thương bao la, sự chăm chút hết mình bà dành cho cháu.

Không chỉ vậy, bà còn là trụ cột vững chắc trong gia đình, là hậu phương lớn để con cháu yên tâm công tác. Mặc kệ “giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi”, dù chiến tranh có tàn phá khắc liệt hơn nữa, bà vẫn vững lòng trước những thử thách: “Vẫn vững lòng bà dặn cháu định nịnh/Bố ở chiến khu bố còn việc bố/Mà có viết thư chờ kẽ này kẽ nơ/Cứ bảo nhà vẫn được bình yên”. Câu thơ như lời bà nói, giản dị và chân thật biết nhường nào, nhưng nó có sức lay động lớn đối với mỗi chúng ta. Bà không chỉ là chỗ dựa cho đứa cháu thơ dại, dạy dỗ cháu học hành mà bà còn là hậu phương vững chắc cho những đứa con ngoài chiến trường yên tâm công tác. Không chỉ vậy, ta còn thấy ở đây, cao hon tất cả, đó là sự hi sinh thầm lặng, cao cả và thiêng liêng của người bà, người mẹ ở hậu phương luôn muôn gánh vác cùng con cháu, cùng đất nước để đánh đuổi giặc giã xâm lăng, đem lại bầu trời tự do cho dân tộc. Lời dặn dò của người bà vẫn được cháu “định nịnh” nhớ mãi trong lòng, được trích nguyên văn được nhắc lại trực tiếp khi người cháu viết thư cho bố càng cho thấy phẩm chất đáng quý biết bao của người bà. Đến đây, ta lại càng thầm thía hon bao giờ hết công lao to lớn của người mẹ Việt Nam đối với cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Có được thắng lợi hôm nay không chỉ nhờ đóng góp trực tiếp của những người lính trên mặt trận tiền tuyến mà còn bởi cả những hi sinh, công hiến lớn lao của những người phụ nữ ở hậu phương. Tâm lòng của người bà thật rộng lớn mông lung không chỉ dành riêng cho con cho cháu mà còn cho tất cả mọi người, cho quê hương, đất nước tươi đẹp. Trước những bão tố chiến tranh, lòng bà vẫn vững vàng; tình yêu thương, sự bao dung và đức hi sinh chính là sức mạnh giúp bà giúp bà chống lại mọi khó khăn, gian khổ.

Đẹp đẽ nhất, thiêng liêng, cao cả nhất khi chính bà là người đã khơi dậy những mơ ước, hi vọng, bà trao truyền sức mạnh phi thường của mình cho những thế hệ sau:

Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen

Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sắn

Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng.

Từ “bếp lửa” bài thơ đã gợi đến “ngọn lửa” với ý nghĩa trùu tượng và khái quát. Bếp lửa bà nhen lên trong mỗi buổi sớm mai và buổi chiều tà không đơn giản chỉ bằng nguyên liệu của tự nhiên, mà cao hơn đã được tác giả nâng lên thành biểu tượng cho tình yêu thương và niềm tin trong sáng, mãnh liệt. Đìệp ngữ “một ngọn lửa” vừa có ý nghĩa nhấn mạnh đến sự sống dai dẳng bất diệt của ngọn lửa; lại vừa có ý nghĩa thể hiện tình yêu thương mà bà dành cho cháu. Ngọn lửa chính là hình ảnh khúc xạ cho tâm hồn, cho ý chí, nghị lực sống phi thường của bà. Vì thế, bà không chỉ là người nhóni lửa, giữ lửa mà còn là người tiếp lửa, truyền lửa cho người cháu thân yêu. Đó là ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho thế hệ nối tiếp. Ở khổ thơ tiếp theo, tác giả sử dụng hàng loạt đìệp từ “nhóm”:

Nhóm bếp lửa áp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo sè mới chung vui

Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ.

Đìệp từ “nhóm” được lặp lại nhiều lần trong đoạn thơ đã khẳng định bà không chỉ là người nhóni lửa mà còn là người giữ lửa, truyền lửa, thắp lên trong người cháu ngọn lửa của tình yêu thương, của nghị lực, niềm tin, giúp cháu vững bước trên đường đời. Bà không chỉ là người chăm lo cho cháu đầy đủ về vật chất mà còn là người làm cho tuổi thơ của cháu thêm đẹp, thêm huyền ảo như trong truyện cổ tích. Người bà có trái tim nhân hậu, bà đã nhóni dậy những gì thiêng liêng, cao quý nhất của con người: tình yêu thương, niềm vui; sự san sẻ trong khó khăn của tình làng nghĩa xóm và đẹp đẽ nhất là những tâm tình, ước vọng của tuổi thơ. Nhờ có bà mà cháu biết sẻ chia, gắn bó với xóm làng, biết sống ân nghĩa thủy chung với quê hương, đất nước.

Như vậy, bằng tài năng và tâm lòng chân tâm thực ý, nhà thơ Bằng Việt đã khắc họa bức chân dung người bà thật thân thương, bình dị mà cũng thật đẹp đẽ, cao cả với sự đảm đang, tần tảo và giàu đức hi sinh. Hình ảnh người bà trong bài thơ gợi nhắc ta về tình bà cháu thiêng liêng, về vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam yêu nước sẵn sàng hi sinh vì hạnh phúc cá nhân để vì tinh thần dân tộc. Đồng thời, đây cũng là lời nhắc nhở mỗi người phải biết yêu thương, kính trọng ông bà, cha mẹ; trân trọng nâng niu những giá trị tinh cảm gia đình.

3.1.10 Phân tích nhan đề bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy.

Gợi ý làm bài

Trong thơ ca, trăng được xem là biểu tượng của cái đẹp vĩnh hằng của thiên nhiên, vũ trụ; là khát vọng tình yêu, hòa bình và cuộc sống trường cửu. Chúng ta đã từng biết đến vàng trăng nhớ cố hương của thiền Lý Bạch, từng rung cảm trước vẻ đẹp của ánh trăng - người bạn tri âm với người tù cộng sản Hồ Chí Minh (“Vọng nguyệt”). Đến Nguyễn Duy, ánh trăng vụt trở thành người tri kỉ với lối sống ân tình, thủy chung, nghiêm khắc trong bài thơ “Ánh trăng”. Ông đồng thời lấy biểu tượng đẹp đẽ ấy làm nhan đề cho bài thơ với dụng ý nghệ thuật đặc sắc, đem đến cho người đọc những cảm xúc mới mẻ, thật đáng trân trọng.

Trước hết, ánh trăng trong bài thơ là hình ảnh đẹp. Đó là tất cả những gì thi vị, gần gũi, hồn nhiên, tươi mát của thiên nhiên, vũ trụ. Trong hai khổ thơ đầu, vàng trăng hiện ra trong không gian của ruộng đồng, sông biển, núi rừng. Đó là vàng trăng của “hồi nhớ sống với đồng”, ánh trăng gắn với tuổi ấu thơ của tác giả. Ở đó, ánh trăng soi rọi những tháng ngày hồn nhiên, bình dị, đầy mơ mộng và khát khao. Ánh trăng theo con người ra chiến trường, soi rọi bước chân hành quân, động viên, an ủi con người vượt qua khó khăn, thử thách quyết chiến, quyết thắng kẻ thù. Trăng là người đồng đội thân thiết, là đồng chí kiên trung của người lính. Nhưng nếu chỉ có vậy, ánh trăng của Nguyễn Duy sẽ lẫn với vô vàn ánh trăng khác trong thơ ca hiện đại. Vàng trăng của Nguyễn Duy đã thành “tri kỉ” - người bạn tình nghĩa. Ánh trăng thời chiến như chia sẻ những thử thách của chiến tranh, như cùng nhà thơ và đồng đội trải qua những kỉ niệm của thời “ở rừng”. Chưa bao giờ vàng trăng đòi hỏi con người đáp trả điều gì. Nó chỉ biết cho đi thử ánh sáng kỉ diệu và chẳng bao giờ than vãn, đổ kỵ hay hờn ghét. Trăng hồn nhiên, vô tư như đất trời, cỏ cây. Bởi những phẩm chất cao quý ấy, con người “ngỡ” rằng “không bao giờ quên” “cái vàng trăng tình nghĩa”. Hơn cả một điều tâm niệm, đó là một lời thề thủy chung của người lính đối với vàng trăng.

Nhưng nhan đề “ánh trăng” còn thực sự sâu sắc, ý nghĩa bởi vàng trăng ấy còn là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình - ký ức gắn với cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước cam go mà hào hùng. Cuộc sống hoà bình với “ánh điện của gương”, “phòng buyn-định” tiện nghi, hiện đại đã khiến cho nhà thơ bao lần nhìn ánh trăng như một “người dung qua đường”. Con người từng một thời chiến đấu, từng ngang dọc trên nhiều chiến trường cũng đã có lúc như lảng quên quá khứ. Để đến hôm nay, khi bắt ngờ đối diện với vàng trăng, con người nhận ra sự bạc bẽo, vô tâm của mình, lòng tràn đầy ân hận, hối tiếc. Chính thứ ánh sáng dung dị, đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính. Chất thơ mộc mạc chân thành như vàng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như “có cái gì rung rụng”, đoạn thơ đã đánh động tinh cảm nơi người đọc.

Như vậy, Vàng trăng với ánh sáng kỉ diệu của nó tượng trưng cho quá khứ nghĩa tình, thủy chung, đầy đặn, bao dung, nhân hậu. Hình ảnh “ánh trăng im phẳng phắc” mang ý nghĩa nghiêm khắc nhở, là sự trách móc trong lặng im. Chính cái im phẳng phắc của vàng trăng đã đánh thức con người, làm xáo động tâm hồn người lính năm xưa. Con người “giật mình” trước ánh trăng là sự bừng tỉnh của nhân cách, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Đó là lời ân hận, ăn năn day dứt, làm đẹp con người.

Ánh trăng lặng lẽ toả sáng trong bài thơ như lời nhắc nhở giản dị mà sâu lắng, không được phép lãng quên quá khứ; có những thử thách, những hy sinh, những tồn thắt thời đánh Mỹ ác liệt mới có cuộc sống hòa bình ngày hôm nay. Chính những lí do đó, Nguyễn Duy đã lấy hình ảnh này làm nhan đề cho bài thơ là một lựa chọn đúng đắn, hết sức thi vị.

Hình
tuyệt đ
còn có
thùy ch
vừa tha
đôi lặp
hững, v

Hai
ánh trai
hồn cor
ngày th
Nguyễn
của trán
sáng so
Giật mì
bạc khô
vô cùng
quý biế
người ti
đẹp của
Nguyễn
thì hãy t

Đoar
nhỏ nhẹ
và ý ngi
tình, thû
của nhà
sóng gâ
là tâm g

Đoạn
nhận xù
hồn mõi

Bài 11 Phân tích khổ thơ cuối bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy.

Gợi ý làm bài

Trăng là một đề tài quen thuộc trong thơ ca, là biểu tượng thơ mộng gắn với tâm hồn thi sĩ. Vượt ra ngoài cái chung áy, có một nhà thơ cũng viết về trăng nhưng không chỉ thấy ở nó cái thơ mộng, mà còn gửi gắm những nỗi niềm tâm sự mang tính hàm nghĩa độc đáo. Đó chính là Nguyễn Duy với bài thơ “Ánh trăng”: Trong đó, khổ thơ cuối bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc vì mang một triết lí sâu xa, gợi nhắc con người về lẽ sống ân nghĩa, thủy chung.

Trăng cứ tròn vành vạnh

*kể chi người vô tình
ánh trăng im phẳng phắc
đù cho ta giật mình.*

Hình ảnh “vầng trăng” “tròn vành vạnh” thật là đẹp. Tính từ “tròn” kết hợp với từ láy “vành vạnh” cực tả, tuyệt đối hoá vẻ đẹp của trăng: sáng trong, viên mãn, ổn định, tròn đầy. Hình ảnh thơ không chỉ dừng lại ở đó mà còn có ý nghĩa khái quát: Sự tròn đầy, bất diệt của vầng trăng biểu tượng cho quá khứ vẹn nguyên, nghĩa tình, thủy chung, nhân hậu ngày nào. Đây chính là hình ảnh biểu tượng của trăng. Từ “cứ” khiến cho âm điệu câu thơ vừa tha thiết, vừa vút cao, rắn rỏi trong sự khẳng định về lòng thủy chung của trăng. Hai câu thơ đầu có kết cấu đối lập làm nổi bật ý thơ. Vầng trăng trước sau vẫn vậy, mộc mạc, giản dị và thủy chung mặc cho con người hờ hững, vô tình.

Hai câu thơ sau, ý thơ đã có sự thay đổi, hình ảnh “vầng trăng” chuyển thành “ánh trăng”. Bởi vì chỉ có ánh trăng, thứ ánh sáng huyền ảo đó mới có sức mạnh lan tỏa, len lỏi, thấu suốt hết con người, thức tỉnh tâm hồn con người sau bao nhiêu ngày tháng vô cảm. Chỉ có ánh trăng mới đủ sáng để soi rọi vào quá khứ, những ngày tháng người sống gắn bó với trăng, từ đó đánh thức lương tâm con người. Ánh trăng thiên nhiên vào thơ Nguyễn Duy đã trở thành ánh sáng tươi đẹp với sức mạnh thanh lọc, cứu rỗi tâm hồn nhân thế. Sự nhắc nhở của trăng cũng thật đặc biệt, không phải bằng lời nói mà bằng sự im lặng - “im phẳng phắc”: Trăng im lặng mà sáng soi. Sự im lặng của ánh trăng biểu tượng cho sự nghiêm khắc của quá khứ khiến cho người ta giật mình. Giật mình là hành động thức tỉnh để nhìn nhận lại chính mình, là tâm trạng ăn năn, hối hận vì sự vô tình, bội bạc không nên có ở mình. Giật mình để thay đổi thái độ sống - sống ân nghĩa thủy chung: Cái giật mình ấy vô cùng cần thiết, để tìm lại chính mình. Trong dòng chảy của cuộc sống, những cái giật mình như vậy đáng quý biết bao. Nó níu giữ con người khỏi bị trôi trọt trước những lo toan, bộn bề hằng ngày. Nó bảo vệ con người trước những cám dỗ tầm thường của cuộc sống. Và trên hết, nó hướng con người đến những giá trị cao đẹp của cuộc đời. Trong cái “ta giật mình” có cái tôi của nhà thơ và cái tôi của tất cả mọi người. Phải chăng Nguyễn Duy muốn lay động tất cả những ai còn đang say ngủ trong cuộc sống đầy đủ, ấm no lâng quên quá khứ thì hãy thức tỉnh giật mình để nhận ra chính mình.

Đoạn thơ rất thành công khi sử dụng những nghệ thuật đặc sắc. Đó là thể thơ năm chữ, giọng điệu tâm tình, nhỏ nhẹ mà sâu lắng. Hình ảnh thơ quen thuộc mà giàu sức gợi. Đoạn thơ nêu lên những suy ngẫm về vầng trăng và ý nghĩa biểu tượng của vầng trăng, góp phần thể hiện tư tưởng toàn bài: nhắc nhở mỗi người về lẽ sống ân tình, thủy chung, đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc. “Ánh trăng” không chỉ là câu chuyện của một người, của nhà thơ mà là câu chuyện của cả thế hệ - những người đã từng trải qua năm tháng chiến tranh gian khổ, từng sống gắn bó với thiên nhiên, nhân dân nghĩa tình giờ sống trong hòa bình. Bài thơ có ý nghĩa với mọi thời đại, là tấm gương trăng để soi lòng.

Đoạn thơ nói riêng và “Ánh trăng” nói chung hấp dẫn người đọc bởi câu chuyện thâm thia những lẽ sống đối nhân xử thế ở đời. “Ánh trăng” đã bật tung cửa sổ lương tâm của mỗi người, soi rọi vào những góc tối trong tâm hồn mỗi người để có những cái “giật mình” đáng quý.



Bài 2 Phân tích 6 dòng thơ đầu trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”.

Gợi ý làm bài

Thanh Hải là nhà thơ trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Tho ông luôn phảng phất hơi thở của một hồn thơ trong trẻo mà đằm thắm; gắn bó tha thiết quê hương, cách mạng. Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” được sáng tác vào thời điểm nhà thơ sắp lìa xa cõi đời trần thế. Chính vì vậy, tình yêu thiên nhiên đất trời càng trào dâng mãnh liệt. Ngay từ những câu thơ đầu tiên trong bài đã toát lên điều đó:

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ôi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Tùng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

Có thể nói, ở đây, chỉ với mấy câu thơ nhà thơ Thanh Hải đã phác họa trước mắt người đọc một bức tranh với đủ âm thanh, màu sắc, với sức xuân hài hòa, sống động. Từ “mọc” được đặt ở đầu câu với lối đảo ngữ tinh tế đã nhấn mạnh sự khỏe khoắn, sức sống, sự trỗi dậy vươn lên mãnh liệt của vạn vật. Giữa dòng sông rộng lớn, không gian mênh mông, chỉ một bông hoa tím biếc cũng làm nên sức xuân, ánh xuân lung linh sắc màu. Điểm nhấn của bức tranh xuân là gam màu thật hài hòa, dịu nhẹ, troi tán: màu xanh lam của nước sông Hương hài hòa cùng màu tím biếc của hoa, một màu tím thật giản dị, thùy chung mà cũng thật mong mơ, quyến rũ. Đó cũng chính là màu đặc trưng của xứ Huế, một màu rất Huế. Đặc biệt hơn, bức tranh thiên nhiên không chỉ có hình ảnh, màu sắc mà còn có cả âm thanh tiếng chim chiền chiện “hót vang trời”. Âm thanh tiếng chim chiền chiện là tín hiệu của một buổi sớm mùa xuân trong trẻo, mát lành. Âm thanh ấy trong cảm nhận của tác giả ấm áp, tràn ngập cả không gian gợi liên tưởng đến một vùng không gian rộng lớn, khoáng đạt mà trong trẻo, ấm áp. Không gian của mùa xuân được mở rộng theo chiều cao, nhà thơ vui sướng lắng tai nghe tiếng chim chiền chiện hót trên bầu trời trong trẻo. Từ “oi” nằm ở đầu dòng thơ là tiếng gọi ngọt ngào xúc động biểu lộ niềm vui ngây ngất khi nghe âm thanh của tiếng chim. Tiếng chim chiền chiện hót gọi xuân về hay chính là tiếng lòng nào nức của người dân xứ Huế, người dân đất Việt lúc xuân sang. Tiếng chim ngân vang rung động đất trời đem niềm vui hân hoan đến trong lòng người. Mùa xuân của Thanh Hải chẳng có mai vàng, đào thắm cũng chẳng có muôn sắc màu rực rỡ nhưng lại rõ lên sắc màu và âm thanh đều đang ở độ tràn đầy nhựa sống.

Say sưa, ngây ngất trước vẻ đẹp bình dị và nên thơ của mùa xuân, nhà thơ bồi hồi xúc động:

Tùng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

“Giọt long lanh” phải chăng là giọt nắng, giọt sương, giọt hạnh phúc, hay là giọt xuân êm đềm rơi xuống từ cánh chim chiền chiện nhỏ đang tung mình bay lượn ban phát mùa xuân đến cho mọi người? Nhưng hợp lí hơn cả theo mạch cảm xúc của nhà thơ thì “giọt long lanh” ở đây chính là chỉ giọt âm thanh. Tiếng chim chiền chiện hót vang trời không tan biến vào không trung mà ngừng đọng lại thành từng giọt âm thanh như những giọt lưu ly trong vắt, lấp ló, chói ngời. Với bút pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác từ thính giác đến thị giác và xúc giác (hứng) nhà thơ đã thể hiện thái độ say mê, trân trọng đối với vẻ đẹp của sự sống, của đất trời và cũng chính là sự đồng cảm của nhà thơ trước thiên nhiên, cuộc đời. Quả thật Thanh Hải đang say, ông say trước khung cảnh thiên nhiên vào xuân thật xinh tươi, đẹp đẽ; say vì nàng chúa xuân quá diễm lệ, yêu kiều. Và từ đó, thật trân trọng, thật nhẹ nhàng, tác giả đã đưa tay ra hứng để đón lấy những điều may mắn, cái tốt đẹp và cái “lộc” của mùa xuân đã ban tặng cho tâm hồn của mỗi con người, và đặc biệt là cho tác giả.

Có lẽ,
sóng, mù
nước. Đã
phút cuô

Gợi ý
“Mùa
không ba
đẹp với k

Sau nă
xuân cù
bản là ch
câu thơ s

“Lộc”
xuân. Hì
khán tru
trên lưng
đạt được
sâu sa h
với ngườ
no, sung
đầu và x
hiến lich
ra những
của đất n

Có lẽ, ai trong chúng ta sau khi đọc xong “Mùa xuân nho nhỏ” cũng sẽ cảm nhận được chất men say của cuộc sống, mùa xuân đang mạnh mẽ vươn dậy trong mình, thôi thúc chúng ta sống hết mình hơn với thiên nhiên, đất nước. Đây quả là “mùa xuân nho nhỏ” mà Thanh Hải đã hiến dâng cho đời bằng tất cả tình yêu vào những giây phút cuối đời. Điều đó đáng trân trọng và cảm phục biết bao!

Bài 13 Trình bày cảm nhận về đoạn thơ sau:

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hồi hả
Tất cả như xôn xao.

(Mùa xuân nho nhỏ, Thanh Hải)

Gợi ý làm bài

“Mùa xuân nho nhỏ” là thi phẩm nổi tiếng của Thanh Hải sáng tác trong thời gian ông nằm trên giường bệnh, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời. Trong mắt người thi sĩ còn đau đớn với cõi trần, mùa xuân đất nước thật đẹp với khí thế mạnh mẽ, sôi nổi biết bao:

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ
Tất cả như hồi hả
Tất cả như xôn xao

Sau những vần thơ đầy cảm xúc vui tươi về mùa xuân của thiên nhiên, nhà thơ Thanh Hải bắt đầu nói về mùa xuân của đất nước với những phương diện khác nhau. Mùa xuân của đất nước được tạo nên từ hai nhiệm vụ cơ bản là chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của “người cầm súng” và sản xuất xây dựng đất nước của “người ra đồng”. Bốn câu thơ song hành từng đôi một, hô ứng nhịp nhàng, hài hòa như bước đi của dân tộc giữa mùa xuân:

Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ

“Lộc” vốn được hiểu là chồi non, cành biếc, non tơ, đầy nhựa sống, tượng trưng cho vẻ đẹp, sức sống của mùa xuân. Hình ảnh ẩn dụ “lộc” và phép điệp từ này, khiến người đọc liên tưởng đến khi thế chiến đấu và lao động khẩn trương, hăng hái trên mảnh đất quê hương. Đối với người lính chiến, “lộc” trước hết là cành lá ngũ trang trên lưng người lính; thứ hai chính là để chỉ thành quả cách mạng vẻ vang mà người lính đi chiến đấu bao năm đạt được. Còn đối với người lao động thì “lộc” gợi liên tưởng đến những cánh đồng tươi tốt, xanh thẳm, màu mỡ; sâu sa hơn chính là để chỉ những thành quả quý giá trong suốt quá trình lao động sản xuất. Nếu thành quả gắn với người lính là sự tự do, độc lập, hạnh phúc của dân tộc, thì thành quả gắn với người lao động chính là sự ấm no, sung túc, giàu có, là sự đổi mới là sức xuân đang dâng trào mãnh liệt trên quê hương. Có thể nói rằng, chiến đấu và xây dựng đất nước đã là hai nhiệm vụ, hai yếu tố song hành cùng với nhau trong suốt hơn 4000 năm văn hiến lịch sử của dân tộc. Điệp từ “mùa xuân” và điệp từ “lộc” gợi lên quang cảnh mùa xuân tươi đẹp đang vươn ra những chồi lộc non và đồng thời cũng gợi lên thành quả của công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Mùa xuân của đất nước đã được dựng lên từ cuộc đời, từ mùa xuân của biết bao nhiêu thế hệ đi trước, của những con người

Không ai nhớ mặt đặt tên, của biết bao trai gái, già trẻ. Để cuối cùng ta có một đất nước xuân sắc, trường tồn sáng mãi như những vì sao, vững vàng tiến bước về phía trước; một đất nước đẹp hiền ngang, rực rỡ huy hoàng; một đất nước của những con người đảm đang, trung hậu, kiên cường.

Mùa xuân mang đến cho nhân dân ta một sức sống mới, nhiệt tình cách mạng mới, hăng hái, khẩn trương lên đường. Cả một dân tộc ngập tràn niềm vui:

Tất cả nhu hồi hà

Tất cả nhu xôn xao.

Nhà thơ cảm nhận mùa xuân đất nước bằng hai từ láy gợi cảm “hồi hà” là vội vã, khẩn trương, liên tục không dừng lại và “xôn xao” – âm thanh xao động, sôi nổi liên tiếp vang vọng. Cả Tổ quốc đang sục sôi, “hồi hà” bước những bước chân đầu tiên đầy gian khổ để tiến lên xây dựng một đất nước mới mơ ước, hạnh phúc hơn. Điệp từ “tất cả” được lặp lại như một lời khẳng định của nhà thơ rằng cả dân tộc đang rộn ràng, tươi vui, phấn đấu hết mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau bao năm đấu tranh vất vả. Tác giả cũng sử dụng ở đây nghệ thuật so sánh với những từ láy của chuyển động và âm thanh để miêu tả rõ hơn không khí rạo rực, rộn ràng ấy. Phải chăng, chính tác giả Thanh Hải cũng đang háo hức được hòa mình vào không khí nhộn nhịp, muôn gòp một chút sức mọn của mình để nâng lên mùa xuân của dân tộc?

Tóm lại hai khổ thơ lời ít ý nhiều, tác giả đã diễn tả cảm xúc của mình về một mùa xuân nhỏ trên quê hương sau mấy năm giải phóng. Đó là quê hương của xứ Huế mộng mơ đã hòa chung với cuộc sống thanh bình của cả nước. Đoạn thơ như một lời giục giã đầy tự hào với các thế hệ người dân Việt Nam hăm hở tham gia vào công cuộc xây dựng Tổ quốc làm đẹp cho mùa xuân đất nước.

Bài 14 Cảm nhận về đoạn thơ diễn tả cảm xúc chân thành và lòng kính yêu Bác vô hạn khi tác giả cùng dòng người vào lăng viếng Bác

Gợi ý làm bài

Nhà thơ Viễn Phương viết “Viếng lăng Bác” năm 1976, ngay sau khi đất nước thống nhất, nhà thơ được ra thăm lăng Bác. Bao trùm lên bài thơ là niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, niềm tự hào, đau xót của nhà thơ đối với Bác. Dòng cảm xúc chân thành và lòng kính yêu vô hạn khi cùng dòng người vào lăng viếng Bác được tác giả thể hiện rõ nhất ở khổ thơ 2 và 3.

Hòa vào dòng người thăm lăng Bác, nhà thơ tiếp tục dòng suy tưởng. Lời thơ bỗng dạt dào cảm xúc tự hào, thành kính nhớ thương:

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bày muơi chín mùa xuân.

Ở đây, nhà thơ đã tạo nên hai cặp câu, mỗi cặp câu đều có sự sống động của hình ảnh tả thực và ẩn dụ. Hai câu thơ đầu, có hai hình ảnh mặt trời: “mặt trời” thứ nhất ở câu đầu là mặt trời của tự nhiên, của vũ trụ; “mặt trời” thứ hai ở câu hai là để chỉ Bác Hồ. Thực ra, việc ví Bác với mặt trời không phải là mới, trước Viễn Phương đã có rất nhiều nhà thơ đã ví Bác với mặt trời. Tố Hữu đã từng có ý thơ:

Người rực rỡ một mặt trời cách mạng

Mà đế quốc là loài doi hốt hoảng

Đêm tàn bay chập chờng dưới chân Người...

Cái mới mẻ của Viễn Phương là đã kết hợp ẩn dụ với nghệ thuật nhân hóa. Mặt trời của tự nhiên vốn đã đẹp, vốn đã rực rỡ chói lóa, ấy vậy mà vẫn phải敬畏 mờ trước vẻ đẹp tài năng và nhân cách của Hồ Chí Minh. Giáo sư Trần Đình Sử trong bài “Lời người con miền Nam ra thăm cha già dân tộc”, đã viết: “Ví Bác với mặt trời là

hình ảnh đã quen nhưng so sánh mặt trời trên lăng với mặt trời trong lăng là một sáng tạo mới, xuất thần, thoát sáo, chưa hề có. Mặt trời rát đỏ làm nhớ tới trái tim nhiệt huyết, chân thành, trái tim thương nước, thương dân". Qua việc ví Bác với mặt trời, Viễn Phương vừa ca ngợi sự vĩ đại của Bác, vừa nhấn mạnh được tư tưởng người sáng của Người, lại vừa thể hiện được lòng thành kính của nhân dân, của nhà thơ đối với Bác Hồ.

Hai câu tiếp, nhà thơ miêu tả cảnh dòng người lần lượt vào lăng viếng Bác:

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

Điệp từ "ngày ngày" diễn tả vòng thời gian tuần hoàn liên tục, ngày nào cũng thế từng dòng người cứ lần lượt vào thăm viếng Bác. Bài thơ viết theo thể tám chữ nhưng tới câu thơ cuối khổ hai, lại đổi ra thành chín chữ một dòng thơ, kết hợp với dấu chấm lửng ở cuối câu thơ, làm cho nhịp thơ trở nên chậm lại, chứa đầy cảm xúc và khiến cho khổ thơ như vẫn tiếp tục kéo dài ra hơn. Ở đây, tác giả cũng sử dụng nghệ thuật ẩn dụ qua hình ảnh "dòng người" rất đẹp, đầy gợi cảm. Đoàn người vào lăng viếng Bác khiến tác giả liên tưởng giống như một tràng hoa và mỗi người là một bông hoa kết thành tràng hoa dâng lên Bác lòng thương nhớ, kính yêu. Đồng thời người đọc còn nhận ra các sử dụng từ ngữ của Viễn Phương rất độc đáo, đặc địa. Tác giả sử dụng từ "dòng người" chứ không phải là "đoàn người", "hàng người", tạo hiệu quả nghệ thuật gọi lên sự tiếp nối trải dài tới vô tận của những dòng người vào lăng. Cụm từ "đi trong thương nhớ" gợi tả tình yêu thương và nỗi nhớ mong của nhân dân dành cho Bác, bao trùm lên cả không gian và thời gian vô tận "ngày ngày". Đặc biệt, hình ảnh "Bảy mươi chín mùa xuân" là hình ảnh hoán dụ rất đẹp, mang ý nghĩa tượng trưng: Bác Hồ với bảy mươi chín tuổi xuân đã sống một cuộc đời đẹp như những mùa xuân và đem lại mùa xuân lớn cho quê hương, đất nước. Tóm lại, với hai câu cuối khổ hai, nhịp thơ chậm, hình ảnh ẩn dụ đẹp, sáng tạo, từ ngữ giàu tính tạo hình và biểu cảm, tác giả đã miêu tả những dòng người vào lăng viếng Bác bằng tất cả lòng thành kính, biết ơn sâu sắc.

Hòa theo dòng người vào lăng viếng Bác, đứng trước di hài Bác, xúc cảm nghẹn ngào của nhà thơ được đẩy lên cao hơn:

Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vàng trăng sáng dịu hiền.

Nghệ thuật nói giàm nói tránh "giấc ngủ bình yên" có tác dụng giảm bớt sự đau thương, mất mát của cả dân tộc khi Bác đã ra đi. Đồng thời cho thấy giấc ngủ nhẹ nhàng, bình yên, thanh thản của Bác trong giấc ngủ ngàn thu. Hình ảnh "vàng trăng sáng dịu hiền" là một hình ảnh đầy chất thơ, rất giàu sức gợi. Đây là hình ảnh ẩn dụ gợi liên tưởng đến tâm hồn cao đẹp, trong sáng và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Bác. Những vần thơ thể hiện tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống, chất nghệ sĩ trong con người Hồ Chí Minh. Cùng với mặt trời, hình ảnh vàng trăng đã hoàn thiện bức chân dung về Bác trong tâm khảm mỗi người: chói lóa, rực rỡ, trong sáng, thanh cao, hiền lương, thương mến.

Từ niềm xúc cảm nghẹn ngào chuyển sang niềm xót xa, đau đớn, tiếc nuối:

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim.

Hình ảnh "trời xanh" là hình ảnh ẩn dụ khẳng định Bác còn sống mãi trong trái tim của mỗi người dân Việt Nam; sự nghiệp và tư tưởng của Người trường tồn mãi với thời gian, năm tháng như bầu trời xanh của vũ trụ, của tự nhiên. Dù nhận thức được như thế nhưng lí trí không điều khiển được cảm xúc, tác giả không thôi xót thương không chấp nhận sự mất mát, ra đi mãi mãi của Bác. Nỗi đau được nhà thơ biểu hiện rất cụ thể, trực tiếp: "Mà sao nghe nhói ở trong tim!". Cấu trúc tương phản "Vẫn... mà" kết hợp với dấu chấm than ở cuối khổ thơ đã diễn tả tình cảm thật chân thành, xót xa, đau đớn vô hạn trong đáy sâu tâm hồn của một đứa con xa nhà, nay trở về chịu tang cha, đứng trước di hài của cha mà nước mắt không ngừng rơi. Đây cũng là cảm xúc chung của biết bao nhiêu người con khi Bác đã về với thế giới người hiền năm xưa: "Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa" (Bácơi!, Tô Hữu).

Với lời thơ cô đọng, giọng thơ trang nghiêm thành kính, tha thiết và rất giàu cảm xúc, “Viếng lăng Bác” đã để lại ấn tượng rất sâu đậm trong lòng người đọc. Bài thơ không những chỉ bộc lộ tình cảm sâu sắc của tác giả đối với Bác Hồ mà còn nói lên tình cảm chân thành tha thiết của hàng triệu con người Việt Nam đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

Bài 15 Phân tích khổ thơ cuối bài thơ “Viếng lăng Bác” để thấy được niềm xúc động mãnh liệt và ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ Viễn Phương.

Gợi ý làm bài

Bài thơ “Viếng lăng Bác” đã thể hiện nỗi niềm xúc động, lòng biết ơn sâu sắc của Viễn Phương - một nhà thơ miền Nam lần đầu ra Hà Nội và hòa vào dòng người vào lăng viếng Bác. Cấu trúc của bài thơ như một hành trình miêu tả khoảnh khắc khi tác giả đứng trước lăng, khi xếp hàng và khi đứng trước di hài của Bác. Khổ thơ cuối bài thơ là một dấu nặng kết thúc hành trình ấy, bộc lộ niềm lưu luyến của Viễn Phương khi tạm biệt Bác trở về miền Nam:

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
 Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
 Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
 Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.*

Dòng thơ đầu tiên cất lên bỗng trào dâng mãnh liệt cảm xúc nghẹn ngào, như rung rung hàng lệ nơi khoe mắt: “Mai về miền Nam thương trào nước mắt”. Từ “trào” diễn tả cảm xúc mãnh liệt, luyến tiếc, bịn rịn không muốn rời xa nơi Bác nghỉ. Bao nhiêu cảm xúc dồn nén đến đây, ngay tại giờ phút chia tay phải rời xa lăng Bác đã tuôn trào không thể kìm nén. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút nhung không bao giờ ta muốn xa Bác bởi người ám áp quá, rộng lớn quá. Nhưng dù muốn hay không thì giây phút ngắn ngủi được gặp Bác cũng vô cùng thiêng liêng. Chỉ một chữ “thương” quen thuộc gắn với câu nói của người miền Nam mà như gói trọn biết bao thương yêu, xót xa và kính trọng. Câu thơ cất lên mà như nghẹn lại, xót xa đến vô cùng.

Trong niềm xúc động nghẹn ngào đó là những ước nguyện thành kính của Viễn Phương cũng là mong ước chung của những người đã hoặc chưa được một lần gặp Bác:

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
 Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
 Muốn làm cây tre trung hiếu trốn này.*

Điệp ngữ “muốn làm” được nhắc đi nhắc lại đến ba lần cùng nhịp thơ dồn dập thể hiện khao khát chân thành, tha thiết của tác giả. Muốn làm con chim, đóa hoa tỏa hương, cây tre trung hiếu, tất cả đều là những sự vật đời thường giản dị, gắn liền với thiên nhiên gần gũi. Muốn làm con chim để mang tiếng hót vui vẻ đến với Bác, làm đóa hoa để tỏa hương tô điểm lăng Bác, làm vui lòng Người làm cây tre gần gũi ân dụ cho vẻ đẹp thủy chung, son sắt của người Việt. Hình ảnh cây tre xuất hiện ở đầu bài thơ được nhấn mạnh với kết cấu đầu cuối tương ứng như một lời thề sắt son của nhà thơ nói riêng, nhân dân Việt Nam nói chung nguyện đi theo con đường của Bác. Mai trở về miền Nam nhưng tấm lòng chân thành đã được gửi lại trọn vẹn nơi đây. Ba câu thơ khuyết chèn ngữ ấy như là lời thay mặt cho triệu triệu đồng bào Việt Nam bày tỏ cảm xúc thành kính, tha thiết tới lãnh tụ. Viễn Phương đã nói lên niềm mong ước của mình cũng như ước nguyện của tất cả mọi người dân Việt Nam muốn được gần bên Bác và lớn lên một chút:

*Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta
 Ta bỗng lớn lên ở bên Người một chút.*

Cả bài thơ là tiếng lòng của người con ra thăm lăng Bác, đặc biệt cảm xúc ấy được kết tinh trong khổ thơ cuối. Dù Bác đã ra đi nhưng Bác sẽ còn sống mãi trong trái tim của Viễn Phương nói riêng, nhân dân Việt Nam ta nói chung. Ước nguyện cao đẹp được hóa thân để được bên Bác cũng là ước nguyện đẹp nhất, chất chứa trọn vẹn tấm lòng trân quý của nhân dân ta.

Gợi
Khoi
dong nh
nhin xa
biệt, hai
doi ky d

Mùa
dap tren
nhat cua

“Bỗn
đây nhà
nhìn này
biệt của
động iné
sương bù
để cảm r
tiết thật
mới đượ
để làm n

“Suor
xóm làng
hóa mản
luyến điè
giác, xúc
se” và “si
“Hình nh

Bài 16 Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp thiên nhiên làng quê lúc giao mùa trong hai khổ thơ sau:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.

Sông được lúc đèn dáng
Chim bắt đầu vội vã
Có áng mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.

(Sang thu, Hữu Thỉnh)

Gợi ý làm bài

Khoảnh khắc giao mùa có lẽ là khoảnh khắc đẹp đẽ nhất của tự nhiên, nó gieo vào lòng người những rung động nhẹ nhàng khiến ta như giao hoà, đồng điệu. Khi chúng ta chưa hết ngỡ ngàng bởi một Xuân Diệu “tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì” thì đã gặp một Hữu Thỉnh tinh tế, sâu sắc đến vô cùng qua một thoáng “Sang thu”. Đặc biệt, hai khổ thơ đầu là những cảm nhận, rung động man mác, bâng khuâng của tác giả trước vẻ đẹp và sự biến đổi kỳ diệu của thiên nhiên trong buổi giao mùa:

Bỗng nhận ra hương ổi
...Vắt nửa mình sang thu.

Mùa thu với Hữu Thỉnh không bắt đầu bằng “áo mơ phai dệt lá vàng” hay hình ảnh “con nai vàng ngo ngác, đạp trên lá vàng khô” mà là hương ổi thân quen nơi góc vườn của bà, của mẹ đánh thức những giác quan tinh tế nhất của nhà thơ:

Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se.

“Bỗng nhận ra” - một trạng thái chưa hề được chuẩn bị, như là vô tình như là sững sót, như là cơ duyên để từ đây nhà thơ có thể cảm nhận sự xuất hiện của mùa thu trong trời đất bằng tất cả giác quan. Và, cũng chính từ góc nhìn này, hình ảnh của cả sự vật lúc sang thu được nhà thơ đưa vào ống kính. Mở đầu là một làn hương thật đặc biệt của mùa thu Việt Nam, hương ổi - phả vào gió buổi sớm. “Phả” là động từ mang ý nghĩa chủ động chỉ sự tác động mới được dùng như một cách khẳng định sự xuất hiện của hơi thu trong không gian. Sự góp mặt của màn sương buổi sớm cùng với hương ổi làm con người chợt giật mình thảng thốt: “Hình như thu đã về”. Hai đặc điểm để cảm nhận mùa thu hương ổi, làn sương không còn là những hình ảnh đã trở thành uộc lệ nữa, mà là một chi tiết thật mê, bất ngờ. Có lẽ, chỉ tới Hữu Thỉnh thì làn hương ổi rất quen của Việt Nam và rất lạ với nhà thơ mới được đưa vào thơ một cách tự nhiên như vậy. Cũng từ đây, một loạt những hình ảnh quen mà lạ sẽ xuất hiện để làm nên một bức tranh mùa thu đẹp đẽ và trong sáng vô cùng:

Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.

“Sương chùng chình qua ngõ” gợi ra hình ảnh làn sương mỏng, mềm mại, giăng mắc khắp đường thôn, ngõ xóm làng quê. Nó làm cho khí thu mát mẻ và cảnh thu thơ mộng, huyền ảo, thong thả, bình yên. Nhà thơ đã nhân hóa màn sương qua từ “chùng chình” khiến cho sương thu chứa đầy tâm trạng. Nó như đang chờ đợi ai hay lưu luyến điều gì? Câu thơ lắng đọng tạo cảm giác mơ hồ xen lẫn nhiều cảm xúc. Bằng tất cả các giác quan: khứu giác, xúc giác và thị giác, nhà thơ cảm nhận những nét đặc trưng của mùa thu đều hiện diện. Có “hương ổi”, “gió se” và “sương”. Mùa thu đã về trên quê hương. Vậy mà nhà thơ vẫn còn đeo đẳng: “Hình như thu đã về”. Sao lại là “Hình như” chứ không phải là “chắc chắn”? Một chút nghi hoặc, một chút bâng khuâng không thật rõ ràng. Đúng

là một trạng thái cảm xúc của thời điểm chuyển giao. Thu đến nhẹ nhàng quá, mơ hồ quá. Hóa ra bức tranh kia không phải cảm nhận bằng giác quan mà bằng cả tâm hồn nữa. Đó là tâm hồn nhạy cảm của một tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống. Khô thơ mang cái man mác buồn, lắng đọng ngọt ngào thi vị của mùa thu. Từ đây cũng cho ta thấy con người của thi ca đến với thiên nhiên bằng sự khám phá đường nét nhỏ nhất, tinh xảo nhất của vũ trụ bao la. Đó cũng chính là cái hay tạo nên sự khác biệt cho mùa thu mà ngay ở bốn câu thơ đầu ta đã thấy tiếp tục lan tỏa, mở ra trong cái nhìn xa hơn, rộng hơn.

Sau giây phút ngỡ ngàng và khe khẽ vui mừng, cảm xúc của thi sĩ tiếp tục lan tỏa, mở ra trong cái nhìn xa hơn, rộng hơn:

Sông được lúc đènh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.

Cái nhìn tinh tế của Hữu Thỉnh đã phát hiện ra bao điều mới lạ từ những sự vật đã quá quen thuộc với trời đất, với con người. Tất cả đều trong trạng thái ngập ngừng: Dòng sông - nước sông vẫn đầy chí không cạn như mùa đông, mùa xuân; dòng nước trôi lững lờ, khoan thai chứ không cuồn cuộn cuộn đi như con lũ mùa hạ. Sông như được lúc nghỉ ngoi “đèn h dáng”. Cảm nhận về một dòng sông êm đềm, mềm mại, thiết tha rất hợp với vẻ đẹp dịu êm của mùa thu. Chim - thu sang, khí trời se se lạnh, trên bầu trời trong xanh, cao rộng, những cánh chim vội vã bay đi tìm nơi trú ngụ nhưng mới chỉ là “bắt đầu” mà thôi. Điều này càng cho thấy thời gian thu mới chớm, mới sang. Không gian trở nên xôn xao, không có âm thanh nhưng câu thơ lại gợi được cái động. Với “Sang thu” của Hữu Thỉnh, bầu trời cũng như nhỏ lại, áp hơn theo nhịp vận động “vội vàng” của cánh chim. Hai câu thơ đối nhau rất nhịp nhàng, dựng lên hai hình ảnh đối lập, ngược chiều nhau: sông dưới mặt đất, chim trên bầu trời, sông “đèn h dáng” chậm rãi, chim “vội vã” lo lắng. Đó là sự khác biệt của vạn vật trên cao và dưới thấp trong khoảnh khắc giao mùa.

Trong khi đó, đám mây - thật đặc biệt, đám mây mang trên mình cả hai mùa:

Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.

Trong thơ ca Việt Nam, không ít những vần thơ nói về đám mây trên bầu trời thu: “Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt” (“Thu điếu”, Nguyễn Khuyến), “Lớp lớp mây cao đùn núi bạc” (“Tràng giang”, Huy Cận). Nhưng đám mây trong thơ Hữu Thỉnh rất đặc biệt, tác giả dùng động từ “vắt” để gọi ra trong thời điểm giao mùa, đám mây như kéo dài ra, nhẹ trôi như tấm lụa mềm treo lơ lửng giữa bầu trời trong xanh, cao rộng. Hình như đám mây đó vẫn còn lại một vài tia nắng ấm của mùa hạ nên mới “Vắt nửa mình sang thu”. Đám mây vắt lên cái ranh giới mỏng manh và ngày càng bé dần, bé dần đi rồi đến một lúc nào đó không còn nữa để toàn bộ sự sống, để cả đám mây mùa hạ hoàn toàn nhuộm màu sắc thu. Nhưng trong thực tế, không hề có đám mây nào như thế vì mắt thường đâu dễ nhìn thấy được sự phân chia rạch rời của đám mây mùa hạ và thu. Đó chỉ là một sự liên tưởng thi vị - một hình ảnh đầy chất thơ. Thời khắc giao mùa được sáng tạo từ một hồn thơ tinh tế, nhạy cảm, độc đáo đã đọng lại những nỗi bằng khuất trong lòng độc giả trước vẻ dịu dàng êm ái của mùa thu. Có lẽ đây là hai câu thơ hay nhất thể hiện sự tinh tài khám phá của Hữu Thỉnh trong khoảnh khắc giao mùa. Nó giống như một bức tranh thu vĩnh hằng tạc bằng ngôn ngữ.

Trong khô thơ, dòng sông, cánh chim, đám mây đều được nhân hóa khiến cho bức tranh thu trở nên hữu tình, chứa chan thi vị. Cả ba hình ảnh trên là tín hiệu của mùa thu sang còn vương lại một chút gì của cuối hạ. Nhà thơ đã mở rộng tầm quan sát lên chiều cao (chim), chiều rộng (mây) và chiều dài (dòng sông). Phải chăng có sợi tơ duyên đồng cảm giữa con người với thiên nhiên đang vào thu. Qua cách cảm nhận ấy, ta thấy Hữu Thỉnh có một hồn thơ nhạy cảm, yêu thiên nhiên tha thiết, một trí tưởng tượng bay bổng.

Bằng hình ảnh thơ tự nhiên, không trau chuốt mà giàu sức gợi cảm cùng thể thơ năm chữ, Hữu Thỉnh đã thể hiện một cách đặc sắc những cảm nhận tinh tế để tạo ra một bức tranh chuyên giao từ cuối hạ sang thu nhẹ nhàng, êm dịu, trong sáng nên thơ ở vùng đồng bằng Bắc Bộ của đất nước. Đoạn thơ của Hữu Thỉnh đánh thức tình cảm của mỗi người về tình yêu quê hương đất nước và suy ngẫm về cuộc đời.

Bài 17 Cảm nhận của em về khổ thơ cuối bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh.

Gợi ý làm bài

Cuối hạ đầu thu luôn là những khoảnh khắc lòng người đang đầy cảm xúc lẫn lộn. Đó là những chồi voi nhưng xuyến xao và chút âu lo vẩn vương. Mỗi phút giây qua đi dù là mồng manh nhưng cũng đủ âm dư tình đến luyến lưu. Dòng cảm xúc bắt tận áy được Hữu Thỉnh bát特朗 và phô diễn dưới ngòi bút tài hoa:

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã voi dàn con mưa

Sớm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi.

Vẫn là những tia nắng những hạt mưa tinh nghịch của mùa hạ nhưng chỉ là “vẫn còn”, “voi dàn”. Những trưa nắng oi ả, gay gắt hay những trận mưa bất chợt, ào ào của mùa hạ bây giờ chỉ còn phảng phát, rái rác. Đường như mùa hạ vẫn đang vẩn vương điều chi, vẫn muốn lưu lại chút hương sắc của mình với đất trời tạo hóa. Như để lại chút thương nhớ hạ gieo vào lòng đất một chút mưa cuối mùa ngọt ngào, một chút nắng nhẹ nhàng. Nhưng dù có nút kéo thì hiện thực vẫn cứ thế cháy trôi, thời gian vẫn cứ tuần hoàn dù chẳng dành lòng nhưng hạ vẫn phải chấp nhận rời xa để nhường chỗ cho thu sang. Thu sang khoác cho cảnh vật, cho thiên nhiên những khí sắc mới, đặc trưng riêng biệt:

Sớm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi.

Sớm là hiện tượng tự nhiên của thời tiết. Sớm thường xuất hiện sau những cơn mưa giông, cơn mưa rào vào mùa hạ. Hàng cây đứng tuổi là chỉ những cây cổ thụ lâu năm. Đây là một hình ảnh tả thực của tự nhiên. Sau những cơn mưa rào thì sầm hay xuất hiện gần những cây có tán lá rộng, to thường là những cây cổ thụ. Trời chuyển bước sang thu, sầm đã bớt bất ngờ, dữ dội hơn trong hạ. Ần sau lớp nghĩa thực kia là một chuỗi những suy tư lắng sâu. Sầm, mưa biều trung cho những vang động bất thường của ngoại cảnh, những giông bão, khó khăn của cuộc đời. Hàng cây đứng tuổi là hình ảnh ẩn dụ chỉ cả một thế hệ, đó là những con người đã đi qua hết nửa cuộc đời, đã nếm trải những đắng cay ngọt ngào của dòng đời xô bồ. Chính những từng trải ấy đã khiến họ trở nên kiên cường, mạnh mẽ, biết cách đổi mới với giông tố, khó khăn; không còn lung lay, bất ngờ, xao động trước những con “sầm” ồn ào. Giri cái nhìn xa xăm hơn nữa, Hữu Thỉnh muốn hướng đến tình yêu Tổ quốc thiết tha, ông bày tỏ thái độ nguồng mộ, ngợi ca sức mạnh dũng cảm, kiên trung bất khuất, đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong suốt những năm tháng chiến đấu gian khổ bảo vệ nền độc lập, tự do, hòa bình cho dân tộc. Trong ý thơ trên còn mang đậm một quan điểm nhân sinh sâu sắc, cũng giống như mùa thu bình yên và lặng lẽ, con người ta khi đã đến cái tuổi xé chiều, khi đã trải qua những năm tháng bão giông sẽ chẳng còn những bồng bột, thật bình thản và nhẹ nhàng để cảm nhận và suy tư trước cuộc đời.

Bằng cảm nhận tinh tế và cách dùng từ tự nhiên, chân thật, cùng nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa tài tình, Hữu Thỉnh đã vẽ nên bức tranh đặc sắc về thời điểm giao mùa hạ – thu ở nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Với bài “Sang thu”, Hữu Thỉnh đã góp thêm một nét thu mang dấu ấn riêng của mình vào những chùm thơ thu hay và đẹp của thơ ca Việt Nam.

Bài 13 Cảm nhận về vẻ đẹp tình cha con trong bài thơ “Nói với con” của Y Phương.

Gợi ý làm bài

Tình cảm gia đình vốn là một đề tài xuyên suốt nền văn học Việt Nam từ xưa đến nay. Trong tư tưởng Nho giáo, người đàn ông được đề cao và được xem là nhân tố cấu thành và chi phối các mối quan hệ xã hội. Thế nhưng, với nền văn hóa trọng mẫu, những tác phẩm viết về tình mẹ vẫn chiếm ưu thế hơn, hiếm hoi mới có tác phẩm hay viết về tình cha. Trong số đó, không thể không kể đến bài thơ “Nói với con” của Y Phương. Bài thơ như là một khúc tâm tình của người cha, thể hiện lòng yêu thương con của người miền núi và mong ước thế hệ con cái phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

Bài thơ mở đầu bằng những hình ảnh cụ thể tạo không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt. Từng bước đi, từng tiếng nói tiếng cười của con được cha mẹ mừng vui đón nhận bằng tình yêu thương:

Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười.

Hình ảnh cụ thể, giàu tính chất tạo hình “chân phải”, “chân trái”, “tiếng nói”, “tiếng cười”, nhà thơ đã dựng lên trước mắt người đọc hình ảnh của một em bé đang chập chững tập đi và bì bô tập nói bên cạnh cha mẹ. Từ đó, Y Phương gợi tả được không khí gia đình thật ấm áp, hạnh phúc, tràn ngập tiếng cười nói của trẻ thơ. Đồng thời, nhà thơ đã cho người đọc thấy được từng bước đi, từng tiếng cười nói của con đều được cha mẹ nâng niu, chăm sóc, mong chờ. Bước chân đầu đời con bước tới cha là bước đến tinh thần, lý tưởng cao đẹp. Bước thứ hai con bước đến mẹ là bước vào tình yêu thương và sự chờ che vững chắc. Đó là tình cảm gia đình ruột thịt, là công lao trời bể lớn lao và thiêng liêng mà cha mẹ dành cho con cái, muốn người con luôn phải khắc cốt ghi tâm. Nhịp thơ chậm rãi hiện rõ từng bước đi ngập ngừng có chút e sợ của người con càng làm cho ta thêm quý trọng những phút giây đầu đời. Hình ảnh thơ không chút cầu kì, cứ tự nhiên như lời nói nhưng đó là lời nhắc nhở thiêng liêng, là niềm mong mỏi của cha. Mai này con có bước đi chân đi xa hơn nữa thì phải nhớ đến gia đình, nhớ đến cha mẹ, nhớ đến cội nguồn sinh dưỡng đầu tiên đã cho con sức mạnh. Con có vững bước ở tương lai là bởi hôm nay có cha có mẹ dùi dắt con bước tới. Sự khám phá đầu tiên trong cuộc đời có sự nâng đỡ của gia đình. Tình phụ tử thiêng liêng, thâm kín là mối dây ràng buộc, gắn kết gia đình bền chặt được hình thành và phát triển trong phút giây hạnh phúc bình dị đáng nhớ ấy. Lời thơ ngay từ đầu đã chạm đến niềm rung cảm sâu xa nhất trong trái tim con người, tạo nên sự đồng cảm có sức lan tỏa mạnh mẽ.

Với tình yêu tha thiết, người cha nhắc với con về những phẩm chất tốt đẹp của người đồng minh, gửi gắm mong muốn, kỳ vọng vào con. Đó là lòng yêu lao động, hăng say lao động với cả tấm lòng. Đó là sức sống bền bỉ, mạnh mẽ, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ:

Người đồng minh thương lăm con ơi

Cao đờ nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn.

Dùng những từ ngữ rất mạnh mẽ như “cao”, “xa”, “lớn”, tác giả muốn nhấn mạnh cuộc sống khoáng đạt, mạnh mẽ của những “người đồng minh”. Dù khó khăn, đói nghèo còn nhiều nhưng họ không nhụt chí, ý chí của họ vẫn rất vững chắc, kiên cường;

Người đồng minh thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhó bé đâu con

Người đồng minh tự đúc đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì là phong tục.

Nhứt
mỗi, họ
nhưng g
Tinh
những k
biết châ

Ngườ
mọi thứ t
bản thân.
đã nói v
người ch
với truyề

Qua n
và tin tuc
bi của qu
những su
mỗi, biết
mang nă
mà cha đ
cao đầu “
tiếp tục n

Bài thơ
tình cảm,
thể vừa c

Bài thơ
quê hương;
người cha
người cha
chặng đườ

Bài 14

Gợi ý
Y Phуч
thuật. Với
Y Phуч
bút của Y
Bài thơ là
huy những
khó quên

Những “người đồng minh” vượt qua vất vả để bám trụ lấy quê hương. Bằng cuộc sống lao động không mệt mỏi, họ xây dựng quê hương với những truyền thống cao đẹp. Những “người đồng minh” mộc mạc, thẳng thắn nhưng giàu chí khí, niềm tin... Người cha đã kể với con về quê hương với cảm xúc rất tự hào.

Tình cảm của người cha dành cho con rất thiết tha, triu mến. Tình cảm này bộc lộ tự nhiên, chân thực qua những lời nhẩn gửi của cha cho con. Người cha muốn con sống phải có nghĩa tình, thuỷ chung với quê hương, biết chấp nhận những khó khăn, vất vả để có thể:

*Sông trên đá không chê đá gập ghềnh
Sông trong thung không chê thung nghèo đói
Sông như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc.*

Người cha mong cho con mình sống ngay thẳng, trong sạch, sống với ý chí, niềm tin để vững vàng vượt qua mọi thử thách khó khăn. Người cha cũng mong cho con sống phải luôn tin vào khả năng của mình, tin tưởng vào bản thân. Có như vậy, con mới có thể thành công, mới có thể hiên ngang vững bước trên đường đời. Người cha đã nói với con bằng tất cả lòng yêu thương của mình, nói với con những điều từ đáy lòng mình. Điều lớn nhất người cha đã truyền dạy cho con chính là niềm tin vào bản thân và lòng tự hào với sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, với truyền thống của quê hương.

Qua những lời người cha nói với con, có thể thấy tình cảm của người cha đối với con thật triu mến, thiết tha và tin tưởng. Điều lớn lao nhất mà người cha muốn nói với con chính là niềm tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của quê hương và niềm tin khi bước vào đời. Bài thơ đã gợi cho người đọc những niềm cảm động sâu xa và những suy nghĩ sâu sắc. Thì ra, đằng sau những lặng lẽ, thầm trầm của cha là biết bao yêu thương, biết bao mong mỏi, biết bao hi vọng, biết bao đợi chờ... Con lớn lên như hôm nay không chỉ nhờ vào cơm ăn và áo mặc mà còn mang nặng ân tình từ những lời dạy dỗ ân cần thắm thía của cha. Con sẽ bước theo những bước chân vững chắc mà cha để lại trên con đường cha bước đến đỉnh Thái Sơn - nguyện “sông như sông như suối”, nguyện ngang cao đầu “lên đường” mà không “thô sơ da thịt”. Và trên con đường ấy, con sẽ mang theo hình ảnh quê hương để tiếp tục nối tiếp cha anh “tự đúc đá kê cao quê hương” thân thiết của mình.

Bài thơ có nhiều nét đặc sắc về nghệ thuật, tuy nhiên, độc đáo nhất và đặc sắc nhất là cách thể hiện, diễn tả tình cảm. Những từ ngữ, hình ảnh trong bài rất mộc mạc nhưng đồng thời cũng rất giàu hình ảnh gợi tả, vừa cụ thể vừa có sức khái quát cao.

Bài thơ nhắc nhở chúng ta về tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương, của dân tộc. Qua lời nói với con, ta phần nào hiểu rõ hơn, cảm nhận sâu sắc hơn những tình cảm của người cha dành cho con. Những bài học mà người cha trong bài thơ Nói với con có lẽ là những bài học mà bất kỳ người cha nào cũng muốn dạy cho con mình. Và những bài học giản dị, mộc mạc đó có lẽ sẽ theo con suốt trên chặng đường đời, bài học của cha - bài học đầy ý nghĩa sâu sắc.

Bài 19 Phân tích vẻ đẹp của người đồng minh qua bài thơ “Nói với con”.

Gợi ý làm bài

Y Phương là một trong số ít những nhà thơ miền núi có thời gian gắn bó lâu dài với hoạt động văn hóa nghệ thuật. Với phong cách thơ hồn nhiên, trong sáng, chân thật và cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi, Y Phương đã có những đóng góp không nhỏ cho nền thơ ca hiện đại Việt Nam thế kỷ XX. Trong sự nghiệp cầm bút của Y Phương, “Nói với con” (1980) là một trong số những thi phẩm gây được tiếng vang lớn trên thi đàn. Bài thơ là lời tâm tình thủ thỉ và niềm hi vọng của người cha dành cho con, mong con khôn lớn, thành người, phát huy những nét đẹp vốn có của quê hương, dân tộc mình. Qua bài thơ, Y Phương đã làm nổi bật những ấn tượng khó quên về vẻ đẹp của “người đồng minh”.

Trước hết, “người đồng minh” hiện lên là những con người tài hoa, khéo léo trong công việc, lao động:

*Người đồng minh yêu lắm con oi
Dan lò cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng.*

Cụm từ “Người đồng minh” là để chỉ những người vùng mảnh, miền mảnh, những người cùng sống trên một miền đất, quê hương, cùng dân tộc. Câu thơ sử dụng từ ngữ hô gọi “con oi” kết hợp với cụm tính từ “yêu lắm” làm cho lời thơ trở nên ngọt ngào, chan chứa niềm tự hào với tình yêu thương quê hương da diết. Cuộc sống lao động cần cù và vui tươi của “người đồng minh” được gợi lên qua một số những hình ảnh rất cụ thể, giàu sức gợi: “đan lò” dưới bàn tay khéo léo đã thành “cài nan hoa”; những ngôi nhà săn không chỉ được dựng lên bằng những tấm ván gỗ mà còn được tạo nên bởi những “câu hát” - chiêu sâu văn hóa, lối sống của “người đồng minh”. Những động từ “đan”, “cài”, “ken” vừa có tác dụng diễn tả những động tác lao động; lại vừa cho thấy những phẩm chất cần cù, chịu khó, yêu lao động, yêu cuộc sống, chan chứa niềm vui của những người dân miền núi khéo léo, tài hoa. Đồng thời, cũng dưới khói óc, bàn tay chăm chỉ, chịu thương, chịu khó của “người đồng minh”, họ đã biến những khu rừng đất trống đồi núi trọc thành nơi cư trú tuyệt vời. Vì thế, rừng núi không chỉ cho măng, cho nứa, cho gỗ mà còn ban tặng cho con người cả những sản phẩm tinh túy nhất của trời và đất đó là những bông hoa tươi thắm rực rỡ sắc màu. Họ khai hoang, lập làng, lập bản, tạo ra những cung đường đi ra thung ra suối, con đường vào làng vào bản, con đường tới trường, tới lớp, con đường ra ruộng, ra đồng... Chính những con đường đó đã được dựng lên bởi những “tấm lòng” bao dung, nhân hậu, gắn bó tinh đoàn kết của những con người nơi đây.

“Người đồng minh” không chỉ tài hoa, khéo léo mà họ còn là biết lo toan và rất giàu niềm tin, ý chí, nghị lực trong cuộc sống:

*Người đồng minh thương lắm con oi
Cao do nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn*

Nếu như câu thơ ở khổ đầu tác giả nói “Người đồng minh yêu lắm con oi” thì đến đây được đổi thành “Người đồng minh thương lắm con oi”. Câu thơ được lặp lại chỉ thay đổi một chữ duy nhất. Đây hoàn toàn là một sự thay đổi có dụng ý sâu sắc. “Yêu” là tình cảm xuất phát từ trái tim chân thành, tha thiết; “thương” là trạng thái tình cảm không chỉ xuất phát từ trái tim yêu thương chân thành nữa mà còn gói ghém trong đó cả sự sẻ chia, đồng cảm. Chính vì thế, “người đồng minh” – những con người cùng miền đất, quê hương, dân tộc, cùng chí hướng đã đoàn kết, gắn bó, sẻ chia và đồng cảm với nhau mà dựng xây quê hương mình trở nên ngày một giàu đẹp hơn. Với nghệ thuật đối lập tương phản: “cao do – xa nuôi”, “nỗi buồn – chí lớn”, Y Phương đã diễn tả những trạng thái khác nhau của “người đồng minh”. Nhà thơ dùng chiêu cao để đo nỗi buồn của “người đồng minh” như sự khẳng định những lo lắng, khắc khoải của “người đồng minh” chất chồng, nặng trĩu đè nặng đôi vai họ. Song song với đó, nhà thơ lại dùng chiêu dài, độ xa để nói về chí lớn của “người đồng minh”, ý chí khiến họ có thể bền bỉ đi xa trên đường đời. Nỗi buồn càng nhiều thì chí càng cao, ấy là phẩm chất của “người đồng minh”. Họ không bao giờ nhụt chí mà luôn mạnh mẽ, vững vàng đối diện với những khó khăn, thách thức, đưa quê hương tiến lên phía trước, trở nên giàu mạnh, phát triển, văn minh. Câu thơ giản dị, mộc mạc, chân chất nhưng đã diễn tả được tinh thần, ý chí quật cường, mạnh mẽ của người dân vùng cao.

Qua cách nói của người cha, “người đồng minh” còn ngời sáng bởi lối sống gắn bó, thủy chung với quê hương và sự phóng khoáng, lạc quan.

*Sóng trên đá không chê đá gập ghềnh
Sóng trong thung không chê thung nghèo đói*

Nhà
nghèo
đã và đ
dập và
miền n
chí phò

Khô
tự cười

Ngh
binh d
rất già
tập tru
Công v
Hình à
cho ca
thông c

Qua
thật ch
con. Đ
làm gi

Bản

Gọ
Ta-
Án Độ
tiêu bi
qua nh

Tro
tinh cá
cậu bé
đùa cá
lời mò
tiết nà
đã chỉ
của bé
dàng,

*Sông như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc.*

Nhà thơ đã sử dụng nhiều hình ảnh để nói tới cuộc sống của người miền núi như: “đá gập ghềnh”, “thung hèo đói”, “lên thác xuống ghềnh” có ý nghĩa diễn tả những khó khăn, vất vả, hèo đói và nhọc nhằn mà họ đã và đang phải đương đầu. Điệp ngữ “sông... không chẽ” được lặp lại hai lần kết hợp với nhịp thơ nhanh, dồn dập và biện pháp so sánh “như sông như suối” có tác dụng diễn tả sức sống mạnh mẽ, bền bỉ của những người miền núi trước khó khăn, vất vả. Qua đó, nhà thơ thể hiện niềm tự hào về “người đồng minh” với sức mạnh, ý chí phóng khoáng, đoàn kết, gắn bó thiết tha của họ đối với nơi chôn rau cắt rốn của mình.

Không dừng lại ở đó, “người đồng minh” còn hiện lên là những người chân chất, mạnh mẽ với ý chí tự lực tự cường xây dựng quê hương:

*Người đồng minh thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng minh tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục.*

Nghệ thuật đối lập tương phản giữa ngoại hình và tâm hồn. Hình ảnh “thô sơ da thịt” diễn tả vẻ đẹp mộc mạc, bình dị, chân chất, khảng khái của “người đồng minh”. Nhưng họ không hề “nhỏ bé” về tâm hồn mà ngược lại rất giàu lòng tự trọng, giàu chí khí, niềm tin cao đẹp với khát vọng dựng xây, phát triển quê hương. Ở đây, tác giả tập trung miêu tả cuộc sống lao động của họ qua hành động “tự đục đá” thường thấy của người dân miền núi cao. Công việc của họ rất vất vả, nặng nhọc nhưng họ sẵn sàng tự nguyện làm vì sự phát triển của quê hương mình. Hình ảnh “Người đồng minh tự đục đá kê cao quê hương” vừa mang tính tả thực (chỉ truyền thống làm nhà kê đá cho cao của người miền núi), vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc. “Người đồng minh” đã tự tay xây dựng nên truyền thống quê hương đẹp giàu, sánh tầm với các miền quê khác trên mảnh đất hình chữ S thân yêu.

Qua lời thủ thi, tâm tình của người cha đối với con, hình ảnh của quê hương, của người đồng minh hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là mạch suối ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. Đọc bài thơ, hiểu về vẻ đẹp của những con người quê hương, ta yêu hơn, trân trọng hơn những con người làm giàu đẹp quê hương, đất nước.

Bài 20 Cảm nhận về tình mẫu tử thiêng liêng qua bài thơ “Mây và sóng” của Tago.

Gợi ý làm bài

Ta-go là một nhà thơ, nhà văn, nhà viết kịch lớn, ông được coi là một đại thi hào, hay một thiên tài của Ấn Độ, những sáng tác của ông đã có đóng góp rất lớn trong nền văn học của thế giới. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông là “Mây và sóng”, tác phẩm thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng dưới lăng kính của một cậu bé qua những câu chuyện cậu kể với mẹ.

Trong thế giới của Ta-go ông luôn khẳng định rằng tình mẫu tử là cao quý nhất, là thiêng liêng nhất và là thứ tình cảm không có gì có thể thay thế được. Qua bài thơ ta có thể thấy được sự ngây thơ hồn nhiên, tinh nghịch của cậu bé khi được mây trời rủ đi chơi xa, lướt dạo trên mây cao. Đối với một đứa trẻ thì việc được đi chơi, được vui đùa cả ngày có lẽ là điều tuyệt vời nhất và đối với cậu bé này cũng không ngoại lệ. Chính vì vậy khi nhận được lời mời gọi từ mây, cậu đã không ngại ngần hỏi đường để lên mây “Nhưng làm thế nào mình lên đó được?”. Chi tiết này cho thấy Ta-go cực kì hiếu và diễn tả một cách tự nhiên, chân thực tâm lí trẻ thơ. Những người trên mây đã chỉ cho bé cách lên với họ. Cách chỉ dẫn của họ cũng hấp dẫn vô cùng với bé, làm tăng lòng khát khao đi chơi của bé: “...Hãy đến nơi tận cùng trái đất, đưa tay lên trời, cậu sẽ được nhắc bồng tận tầng mây”. Cách đi vừa dễ dàng, lại rất huyền thoại như trong các câu chuyện cổ tích. Em bé đã thích cuộc đi chơi đó. Tưởng như bé có thể

đi ngay với những người trên mây. Nhưng không. Bé đã từ chối cuộc đi (cách từ chối thật tế nhị và dễ thương, mà vẫn chân thật): “Mẹ mình đang đợi ở nhà.../ Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?”. Có lẽ vì lí do từ chối như thế, nên những người trên mây đã “mỉm cười bay đi”. Cái “mỉm cười” của họ thể hiện sự cảm thông sâu sắc, cái mỉm cười ấy nói rằng: không nên mời bé đi chơi nữa, vì họ đã hiểu được sức mạnh của tình mẫu tử từ nơi em. Em bé không được đi chơi với những người trên mây. Song, em bé thông minh đã không chịu thua họ. Em đã tưởng tượng một trò chơi mới mà em “biết trò chơi thú vị hơn” cuộc đi chơi ấy. Em bé sẽ là mây, mẹ sẽ là trăng; em lấy đôi tay choàng lên người mẹ; mái nhà ta là bầu trời xanh thẳm. Trò chơi này của bé thú vị hơn cuộc đi chơi với những người trên mây vì em vừa được chơi với trăng, với bầu trời; với mây – thiên nhiên kì diệu, lại vừa được gần mẹ. Qua chặng thử thách ngọt ngào thứ nhất, em bé đã vượt qua được nhờ sự níu kéo của tình mẫu tử, vì có mẹ, bé sẽ có tất cả “Hai bàn tay con ôm lấy mẹ, và mái nhà ta sẽ là bầu trời xanh thẳm”.

Sau hình ảnh mây thì những con sóng lại tiếp tục cất tiếng gọi vui chơi nơi đại dương. Sóng kể về những chuyến đi của mình cho em bé nghe, nói với bé về niềm vui ca hát cả ngày. Chính điều đó đã lại một lần nữa lay động lòng ham chơi của đứa trẻ, chỉ cần nghe đến việc được ca hát từ sáng sớm đến hoàng hôn thôi đã làm cho em bé thấy thích thú rồi, hơn thế nữa còn được đến những nơi mà không biết rằng đó là nơi nào càng kích thích tính tò mò của bé. Đứa trẻ nào chẳng ham chơi ham vui, lại còn thấy những hình ảnh sống động từ sóng thì làm sao có thể cưỡng lại được mong muốn đó, rồi em bé cũng được sóng chỉ cho cách có thể hòa mình vào những con sóng để nô đùa nhưng lại một lần nữa em bé nhớ đến mẹ, tự nhủ với bản thân làm sao có thể đi chơi khi mẹ còn đang ở nhà và trò chơi mới tiếp theo lại ra đời: “Con là sóng và mẹ là bến bờ kia/ Con lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ”. Bé nói với mẹ: Trò chơi này “hay hon”. Vì sao vậy? Đó là vì em có thể đi chơi với những người trong sóng, mà vẫn được ở bên mẹ, trong lòng mẹ. Bởi có mẹ là có tất cả. Cách diễn tả “con lăn, lăn...” cùng tiếng cười “vỡ tan vào lòng mẹ” thật sáng tạo. Nhà thơ Ta-go đã dùng câu thơ cuối cùng, vừa kết thúc cuộc gặp gỡ và trò chuyện của bé với những người trong sóng, vừa là lời kết cho cả bài thơ:

Và không ai trên thế gian này biết mẹ con ta ở chốn nào.

Hạnh phúc là mẹ con mình bên nhau. Mẹ và con không thể và không bao giờ xa rời nhau. Câu thơ còn gợi ra ý tưởng: tình mẫu tử là thiêng liêng. Vâng, làm sao tìm được mẹ con ta trong muôn vàn tình mẫu tử ấy. Câu thơ còn gợi ra một lớp nghĩa sâu sắc nữa trong triết lí: “Hãy cảm nhận với những cảm đồ ngọt ngào! Và nếu rơi vào hoàn cảnh ấy, thì tình mẫu tử thiêng liêng sẽ giúp ta sức mạnh để cảnh tỉnh”. Qua những hình ảnh kì diệu của tự nhiên là mây và sóng tác giả đã vẽ lên một bức tranh thật đẹp về tình mẫu tử. Chính tình cảm mẹ dành cho con đã tạo nên một người con luôn nhớ đến mẹ của mình trong bất cứ hoàn cảnh nào. Quá trình nuôi dưỡng khó khăn nhọc nhằn để con không lớn chính là tình cảm bất diệt trong lòng con cái, đối với con cái ba mẹ chính là điểm tựa, là động lực thúc đẩy để con có niềm tin bước vào cuộc sống, là nguồn động viên khi con gặp thất bại và là niềm tự hào khi thấy con mình thành công. Nhà văn cũng muốn nhắn nhủ tới người đọc một chân lí không thể thay đổi đó là không có thứ gì có thể thay đổi được tình mẫu tử, đó là tình cảm thiêng liêng và vĩnh hằng.

Thi hào Ta-go từng nói: Bao giờ tôi cũng trẻ hay cũng già như người trẻ nhất và người già nhất trong làng. Nhờ đó, sự hóa thân thành em bé trong bài “Mây và sóng” như người trẻ nhất mà cũng già nhất để gửi gắm những thông điệp quý giá về tình yêu dành cho thế giới tâm hồn trẻ thơ, thế giới thiên nhiên và cuộc sống muôn vẻ xung quanh ta, đặc biệt là tình yêu dành cho người mẹ và tình mẫu tử thiêng liêng bắt từ trên đời này.

Dạng bài Nghị luận văn học văn xuôi

Bài 1 Cảm nhận về nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”.

Gợi ý làm bài

Nguyễn Dữ được biết đến là nhà văn xuất sắc của văn học trung đại Việt Nam. Trong sự nghiệp sáng tác của ông, có lẽ thành công nhất phải kể đến “Truyền kỳ mạn lục” trong đó có truyện ngắn “Chuyện người con gái Nam Xương”. Bằng tài năng sáng tạo tuyệt vời cùng tấm lòng nhân đạo, yêu thương con người tha thiết, Nguyễn Dữ đã khắc họa hình tượng nhân vật Vũ Nương tiêu biểu cho người phụ nữ trong xã hội phong kiến – đức hạnh, nết na nhưng số phận nghiệt ngã, bất hạnh.

Trước tiên, Vũ Nương là người phụ nữ mang nhiều phẩm chất tốt đẹp, vừa có nhan sắc, vừa có đức hạnh, “tinh đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”. Mặc dù con nhà nghèo lấy chồng giàu lại có tính đa nghi ít học nhưng do hiền lành, nết na lại thông minh, khéo cù xử nên nàng đã san bằng được khoảng cách “môn đăng hộ đối” – một quan điểm nặng nề của lẽ giáo phong kiến và giữ được không khí trong gia đình yên ấm, hạnh phúc “chưa từng xảy ra thất hòa”. Có thể nói cuộc đời nàng luôn làm tròn bổn phận của một người vợ hiền, một người dâu thảo, người mẹ hết mực yêu con. Vũ Nương, trong mối quan hệ với chồng, là người vợ hết lòng yêu thương và thủy chung son sắt. Trong buổi tiễn đưa chồng ra trận, nàng rót chén rượu đầy tiền chồng bằng lời lẽ dịu dàng, tha thiết: “Chàng đi chuyến này thiếp chả dám mong đeo được ấn phong hầu mặc áo gấm trở về quê cũ chỉ xin ngày về mang theo hai chữ bình yên thế là đủ rồi”. Đến đây, người đọc xúc động trước khao khát, ước mơ bình dị của Vũ Nương. Đằng sau niềm khao khát ước mơ ấy là cả một tấm lòng yêu thương chân thành, đằm thắm vượt ra ngoài cảm đỗ vật chất tầm thường “vinh hoa phú quý”. Yêu thương chồng, nàng mong mỏi ngày chàng bình yên trở về bởi hơn hết trong lòng nàng cái khát khao lớn nhất là được hưởng thú vui “nghi gia nghi thất”, vợ chồng sum họp, con cái đầy đàn. Khi Trương Sinh ở ngoài mặt trận, tình cảm của nàng luôn hướng về Trương Sinh. Hình ảnh “bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi” là hình ảnh thiên nhiên hữu tình gợi sự trôi chảy của thời gian đã khiến cho “nỗi buồn gốc bể chân trời không thể nào ngăn được”. Tác giả đã diễn tả thật tinh tế chân thực nỗi niềm nhớ nhung, mong mỏi kín đáo, âm thầm mà da diết của Vũ Nương. Suốt ba năm Trương Sinh đi vắng, nàng đã giữ gìn một tiết. “Tô son điểm phấn từng đã nguội lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hé bén gót” vẫn một lòng một dạ với chồng. Không chỉ vậy, Vũ Nương còn là một người con dâu hiếu thảo. Chồng đi lính xa nhà, nàng gánh vác mọi công việc gia đình, thay chồng phụng dưỡng mẹ già, nuôi dạy con thơ mà không một lời kêu than phàn nàn. Mẹ chồng ôm, “nàng hết sức thuốc thang, lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khéo khuyên lơn”. Đến khi mẹ mất, “nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như với cha mẹ đẻ mình”. Lời của mẹ chồng trước lúc lâm chung như một lời nhận xét, đánh giá, một phần thưởng xứng đáng với những công lao và sự hy sinh cao cả của nàng vì gia đình nhà chồng: “Xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ”. Với đứa con, nàng là người mẹ hết lòng yêu thương, chăm sóc dạy dỗ. Để con được vui, không cảm thấy thiếu thốn tình cha, nàng thường chỉ cái bóng trên vách và bảo đó là cha Đản. Bên cạnh đó, Vũ Nương cũng là người phụ nữ trọng nhân phẩm. Khi bị vu oan, nhân phẩm trong trắng bị xúc phạm nặng nề bởi nỗi nhớ thất tiết, nàng dứt khoát chọn cái chết để minh chứng cho tấm lòng trong sáng, thủy chung của mình. Yếu tố kỳ ảo được dùng đã làm hoàn thiện hơn vẻ đẹp của Vũ Nương, ta hiểu thêm nàng là người nhân hậu, bao dung, ở dưới thùy cung được sống đầy đủ sung sướng quan hệ giữa người với người tốt đẹp nhưng lúc nào nàng cũng đau đáu nhớ về gia đình, chồng con. Câu nói của nàng với Phan Lang khiến người đọc rung rụng nước mắt: “... Ngựa Hò gầm gió bắc, chim Việt đậu cảnh nam. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày”. Lẽ ra nàng có quyền căm thù nơi trần thế đã đẩy nàng vào cái chết oan khuất nhưng trái tim nàng không một chút oán hờn, vẫn nhân hậu vị tha, bao dung. Qua đây, người đọc cảm nhận được Vũ Nương là một người phụ nữ có phẩm chất đức hạnh.

dâu hiếu đáo. Đặc định và t được tín đưa chờn chờn tri thành côn là tri nhâ

Nguyi
phận đầy
sắp đặt, v
bao lâu tl
mong ng
hạnh của
hiếu đượ
Vũ Nươ
rung cuô
làm Truc
nỗi oan t
đời nàng
lại xót th

Tuy n
Vũ Nươ
ky đế đù
Nuong h
Nhưng n
hạnh phi
được nǚ
tố kỵ áo
manh, rá
này sẽ m

Khôn
càng lén
bát công
người ph
trong xã
từ tiền b
nghĩa co

Tóm
hiện niề
họ và có

Nhưng, thương thay, nàng Vũ Nương, người phụ nữ xứng đáng được hưởng hạnh phúc vì những phẩm chất tốt đẹp, những hi sinh to lớn, lại phải gánh lấy số phận oan nghiệt, nhiều bi kịch. Ngay từ đầu, cuộc hôn nhân giữa nàng với Trương Sinh, đã có phần không bình đẳng và mang tính chất một cuộc trao đổi, mua bán khi Trương Sinh *“xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về”*. Nàng có nhan sắc, có đức hạnh; nàng tốt đẹp biết bao nhưng phải lấy và chung sống với Trương Sinh - một người chồng thất học, hò đồ, vũ phu. Không chỉ có thế, người chồng đó lại còn có tính đa nghi đối với vợ lúc nào cũng “phòng ngừa quá sức”. Chỉ chàng ấy thôi, người đọc đã phần nào hiểu được cuộc sống tù túng, kìm kẹp, khổ sở của Vũ Nương mà không khỏi thương xót thay nàng. Đã vậy, số phận trêu ngươi, người chồng đi lính, nàng phải một mình gánh vác cả giang sơn nhà chồng trên đôi vai bé nhỏ. Nàng một mình vượt cạn, nuôi nấng, dạy dỗ con thơ khôn lớn, trưởng thành lại chăm sóc, thuốc thang, ma chay cho mẹ chồng một cách chu đáo. Chiến tranh qua đi, những tưởng ngày chồng trở về Vũ Nương sẽ được hưởng niềm hạnh phúc đoàn tụ, sum họp, “nghi gia nghi thất”. Thế nhưng, bi kịch xảy đến khi Trương Sinh nghe lời con trai thơ dại mà hảm oan vợ: “Trước đây có người đàn ông đêm nào cũng đến. Mẹ Đàn đi cũng đi, mẹ Đàn ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đàn cả”. Trương Sinh vốn là kẻ thất học, lại thêm “tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức”. Chính vì thế, chàng một mục “đinh ninh là vợ hư”, không còn đủ bình tĩnh để phán đoán, phân tích, bỏ ngoài tai những lời phản Trần của vợ và những người xung quanh, cũng nhất quyết không nói ra nguyên cớ để nàng có cơ hội minh oan. Vượt qua được mọi gian lao, vất vả trong chiến tranh để vẹn tròn phận vợ hiền dâu thảo nhưng Vũ Nương không thể vượt qua nỗi bức tường của chế độ nam quyền độc đoán, bất công, tàn bạo. Nhân phẩm mà nàng coi trọng nhất, quý giá nhất và ra sức giữ gìn thì nay lại bị xúc phạm nặng nề, có thể khẳng định nỗi đau mà nàng phải gánh chịu là quá lớn, nàng đã bị đẩy vào bước đường cùng vào vực thẳm của cuộc đời, để rồi phải chọn cái chết trong khi vẫn khao khát được hưởng hạnh phúc gia đình. Cái chết của Vũ Nương chính là tẩm bi kịch đau thương, là lời tố cáo đanh thép xã hội phong kiến bất công, vô lý, đã cướp đi quyền sống, quyền được hưởng hạnh phúc của con người.

Tóm lại, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ là một áng văn hay - tiêu biểu cho thể loại truyền kỳ và được người đời đánh giá là “thiên cổ kỳ bút”. Truyền vừa thể hiện số phận bi đát của người phụ nữ trong xã hội phong kiến vừa có ý nghĩa ca ngợi vẻ đẹp của lòng vị tha - tiêu biểu là hình ảnh Vũ Nương, qua câu chuyện người đọc càng cảm thấy giá trị cuộc sống của người phụ nữ trong xã hội ngày nay. Họ đang phấn đấu vươn lên làm chủ cuộc đời, làm chủ số phận và họ - những người phụ nữ hiện đại phải được sống bình đẳng, được mọi người tôn trọng như nam giới.

Bài 2 Phân tích giá trị nhân đạo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”

Gợi ý làm bài

Nhà văn Nga Sê-khôp từng nói: “Một nghệ sĩ chân chính phải là nhà nhân đạo từ trong cốt tủy”. Như vậy, có thể thấy, giá trị nhân đạo chính là một giá trị cốt lõi không chỉ làm nên sức sống của tác phẩm mà còn xác lập vị thế của nhà văn, nhà thơ. Có lẽ đó cũng chính là nguyên nhân khiến cho “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ trở thành tác phẩm bất hủ - một tác phẩm ánh lên tinh thần nhân đạo sâu sắc.

Giá trị nhân đạo là một giá trị cơ bản của những tác phẩm văn học chân chính được tạo nên bởi niềm cảm thông sâu sắc của nhà văn với nỗi đau của những con người, những cảnh đời bất hạnh trong cuộc sống. Đồng thời, nhà văn còn thể hiện sự nâng niu, trân trọng với những nét đẹp trong tâm hồn và niềm tin khả năng vươn dậy của con người dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào của cuộc đời.

Giá trị nhân đạo của “Chuyện người con gái Nam Xương” trước hết thể hiện ở thái độ trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp của Vũ Nương – một người phụ nữ bình thường trong xã hội phong kiến. Vũ Nương là nhân vật mang đầy đủ nét đẹp của người phụ nữ Việt Nam truyền thống theo quan niệm nho giáo (tam tòng, tứ đức), thùy mị, nét na. Đối với chồng, nàng đảm thắm, dịu dàng, thủy chung; đối với mẹ chồng, nàng làm tròn bốn phận của người con

dâu hiếu thảo, tận tình chăm sóc; còn đối với con, nàng hết mực yêu thương, là người mẹ hiền chăm sóc con chu đáo. Đặc biệt, một biểu hiện rõ nhất trong cảm hứng nhân văn là Nguyễn Dữ thể hiện khát vọng hạnh phúc gia đình và tình yêu đôi lứa của con người. Khi chồng, ở nhà, Vũ Nương hết lòng vun vén hạnh phúc gia đình, hiểu được tính đa nghi của chồng, nàng luôn “giữ gìn khuôn phép” chưa từng để vợ chồng phải dẫn đến thắt hỏa. Tiễn đưa chồng đi lính, nàng không mong chồng lập được công danh hiển hách, “mặc ám phong hầu” mà chỉ mong chồng trở về mang theo hai chữ “bình yên”. Như vậy, dưới ánh sáng của tư tưởng nhân văn, Nguyễn Dữ đã khá thành công trong xây dựng hình ảnh phụ nữ bình dân mang đầy đủ nét đẹp của người phụ nữ truyền thống. Đây là trị nhân đạo trong “Chuyện người con gái Nam xuong”.

Nguyễn Dữ càng trân trọng vẻ đẹp của Vũ Nương bao nhiêu, ông càng thể hiện sự đồng cảm, xót thương cho số phận đầy đau khổ, bi kịch của nàng bấy nhiêu. Ngay từ đầu, khi nàng được gả cho Trương Sinh đã là cuộc hôn nhân sắp đặt, vì “trăm lạng vàng hồi cưới”. Sau đó, khi về nhà chồng, chung sống hưởng cuộc sống gia đình chưa được bao lâu thì chồng nàng phải đi lính. Chờ chồng đăng đăng ba năm, gánh vác lo toan công việc nhà chồng chu toàn mong ngày trở về. Ấy vậy mà, khi Trương Sinh trở về, vì lòng ghen tuông lại tin lời đúra con thơ dại, nghi ngờ tiết hạnh của Vũ Nương. Bị hàm oan Vũ Nương hết lời thanh minh với chồng để cõi mối nghi ngờ. Họ hàng làng xóm hiểu được nỗi oan của nàng, can ngăn Trương Sinh nhưng không được, đến cả lời than khóc xót xa tột cùng của Vũ Nương “nay đã bình rơi trăm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió khóc tuyết bông hoa rụng cuồng kêu xuân, cái én lia đawan, nước thắm buồn xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa” cũng không làm Trương Sinh động lòng. Một con người trong trắng như Vũ Nương, nhân phẩm lại bị xúc phạm nặng nề bởi nỗi oan thất tiết buộc nàng phải tìm đến cái chết để giải oan cho mình. Qua đây, chuyện nói lên bi kịch của cuộc đời nàng là bi kịch cho cái đẹp phũ phàng, theo quan niệm “hồng nhan đa truân”. Đọc đến đây, độc giả phải dừng lại xót thương cho số phận đáng thương của Vũ Nương nói riêng và phụ nữ Việt Nam nói chung.

Tuy nhiên, với lòng yêu thương con người, Nguyễn Dữ không muốn một con người trong sạch cao đẹp như Vũ Nương phải chết oan khuất. Bằng sự sáng tạo của mình, tác giả đã mượn yếu tố kỳ ảo trong thể loại truyền kỳ để đưa Vũ Nương trở về rửa sạch nỗi oan giữa thanh thiên bạch nhật với vẻ đẹp còn lộng lẫy hơn xưa “Vũ Nương hiện về trên chiếc kiệu hoa giữa dòng sông, theo sau đó là năm mươi cờ tán vồng lộng rực rỡ đầy sông. Nhưng nàng được miêu tả khác với nàng tiên siêu thực, tuy sống dưới thủy cung nhưng nàng luôn khao hạnh phúc nơi trần thế và ngậm ngùi xót xa khi phải nói lời vĩnh biệt” “Thiép chẳng thể nào trở về nhân gian được nữa”. Chao ôi! Uớc mơ mãi là kì ảo, hiện thực vẫn quá đau lòng. Thông qua hình tượng Vũ Nương và yếu tố kỳ ảo trong truyện tác giả muốn gửi gắm bức thông điệp ý nghĩa nói người đọc: Hạnh phúc gia đình rất mong manh, rất dễ vỡ, nếu không biết giữ gìn, trân trọng thì khó có thể hàn gắn lại được. Và chắc chắn bức thông điệp này sẽ mãi khắc sâu trong lòng bạn đọc ở mọi thế hệ.

Không chỉ vậy, đau đớn trước bi kịch của Vũ Nương nói riêng và người dân nghèo nói chung, Nguyễn Dữ càng lên án tố cáo mạnh mẽ thế lực tàn ác đã chà đạp lên khát vọng của con người, tố cáo một xã hội phong kiến bất công với những hủ tục phi nghĩa: “trọng nam khinh nữ”, “đạo tòng phu” đã khinh rẻ, vùi dập phẩm chất của người phụ nữ, gây ra bao đau thương cho con người. Đồng thời, Nguyễn Dữ còn lên án thế lực đồng tiền bạc ác trong xã hội: Trương Sinh, kẻ vô học một lúc bỏ ra trăm lượng vàng để cưới Vũ Nương về. Hạnh phúc đánh đổi từ tiền bạc chứ không phải xuất phát từ tình yêu. Thời kỳ này, đạo lý đã bị suy vi, đồng tiền đã lầm đèn bạc tình nghĩa con người.

Tóm lại, “Chuyện người con gái Nam Xuong” là một thiên truyền kỳ giàu giá trị nhân đạo, Nguyễn Dữ đã thể hiện niềm cảm thông sâu sắc trước số phận người phụ nữ dưới chế độ phong kiến, tác giả thấu hiểu nỗi đau của họ và có tài xây dựng bi kịch của người phụ nữ.

ở Ngu
cuộc c
Buc
một cu
tuyên c
chạp l
vừa đá
ké hoạ
của ng
sự trở t
đi đốc
đánh n
vây kín
Hồi lấy
người a
voi di c

Với
Sơn, cũ
kiệt thò
về thời
tự hào c
người a
thức dâ

361

● Gọi

Tron
nước ch
biệt, làn
truyền c

Trước
Đó là m
nét. Nh
truyen li

Truy
Chợ Dài
trước kh
tình huô
huống. T
tính các
của làng
cắt rộn”
nơi khác

361.3 Cảm nhận về hình tượng người anh hùng áo vải Quang Trung trong văn bản “Hoàng Lê nhất thống chí”.

● Gợi ý làm bài

“Hoàng Lê nhất thống chí” là một cuốn tiểu thuyết lịch sử bằng chữ Hán được viết theo thể chương hồi do nhiều tác giả trong Ngô gia văn phái (Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du...) sáng tác. Đây là một bức tranh sâu rộng vừa phản ánh được sự thối nát, suy tàn của triều đình Lê Trịnh, vừa phản ánh được sự phát triển của phong trào Tây Sơn. Trong hồi thứ 14 của tác phẩm, hình tượng người anh hùng Quang Trung hiện lên thật cao đẹp với khí phách hào hùng, trí tuệ sáng suốt và tài thao lược hơn người.

Trước hết, Quang Trung là một con người hành động mạnh mẽ quyết đoán. Từ đầu đến cuối đoạn trích, Nguyễn Huệ luôn là con người hành động một cách xông xáo, nhanh gọn có chủ đích và rất quả quyết. Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long mất cả một vùng đất đai rộng lớn mà ông không hề nao núng “định thân chính cầm quân đi ngay”. Rồi chỉ trong vòng hơn một tháng, Nguyễn Huệ đã làm được bao nhiêu việc lớn: “tề cáo trời đất”, lên ngôi hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc...

Nổi bật nhất ở Quang Trung có lẽ phải kể đến vẻ đẹp trí tuệ sáng suốt và nhạy bén. Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị hùng hổ kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, vận mệnh đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”, Nguyễn Huệ đã quyết định lên ngôi hoàng đế để chính danh vị, lấy niên hiệu là Quang Trung. Việc lên ngôi đã được tính kỹ với mục đích thống nhất nội bộ, hội tụ anh tài và quan trọng hơn là “để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người”, được dân ủng hộ. Sự sáng suốt của Quang Trung thể hiện rõ nhất trong việc ông nhận định tình hình địch và ta. Qua lời dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ở Nghệ An, Quang Trung đã chỉ rõ “đất nào sao ấy, người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác”. Ông còn vạch rõ tội ác của chúng đối với nhân dân ta: “Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại dân ta, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi”. Quang Trung đã khích lệ tướng sĩ dưới quyền bằng những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập của cha ông ta từ ngàn xưa như: Trung nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành... Không những thế, Quang Trung đã dự kiến được việc Lê Chiêu Thống về nước có thể làm cho một số người Phù Lê “thay lòng đổi dạ” với mình nên ông đã có lời dụ với quân lính chí tinh, vừa nghiêm khắc: “Các ngươi đều là những người có lương tri, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng lên công lớn. Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai”. Ngoài ra, vua Quang Trung cũng là người vô cùng sáng suốt trong việc xét đoán bè tôi. Trong dịp hội quân ở Tam Điệp, qua lời nói của Quang Trung với Sở và Lân ta thấy rõ: Ông rất hiểu việc rút quân của hai vị tướng giỏi này. Đúng ra thì “quân thua chém tướng” nhưng ông hiểu lòng họ, sức mình ít không địch nổi đội quân hùng tướng hổ nhà Thanh nên đành phải bỏ thành Thăng Long rút về Tam Điệp để tập hợp lực lượng. Vậy Sở và Lân không bị trừng phạt mà còn được ngợi khen. Đối với Ngô Thì Nhậm, ông đánh giá rất cao và xây dựng Quang Trung như một vị quân sĩ “đa mưu túc trí”. Việc Sở và Lân rút chạy Quang Trung cũng đoán là do Nhậm bày mưu, vừa là để bảo toàn lực lượng, vừa gây cho địch sự chủ quan. Ông đã tính đến việc dùng Nhậm là người biết dùng lời khéo léo để dẹp việc binh đao.

Bên cạnh sự quyết đoán, sáng suốt; Quang Trung là người có tầm nhìn xa trông rộng. Mới khởi binh đánh giặc, chưa giành được tấc đất nào vậy mà vua Quang Trung đã nói chắc như đinh đóng cột “phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”. Ở những kẻ ngạo mạn, nông cạn đó là biểu hiện của sự tự phụ nhưng với Quang Trung vị tướng tài ba, cẩn trọng lại chứng tỏ sự tự tin, ý chí quyết chiến, quyết thắng kẻ thù. Đang ngồi trên lưng ngựa, Quang Trung đã nói với Ngô Thì Nhậm về quyết sách ngoại giao và kế hoạch 10 năm tái hoà bình. Đối với địch, vị vua anh minh hiểu rằng thắng việc binh đao không thể dứt ngay được vì xỉ nhục của nước lớn còn đó. Nếu “chờ 10 năm nữa ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh thì ta có sợ gì chúng”. Điều này

ở Nguyễn Huệ đã khẳng định rằng ông thực sự là một tài năng quân sự, một nhà mưu lược tài ba. Trong những cuộc chiến tranh phong kiến ở Việt Nam, hiếm có một vị tướng nào tính toán thâm tình và sâu xa đến vậy.

Bước vào cuộc chiến, nhà vua đã thể hiện tài dụng binh như thần, oai phong lẫm liệt. Nhà vua đã chủ trương một cuộc hành quân thần tốc. Ngày 25 tháng chạp xuất quân ở Huế; ngày 29 tới Nghệ An (350km qua núi đèo); tuyển quân, tổ chức đội ngũ, duyệt binh chỉ trong vòng một ngày; hôm sau ra Tam Đệp (150km). Đêm 30 tháng chạp lên đường ra Thăng Long. Và điều đặc biệt là tất cả đều đi bộ! Từ Tam Đệp trở ra (150km) vừa hành quân vừa đánh giặc. Ngày 5 Tết vào Thăng Long (trước đó, Quang Trung đã định liệu là ngày mùng 7, như vậy lại vượt kế hoạch hai ngày). Dù phải hành quân liên tục nhưng đội ngũ vẫn chỉnh tề. Điều này khẳng định tài cầm quân của người làm tướng chính là Quang Trung. Ông thân chính cầm quân không phải chỉ trên danh nghĩa mà thực sự trở thành linh hồn của quân đội khi trực tiếp chỉ huy chiến dịch, hoạch định, phương lược tiến đánh, cưỡi voi đi đốc thúc, xông pha l่าน tên mũi đạn. Dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy này, nghĩa quân Tây Sơn đã đánh những trận thật đẹp, thắng áp đảo kẻ thù: Bắt sống quân do thám ở Phú Xuyên để giữ bí mật, tạo bất ngờ; vây kín làng Hà Hồi, quân lính vây quanh đập rạn làm cho lính trong đòn sợ hãi đều xin hàng; công phá đồn Ngọc Hồi lấy ván ghép quấn rom ướt để tránh tên lửa của địch. Khí thế đội quân làm cho kẻ thù khiếp vía: Hình ảnh người anh hùng được khắc họa lẫm liệt: trong cảnh “khói tỏa mù trời, cách gang tấc không thấy gì” nhà vua “cưỡi voi đi đốc thúc” với tấm áo bào màu đỏ đã sạm đen khói súng.

Với sự hội tụ của cả tâm, tài, chí và dũng, Quang Trung xứng đáng trở thành linh hồn của cả nghĩa quân Tây Sơn, cũng là tinh thần dân tộc của con người thời bấy giờ. Đúng như Nguyễn Trãi nói: Dân tộc ta “anh hùng hào kiệt thời nào cũng có”. Họ là Lý Thường Kiệt, là Lê Lợi, là Nguyễn Trãi, và bấy giờ đến Quang Trung. Khác nhau về thời đại nhưng những người anh hùng ấy đều mang trong mình khí thế non sông, hồn thiêng sông núi, là niềm tự hào của cả một dân tộc, một đất nước, là những huyền thoại vĩ đại để con người đời sau nhớ về. Hình tượng người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ đã nhắc ta nhớ về một thời đại vàng son trong lịch sử dân tộc, tăng thêm ý thức dân tộc, tự nhắc mình phải tiếp bước cha ông trên con đường xây dựng, bảo vệ đất nước.

Bài 4 Phân tích tình huống truyện độc đáo trong truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân.

Gợi ý làm bài

Trong văn học không phải tác phẩm nào ra đời cũng để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc tựa như dòng nước chảy qua để lại lớp phù sa màu mỡ. “Làng” của Kim Lân là một trong số ít những tác phẩm như vậy. Đặc biệt, làm nên thành công của truyện ngắn không thể không kể đến thành công trong việc xây dựng tình huống truyện của Kim Lân.

Trước hết, tình huống truyện được hiểu là sự kiện đặc biệt của đời sống được nhà văn sáng tạo theo lối lật hóa. Đó là môi trường, hoàn cảnh để nhân vật xuất hiện, tính cách phát triển và dụng ý của nhà văn được bộc lộ sắc nét. Nhà văn Nguyễn Minh Châu từng khẳng định ý nghĩa to lớn của tình huống truyện khi nói: “Tình huống truyện là lát cắt của thân cây mà qua đó ta thấy được trăm năm đời thảo mộc”.

Truyện ngắn “Làng” xoay quanh sự việc ông Hai – nhân vật chính của truyện - nghe được tin đồn làng Chợ Dầu theo giặc và tâm trạng của ông. Chính vì thế tình huống trong tác phẩm cũng chia làm ba giai đoạn: trước khi ông Hai nghe tin, khi ông Hai nghe tin làng mình theo giặc và sau khi nghe tin cai chính. Trong mỗi tình huống, nhân vật ông Hai bộc lộ những suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của mình thông qua việc xử lý các tình huống. Trước khi nghe tin làng theo giặc, ông Hai là một người nông dân với những suy nghĩ khá hồn nhiên và tính cách khá đặc biệt. Ông yêu làng nên đi đâu cũng khoe về cái làng của mình, ông tự hào và yêu tất cả mọi thứ của làng Chợ Dầu nên khi tình huống phải di tán cư xảy ra, ông Hai vẫn còn rất quyền luyến cái nôi “chôn rau, cắt rốn” của mình. Rời xã làng, ông vẫn luôn theo dõi tin tức kháng chiến và hỏi thăm tình hình những người ở nơi khác đến. Đặc biệt, với tình huống thứ hai sau khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc, nhân vật ông Hai bộc

Thượn
khoé k
đang tr
Tinh
đã tự n
về cái l
nghe c
mình, r
những i
xé hào,
Chỉ cần
dù có g
ông Hai
ức, một
“Ông H
đẹp đẽ,
khát mă
với làng

Tinh
đã rát th
lại, da m
không q
đàn bà tí
cái làng ;
Ông khôi
cái tin n
Bèu thì đ
áy. “Chac
chí tượng
niềm tự h
Mà ông I
“Lại còn
Nếu lúc t
nhiều. Cá
đám đông
tưởng nh
Việt gian,
suy nghĩ q
ám ảnh và
biết chừng
hoàn cảnh
móc nói m
làng vốn đ
sâu đậm v

lộ sâu sắc tinh cảm của mình. Từng hành động, cử chỉ, lời nói của ông trong mỗi hoàn cảnh, thời gian, địa điểm là một sự tui hổ, nhục nhã, xót xa, đau đớn, dằn vặt và cuối cùng đi đến quyết định vô cùng khó khăn “Làng thi yêu thật nhưng làng đã theo Tây mất rồi thì phải thử”. Một người đã từng yêu làng hơn bất cứ thứ gì, đã từng tự hào về làng mà bây giờ lại phải thất vọng, đau khổ để quyết định “thử” làng. Tình huống này đã làm cho người đọc cảm nhận sâu sắc con người của nhân vật ông Hai. Nhưng Kim Lân không chỉ dừng lại đó mà còn muốn nói một điều gì “mới mẻ hơn” khi tạo ra tình huống thứ ba là ông Hai nghe được tin cai chính. Một niềm vui bất ngờ, ông Hai như một con người đang chết mòn chết mỏi bây giờ được hồi sinh lại. Ông mua quà cho con và lại theo thói quen sang nhà bác Thứ để khoe tin mừng. Con người ấy vẫn mộc mạc, chân thực, đáng yêu và đáng quý biết bao. Tình huống đã khẳng định một điều trong con người ông Hai, tình yêu làng của ông Hai đã hòa quyện, thống nhất với tình yêu nước, tình yêu kháng chiến, yêu Cụ Hồ. Có thể nói, ở mỗi tình huống, nhân vật ông Hai đều bộc lộ những phẩm chất cao đẹp, rất “người” của mình. Điều đó cũng khẳng định thành công trong việc xây dựng tình huống truyện của nhà văn Kim Lân.

Với đóng góp không nhỏ trong việc xây dựng tình huống truyện của Kim Lân, nhân vật ông Hai hiện lên với những phẩm chất cao đẹp, với tình yêu làng mộc mạc, giản dị mà sâu nặng hòa quyện với tình yêu đất nước. Vẻ đẹp tâm hồn của ông Hai tiêu biểu cho những người nông dân Việt Nam có ý thức giác ngộ cao, tha thiết yêu quê hương, Tổ quốc. Nói cách khác, quê hương – Tổ quốc đối với mỗi người Việt Nam luôn gắn bó trong niềm tự hào nồng thắm!...

Như vậy, tình huống truyện đã làm cho truyện ngắn “Làng” trở thành một đóa hoa có đủ hương, đủ sắc trong vườn hoa văn học để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Qua đây, Kim Lân đã đưa nhân vật ông Hai trở thành người nông dân điển hình trong kháng chiến chống Pháp với tình yêu quê hương thống nhất trong tình yêu đất nước.

Bài 3 Ánh tượng sâu sắc của em về nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân.

Gợi ý làm bài

Truyện ngắn “Làng” là một tác phẩm nổi tiếng của nhà văn Kim Lân viết về người nông dân trong kháng chiến. Có thể nói, nhân vật chính của tác phẩm – ông Hai là điển hình cho người nông dân Việt Nam những ngày đầu tiếp xúc với cách mạng. Ở nhân vật, người ta có thể dễ dàng cảm nhận được sự chất phác, mộc mạc đặc biệt là tình yêu làng, yêu nước sâu sắc.

Ông Hai là một người nông dân nghèo khổ, chất phác. Như bao số phận người nông dân trong kháng chiến thì cuộc đời của ông cũng trải qua những sóng gió, những đau khổ và tuyệt vọng. Sóng trong hoàn cảnh ấy càng thôi thúc tình yêu làng, yêu nước của ông. Tình yêu làng sâu sắc của ông được thể hiện trong nét đẹp tâm hồn, trong chính con người, chính cá tính của ông. Vì sóng gió vì chiến tranh nên ông phải lang thang phiêu bạt, rời xa làng, xa ngôi nhà của mình. Nhưng dù cho cuộc sống đầy những tăm tối, khổ cực thì ông vẫn yêu làng, dù rời xa làng quê nhưng ông vẫn luôn nhớ, luôn dõi theo làng của ông.

Trước hết, tình làng của ông Hai được thể hiện qua tính hay khoe. Không như người ta khoe của, khoe sự giàu có, cái ông Hai khoe chính là về làng của ông. Ông lão khoe làng với tất cả niềm hân diện: “Ông nói về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường. Hai mắt ông sáng hẳn lên, khuôn mặt biến chuyển hoạt động”. Trước Cách mạng, ông Hai hay khoe làng ông có “cái sinh phần của viên tổng đốc” có bề dày truyền thống, có cảnh đẹp nổi tiếng cả vùng. Tất cả những gì thuộc về làng đối với ông Hai đều thiêng liêng gắn bó. Do đó, mặc dù cái sinh phần đã gieo rắc cho ông, cho bao người khác tai họa song ông vẫn cảm thấy tự hào. Dường như trong tâm trí ông Hai, cái sinh phần đó là sức lực của cả làng và có một chút rất riêng của bản thân ông. Tình yêu làng của ông Hai thật giản dị, chất phác. Sau Cách mạng, ông vẫn khoe làng mình nhưng ông khoe làng mình có cái “nhà thông tin rộng rãi”, “có chòi phát thanh”, khoe làng mình giàu có, trù phú... Ông không khoe cái sinh phần cũ

Thượng nữa, bởi bây giờ ông đã hiểu được nhiều điều. Ông đã được tiếp xúc với cách mạng, với đấu tranh, vẫn khoe làng, vẫn là tình yêu làng của con người chất phác, hiền lành, song trong tình yêu làng có một tình cảm khác đang trỗi dậy, lớn mạnh hơn, cao cả hơn, thiêng liêng hơn.

Tình yêu làng thể hiện qua nỗi nhớ sâu sắc gần như trở thành ám ảnh ở ông Hai khi phải đi tản cư, xa quê. Ông đã tự nhủ với bản thân rằng đi tản cư cũng là kháng chiến. Ở nơi tản cư, tối nay đến tối khác, ông nói đi nói lại về cái làng của mình. Kim Lân điểm nhịp câu chuyện bằng những lời trách móc ông hàng xóm nhăng ý không nghe chuyện, nhưng kỳ thực là để cho ta thấy rằng ông Hai không thực sự cần bác Thứ nghe, ông nói cho chính mình, nói để cho sướng miệng và cũng để thỏa nỗi nhớ làng. “Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. [...] Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xé hào, khuân đá.” Những ký ức về làng xưa, xóm cũ trở thành niềm an ủi, động viên ông Hai mỗi khi chán nản. Chỉ cần được ở lại làng, cùng chiến đấu với anh em thì như có một luồng sinh lực mới chảy dồi dào trong ông, và dù có gian khổ, khó nhọc, nguy hiểm đến bao nhiêu ông cũng chịu được. Hình ảnh đó hoàn toàn trái ngược với ông Hai lúc nào cũng buồn chán, bức bối, không biết làm gì trong căn bếp tản cư. Thế nhưng đó cũng chỉ là hồi ức, một hồi ức troi vui và đầy tự hào đến nỗi mỗi khi nhớ lại, trong ông lại trào dâng một nỗi khôn nguôi: “Ông Hai nhớ cái làng, nhớ cái làng quá”. Với ông, ngôi làng vốn đã là một điều gì đó vô cùng thiêng liêng và đẹp đẽ. Nay ở trong căn bếp tản cư chật hẹp, cái làng ấy lại càng đẹp hơn, trở thành một niềm mong ước, khao khát mãnh liệt. Điều đó hoàn toàn không phải phóng đại. Tâm sự của ông Hai là tâm sự của một người gắn bó với làng tha thiết, yêu làng bằng một niềm tự hào chân chính.

Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai đặc biệt thể hiện rõ rệt khi ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. Kim Lân đã rất thành công khi miêu tả nỗi đau đớn tột cùng của ông Hai khi nghe được cái tin sét đánh: “Cô nghẹn đắng lại, da mặt tê rần rần. Ông lão lặng đi tưởng chừng như không thở được”; “nước mắt ông cứ giàn ra”... Giả ông không quá yêu làng, không quá tự hào về làng thì có lẽ ông đã không đau khổ, tủi nhục đến vậy. Lời của người đàn bà tản cư - “Cà làng chúng nó Việt gian theo Tây” như nhát dao găm vào trái tim ông, vào niềm tự hào về cái làng mà ông yêu vô cùng. Tất cả những gì ông trân trọng giữ gìn trong tim giờ đây như đều sụp đổ tan tành. Ông không chấp nhận được sự thật ấy và đấu tranh nội tâm dữ dội. Lúc đầu là nghi ngại (“Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được?”), nhưng sau đó là đau đớn khi được biết những bằng chứng rõ ràng (“Mà thằng chánh Bèu thì đích là người làng không sai rồi”). Phải thừa nhận cái tin đó, không thể nào tả được nỗi đau của ông lúc ấy. “Chao ôi! Cực nhục chưa, cà làng Việt gian!” Có lẽ trong đời mình, ông Hai chưa từng chịu đựng hay thậm chí tưởng tượng được một nỗi đau, nỗi nhục như thế. Những tiếng ấy như thót lên từ trái tim bị tổn thương, từ niềm tự hào bị chà đạp của ông, khiến người đọc cũng như cảm nhận được nỗi xót xa, tủi nhục của ông lúc ấy. Mà ông Hai đâu chỉ đau cho mình, đau cho làng, mà ông còn đau cho những người đồng hương, đồng cảnh ngộ. “Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?” Nếu lúc trước ông tự hào, ông thao thao bất tuyệt về làng mình bao nhiêu thì bây giờ ông xấu hổ, trốn tránh bấy nhiêu. Cái tin đồn quái ác kia trở thành một nỗi ám ảnh, một nỗi sợ vô hình luôn đè nặng lên tâm trí ông. “Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dám bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nom nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam-nhông... là ông lui ra một góc nhà, nín thở. Thôi lại chuyện ấy rồi!”. Lê thường tình, khi người ta suy nghĩ quá nhiều về một điều gì đó, lúc nào ta cũng có cảm tưởng những người khác cũng như vậy. Thế thi nỗi ám ảnh và lo sợ của ông Hai phải lớn đến chừng nào để ông bị dồn vặt tới vậy! Lòng yêu làng của ông phải lớn biết chừng nào! Kim Lân đã diễn tả rất cụ thể và sâu sắc tâm trạng nặng nề ấy, vì bản thân tác giả cũng từng gặp hoàn cảnh tương tự. Ông Hai đã trải qua những giờ phút không thể đau đớn và tủi hổ hơn khi bị mụ chủ nhà nói móc nói máy để đuổi khéo. Người đọc như cảm nhận được từng lời, từng chữ của mụ như xoáy sâu vào tình yêu làng vốn đã quá tổn thương của ông. Dù đã dứt khoát đi theo kháng chiến, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm sâu đậm với làng quê, và vì thế mà ông càng đau xót, tủi hổ hơn.

Bên cạnh tình yêu làng, ở nhân vật ông Hai có là lòng yêu nước và tinh thần kháng chiến. Ông luôn theo sát tin tức kháng chiến và tự hào về những chiến công mà nhân dân ta đã lập nên. “Ruột gan ông lão cứ múa cǎ lên, vui quá!” Nhưng đến khi phải lựa chọn giữa làng và nước, tình yêu ấy mới bộc lộ rõ rệt. Dù bị tin đồn làng mình theo Tây dồn vào “tuyệt đường sinh sống”, ông vẫn nhất quyết không trở về làng. Đến đây, ta mới hiểu rõ về con người hay chuyện tưởng chừng rất đơn giản, bộc trực kia. Tình yêu làng giờ đây đã trở thành tình yêu có ý thức, hòa nhập và lòng yêu nước. “Về làm gì cái làng ấy nữa. Về làng là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ”. Nhớ lại những tháng ngày đen tối bị đàn áp xưa kia, ông đã có quyết định rõ ràng, đúng đắn. Là người nông dân chân lấm tay bùn nhưng ông Hai có nhận thức cách mạng rõ ràng: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Nhận thức rất mới này là một nét đặc biệt trong tính cách của ông Hai, đánh dấu sự thay đổi của người nông dân sau Cách mạng tháng Tám. Ông luôn muốn được giải bày nỗi lòng áy của mình. Tuy nói chuyện với đứa con, nhưng thực chất ông đang mượn lời đứa trẻ để bày tỏ tâm sự. Những gì đứa trẻ nói chính là những gì đang dâng trào trong lòng ông mà không nói ra được. “Ú đúng rồi, ủng hộ Cụ Hồ con nha.” Ông Hai nói với đứa con như thể nói với anh em đồng chí, để minh oan cho tấm lòng thành thật của mình, để nỗi khổ tâm trong lòng như voi đi được đôi phần. Lòng yêu nước của ông thật giản dị nhưng vô cùng chân thành, sâu sắc và cảm động. Chính điều ấy đã giúp ông chịu đựng được tin đồn quái ác về làng mình, vì ông có niềm tin vào cách mạng, vào kháng chiến. Từ đây, ông Hai nói riêng hay người nông dân nói chung, đã nhìn rộng hơn, xa hơn lũy tre làng. Không chỉ yêu làng, trong ông còn có một tình yêu lớn gấp nhiều lần - lòng yêu nước.

Khi tin đồn thất thiệt về làng chợ Dầu theo Tây được cải chính thì người vui mừng, sung sướng nhất chính là ông Hai. Ông như được hồi sinh sau cái tin ấy: “Cái mặt buồn thù mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên”. Một lần nữa, tình yêu làng, yêu nước của ông được thể hiện một cách chân thực, cảm động. Nguồn sinh lực ngày nào lại trở về trong ông. Ông Hai lại là ông Hai xưa. Ông lại nói về làng mình, về việc “Tây nó đốt nhà tôi rồi, đốt nhẫn!” Niềm vui sướng của ông được thể hiện thật hồn nhiên, chân thật và rất mãnh liệt. Có lẽ không ai trên đời lại đi khoe, đi mừng việc nhà mình bị đốt như thế. Nhưng, với ông Hai, điều đó đâu có là gì so với niềm vui khi thanh danh của làng được rửa. Vì sự mất mát ấy cũng là sự hồi sinh của một làng Chợ Dầu mà ông hằng yêu và xứng đáng với tình yêu ấy: làng Chợ Dầu kháng chiến. Tình yêu làng là cơ sở, là biểu hiện hùng hồn nhất của tình yêu nước trong ông Hai.

Truyện ngắn “Làng” đã xây dựng thành công nhân vật ông Hai, đặc biệt qua tình huống truyện có tính căng thẳng để thử thách nhân vật. Qua tình huống, chiêu sâu của nhân vật với những nét tính cách, những chuyển biến trong nhận thức và tình cảm của ông, và hon hết là tình yêu làng, yêu nước tha thiết được bộc lộ rõ nét. Nhà văn cũng vô cùng thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, khi thì miêu tả cử chỉ hành động, khi thì độc thoại nội tâm, độc thoại, đối thoại để lột tả tính cách nhân vật. Ngôn ngữ kể chuyện rất linh hoạt, tự nhiên, lúc dèn dèn, lúc đột ngột tùy theo diễn biến. Bên cạnh đó, tác giả vốn am hiểu cuộc sống nông thôn nên ngôn ngữ của ông Hai là khẩu ngữ, rất bình dị và gần gũi, đậm chất nông dân. Với nhân vật ông Hai, Kim Lân quả thực rất xứng đáng là một cây bút “quý hòe tinh, bất quý hòe da”.

Nguyễn Đình Thi từng viết rằng: “Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.” Truyện ngắn “Làng” đã được viết nên từ những điều nhà văn từng trải nghiệm, khắc họa một cách chân thực nhất những tháng ngày đi tàn cu của nhân dân miền Bắc trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, cũng như những chuyển biến trong nhận thức và tình cảm của họ. Thông qua nghệ thuật xây dựng tình huống truyện và miêu tả tâm lí, ngôn ngữ nhân vật, Kim Lân đã mang đến cho bạn đọc hình tượng nhân vật ông Hai với tình yêu làng quê và lòng yêu nước sâu đậm, thiết tha.

Bài 6 Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

Gợi ý làm bài

Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long là câu chuyện đẹp, nhẹ nhàng và bình dị về cuộc sống của những “người hùng thầm lặng” trong thời kỳ xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Dù được miêu tả ít hay nhiều, nhân vật nào của “Lặng lẽ Sa Pa” cũng hiện lên với nét cao quý đáng khâm phục. Trong đó, nổi bật lên là nhân vật anh thanh niên với tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; sự cởi mở hiếu khách và đức tính khiêm tốn khiến cho nhiều người cảm phục không thôi.

Trước tiên, anh thanh niên đẹp ở tâm lòng yêu đời, yêu nghề và tinh thần trách nhiệm cao với công việc lâm gian khổ của mình. Trong lời giới thiệu với ông hoạ sĩ già và cô gái; bác lái xe gọi anh là “người cô độc nhất thế gian”. Anh thanh niên trẻ, 27 tuổi; tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ. Vốn cả anh và bố từng cùng viết đơn xin đi lính nhưng kết quả là bố anh được đi lính, còn anh thì không - một nhân duyên để đưa anh đến với công việc hiện tại. Anh là cán bộ làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, thời tiết giá lạnh quanh năm, “bốn bề chỉ cây cỏ lạnh lẽo và thưa vắng người”. Nhiệm vụ của anh là “đo gió, đo nắng, đo mưa, đo chấn động địa cầu” - một công việc đòi hỏi sự kiên trì, cần thận chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao. Trong công việc, anh không ngại khó, ngại khổ dám mình trong “mưa tuyết”. Anh kể rằng “Gian khổ là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng... Ở đây có cả mưa tuyết đây”, rồi “ngọn đèn bão vặt to cỡ nào cũng không đủ sáng”, “gió tuyết và lặng im ở bên ngoài chỉ đợi mình ra là ào ào xô tới”. Anh thanh niên kể về sự lặng im lúc một giờ sáng đó mới thật đáng sợ “nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như nhát chổi lớn muôn quét đi tất cả, ném vứt lung tung”. Công việc của anh trên đỉnh núi Yên Sơn vất vả cực nhọc như thế đấy. Một giờ sáng, khi mà người ta còn đang say giấc ngủ, anh phải tinh dậy vượt cái gió, cái lạnh, bão tuyết và sự lặng im đến rợn người của núi rừng hoang vu để hoàn thành công việc. Anh kể “những lúc im lặng lạnh cóng mà lại như hừng hực cháy”. Có lẽ, cái điều làm anh không ngại khó ngại khổ, vượt qua tất cả mọi cản trở chính là cái sự hừng hực ấy, cái nhiệt tình, bản lĩnh và sống hết mình của sức trẻ. Anh cũng thành thật tâm sự: “Khi ta làm việc ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?” Anh hiểu rõ: “Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”. Anh đã phủ nhận, phản bác lại ý kiến của mọi người cho rằng mình là “người cô độc nhất thế gian” bởi theo anh, công việc chính là bạn, công việc của anh giúp cho bà con ta lao động năng suất, làm nên niềm vui. Bên cạnh đó, anh luôn có những đồng nghiệp song hành kề bên, thì không thể nói là anh một mình được. Anh hạnh phúc khi biết việc phát hiện đám mây khô của mình góp phần làm cho không quân ta hạ được bao nhiêu pháo lực Mĩ trên cầu Hầm Rồng. Chính vì thế, anh thấy yêu mến và cảm nhận rõ ý nghĩa công việc mình làm hơn.

Trái lại với suy nghĩ về một anh chàng độc thân thường xuề xòa, luộm thuộm, “khách tới bất ngờ chắc cù cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chằng hạn” lại là một anh chàng với nếp sống khoa học, ngăn nắp; lối sống giản dị, yêu đời, chan hòa với thiên nhiên. Chỗ ở tuy nhỏ nhưng được sắp xếp gọn gàng, đủ dùng. Cuộc đời riêng của anh thu gọn lại một góc gian trại phòng với những đồ dùng cần thiết: Một chiếc giường con, một bàn học, một giá sách, đủ để phục vụ cuộc sống sinh hoạt giản dị nhưng phong phú của anh. Cuộc sống của anh phong phú, đầy màu sắc thú vị. Anh nuôi gà, trồng hoa, đọc sách, thỉnh thoảng anh xuống đường tìm gặp bác lái xe cùng hành khách để trò chuyện cho voi bót nỗi nhớ nhà. Biết bao loài hoa đã được khoe sắc bởi bàn tay khéo léo chăm chút của anh: hoa đơn, hoa thược dược đủ màu tím, đỏ, hồng phấn... Một không gian sống ngập tràn màu sắc thiên nhiên, thật đáng sống! Nó phản ánh về một chủ nhân có tâm hồn phong phú, chan hòa với thiên nhiên. Điều này đã khiến cho hai vị khách đi từ ngạc nhiên đến trầm trồ, thích thú về chàng thanh niên đặc biệt này.

Ngoài ra, anh thanh niên còn là một người hết sức khiêm tốn, tình cảm chân thành, cởi mở, bộc trực đáng quý. Anh tự nhận bản thân mình chưa có gì đặc biệt và xứng đáng với những lời khen của mọi người và chặn ngay ý định về chân dung mình. Theo anh, còn có nhiều những tấm gương đáng khâm phục ngợi ca khác mà mình phải học hỏi, cũng như mọi người cần phải biết tới họ. Đó là bác kĩ sư vườn rau cần mẫn nghiên cứu, tìm tòi ra giống su hào chất lượng: cù to, ngọt, phục vụ nhân dân toàn miền Bắc; là anh bạn đồng nghiệp làm công tác khí tượng, một mình cheo leo trên đỉnh núi Phan-xi-păng cao 3143m; hay như đồng chí nghiên cứu khoa học luôn trong tinh thần và tư thế sẵn sàng để lập nên bản đồ sét, phục vụ việc khai khoáng được thuận lợi. Theo anh, đó mới chính là những người thật, việc thật đáng để cho bác in nét chì trên khuôn giấy trắng kia. Còn gì trân quý hơn một anh chàng trẻ tuổi, độc thân nhưng lại sống không vị kỷ, biết quan tâm và chia sẻ với những người xung quanh. Chỉ là một lần nghe nói vợ bác họa sĩ già bị ốm và ngay lần gặp sau, anh đã có chút tam thát - tự tay đào, làm quà biếu cho bác gái. Tình tế và tâm lí lắm với hành động chạy nhanh về nhà, nhanh tay cắt những cành hoa tươi tắn, gộp lại thành bó hoa tươi tặng cho cô gái. Qua việc tiếp đón và trò chuyện với bác họa sĩ và cô kĩ sư, ta có thể thấy được anh thanh niên hiếu khách và nồng hậu đến nhường nào. Liên hồi tự chia sẻ về bản thân, công việc, không gian sống và mong được nghe chuyện bà con ta dưới miền xuôi; cuồng quýt và tiếc nuối khi chỉ còn năm phút nữa là các vị khách phải lên đường; “Trời ơi chỉ còn có năm phút!”. Anh bộc trực đến nỗi toàn nói to ra những điều mà người ta chỉ dám nghĩ thầm trong bụng, cũng là những điều mà người khác ít nghĩ. Bác họa sĩ già thích thú và thấy anh là “người con trai đáng yêu thật nhưng làm cho ông ngạc quá”. Bởi lẽ truyền được tất cả nét cá tính, phẩm chất đặc biệt kia của anh vào một bức chân dung quả là một điều không hề dễ dàng và với một người nghệ sĩ chân chính thì đó là một sự trân trọng.

Vượt lên trên những tính cách đáng yêu, phẩm chất tuyệt vời kia là một khao khát mãnh liệt đến cháy bỏng: Sóng có ích, được hòa mình góp sức với cộng đồng, tập thể, đất nước. Đó là lí do vì sao anh luôn cảm thấy “thèm người”. Sóng và làm việc trong một hoàn cảnh đặc biệt như thế, ít có điều kiện tiếp xúc với mọi người đã khiến cho anh “thèm người”. Thèm để trò chuyện, chia sẻ tâm tư; để lắng nghe và nắm bắt tình hình bà con ta dưới xuôi làm ăn như thế nào. Một loạt những “chiêu trò” tinh nghịch, đáng yêu của anh được bày ra. Lấy thân cây chắn ngang giữa đường để các đoàn xe phải dừng lại, khệ nệ xử lý vật chướng giữa đường. Mỗi lần hẹn gặp gỡ, mặc cho bác lái xe bấm còi inh ỏi thì anh vẫn không xuất hiện, để bác phải đích thân lên chỗ anh ở tìm gặp. Toàn là những cái cớ để anh có dịp được gặp người và bắt chuyện. Quan trọng hơn cả, thông qua việc anh chọn lựa công việc khí tượng vì thấy rõ được ý nghĩa của nó góp phần phục vụ đất nước đã là một biểu hiện cốt lõi của sự hòa nhập, lắn xả. Đó là những biểu hiện của một tinh thần sôi nổi tuổi trẻ, tinh thần nắm bắt và cống hiến cho cuộc đời. Là nhân vật chính nhưng không được đặt tên riêng mà được gọi chung là anh thanh niên. Điều này có ý đồ của tác giả, nhằm tạo nên tính biểu tượng và đại diện. Rằng anh chỉ là một trong số những thanh niên đương thời nói riêng và của cả những con người sống trong thời kì đó nói chung. Trong những năm tháng miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội đó còn có biết bao những anh thanh niên mang trong mình những tính cách và phẩm chất đáng quý như vậy. Có thể nói nhân vật anh thanh niên đã truyền cảm hứng sống tích cực đến những người trẻ tuổi trẻ lòng. Đó là quan điểm sống có ích, cống hiến hết mình với những năm tháng thanh xuân sôi nổi để khởi đầu “sống những năm tháng sống hoài sống phí”; để nhận thức và đề cao vai trò khẳng định bản thân:

Nếu là con chim chiếc lá
Thì chim phải hot, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không trả
Sóng là cho, đâu chỉ nhận riêng mình

(Tô Hữu)

Như vậy, anh chính là hình ảnh tiêu biểu cho những con người lao động mới đặc biệt là thế hệ trẻ Việt Nam trong những năm 70 cuối thế kỷ XX. Cuộc sống đẹp đẽ và sự cống hiến, hi sinh thầm lặng của anh khiến ta trân

trọng
luyện

N
của
bút i
cuột
E
bởi
việc
đặc l
rõ rệ
mây
S
vậy,
chất
tinh
xua,
khỏi
tiên,
Ánh
miêu
cả c
bé n
chiế
Khu
bắt ;
Sa I
nhiê
Sa F
như
hư ă
một
T
về d
cao
con
nhiê
tron
miê
con

trọng và cảm phục. Câu chuyện cũng chính là lời nhắc nhở thế hệ trẻ chúng ta hôm nay cần cố gắng tích lũy, rèn luyện để sống có ích cho bản thân, cho xã hội và được mọi người yêu mến, quý trọng.

Bài 7 Phân tích vẻ đẹp thiên nhiên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

Gợi ý làm bài

Nguyễn Thành Long không phải nhà văn có thể mạnh trong miêu tả cảnh vật, nhưng đôi khi, trong tác phẩm của ông, ta vẫn bắt gặp những khung cảnh thiên nhiên hết sức độc đáo, thu hút. Trong “Lặng lẽ Sa Pa”, dưới ngòi bút nhẹ nhàng của Nguyễn Thành Long, bức tranh thiên nhiên Tây Bắc hiện lên vừa thơ mộng trữ tình, vừa cuốn cuộn sắc màu hoang dã gây ấn tượng vô cùng sâu sắc.

Đã từ lâu, Sa Pa được biết đến là một thị trấn vùng cao nhỏ của tỉnh Lào Cai. Nơi đây thu hút khách du lịch bởi vẻ đẹp của rừng núi êm đềm, thơ mộng và không khí trong lành. Nhìn đề tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa” ngoài việc nhấn mạnh đến hình ảnh những con người đang ngày đêm công hiến lặng lẽ ở Sa Pa còn gợi lên ấn tượng đặc biệt về một vùng đất hoang sơ, lặng lẽ mà không hiu quạnh. Ở đó, dấu ấn của cuộc sống hiện đại, xô bồ chưa rõ rệt; tất cả gần như vẫn nằm im lìm trong những thung lũng ngập màu xanh của lá, màu tươi tắn của cỏ hoa với mây mù bồng bềnh.

Sa Pa hiện lên trong truyện ngắn của Nguyễn Thành Long chủ yếu qua điểm nhìn của ông họa sĩ. Chính vì vậy, thiên nhiên Sa Pa hiện lên không chỉ mang cái đẹp tự thân của cảnh mà còn có là cái đẹp sống động, đầy chất thơ qua cảm nhận của một tâm hồn nghệ sĩ. Nổi bật của thiên nhiên Sa Pa trước hết là ở vẻ thơ mộng, trữ tình của vùng núi cao có mây, nắng, sương, rừng cây. Mây ở đây hiện ra mang một vẻ đẹp kì thú: mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá uốn sương, rơi xuống đường cái, luồn cà vào gầm xe làm cho không gian ở đây trở nên mát lạnh, mờ ảo. Đường như, vạn vật giữa mênh mông mây trắng trở thành chốn thần tiên, không vấy bụi trần. Nắng ở Sa Pa cũng thật là đẹp. Nắng đem lại cho Sa Pa một vẻ đẹp rực rỡ và bất ngờ. Ánh nắng dường như sáng dần lên trong khung cảnh thiên nhiên. Cái nắng chói chang được Nguyễn Thành Long miêu tả như “đốt cháy rừng cây” và cái nắng vào cuối buổi trưa lại gay gắt hơn “ánh nắng như phu khớp, mạ bạc cá con đèo”. Với thủ pháp nhân hóa thú vị, Sa Pa hiện lên với cả hình ảnh cây thông và những cây tử kinh – chú bé nghịch ngợm nhô “cái đầu màu hoa cà lèn trên màu xanh của rừng”. Những con đèo trên Sa Pa khi được nắng chiếu sáng cũng trở nên đẹp lạ thường: nắng đã mạ bạc cả con đèo đèo. Hoa ở Sa Pa thì muôn màu rực rỡ. Khung cảnh những những rặng đào, những đàn bò lang cổ deo chuông đang thung thăng gấp cỏ... mà chỉ có thể bắt gặp ở rừng núi kia mang một vẻ thu hút đến kì lạ. Người đọc mang theo cảm nhận khao khát được đến với Sa Pa để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nơi này. Cảnh vật được quan sát từ trên cao trở xuống. Ở góc độ ấy, thiên nhiên càng trở nên khoáng đạt, hùng vĩ hơn. Rừng cây như “một bô đuốc khổng lồ”, ánh nắng khiên thiên nhiên Sa Pa lặng lẽ, trầm mặc mà đầy sức sống. “Nắng bắt đầu len lỏi đốt cháy rừng cây”, đọc câu văn, ta cảm giác như nắng đang di chuyển, đang chạy dần trên các triền núi. Có thể nói, thiên nhiên Sa Pa hiện lên đẹp thơ mộng, huyền ảo và phải là người có con mắt nhạy tinh tế và chính xác, ngôn ngữ nghệ thuật giàu chất thơ mới có thể vẽ lên một bức tranh tuyệt đẹp như vậy.

Thiên nhiên Sa Pa hòa hợp với con người, được nhân hóa trở nên có hồn, sống động hơn, làm tôn thêm những vẻ đẹp của con người Sa Pa, gợi nhiều liên tưởng sâu xa góp phần làm nổi bật chủ đề tác phẩm. Những đỉnh núi cao vời vợi không chỉ nói lên sự khoáng đạt, bao la của thiên nhiên núi rừng Sa Pa mà còn hướng liên tưởng của con người đến tầm cao của sự cống hiến và hi sinh. Cái hùng hục, cháy bỏng của nắng, gió lại gợi lên ngọn lửa nhiệt huyết “hùng hục như cháy” của con người. Hay vẻ đẹp thơ mộng, trong sáng của Sa Pa cũng chính là cái trong sáng, mộng mơ trong tâm hồn con người nơi đây. Như vậy, Nguyễn Thành Long đã đặc biệt thành công khi miêu tả cảnh sắc thiên nhiên Sa Pa, một bức tranh không chỉ có hồn mà còn có sự sống động, liên hệ gần gũi với con người. Sa Pa – nơi mà chỉ nghe đến tên người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi vẫn luôn có những con người

“Chiếc lược ngà”

được

Tr

ba đã

trong

có thể

sóng

là sự

giao

đứng

nó sẽ

khắc

tỏa, t

ngày

cửa v

muôn

đây, i

tình c

nhiều

thăm

lần đ

cũng

xót x

chạy

má, k

khao

và bá

muôn

trong

thêm

khác,

cho t

nay, l

hiện

trẻ lu

mua

bước

Cl

của Ð

cứng

thiên

gia đ

nhiệt huyết, có tinh thần trách nhiệm, mông mơ, tình nghĩa đang ngày đêm cống hiến cho đất nước. Đây chính là một trong các yếu tố tạo nên sức hấp dẫn cho truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa”.

Vài nét châm phá điểm xuyết, nghệ thuật nhân hóa, so sánh, tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng, hữu tình. Đọc những đoạn miêu tả cảnh thiên nhiên trong “Lặng lẽ Sa Pa”, người đọc mang theo cảm nhận khao khát được đến với Sa Pa để chiêm ngưỡng vẻ đẹp của nơi này. Có thể nói, thiên nhiên Sa Pa hiện lên đẹp thơ mộng, hư ảo và phải là người có con mắt nhìn tinh tế và chính xác, ngôn ngữ nghệ thuật giàu chất thơ, mới có thể vẽ lên một bức tranh tuyệt đẹp như vậy.

Bài 3: Cảm nhận về nhân vật bé Thu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng.

Gợi ý làm bài

Trong những năm tháng kháng chiến của dân tộc; nhà văn, nhà thơ đa phần đều tập trung thể hiện “tẽ sống lớn, tình cảm lớn” để cổ vũ, khích lệ tinh thần chiến đấu. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng là một trong số ít những nhà văn thời ấy viết về tình cảm gia đình - thứ tình cảm mà người ta cho là “riêng tư, ẩn秘”. Mặc dù vậy, khi truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của ông ra đời lại thu hút được sự quan tâm của độc giả khắp mọi miền Tổ quốc. Xuyên suốt tác phẩm là câu chuyện về tình phụ tử thâm dâng nước mắt giữa ông Sáu và bé Thu – con gái của ông. Tác phẩm sẽ không hay nếu thiếu đi nhân vật ông Sáu và càng không thể lên đến cao trào nếu thiếu nhân vật bé Thu. Nếu nói rằng cả tác phẩm là một cơ thể thì bé Thu chính là linh hồn trong cơ thể ấy. Cô bé để lại ấn tượng sâu sắc bởi sự mạnh mẽ, ngang ngạnh nhưng có tình yêu thương cha sâu sắc, mãnh liệt.

Bé Thu là nhân vật chính của truyện, là con gái duy nhất của nhân vật ông Sáu, là nhân vật trung tâm thể hiện được ý đồ tư tưởng nội dung cũng như nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Thu tâm tuổi, được tác giả miêu tả với những nét للغاية, đáng yêu: tóc vắt ngang vai, mắt tròn, mi dài uốn cong và như không bao giờ chớp, vẻ nghĩ ngợi sâu xa... Bé Thu là một em bé phải chịu biết bao đau thương trong chiến tranh, gọi lên trong lòng người đọc niềm xót xa, thương cảm mãnh liệt. Và bé Thu cũng chính là hình ảnh đại diện cho những đứa trẻ sống trong hoàn cảnh chiến tranh tàn khốc ấy. Thu sinh ra chưa đầy một tuổi thì đã phải xa cha, lúc ấy em còn quá nhỏ để có thể ý thức được đây là cha mình, để có thể ghi nhớ hình ảnh của người cha trong tâm trí. Chính vì lẽ đó mà đến tận năm 8 tuổi, Thu cũng chỉ biết mặt ông Sáu qua tấm ảnh chụp chung với má. Thu chỉ tin người đàn ông trong ảnh kia mới là ba và chỉ có một mà thôi. Vậy nên khi thấy vết theo dài trên má ông Sáu quá khác với bức hình, Thu đã không chịu nhận và gọi ông bằng ba.

Nhân vật bé Thu gây ấn tượng mạnh mẽ với người đọc trước hết bởi sự bướng bỉnh cùng cá tính mạnh mẽ. Lần đầu tiên hai con gặp lại sau 8 năm xa cách; trái ngược với nỗi mong nhớ, vỗ vập của ông Sáu, “con bé giật mình tròn mắt nhìn. Nó ngạc nhiên lạ lùng” rồi vụt chạy đi, nét mặt đầy sợ hãi kêu thét lên: “Má! Má”. Trong những ngày ông Sáu ở nhà, mặc cho những cố gắng bù đắp, vỗ về của ba, bé Thu tỏ ra cứng đầu, không chịu nhận, không chịu gọi một tiếng “ba”. Nhà văn đã xây dựng một loạt các chi tiết để miêu tả tâm lí, thái độ rất trẻ con, cố chấp của bé Thu. Khi má bắt kêu ba và ăn cơm, doạ đánh để cô bé gọi ba một tiếng, Thu vẫn chỉ nói trống không “Vô ăn cơm! Cơm chín rồi”, “Con kêu rồi mà người ta không nghe”. Thậm chí, ngay cả khi ở trong thế bí, phải chắt nước nồi cơm to đang sôi, Thu cũng lại nói trống không để nhờ và ông Sáu: “Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái”. Sự im lặng của anh Sáu và cả sự gợi ý của bác Ba đều không thể làm cô bé Thu cất tiếng gọi “ba” tường chừng vô cùng đơn giản. Điểm đặc biệt của thái độ kiên quyết cự tuyệt tình yêu thương của ông Sáu là việc bé Thu lấy đũa hát văng cái trứng cá được ông gấp cho ra khỏi bát, tung tóe cả mâm cơm. Bị ba đánh, tường chừng Thu sẽ như bao đứa trẻ khác ăn vạ, khóc lóc với mẹ, hay đòi lên án, nhưng không. “Nó ngồi im, đầu cúi gầm xuống. Nghĩ thế nào nó cầm đũa, gấp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm” rồi bỏ sang nhà bà ngoại. Trước khi đi, con bé còn “cố làm cho dây lòi tai khua rồn ràng, khua thật to”. Đến đây, có lẽ người lớn chúng ta cũng phải bật cười trước hành động đúng chất trẻ con của bé Thu. Cô tỏ ra mạnh mẽ, không nhò một giọt nước mắt nhưng vẫn muốn để mọi người biết mình đang giận dỗi, vẫn mong được vỗ về.

“Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nõi cũng không chịu về”, cái cá tính cồ chấp một cách trẻ con của bé Thu được tác giả khắc họa vừa gần gũi, vừa tinh tế.

Trên tất cả, ở nhân vật bé Thu chính là tình yêu thương cha sâu sắc. Ngay từ việc Thu không nhận ông Sáu là ba đã phản nào chứng tỏ điều đó. Trong tâm trí bé Thu chỉ có duy nhất hình ảnh của một người “cha chụp chung trong bức ảnh với má”. Người cha ấy, không giống ông Sáu, không có vết sẹo dài trên má. Thu còn quá bé để có thể biết đến sự khốc liệt của bom lừa đạn, biết đến cái cay xè của mùi thuốc súng và sự khắc nghiệt của cuộc sống người chiến sĩ. Cái cảm giác đó không đơn thuần là sự bướng bỉnh của một cô bé đồng đánh, nhiều sách mà là sự kiên định, thẳng thắn, có lập trường bền chặt, bộc lộ phần nào đó tính cách cứng cỏi ngoan cường của cô giao liên giải phóng sau này. Và, quan trọng hơn là nó thể hiện tình yêu duy nhất, mãnh liệt với cha, dù có phải đứng trước bao nhiêu khó khăn cũng quyết bảo vệ đến cùng. Tình cảm mãnh liệt dành cho cha ngăn không cho nó nhận một người đàn ông xa lạ làm cha. Đặc biệt, tình yêu ba của bé Thu được tập trung thể hiện qua khoảnh khắc chia tay đầy cảm động của hai cha con. Sau khi được bà ngoại giải thích về vết sẹo, sự nghe ngỏ được giải tỏa, bé Thu này sinh trạng thái âm hận cùng hồi tiếc “năm lận lộn và thỉnh thoảng thở dài như người lớn”. Đến ngày ông Sáu phải đi, con bé cứng cỏi mạnh mẽ hôm nào lại “như thể bị bỏ rơi, lúc đứng ở góc nhà, lúc đứng tựa cửa và cứ nhìn mọi người vây quanh ba nó, dường như nó thèm khát cái sự áp của tình cảm gia đình, nó cũng muốn chạy lại và ôm hôn cha nó lắm chứ, nhưng lại có cái gì chặn ngang cổ họng nó, làm nó cứ đứng nguyên ở đấy, uất mong cha nó sẽ nhận ra sự có mặt của nó”. Và rồi đến khi ba chào em để lên đường, có cảm giác mọi tình cảm trong lòng bé Thu bỗng trào dâng không thể kìm nén. Bao nhiêu nhớ nhung, bao nhiêu mong mỏi; bao nhiêu ân hận cùng tiếc nuối bật thốt lên thành tiếng “Ba..,” nghe sao xé lòng. Tiếng “Ba” ấy là tiếng nói từ sâu thẳm trái tim bé Thu, tiếng gọi mà ba nó đã dùng mọi cách để ép nó gọi trong mấy ngày qua, tiếng gọi ba gần gũi lần đầu tiên trong đời nó như thể nó là đứa trẻ mới bi bô tập nói, tiếng gọi mà ba nó tha thiết được nghe một lần cũng chính là tiếng “ba” nó vẫn khao khát được gọi trong suốt 8 năm ròng xa cách. Tình cảm ấy mới cảm động, xót xa làm sao! Đi liền với tiếng gọi là những cử chỉ vội vập, cuống quýt trong nỗi ân hận của Thu: chạy xô tới, chạy thót lên, dang chặt hai tay ôm lấy cổ ba, hôn ba cùng khấp, hôn tóc, hôn cổ, hôn vai, hôn cả vết theo dài trên má, khóc trong tiếng nắc, kiên quyết không cho ba đi... Cảnh tượng ấy tô đậm thêm tình yêu mãnh liệt, nỗi khát khao mong mỏi mà Thu dành cho ba. Phút giây ấy khiến mọi người xung quanh không ai cầm được nước mắt và bác Ba “bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm chặt trái tim mình” vì nó khiến ta bồi hồi xúc động, không muốn cái ngang dì khoảnh khắc đẹp nhất của tình cha con trong bé Thu, ông Sáu. Cả hai cha con ông đã đợi chờ trong tám năm chỉ để có vài phút ngắn ngủi này. Dường như nhà văn Nguyễn Quang Sáng cũng muốn kéo dài thêm giây phút chia ly của cha con Thu trong cảm nhận của người đọc bằng cách rẽ mạch truyện sang một hướng khác, để bác Ba nghe bà ngoại Thu kể lại cuộc chuyện trò của hai bà cháu đêm qua. Chi tiết này vừa giải thích cho ta hiểu thái độ bướng bỉnh không nhận ba hôm trước của bé Thu và sự thay đổi trong hành động của em hôm nay. Như vậy, trong lòng cô bé, tình yêu dành cho ba luôn là một tình cảm thống nhất, mãnh liệt. Dù cách biểu hiện tình yêu ấy thật khác nhau trong hai hoàn cảnh, nhưng nó vẫn xuất phát từ một cội nguồn trong trái tim đứa trẻ luôn khao khát tình cha. Tuy nhiên, Thu trước sau vẫn chỉ là một cô bé ngây thơ, em đồng ý cho ba đi để ba mua một chiếc lược, món quà nhỏ mà bất cứ em bé gái nào cũng ao ước. Bắt đầu từ chi tiết này, chiếc lược ngà bước vào câu chuyện, trở thành chứng nhân âm thầm cho tình cha con thiêng liêng, bất tử.

Chiến tranh đã lùi xa hơn ba mươi năm nhưng hình ảnh nhân vật bé Thu và truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng vẫn để lại bao ấn tượng khó phai mờ trong lòng bạn đọc về một em bé vừa hồn nhiên, cứng cỏi, vừa có tình yêu thương ba sâu sắc, mãnh liệt. Qua nhân vật bé Thu, ta càng thấm thía hơn tình phụ tử thiêng liêng, cao đẹp; thấm thía hơn những mắt mát, hi sinh và đau thương của bao nhiêu con người, bao nhiêu gia đình trong chiến tranh để từ đó càng thêm trân trọng cuộc sống hòa bình mà mình đang được hưởng hôm nay.

Bài 9 Phân tích hình ảnh nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

Gợi ý làm bài

Ca dao xưa có câu:

Công cha như núi ngất trời

Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển đông.

Quả thực công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ là bao la trời biển, phận làm con dũng cảm đòi hỏi cũng không thể báo đáp hết công lao ấy. Trong bất kì thời điểm nào, tình cảm phụ tử cũng thật thiêng liêng và đáng quý. Đặc biệt là trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt, tình cảm ấy lại càng tỏa sáng như một viên ngọc quý, lấp lánh. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng với truyện ngắn “Chiếc lược ngà” đã rất thành công thể hiện tình cảm cao quý thiêng liêng ấy thông qua hai cha con ông Sáu – bé Thu. Trong đó, riêng với nhân vật ông Sáu, người đọc có thể cảm nhận được tình cảm yêu thương con sâu sắc, mãnh liệt của một người cha chiến sĩ rất đáng trân trọng, ngợi ca.

Chiếc lược ngà là câu chuyện về tình cha con sâu nặng, tha thiết của ông Sáu và con gái tên Thu. Một câu chuyện đẹp nhưng buồn, có sức lay động sâu xa, gợi lên trong lòng độc giả bao thế hệ nỗi niềm xót xa, thương cảm, day dứt khôn nguôi về chiến tranh và sự tàn phá của nó. Những ám ảnh ấy như khắc sâu vào tâm khảm mỗi người, khiến ta thầm thía hon sự hi sinh của những người chiến sĩ của một thời chiến tranh gian khổ và ta biết yêu kính hon, trân trọng họ hơn. Bằng lời văn dung dị, nhẹ nhàng, nhiều âm vang với những cung bậc cảm xúc khác nhau, nhà văn đã thể hiện thật sâu sắc và cảm động tình cảm cha con giữa ông Sáu và bé Thu. Phải chăng sức nặng của những ám ảnh đó chính là bởi tình phụ tử thiêng liêng, sâu nặng toát ra từ mỗi lời văn, ăn sâu vào trái tim độc giả, lắng đọng và day dứt mãi không thôi?

Ngay từ đầu câu chuyện, người đọc đã có thể cảm nhận sâu sắc tình yêu con tha thiết của ông Sáu. Người lính đã trải qua khói lửa chiến tranh, gió sương núi rừng, có một khuôn mặt lạnh, một ý chí thép nhưng trái tim người cha trong ông thì vẫn ấm nóng. Vì vậy mà, mới chỉ nghĩ đến việc được gặp con thôi, ông đã thấy “nôn nao mãi”. Hành động vội vàng “không thể chờ xuống cập lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra”, “bước vội vàng với những bước chân dài, rồi dừng lại, kêu to: “Thu! Con” đã khắc họa rõ nét nỗi lòng khao khát, mong mỏi của người cha. Tiếng gọi con lần đầu như vỡ oà trong tình yêu quá lớn bị dồn nén bao năm. Hình ảnh “vết theo dài trên má phải đỏ ửng lên, giàn giật...” là biểu hiện của sự xúc động tột độ. Tiếng xung “ba” sau bao ngày nhớ mong, mòn mỏi, vừa muôn vỡ oà, vừa lại như bị dòng cảm xúc quá lớn kìm xuống, khiến nó nghẹn lại trong “giọng run run”: “Ba đây con”. Càng yêu thương mong nhớ con bao nhiêu thì cái biểu hiện “mặt tái đi...” kêu thét lên: “Má! Má!” của con càng làm ông Sáu đau lòng. Cả bầu trời như sụp xuống trước mắt người cha. Niềm đau, sự hụt hẫng bóp nghẹt trái tim khiến ông “đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đón khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuồng như bị gãy”.

Trong ba ngày ở nhà, ông Sáu dành hết tình cảm cho bé Thu. Ông ân cần, nhẹ nhàng chăm chút con bé. Trước sự cự tuyệt, buông bình của cô con gái, người cha ấy vẫn hết sức bền bỉ, nhẫn耐. Đó là sự bao dung của một người làm cha; của nỗi niềm khao khát “mong được nghe một tiếng gọi ba của con gái”. Và rồi, khi tình cảm quá lớn lại gặp phải sự cự tuyệt kiên quyết của bé Thu, nó như bị thúc ép, khiến ông không giữ được bình tĩnh “vung tay đánh mạnh vào móng” con bé và hét lên: “Sao may cứng đầu quá vậy?”. Ông Sáu đánh con vì tức giận, đau đớn và bất lực. Thời gian ông có thể ở bên con không còn nhiều, vậy mà con bé vẫn không chịu thừa nhận ông. Hành động đánh con của ông là một sự kìm nén của nỗi lòng mong mỏi quá lớn. Nhưng cũng chính điều đó đã giày vò tâm trí ông, trở thành mối khổ tâm suốt những năm tháng sau này khi phải xa con.

Vào thời khắc cuối cùng được ở nhà, được nhìn thấy con gái, trái tim của người cha đã được xoa dịu khi bé Thu nhận ra ba. Lúc chia tay, ông Sáu cố nén lòng, kìm giữ cảm xúc của mình. Ông “cũng muốn ôm con, hôn

con, nh
con thô
mất trìn
khát bì
“ba” bá
bao lâu
phút âm
lau nướ
can trưở
con yêu

Có t
chiến sĩ
trạng. V
ngày ở c
lược củ
bạc”, ta
của ba”
đã “gõ r
tinh thần
khoa kh
thành nh

Tình
chia. Trc
con một
nhiều ng
sự khóc
đọng ng

Qua t
của tình
gia đình.
là một ng
chạm đói
cần trân

Bài 10

Gợi ý

Nhắc
Song, đó
người lin
đè tài tôn
Lê Minh
phục của
hiểm ngu

con, nhưng cũng lại sợ nó giãy lên, lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó”. Chỉ cần nhìn thấy sự hiện diện của con thoi, ông cũng cảm thấy được an ủi phần nào. Và bao nhiêu tình yêu ông dồn cả vào ánh mắt nhìn con – “đôi mắt trùm mền lẵn buồn rầu”. Ánh mắt ấy vừa muôn bộc lộ hết tình yêu tha thiết với con, vừa thể hiện nỗi khao khát bị kìm nén, nỗi buồn của sự chia xa và cả nỗi đau của sự bị khước từ. Để rồi, tất cả như vỡ oà theo tiếng gọi “ba” bất ngờ của bé Thu: “Ba... a... a... ba!”. Tiếng gọi ông Sáu khao khát, trông chờ, tưởng chừng mòn mỏi bao lâu đã vang lên, khiến tim ông như muốn vỡ ra vì hạnh phúc. Người đọc như cũng lạc nhịp tim trong giây phút âm thanh yêu thương ấy cất lên. Ông Sáu “không ghìm được xúc động”, “một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt”. Những dòng nước mắt tuôn trào từ trái tim yêu thương cháy bỏng của người cha. Một người lính can trường, sẵn sàng hi sinh nơi mưa bom lửa đạn nhưng lại rơi nước mắt chỉ vì một tiếng “ba” giản dị từ đứa con yêu. Thể mới thấy tình cảm của người cha ở ông Sáu lớn lao, tha thiết đến chừng nào.

Có thể nói, Nguyễn Quang Sáng đã thật tài tình khi xây dựng nhân vật ông Sáu. Toàn bộ câu chuyện về người chiến sĩ ấy đều gắn với sự bộc lộ tình yêu con. Từ những hành động đến những chi tiết miêu tả ngoại hình, tâm trạng. Vì thế mà trong tâm trí người đọc, hình ảnh ông Sáu hiện lên với tình yêu con thiết tha, sâu nặng. Những ngày ở chiến trường, tình yêu con được ông Sáu dồn vào việc làm cây lược tặng con. Dõi theo quá trình làm chiếc lược của ông Sáu, từ vẻ mặt “hờn hở” khi nhặt được khúc ngà đến khi tỉ mỉ ngồi giữa cây lược “như người thợ bạc”, ta có thể cảm nhận được tình yêu sâu nặng của ông. Dòng chữ khắc trên cây lược “Yêu nhớ tặng Thu, con của ba” thể hiện trọn vẹn nỗi lòng người cha đối với cô con gái ngàn lần dấu yêu nơi quê nhà. Chiếc lược ngà ấy đã “gỡ rối đi phần nào tâm trạng” của ông. Lời hứa của ông đối với con đã thành hiện thực. Chiếc lược là chỗ dựa tinh thần mỗi khi ông nhớ con. Đó là kỷ vật cuối cùng lưu giữ tình yêu sâu nặng của ông Sáu dành cho con, ông khao khát được tận tay trao cho con gái. Sự khốc liệt của cuộc chiến tranh đã khiến nguyện ước của ông không thành nhưng cây lược sẽ là minh chứng cho tình yêu con của ông.

Tình yêu của ông Sáu dành cho con thật sâu sắc. Bao cung bậc cảm xúc của ông được người đọc thấu cảm, sẻ chia. Trong chiến tranh, có những việc tưởng rất bình dị như nghe một tiếng con gọi “ba”, tự tay tặng cho con một món quà nhỏ; được ôm con trong vòng tay,... cũng trở thành mơ ước của rất nhiều người và cũng rất nhiều người trong số họ giống như ông Sáu đã không thực hiện được ước nguyện đó. Nhưng cũng chính trong sự khốc liệt của chiến tranh, tình cảm tha thiết, trái tim ấm nóng của người cha lại được bộc lộ rõ nhất. Nó lồng động ngân vang mãi trong lòng ta.

Qua truyện ngắn “Chiếc lược ngà”, nhà văn Nguyễn Quang Sáng không chỉ làm nổi bật lên sự thiêng liêng của tình cha con mà còn phản ánh những nỗi đau, nỗi mất mát, hi sinh mà chiến tranh phi nghĩa gây ra cho mỗi gia đình. Đồng thời, nhà văn cũng khắc họa thành công nhân vật ông Sáu, người chiến sĩ kiên trung, song cũng là một người cha dành cho con mình tình cảm yêu thương vô bờ bến. Câu chuyện về cha con ông Sáu đã thực sự chạm đến trái tim mỗi độc giả bởi tình phụ tử thiêng liêng; đồng thời cũng là lời nhắc nhở mỗi chúng ta hôm nay cần trân trọng những giá trị tình cảm mà mình đang có.

Bài 10 Cảm nhận của em về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”

Gợi ý làm bài

Nhắc đến chiến tranh có lẽ ai trong chúng ta cũng sẽ lập tức liên tưởng đến bom đạn, mất mát, đau thương. Song, đó không phải tất cả, “chiến tranh” cũng không quên gợi nhắc về những người anh hùng thời đại – những người lính chiến đấu và hi sinh thầm lặng cho nền độc lập dân tộc. Một trong những truyện ngắn tiêu biểu với đề tài tôn vinh người lính, viết về những nữ thanh niên xung phong đó là “Những ngôi sao xa xôi” của nhà văn Lê Minh Khuê. Nhân vật chính trong tác phẩm - Phương Định - là nhân vật giành được nhiều sự yêu mến, cảm phục của người đọc bởi vẻ đẹp ngoại hình, tâm hồn và sự dũng cảm, ngoan cường, bình tĩnh ứng dụng trước hiểm nguy.

tua số hoặc
tè tuổi thi
mát tâm h
cảm phục,
long Phươ
át chưa vi
át rõ sở t
ia dội lòn
Với Nho,
Phuong Đ
Nho trong
muốc và p
Gấp lại
Những ng
Việt Nam t
đọc sinh c
ot để trở t

Phuong Định có hoàn cảnh sống và chiến đấu vô cùng khó khăn, gian khổ. Cô cùng với những người đồng đội của mình sống trên một cao điểm, trọng điểm của tuyến đường Trường Sơn, giữa mêt mông khói bụi và bom đạn hủy diệt của kẻ thù. Công việc của họ là “đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”. Với công việc ấy, các cô gái phải đối diện với thần chết từng phút, từng giờ, “thần kinh căng như chảo, tim đập bát chấp cả nhịp điệu chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ”. Trong lúc các đơn vị thường ra đường vào lúc mặt trời lặn và làm việc có khi suốt đêm thì các cô, tổ trinh sát mặt đường, phải chạy trên cao điểm cả ban ngày, dưới cái nóng trên 30 độ. Từ cao điểm trở về, chỉ còn thấy “hai con mắt lấp lánh”, “cười thì hàm răng lóe lên khuôn mặt nhem nhuốc”. Nhiệm vụ của họ thật quan trọng nhưng cũng đầy gian khổ, hi sinh, thể hiện phần nào hiện thực cuộc chiến đầy khắc nghiệt. Và cũng từ đó, ta thấy sáng ngời lên tinh thần yêu nước, đầy quả cảm của các cô gái thanh niên xung phong.

Ảnh tượng đầu tiên về Phương Định là vẻ bề ngoài đáng yêu, trẻ trung, xinh xắn và đầy sức sống. Cũng như bao cô gái mới lớn khác, Phương Định rất nhạy cảm và hay quan tâm đến ngoại hình của mình. Cô tự đánh giá về mình: “Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn tôi là một cô gái khá. Có hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như hoa loa kèn”. Còn đôi mắt của cô được các anh lính lái xe nhận xét: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm”. Cô biết mình được nhiều người nhất là các anh lính lái xe để ý và có thiện cảm. Điều đó làm cô vui và tự hào. Nhưng cô không hay biểu lộ tình cảm của mình, cô luôn kín đáo giữa đám đông. Trong khi các cô gái khác vây quanh các anh bộ đội thì cô “đứng ra xa, khoanh tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt tưởng như kiêu kỳ”. Nhưng thực ra trong suy nghĩ của cô những người đẹp nhất, thông minh, can đảm, cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ. Và cô còn dành tình yêu, niềm cảm phục cho những người lính chiến sĩ hàng đêm cô gặp trên trận địa.

Mặc dù còn rất trẻ nhưng Phương Định là một cô gái rất gan dạ, dũng cảm có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Điều đó được tác giả tập trung thể hiện trong một lần phá bom của Phương Định. Mặc dù đã quen với công việc nguy hiểm này, thậm chí một ngày có thể phá bom đến bốn, năm lần nhưng mỗi lần vẫn là một thử thách từ thần kinh đến cả ý nghĩ. Từ khung cảnh và không khí chứa đầy sự căng thẳng: “Vắng lặng đến phát sợ, cây xơ xác, đất nóng khi đèn đặt dờ trong không trung...”. Đến cảm giác “cảm thấy có ánh mắt của các anh chiến sĩ dõi theo mình nên cô sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể đằng hoàng mà bước tới”. Đến lúc ở bên quả bom đào, xói, với những cảm giác hồi hộp, căng thẳng và thỉnh thoảng lưỡi xéng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt. Cô rung mình và nhận ra sao mình làm quá chậm. “Vỏ quả bom nóng lên. Một dấu hiệu chẳng lành”. Trong lúc chờ bom nổ, cô có thoáng nghĩ đến cái chết nhưng là một cái chết mờ nhạt. Cô không sợ hi sinh mà chỉ sợ bom không nổ vì nếu như vậy sẽ không thông đường cho đoàn xe ra trận được.

Bên cạnh đó, Phương Định cũng là một cô gái hồn nhiên, trong sáng, nhiều mơ mộng và giàu tình cảm. Cô rất thích hát. Sống trong hoàn cảnh ác liệt của bom đạn trên chiến trường Trường Sơn, lúc nào cũng cận kề với cái chết, cô vẫn không bỏ sở thích của mình. “Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngó ngắn đến tối cũng phải ngạc nhiên, đôi khi bò ra mà cười một mình”. Cô hát trong những khoảnh khắc “im lặng” khi máy bay trinh sát rẽ rẽ trên đầu, khi cơn bão lửa sắp chụp xuống cao điểm. Cô hát để động viên đồng đội và cũng là để động viên chính bản thân mình, để gửi vào trong tiếng hát nỗi khát khao của tuổi trẻ, của người chiến sĩ, mong được trở về quê hương yêu dấu, được gặp lại người yêu sau bao nhiêu nỗi nhung, chờ đợi. Hiện thực tàn khốc chưa bao giờ làm chai sạn tinh hồn của Phương Định. Cô có sở thích, có niềm vui và có cả những nỗi niềm riêng. Cô thường nhớ về những kỷ niệm của tuổi thiếu nữ vô tư giữa gia đình và Hà Nội thân yêu. Gặp một trận mưa đá, ở cô lập tức bộc phát một niềm vui con trẻ, niềm vui ấy nở tung ra, say sưa, tràn đầy. Cô nhặt những hạt mưa đá để rồi bàng khuông ngơ ngác khi thấy nó tan biến bất ngờ, cũng nhanh như khi nó ập đến. “Tôi bỗng thẫn thờ, tiếc không nói nổi... Tôi nhớ một cái gì đó, hình như mẹ tôi, cái

nhà số hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố". Tất cả mọi kí niệm đẹp nhất ở thành phố Hà Nội, về mẹ, về tuổi thiếu nữ trong sáng, vô tư như ùa về, xoáy mạnh trong lòng cô gái. Chính những kí niệm đó đã làm dịu nỗi đau tâm hồn cô trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh. Đối với đồng đội, Phương Định luôn dành cho họ sự cảm phục, yêu mến như một gia đình. Khi chị Thao và Nho ở trên cao điểm, phải ở nhà trực máy nhưng trong lòng Phương Định luôn lo lắng, sốt ruột, đứng ngồi không yên. Cô lo lắng đến mức cát với cả đội trưởng "Trinh chưa về". Phương Định phát hiện ra vẻ dễ thương của Nho "nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng", cũng hiểu rõ sở thích của bạn, của đồng đội. Chị Thao thích ghi bài hát mặc dù chị hát toàn sai nhạc; chị Thao còn thích đeo lông mày nhỏ như que tăm. Chị Thao cương quyết, táo bạo trong công việc nhưng lại rất sợ máu và vết. Với Nho, Phương Định biết Nho thích thêu thùa, trên ngực áo của Nho luôn có một bông hoa. Đặc biệt, Phương Định cũng rất tinh tế khi nhìn thấy sự lo lắng, cuồng quyt của Thao đồng thời là sự can đảm, gan dạ của Nho trong lần Nho bị thương. Hành động chăm sóc đầy quan tâm, tỉ mỉ của Phương Định như băng bó, tiêm thuốc và pha sữa cho Nho cũng toát lên tình yêu thương vô bờ của cô với đồng đội.

Gấp lại những trang sách đầy xúc động về cuộc sống và chiến đấu của những cô thanh niên xung phong trong "Những ngôi sao xa xôi" nhưng có lẽ hình ảnh Phương Định sẽ mãi rạng ngời tỏa sáng tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam trong kháng chiến. Tự hào và cảm phục biết bao con người, dân tộc Việt Nam anh hùng. Với tư cách là học sinh còn ngồi trên ghế nhà trường chúng ta cần phải luôn luôn nỗ lực, ra sức học tập, rèn luyện đạo đức thật tốt để trở thành những người chủ của đất nước trong tương lai.

MỘT SỐ ĐỀ THI THỦ THAM KHẢO

(Đe

I. ĐỌC -
Đọc đoạn

PHẦN

Câu 1 (0.)
Câu 2 (0.)
Câu 3 (1.)
II. LÀM VIỆC
Câu 1 (3.)
trong ngữ cảnh
Câu 2 (5.)

ĐỀ SỐ 1
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC – HIỂU (2.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Từ hỏi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dừng qua đường...

(Ngữ văn 9, tập 2)

Câu 1 (0.5 điểm): Đoạn thơ trên trích từ văn bản nào? Do ai sáng tác?

Câu 2 (0.5 điểm): Nêu nội dung chính của đoạn thơ trên.

Câu 3 (1.0 điểm): Chỉ ra và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ.

II. LÀM VĂN (8.0 điểm)

Câu 1 (3.0 điểm): Viết một bài văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về ý kiến: “Khi giao tiếp cần tế nhị và tôn trọng người khác”.

Câu 2 (5.0 điểm): Vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa*.

ĐỀ SỐ 2
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC – HIẾU (2.0 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*Người đồng minh thương lắm con ơi
Cao đài nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn.
Đau làm sao thì cha vẫn muốn
Sóng trên đá không chê đá gập ghềnh
Sóng trong thung không chê thung nghèo đời
Sóng như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc
Người đồng minh thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con.*

(*Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục*)

Câu 1 (0.5 điểm): Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Ai là tác giả?

Câu 2 (0.5 điểm): Em hãy giải thích nghĩa cụm từ “người đồng minh”. Qua hai câu thơ: “*Sóng trên đá không chê đá gập ghềnh/ Sóng trong thung không chê thung nghèo đời*”, đặc điểm, hoàn cảnh sống của người đồng minh hiện lên như thế nào?

Câu 3 (0.5 điểm): Tìm và nêu ý nghĩa của biện pháp tu từ so sánh có trong đoạn thơ trên.

Câu 4 (0.5 điểm): Qua lời tâm tình của đoạn thơ, người cha mong ước ở con cách sống như thế nào?

II. LÀM VĂN (8.0 điểm)

Câu 1 (3.0 điểm):

“...Luôn dậy sớm; luôn đúng hẹn, giữ lời hứa; luôn đọc sách... là những thói quen tốt...”.

(Theo Băng Sơn - *Giao tiếp đời thường*)

Trong những thói quen tốt được nêu trên, em hãy chọn một thói quen em cần được rèn luyện. Viết một đoạn văn nghị luận xã hội (khoảng 10 - 15 dòng) trình bày suy nghĩ của em về việc rèn luyện thói quen tốt ấy.

Câu 2 (5.0 điểm):

Phân tích tình cảm sâu nặng và cao đẹp của nhân vật ông Sáu dành cho con trong đoạn trích “*Chiếc lược ngà*” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. (Theo *Ngữ văn 9, tập một, trang 195, NXB Giáo dục, 2008*)

L ĐỌC

Đọc đ

Câu 1 (

Câu 2 (

Câu 3 (

thuật áy.

Câu 4 (

lính lái :

II. LÀM

Câu 1 (

Em hãy

văn Lỗi 1

Câu 2 (

Phân tíc

trong đ

ĐỀ SỐ 3

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC – HIỆU (2.0 điểm)

Đọc đoạn thơ và trả lời các câu hỏi:

Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã về đây họp thành tiểu đội

Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới

Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

Chung bát đũa nghĩa là gia đình đây

Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

(Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục 2008, trang 132)

Câu 1 (0.5 điểm): Chép chính xác hai câu thơ còn thiếu vào chỗ chấm để hoàn chỉnh đoạn thơ trên.

Câu 2 (0.5 điểm): Cho biết đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Ai là tác giả?

Câu 3 (0.5 điểm): Chỉ ra các biện pháp nghệ thuật đặc sắc ở hai câu thơ vừa bổ sung. Nêu hiệu quả của nghệ thuật ấy.

Câu 4 (0.5 điểm): Hình ảnh “trái tim” có ý nghĩa như thế nào? Qua đó ca ngợi phẩm chất gì của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ?

II. LÀM VĂN (8.0 điểm)

Câu 1 (3.0 điểm):

Em hãy viết một bài văn nghị luận xã hội (khoảng một trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về câu nói của nhà văn Lỗ Tấn: “Trên bước đường của thành công không có dấu chân của kẻ lười biếng”.

Câu 2 (5.0 điểm):

Phân tích tình yêu “làng thăm thiết, thống nhất với tình yêu nước và tinh thần kháng chiến ở nhân vật ông Hai trong đoạn trích truyện “Làng” của nhà văn Kim Lân. (Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục 2008, trang 162 - 171)

I. ĐỌC – HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

Trong lúc đó nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:

- Ba đi rồi ba về với con.
- Không! – Con bé hé lèn, hai tay nó siết chặt cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.

Nhin cảnh ấy, bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng cảm thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi.

(Chiếc lược ngà, Nguyễn Quang Sáng)

Câu 1 (1.0 điểm): Người kể chuyện trong đoạn văn trên là ai? Cách chọn vai kể ấy đã mang đến hiệu quả nghệ thuật như thế nào cho tác phẩm?

Câu 2 (0.5 điểm): Đoạn văn miêu tả cảnh tượng nào? Vì sao nhìn cảnh ấy bà con xung quanh có người lại không cầm được nước mắt, còn nhân vật “tôi” lại thấy khó thở như có bàn tay nắm lấy trái tim?

Câu 3 (0.5 điểm): Chỉ ra lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích và chuyển chúng thành lời dẫn gián tiếp.

Câu 4 (1.0 điểm): Qua đoạn trích, em hiểu như thế nào về nhân vật bé Thu? (Trả lời bằng 5 câu văn ngắn)

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Từ đoạn trích trên, em hãy trình bày suy nghĩ về sự hi sinh trong chiến tranh bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 2/3 trang giấy)

Câu 2 (5.0 điểm): Viết bài văn ngắn trình bày cảm nhận của em về những phẩm chất tốt đẹp của người đồng minh trong bài thơ “Nói với con” của Y Phương.

I. ĐỌC

Đọc đ

- K

sông c

Nuorng

tôm, tr

Câu 1

Câu 2

Câu 3

nhiều

Câu 4

“Chuy

II. LÀ

Câu 1

“Mọi t

Câu 2

ĐỀ SỐ 5
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC - HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện yêu cầu:

Đoạn rồi nàng tắm gội chạy sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng:

- Kẻ bạc mệnh này thân phận hẩm hiu, chẳng con rắn bò, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốm nhơ, thân sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu áo trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho điêu quạ, và xin chịu khắp mọi người phi nhô.

(*Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2010*)

Câu 1 (0.5 điểm): Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào? Do ai sáng tác?

Câu 2 (1.0 điểm): Trong tác phẩm lời thoại trên là độc thoại hay đối thoại? Vì sao?

Câu 3 (1.0 điểm): Lời thoại này được Vũ Nương nói trong hoàn cảnh nào? Qua đó, nhân vật muốn khẳng định những phẩm chất gì? Ghi lại ngắn gọn (khoảng 6 câu) suy nghĩ của em về những phẩm chất ấy của nhân vật.

Câu 4 (0.5 điểm): Làm nên sức hấp dẫn của truyện truyền kì là những yếu tố kì ảo. Nếu 2 chi tiết kì ảo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”.

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Viết đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về câu nói của M. Faraday: “*Mọi thứ rồi sẽ qua chỉ còn lại tình người*”.

Câu 2 (5.0 điểm): Trình bày cảm nhận của em về khổ thơ sau:

*Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gỗ thuyền đã có nhịp trăng cao,
Biển cho ta cá như lòng mẹ,
Nuôi lớn đòi ta tự buổi nào.*

*Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng,
Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông,
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.*

(*Đoàn thuyền đánh cá, Huy Cận*)

ĐỀ SỐ 6

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC – HIỂU (2.0 điểm)

Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Những cái xảy ra hàng ngày: máy bay rít, bom nổ. Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét. Đất dưới chân chúng tôi rung. Máy cái khăn mặt mắc ở dây cũng rung. Tất cả, cứ như lên con sói. Khói lên, và cửa hang bị che lấp. Không thấy máy và bầu trời đâu nữa.

Chị Thao cầm cái thước trên tay tôi, nuốt nốt miếng bích quy ngon lành: "Định ở nhà. Lần này nó bỏ ít, hai đứa đi cũng đủ", rồi kéo tay áo Nho, vác xéng lên vai và đi ra cửa.

Tôi không cãi chị. Quyền hạn phân công là ở chị. Thời gian bắt đầu căng lên. Trí não tôi cũng không thua. Những gì đã qua, những gì sắp tới... không đáng kể nữa. Có gì lý thú đâu, nếu các bạn tôi không quay về?...

(Những ngôi sao xa xôi, Lê Minh Khuê)

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2 (0.5 điểm): Nêu ngắn gọn nội dung chính của đoạn trích trên.

Câu 3 (0.5 điểm): Tìm hai câu rút gọn trong đoạn văn trên và cho biết hiệu quả của việc sử dụng các câu rút gọn đó.

Câu 4 (0.5 điểm): Đoạn trích trên cho em biết điều gì về nhân vật Phương Định?

II. LÀM VĂN (8.0 điểm)

Câu 1 (3 điểm): Từ tình đồng chí, đồng đội của những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* và những hiểu biết xã hội, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng nửa trang giấy thi) về sức mạnh của tình đoàn kết trong cuộc sống hiện nay.

Câu 2 (5 điểm): Trình bày cảm nhận của em về hai đoạn thơ sau:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tối

Đầu súng trắng treo,

(Đồng chí, Chính Hữu)

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buông lái ta ngồi,

Nhin đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Phạm Tiến Duật)

I. ĐỌC

Đọc đ

Bại
có thể
có nụ
Chắc i
trước .

Câu 1

Câu 2

ra với

Câu 3

Câu 4

H. LÀ

Câu 1

giấy) t

Câu 2

bên bà

ĐỀ SỐ 7
(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC – HIỆU (2.0 điểm)

Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Bạn có thể không thông minh bẩm sinh nhưng bạn luôn chuyên cần và vượt qua bản thân tiếng ngày một. Bạn có thể không hát hay nhưng bạn là người không bao giờ trễ hẹn. Bạn không là người giỏi thể thao nhưng bạn có nụ cười ấm áp. Bạn không có gương mặt xinh đẹp nhưng bạn rất giỏi thắt cà vạt cho ba và nấu ăn rất ngon. Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn. Và chính bạn, hơn ai hết, trước ai hết, phải biết mình, phải nhận ra những giá trị đó.

(Bản thân chúng ta là giá trị có sẵn, Phạm Lũy; trích *Nếu biết trăm năm là hữu hạn*,

NXB Hội Nhà văn, 2012, tr.24)

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn trích.

Câu 2 (0.5 điểm): Chỉ ra thành phần biệt lập trong câu: *Chắc chắn, mỗi một người trong chúng ta đều được sinh ra với những giá trị có sẵn*.

Câu 3 (0.5 điểm): Nêu tên một biện pháp tu từ có trong đoạn trích và hiệu quả của nó.

Câu 4 (0.5 điểm): Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

II. LÀM VĂN (8.0 điểm)

Câu 1 (3.0 điểm): “Dùng xấu hổ khi không biết, chỉ xấu hổ khi không học”. Hãy viết đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên.

Câu 2 (5 điểm): Phân tích đoạn thơ sau để thấy được dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà.

Tâm năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!
Mẹ cùng cha công tác bận không về,
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe,
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học,
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc.
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,
Kêu chí hoài trên những cánh đồng xa?

(Trích *Bếp lửa*, Bằng Việt; Ngữ văn 9, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

ĐỀ SỐ 8

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC - HIỂU (2.0 điểm)

Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

TIẾNG VỌNG RỪNG SÂU

Có một cậu bé ngỗ nghịch hay bị mẹ khiển trách. Ngày nó giận mẹ, cậu chạy đến một thung lũng cánh rừng rậm. Lấy hết sức mình, cậu thét lớn: “Tôi ghét người”. Khu rừng có tiếng vọng lại: “Tôi ghét người”. Cậu bé hốt hoảng quay về, sà vào lòng mẹ khóc nức nở. Cậu bé không sao hiểu được từ trong rừng lại có tiếng người ghét cậu.

Người mẹ cầm tay con, đưa cậu trở lại khu rừng. Bà nói: “Giờ thì con hãy hét thật to: Tôi yêu người”. Lạ lùng thay, cậu bé vừa dứt tiếng thì có tiếng vọng lại: “Tôi yêu người”. Lúc đó, người mẹ mới giải thích cho con hiểu: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta. Con cho điều gì, con sẽ nhận điều đó. Ai gieo gió thì cặt gặt bão. Nếu con thù ghét người thì người cũng thù ghét con; Nếu con yêu thương người thì người cũng yêu thương con”.

(Theo Quà tặng cuộc sống, NXB Trẻ, 2002)

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản trên.**Câu 2 (0.5 điểm):** Xác định và gọi tên thành phần biệt lập trong câu sau: “Con ơi, đó là định luật trong cuộc sống của chúng ta.”**Câu 3 (1.0 điểm):** Thông điệp mà câu chuyện trên mang đến cho người đọc.**II. LÀM VĂN (8 điểm)****Câu 1 (3.0 điểm):** Viết đoạn văn (khoảng 2/3 trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về vấn đề cho và nhận trong cuộc sống.**Câu 2 (5 điểm):** Cảm nhận về đoạn thơ sau:

Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,
Âm âm tiếng sóng vây quanh ghế ngồi.

(Kiều ở lâu Ngưng Bích, trích Truyện Kiều, Nguyễn Du)

I. ĐỌC

Đọc đ

H

hạn”.

Cò

bó hoa

Câu 1

Câu 2

Câu 3

Câu 4

con tra
nhiên,**II. LÀ**

Câu 1

nhau n

Câu 2

ĐỀ SỐ 9

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC – HIẾU (2.0 điểm)

Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Hoa sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chằng hạn”. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa.

Còn cô kỹ sư chỉ “ô” lên một tiếng! (...) Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy.

(Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục, 2015, trang 182)

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định những phương thức biểu đạt chính trong đoạn văn trên.

Câu 2 (0.5 điểm): Chỉ ra một lời dẫn trực tiếp có trong đoạn văn trên.

Câu 3 (0.5 điểm): Tìm 2 phép liên kết được sử dụng trong văn bản.

Câu 4 (0.5 điểm): Phân tích cấu tạo ngữ pháp và gọi tên kiều câu (chia theo cấu tạo ngữ pháp) của câu văn: “Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy.”

II. LÀM VĂN (8.0 điểm)

Câu 1 (3.0 điểm): Việc bày tỏ tình cảm của con cái đối với cha mẹ có thể được thể hiện bằng nhiều cách khác nhau nhưng là một việc rất cần thiết. Hãy viết một đoạn văn trình bày suy nghĩ của em về điều đó.

Câu 2 (5.0 điểm): Cảm nhận về bài thơ *Sang thu* của Hữu Thịnh.

ĐỀ SỐ 10

(Đề thi có 01 trang)

ĐỀ THI THỬ

Môn: Ngữ văn

Thời gian làm bài: 120 phút, không kể thời gian phát đề

I. ĐỌC – HIỂU (3.0 điểm)

Đọc đoạn trích và thực hiện yêu cầu:

Khi chúng ta chỉ nghĩ đến bản thân mình, cả thế giới xung quanh chỉ còn là những cái bóng...; Và khi chúng ta cảm thấy cô đơn, chúng ta muốn tìm lấy một ai đó để bấu víu, thì chỉ chạm vào những chiếc bóng mà thôi.

Nhưng nếu mỗi ngày, chúng ta chịu quan tâm và lắng nghe, thì chúng ta sẽ nhìn thấy được câu chuyện đời của mỗi người, ít nhất là những người thân thiết quanh ta, ta sẽ nhận ra mỗi người đều có một thân phận, những nỗi đau, những thất bại và sai lầm, những ước mong không thành... Nhờ đó, những người quanh ta trở nên có thực, là những con người hiện hữu chứ không chỉ là những cái bóng. Và ta sẽ thấy mình không hề đơn độc trên thế giới này. Cũng như sự yêu thương là có thật.

Khi mà nỗi cô đơn luôn rình rập chúng ta mỗi ngày, thì biết đâu trong một khoảnh khắc đầy may rủi của định mệnh, cái cảm giác không đơn độc ấy lại có thể cứu lấy cả một đời người!

(Nếu biết trăm năm là hữu hạn..., Phạm Lữ Ân, NXB Hội Nhà văn, 2016, tr.184 – 185)

Câu 1 (0.5 điểm): Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích.

Câu 2 (0.5 điểm): Hai câu “Nhờ đó, những người quanh ta trở nên có thực, là những con người hiện hữu chứ không chỉ là những cái bóng. Và ta sẽ thấy mình không hề đơn độc trên thế giới này” được liên kết với nhau bằng phép liên kết nào?

Câu 3 (1.0 điểm): Theo tác giả, vì sao “khi chúng ta cảm thấy cô đơn, chúng ta muốn tìm một ai đó để bấu víu, thì chỉ chạm vào những chiếc bóng mà thôi”?

Câu 4 (1.0 điểm): Em có đồng tình với quan điểm: “Khi mà nỗi cô đơn luôn rình rập chúng ta mỗi ngày, thì biết đâu trong một khoảnh khắc đầy may rủi của định mệnh, cái cảm giác không đơn độc ấy lại có thể cứu lấy cả một đời người”? Vì sao?

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1 (2.0 điểm): Từ nội dung đoạn trích trên, hãy viết bài văn ngắn (khoảng một trang giấy thi) về chủ đề điều kì diệu của sự sẻ chia.

Câu 2 (5.0 điểm): Cảm nhận của em về vẻ đẹp của đất nước và con người trong đoạn thơ sau:

Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nuong mạ

Tất cả như hồi hả

Tất cả như xôn xao...

Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước

(Mùa xuân nho nhỏ, Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập 2, NXB Giáo dục, 2008)

S
i
g
o
n
h
s)
tú
ig
u,
ét
öt
é
sú

DÁP ÁN

PHẦN

3

ĐỀ SỐ 1

Nội dung	Điểm
ĐỌC - HIỂU	
Câu 1: - Đoạn thơ trên trích từ văn bản <i>Ánh trăng</i> - Tác giả: Nguyễn Duy.	0.5
Câu 2: Nội dung chính: Hoàn cảnh sống hiện tại thay đổi khiến cho con người lãng quên ánh trăng tình nghĩa năm xưa.	0.5
Câu 3: - Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ: + Nhân hóa: “Vầng trăng đi qua ngõ”. + So sánh: “Vầng trăng đi qua ngõ như người dung qua đường”. + Liệt kê: Ánh điện, cửa gương. - Tác dụng: các biện pháp tu từ góp phần tô đậm cuộc sống tiện nghi hiện đại ở thành phố, vầng trăng vẫn rất gần gũi với con người nhưng con người lại vô tình với vầng trăng, vô tình với quá khứ đẹp đẽ ngày nào...	0.5
LÀM VĂN	
Câu 1: * Về hình thức: - Đảm bảo cấu trúc bài văn. - Trình bày mạch lạc, đúng chính tả. * Về nội dung: Học sinh thể hiện được những nội dung cơ bản sau: 1. <i>Mở bài</i> : Giới thiệu được ý kiến: Có những cách giao tiếp đem lại niềm vui và hạnh phúc cho người khác. Có những cách giao tiếp mang lại sự đau khổ và lòng thù hận. Để có một kết quả tốt đẹp khi giao tiếp cần phải biết tế nhị và tôn trọng người khác. 2. <i>Thân bài</i> : a. Giải thích: - Té nhị: tỏ ra khéo léo, nhã nhặn trong quan hệ đối xử, biết nghĩ đến những điểm nhỏ thường dễ bị bỏ qua. - Tôn trọng: tỏ thái độ đánh giá cao và cho là không được vi phạm hay xúc phạm đến. b. Phân tích, bàn luận, mở rộng vấn đề: - Té nhị, tôn trọng người khác là những phẩm chất cực kì quan trọng trong giao tiếp. - Biết té nhị và tôn trọng người khác trong giao tiếp sẽ dẫn đến sự hài hòa, vui vẻ và những kết quả tốt đẹp. Để biết té nhị và tôn trọng người khác đòi hỏi phải có sự từng trải, sâu sắc, tinh tế và được giáo dục kĩ. Phải biết tôn trọng người khác thì mới được người khác tôn trọng lại. Phải biết té nhị với người khác. - Phê phán những người tự cao, lỗ mảng, hời hợt không biết tôn trọng người khác thường dẫn đến những bi kịch đau đớn trong cuộc sống, làm việc gì cũng thất bại.	0.5 0.25 0.5 1.0

- Cố
 phạt
 c. B
 Mô
 3. K
 Giac
 là m
 văn
 Câu
 * Về
 - Đả
 - Vă
 * Về
 rõ cá
 1. M
 2. Th
 a. C
 - Côn
 - Hồi
 chỉ t
 → H
 b. N
 - Yêu
 + Són
 hoàn
 + Anl
 + Yêu
 đầy c
 + Anl
 - Côn
 + Són
 thấy
 + Anl
 thành
 những
 + Anl
 gái đ
 - Sắp
 + Són
 - trồn
 + Anh
 - Anh

<p>- Có đôi lúc đòi hỏi chúng ta phải can đảm “thiếu tế nhị” để nói thẳng sự thật dù đó là sự thật xúc phạm và làm đau lòng người thì mới mong nhận lại được sự tế nhị (dẫn chứng).</p> <p>c. Bài học nhận thức - hành động:</p> <p>Mỗi người phải tự nhắc nhở mình hàng ngày về việc giao tiếp tế nhị và biết tôn trọng người khác.</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>Giao tiếp biết tế nhị và tôn trọng người khác là chìa khóa để mang lại thành công và hạnh phúc. Đó là một trong những phẩm chất cần thiết của con người để tạo nên một xã hội có văn hóa, tốt đẹp và văn minh.</p>	0.5 0.25
<p>Câu 2</p> <p>* Về hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận về một nhân vật trong tác phẩm văn học. - Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. <p>* Về nội dung: Trên cơ sở nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm <i>Lặng lẽ Sa Pa</i> học sinh cần làm rõ các ý cơ bản sau:</p> <p>1. <i>Mở bài</i>: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật.</p> <p>2. <i>Thân bài</i>: Phân tích cụ thể vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên.</p> <p>a. Công việc và hoàn cảnh sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công việc: “làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu” - công việc đòi hỏi độ chính xác cao. - Hoàn cảnh sống: Sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn với độ cao hơn 2600 mét, suốt bốn mùa chỉ toàn “cây cỏ và mây mù lạnh lẽo”. <p>→ Hoàn cảnh sống khắc nghiệt, thiếu thốn; công việc đầy những khó khăn.</p> <p>b. Những phẩm chất tốt đẹp của anh thanh niên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu nghề, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc: + Sống một mình giữa đỉnh núi cao, không có ai theo dõi, quản lí nhưng anh thanh niên vẫn luôn hoàn thành công việc đúng giờ theo quy định. + Anh quan niệm “khi ta làm việc, ta với công việc là một, sao lại gọi là một mình được”. + Yêu công việc của mình, xem nó là cuộc sống của mình bởi với “Công việc của cháu gian khổ thật đây chứ cắt nó đi, cháu buồn đến chết mất”. + Anh luôn nói về công việc của mình với tất cả tình yêu, sự hào hứng. - Có tấm lòng cởi mở, hiếu khách, luôn quan tâm những người xung quanh: + Sống một mình giữa đỉnh núi cao, anh luôn mong muốn có người đến thăm, nói chuyện, luôn cảm thấy “thèm người”. + Anh thanh niên đã tiếp đón những người khách đến thăm nhà mình bằng tất cả tấm lòng nhiệt thành, tấm lòng cởi mở, sự nồng hậu, ấm áp. Anh trân trọng từng phút giây trò chuyện, gặp gỡ với những người khách lạ “Chỉ còn 30 phút”... + Anh tặng bác lái xe của tam thất anh vừa đào được chỉ bởi lần trước anh thấy bác lái xe nói bác gái đang ôm; anh tặng cô kĩ sư bó hoa to... - Sắp xếp cuộc sống ngăn nắp, khoa học, gọn gàng: + Sống một mình nhưng vẫn sắp xếp mọi thứ thật gọn gàng và vẫn giữ những thói quen thật tuyệt - trồng hoa, cả một vườn hoa với muôn màu sắc, anh còn nuôi gà, uống nước chè mỗi ngày... + Anh rất thích đọc sách. - Anh thanh niên là một người sống khiêm tốn, chân thật. 	0.5 0.25 0.5 3.0

+ Với anh thanh niên, công việc của mình chỉ là công việc bình thường như biết bao công việc khác. + Khi biết ông họa sĩ muốn vẽ mình, anh đã từ chối vì với anh, còn có rất nhiều người đáng để ngợi ca, để vẽ hơn mình. c. Mở rộng, liên hệ - Ngợi ca những con người lao động, hi sinh thầm lặng để cống hiến sức mình cho quê hương, đất nước. - Cuộc sống lao động giản dị nhưng cao đẹp ấy sẽ góp phần tạo nên vẻ đẹp tâm hồn trong mỗi con người. 3. Kết bài: Cảm xúc của bản thân về nhân vật.	0.5
	0.25

ĐỀ SỐ 2

Nội dung	Điểm
ĐỌC - HIỂU	
Câu 1:	
- Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm <i>Nói với con</i> .	0.25
- Tác giả: Y Phương.	0.25
Câu 2:	
- “Người đồng minh” là người vùng mình, người miền mình, có thể hiểu cụ thể là những người cùng sống trên một miền đất, cùng một quê hương, cùng một dân tộc.	0.25
- Người đồng minh sống trên đá, trong thung và cuộc sống hiện tại còn nhiều đói nghèo, khó khăn, cực nhọc. Chỉ với những hình ảnh mộc mạc cùng lối so sánh tự nhiên, người cha trong lời dặn dò con biết quý trọng những gì mình đang có, biết gắn bó và yêu thương quê hương còn nhiều khó khăn, đói nghèo.	0.25
Câu 3:	
- Phép so sánh “Sóng như sông như suối”.	0.25
- Ý nghĩa: Gọi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng minh. Gian khổ là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lâng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, đạt dào như dòng suối, con sông trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.	0.25
Câu 4:	
Bằng những hình ảnh thơ đẹp, giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, người cha muốn nói với con rằng:	0.5
- Tiếp nối truyền thống cha ông, kiên cường, bền bỉ vượt qua khó khăn.	
- Cha khuyên con tiếp nối tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra.	
- Sóng mạnh mẽ, phong khoáng, trong sạch như sông, như suối.	
- Dù gặp trở ngại con phải biết đương đầu với khó khăn, vượt qua thách thức, không được sống yếu hèn, hẹp hòi, ích kỉ. Phải sống sao cho xứng đáng với cha mẹ, với người đồng minh.	
LÀM VĂN	
Câu 1:	
* Về hình thức:	0.5
- Đàm bảo câu trúc đoạn văn (dung lượng 10 - 15 câu).	
- Trình bày mạch lạc, đúng chính tả.	

- * Về
1. Mô
2. Th
a. Vì
- Sác
- Đọc
- Sácl
b. Gi
- Hiết
- Tạo
- Trợ
với nl
- Trợ
với nl
c. Liê
- Hiết
dung
- Hậu
thiếu
- Liên
cuốn s
3. Kết

Câu 2
* Về l
- Đàm
- Văn
* Về i
làm rõ
1. Mở
- Tác ı
chồng
- Sinh
chỉ xo
- Tác p
in tron
- Khái
nghiệt
2. Thủ
a. Giới
- Là ng
- Có tì
- Hí sis



* Về nội dung: Học sinh thể hiện được những nội dung cơ bản sau:	
1. <i>Mở đoạn</i> : Giới thiệu vấn đề nghị luận (thói quen luôn đọc sách)	0.25
2. <i>Thân đoạn</i> :	2.0
a. Vì sao cần phải đọc sách?	
- Sách cung cấp cho ta mọi tri thức trên tất cả các lĩnh vực: lịch sử, địa lý, văn học, xã hội,...	
- Đọc sách giúp chúng ta bồi dưỡng tinh thần và làm phong phú cuộc sống của chính mình.	
- Sách còn là người thầy, người bạn tốt của mỗi con người.	
b. Giải pháp để đọc sách trở thành thói quen:	
- Hiểu được tầm quan trọng của việc đọc sách đối với bản thân.	
- Tạo thói quen mỗi ngày, đọc một số trang nhất định về cuốn sách trong mảng mà mình quan tâm.	
- Trong nhà trường hoặc các tổ chức nên tổ chức các buổi thảo luận về sách theo chủ đề để chia sẻ với nhau những điều hay mà mình học được từ sách.	
- Trong nhà trường hoặc các tổ chức nên tổ chức các buổi thảo luận về sách theo chủ đề để chia sẻ với nhau những điều hay mà mình học được từ sách.	
c. Liên hệ, mở rộng:	
- Hiện trạng đọc sách của học sinh hiện nay: ít hứng thú, đọc truyện tranh, văn học tuổi teen với nội dung dễ dãi...	
- Hậu quả: làm cho vốn hiểu biết hạn chế, tình cảm không được bồi đắp; con người cư xử với nhau thiếu văn minh...	
- Liên hệ bản thân: Em có đang tạo cho mình thói quen đọc sách? Em học được điều gì từ những cuốn sách đã đọc?...	
3. <i>Kết đoạn</i> : Khẳng định lại tầm quan trọng của việc đọc sách.	0.25
Câu 2:	
* Về hình thức:	0.5
- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.	
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
* Về nội dung: Trên cơ sở nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm <i>Chiếc lược ngà</i> học sinh cần làm rõ các ý cơ bản sau:	
1. <i>Mở bài</i> : Nêu vấn đề nghị luận.	0.25
- Tác giả Nguyễn Quang Sáng (1932 - 2014): là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.	
- Sinh ra, lớn lên và hoạt động chủ yếu ở chiến trường miền Nam nên các sáng tác của ông hầu như chỉ xoay quanh cuộc sống con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình.	
- Tác phẩm <i>Chiếc lược ngà</i> được viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Được in trong tập truyện cùng tên.	
- Khái quát nội dung tác phẩm: thể hiện tình cha con sâu đậm trong hoàn cảnh chiến tranh khắc nghiệt và được thể hiện rõ trong nhân vật ông Sáu.	
2. <i>Thân bài</i> :	0.5
a. Giới thiệu về ông Sáu	
- Là người nông dân Nam Bộ, giàu lòng yêu nước.	
- Có tinh thần trách nhiệm, nhiệt huyết với cách mạng.	
- Hi sinh vì Tổ quốc.	

- Ti
tri
Tìn
tử t
3. I
- N
- G

Câ
Kh
Kh
Câ
- Đ
- T
Câ
- B
- H
hiệt
lính

Câ
* V
- D
- Tr
* V
I. M
2. T
a. G
- T
là n
lòng
tron

⇒ Ông Sáu là người anh hùng dân tộc trong thời đại “ra ngõ gặp anh hùng”, thời đại cả nước kháng chiến chống Mỹ ác liệt, bom đạn khốc liệt. Bên cạnh đó, thông qua hình tượng nhân vật ông Sáu, tác giả còn làm nổi bật tính cảm phụ tử thiêng liêng trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt.

b. Trong 3 ngày ngắn ngủi về thăm con:

2.0

- Xúc động mãnh liệt trong khoảnh khắc gặp lại con sau 8 năm xa cách với các hành động: Vội vàng, hấp tấp nhảy lên bờ gọi con; đưa tay đón con; bước những bước dài tới bên con; khuôn mặt biến đổi vì nỗi xúc động.

- Đau đớn vì bé Thu không đáp lại tình cảm của ông mà sợ hãi bỏ chạy: hình ảnh ông “sầm mặt lại”; “đứng sững lại”; “hai tay buông thõng như bị gãy”.

⇒ Đau khổ, bất lực vì không biết làm thế nào để san bằng khoảng cách của không gian, thời gian.

- Suốt 3 ngày phép ông Sáu làm mọi cách để bé Thu thay đổi:

+ Ông không đi đâu, chỉ quanh quẩn bên con.

+ Ông không giận con mà chỉ khe khẽ lắc đầu, cười trước sự bướng bỉnh, xá lánh của con.

+ Thậm chí khi con bé chối từ sự chăm sóc của ông, ông đã đau đớn không giữ được bình tĩnh mà trách phạt con.

⇒ Ông đã kiên nhẫn, dịu dàng, bao dung rất mực đối với con mình.

- Khi chia tay, ông bộc lộ tình yêu con sâu nặng.

+ Anh không dám lại gần con, chỉ nhìn con bằng ánh mắt trùm mền, buồn rầu.

⇒ Ánh mắt cho thấy nỗi xót xa, cả sự yêu đuối của một người lính trước tình cảm gia đình.

+ Giọt nước mắt mà ông có giấu, lời hứa trở về cùng chiếc lược ngà cho con đã gói trọn tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc, mãnh liệt mà ông dành cho con.

⇒ Tình yêu con của ông Sáu đã chiến thắng mọi khoảng cách của sự biệt li. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, ấm áp và tràn đầy.

c. Khi ông trở lại chiến trường:

1.0

- Luôn cảm thấy ân hận, khổ tâm vì đã đánh con.

- Không quên lời hứa với con. Ông hiếu mơ ước ngày thơ của con. Cô bé muốn có một vật dụng để luân nhớ về cha.

+ Dồn nỗi nhớ, tình yêu và sự day dứt vào việc làm chiếc lược ngà.

+ Ông tỉ mỉ của từng răng lược, cẩn thận khắc từng nét chữ “Yêu nhó tặng Thủ con của ba”.

+ Lúc nhớ con, ông lấy cây lược ra ngắm nghía, mài lèn mái tóc.

- Thậm chí, cái chết cũng không cướp đi được tình yêu thương con của ông Sáu.

+ Vết thương nặng trong một trận càn khiến ông kiệt sức, không trăng trối được điều gì nhưng ông vẫn dồn hết tàn lực móc cây lược trao cho đồng đội và gửi gắm đồng đội qua ánh mắt.

+ Cây lược ấy đã được trao lại cho bé Thu. Tình cha con đã không chết, nâng đỡ cô bé trưởng thành, vượt lên mọi đau thương mất mát.

⇒ Ông Sáu là biểu tượng cho tình yêu thương, sự ân cần và che chở của người cha dành cho con mình. Qua đó ta thấy được sự bất tử của tình cảm cha con.

d. Nhận xét

0.5

- Ông Sáu là biểu tượng của người lính yêu nước, người cha giàu tình yêu thương con.

- Tác giả xây dựng những tình huống đặc sắc.

- Nghệ thuật kể chuyện bất ngờ, hấp dẫn.

<p>- Truyện viết trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt nhưng lại tập trung vào tình cha con, tình đồng chí trong những hoàn cảnh éo le. Đặc biệt là tình cảm cha con sâu nặng, cao đẹp của người chiến sĩ. Tình cảm ấy được miêu tả cảm động từ hai phía bằng ngòi bút miêu tả tinh tế, chính xác, bắt nguồn từ tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng yêu thương, trân trọng con người.</p> <p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhân vật ông Sáu là một sáng tạo nghệ thuật thành công của tác giả. - Giúp ta thẩm thấu sâu sắc hơn những vẻ đẹp của con người trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. 	<p>0.25</p>
---	-------------

ĐỀ SỐ 3

Nội dung	Điểm
ĐỌC - HIỂU	
Câu 1: <i>Không có kính rồi xe không có đèn Không có mui xe, thùng xe có xước.</i>	0.5
Câu 2: - Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm <i>Bài thơ về tiêu đội xe không kính</i> - Tác giả: Phạm Tiến Duật.	0.25 0.25
Câu 3: - Biện pháp nghệ thuật: điệp từ “không”, liệt kê (không kính, không đèn, không có mui xe, xe có xước). - Hiệu quả: Tái hiện chân thực hình ảnh của những chiếc xe trên tuyến đường Trường Sơn, tô đậm hiện thực khó khăn, thiếu thốn, gian khổ, khốc liệt của chiến trường và bản lĩnh của những người lính lái xe.	0.25 0.25
Câu 4: “Trái tim” là hình ảnh hoán dụ chỉ những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn. Qua đó ngoại ca tinh thần trách nhiệm, ý chí chiến đấu của người lính – những con người dũng cảm, kiên cường, dã, đang và luôn dành trọn tình yêu cho đất nước và nhân dân.	0.5
LÀM VĂN	
Câu 1: * Về hình thức: - Đảm bảo cấu trúc bài văn. - Trình bày mạch lạc, đúng chính tả. * Về nội dung: Học sinh thể hiện được những nội dung cơ bản sau: 1. <i>Mở bài</i> : Giới thiệu vấn đề nghị luận. 2. <i>Thân bài</i> : a. Giải thích - Thành công là đạt được ước mơ, hoài bão, khát vọng, là sống đầy đủ về tinh thần và vật chất, là nhận được những gì mình muốn về công việc, cuộc sống; là được sống hạnh phúc, vui vẻ, mờ lòng với thế giới, có ích với mọi người; là mục đích cao quý, đích đến cuối cùng của con người trong đời...	0.5 0.25 2.0

- Lười biếng là thói quen xấu làm suy giảm khả năng suy nghĩ, tư duy, làm việc, là ý lại vào người khác, không tự thân vận động ... → Người lười biếng là người ngại suy nghĩ, không muốn học tập, không muốn lao động, ngại vận động.

⇒ Ý nghĩa cả câu nói: Trên đường đến với những thành quả tốt đẹp, những niềm hạnh phúc, chạm đến ước mơ và khát khao không thể có dấu chân người lười biếng, dấu chân của những người không tự mình tìm tòi, học hỏi mà chỉ dựa dẫm, ý lại vào người khác...

b. **Bàn luận:**

- Câu nói trên là một cách nhìn nhận đúng đắn về cuộc sống, về bước đường đến thành công.

- Con đường dẫn tới thành công là con đường đầy khó nhọc, thử thách, không phải con đường băng nhung lụa.

- Không có một thành quả, thành công nào mà không phải đổi bằng mồ hôi và công sức, trong suốt quá trình đó con người phải cần cù, miệt mài, chịu khó và có ý chí quyết tâm cao mới thành.

- Chứng minh câu nói bằng dẫn chứng thực tế (Dẫn chứng: Người nông dân làm ra hạt gạo phải một nắng hai sương, một học sinh giỏi có ước mơ hoài bão cao đẹp không thể là một người lười nhác, thụ động,...)

- Tác hại của thói lười biếng: dần dần làm cho con người trở thành kẻ ăn bám, vô tích sự, trì trệ,... dẫn con người đến sự bần cùng, đói nghèo và là nguyên nhân của mọi thói xấu khác.

- Câu nói của Lỗ Tấn đã phê phán thói kẻ lười biếng, đưa ra một cách nhìn nhận đúng đắn để con người đến với thành công. Không một thành quả nào lại không có sự nỗ lực cố gắng, không một kết quả tốt đẹp nào lại in dấu bước chân kẻ lười biếng. Bất cứ sự thành công nào cũng cần có sự cần cù, chăm chỉ, kiên trì, chịu khó. Lười biếng, ý lại sẽ chẳng bao giờ làm được điều gì có ý nghĩa.

- Trên bước đường thành công, đôi khi không chỉ cần sự cần cù, chăm chỉ... mà còn cần cả những ý tưởng sáng tạo, sự thách thức của cuộc sống để con người vượt qua bằng nghị lực và bản lĩnh, niềm đam mê và khát khao cháy bỏng giữa cuộc đời.

c. **Bài học về nhận thức và hành động:**

- Cần phải cố gắng học hỏi, chăm chỉ, cần cù để vượt qua mọi thử thách của cuộc sống vươn đến sự thành công;

- Tránh những thói hư tật xấu làm đình đốn trì trệ con đường đến với sự thành công: lười biếng, ý lại, tự thỏa mãn với bản thân,...

3. **Kết bài:**

Khẳng định lại vấn đề hoặc mở rộng vấn đề bằng cách nghĩ của mỗi cá nhân về câu nói ấy trong cuộc đời.

Câu 2:

* **Về hình thức:**

- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.

- Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

* **Về nội dung:** Trên cơ sở nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm *Làng* học sinh cần làm rõ các ý cơ bản sau:

1. **Mở bài:** Giới thiệu vấn đề nghị luận.

- Truyện ngắn “Làng” và tác giả Kim Lân.

- Dẫn dắt vấn đề: Nhân vật ông Hai với tình yêu làng, yêu nước, yêu kháng chiến hòa bình, nồng thắm.

2. **Thân bài:**

a. Tình yêu làng của ông Hai:

* Niề
- Ông
- Nỗi
+ Ng
+ Lo
* Đại
- Cố
góm,
- Khi
- Ông
có ai
- Lo s
⇒ Vé
đỗ tan
chỉ xâ
như đ
* Niề
- Mặt
- Về n
- Ông
b. Tìn
- Hồi c
- “Ruč
- Khi
nhưng
- Ông
em đồi
- Ông
⇒ Nh
nước;
c. Nhâ
Nhân v
mạng, i
động. I
Việt N
3. Kết
- Nhà v
những
- Qua v
nghĩa:
thân th

0.25

0.5

0.25

2.5

<ul style="list-style-type: none"> * Niềm tự hào, kiêu hãnh của ông Hai về làng: - Ông lão hay khoe về cái làng của mình. - Nỗi nhớ về làng khi ở nơi tịt cư: + Nghĩ về làng của mình, nghĩ về những buổi làm việc cùng anh em. + Lo lắng, nhớ đến làng “Chao ôi! Ông lão nhớ cái làng này quá”. 	
<ul style="list-style-type: none"> * Đau đớn, tủi nhục khi nghe tin làng theo giặc: - Cố ông nghẹn, giọng lạc hẳn đi. Ông quá xấu hổ nên đã chép miệng, đánh trống làng: “Hà, nắng góm, về nào...” rồi cúi mặt mà đi. - Khi về nhà, ông nằm vật ra giường, trần trộc không ngủ được. - Ông nhìn đám trẻ ngây thơ mà bị mang tiếng Việt gian rồi khóc. - Ông điềm lại mọi người trong làng nhưng thấy ai cũng có tinh thần căm nêng ông vẫn không tin lại có ai làm điều nhục nhã ấy. - Lo sợ sẽ bị bà chủ nhà sẽ đuổi vì ông biết rằng nơi đây ai cũng khinh bi và không chịu chấp Việt gian. <p>⇒ Với ông Hai, tin làng Chợ Dầu theo giặc là một cú “sốc” lớn. Niềm tự hào về làng của ông sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quý nhất nay đã quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như đã chết đi một lần nữa.</p>	
<ul style="list-style-type: none"> * Niềm vui sướng, hạnh phúc khi nghe tin làng được cải chính: - Mặt ông vui tươi, rạng rỡ hẳn lên. - Về nhà, ông chia quà cho lũ trẻ xong liền chạy khắp xóm để loan tin. - Ông qua nhà bác Thủ và kể chuyện về làng của mình. 	1.0
<p>b. Tình yêu nước, yêu kháng chiến của ông Hai</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồi ở làng, ông rất tích cực tham gia kháng chiến, cùng anh em đào đường, đắp ụ, xé hào, khuân đá... - “Ruột gan ông lão cứ rối cả lên, vui quá!” khi nghe các tin dân ta đánh Tây từ phòng thông tin. - Khi nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây, ông kiên quyết không về cái làng ấy nữa “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thử”. - Ông và con ông đều ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm (cuộc đối thoại giữa hai cha con); “Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ soi xét cho bố con ông”. - Ông hoan hỉ, hò hởi thông báo: “Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ! Đốt nhẫn!” <p>⇒ Như vậy, ở ông Hai, tình yêu làng là cơ sở cho tình yêu nước, yêu kháng chiến. Song tình yêu nước, yêu cách mạng có ý nghĩa định hướng cho tình yêu làng.</p>	1.0
<p>c. Nhận xét</p> <p>Nhân vật ông Hai đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả bởi tình yêu làng, yêu nước, yêu cách mạng nồng nàn, thắm thiết. Những tình cảm ấy hài hòa, thống nhất, hòa quyện vào nhau, thật cảm động. Điều này cho thấy những chuyển biến mới trong nhận thức và tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp.</p>	0.5
<p>3. Kết bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà văn xây dựng được những tình huống truyện đặc sắc, miêu tả thành công tâm lí nhân vật qua những cuộc đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm đa dạng. - Qua việc thể hiện tình yêu làng, tình yêu nước của ông Hai nhà văn còn mang một thông điệp ý nghĩa: tình yêu Tổ quốc chẳng đến từ đâu xa xôi, nó bắt nguồn từ những tình cảm gần gũi, bình dị, thân thương nhất 	0.25

ĐỀ SỐ 4

Nội dung	Điểm
DỘC - HIỆU	
Câu 1:	
- Người kể chuyện trong đoạn văn trên là ông Ba (xưng “tôi” – ngôi thứ nhất).	0.25
- Hiệu quả của cách chọn ngôi kể:	0.75
+ Làm tăng tính khách quan, chân thực cho câu chuyện bởi người kể chuyện đồng thời cũng là một người trong cuộc chứng kiến những sự việc xảy ra.	
+ Người kể chuyện dễ dàng đan xen vào những bình luận, những cảm xúc, suy nghĩ hết sức thấu đáo để người đọc có thể hiểu và đồng cảm với câu chuyện.	
+ Người kể chuyện có nhiều cơ hội tìm hiểu đi vào thế giới nội tâm nhân vật một cách sâu sắc.	
Câu 2:	
- Đoạn trích kể lại giây phút chia tay đầy xúc động của cha con ông Sáu khi vừa mới thực sự nhận nhau.	0.25
- Khi chứng kiến giây phút này, bà con xung quanh và nhân vật “tôi” xúc động đến vậy, bởi vì:	0.25
+ Tình cảm cha con ông Sáu rất tha thiết, mãnh liệt.	
+ Giây phút hạnh phúc nhất của hai cha con ngắn ngủi xiết bao. Con nhận ba và gọi tiếng ba cũng chính là lúc ba phải ra đi. Những cố gắng níu kéo ba ở lại của con thật vô vọng và sẽ không thực hiện được.	
Câu 3:	
- Lời dẫn trực tiếp:	0.25
+ Ba đi rồi ba về với con.	
+ Không.	
- Chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp:	0.25
+ Anh nói với nó rằng anh đi rồi anh lại về với nó.	
+ Con bé hé lén rằng nó không chịu.	
Câu 4:	1.0
Bé Thu là một em bé có tình yêu thương ba sâu sắc. Ban đầu, em không nhận ông Sáu cũng bởi trong lòng em chỉ có một người cha duy nhất đó là người trong bức ảnh chụp chung với má. Sau đó, khi hiểu ra tất cả mọi chuyện, em đã vô cùng ăn năn, hối hận, không muốn cho ba đi; nhưng đó là điều không thể. Vậy mới thấy Thu cũng là một em bé vô cùng đáng thương. Em là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa.	
LÀM VĂN	
Câu 1:	
* Về hình thức:	0.25
- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn, đúng dung lượng yêu cầu (khoảng 2/3 trang giấy).	
- Trình bày mạch lạc, đúng chính tả.	
* Về nội dung: Học sinh thể hiện được những nội dung cơ bản sau:	
1: <i>Mở đoạn:</i> Giới thiệu vấn đề nghị luận.	0.25
Sự hi sinh của con người trong chiến tranh.	

2. Tí
 a. Tí
 - Ha
 nhện
 - Đề
 chính
 b. Cí
 c. Sú
 - Sú
 + Xa
 tinh
 + Ch
 biết t
 + Ch
 - Sú
 + Ch
 + Coi
 ⇒ Tr
 lăng i
 d. Liê
 - Lê
 - Khi
 3. Ké
 Câu 1:
 * Về
 - Dân
 - Văn
 * Về
 rõ các
 1. Mở
 - Bài
 - Dẫn
 giàu ý
 2. Thá
 a. Ngù
 - Trên
 mà tư
 - Chỉ
 đồng i
 dị, từ l
 mạc đ

2. <i>Thân đoạn:</i>	
a. Tóm tắt lại câu chuyện của cha con ông Sáu	0.25
- Hai ba con xa cách 7 năm; ông Sáu được nghỉ phép ba ngày nhưng bé Thu nhất quyết không nhận cha.	
- Đến khi ông Sáu sắp đi, bé Thu mới nhận cha, được sống trong tình cảm cha con nhưng đó lại chính là lần gặp cuối cùng của họ.	
b. Chiến tranh là gì? Hậu quả dễ thấy của chiến tranh là gì?	0.25
c. Sự hi sinh của con người trong chiến tranh:	0.5
- Sự hi sinh của những người lính chiến:	
+ Xa gia đình; không được thực hiện quyền, nghĩa vụ làm chồng, làm cha; không được sống trong tình cảm gia đình đầm ấm.	
+ Chiến tranh hủy hoại thân xác người lính; Như ông Sáu bị vết theo dài trên mặt, vết theo gây nên biết bao bi kịch.	
+ Chiến tranh cướp đi sinh mạng người lính.	
- Sự hi sinh của những người hậu phương:	
+ Chồng đi biến biệt, những người vợ "có chồng cũng như không" cả đời một mình vò vĩnh nuôi con.	
+ Con trẻ thiếu thốn tình cảm của cha, tạo thành những bi kịch đẫm nước mắt	
⇒ Trong suốt quá trình kháng chiến trường kỳ, có hàng triệu triệu người đã hi sinh một cách thầm lặng mà phi thường như thế.	0.25
d. Liên hệ mở rộng:	
- Lên tiếng phản đối chiến tranh phi nghĩa.	
- Khi Tổ quốc bị xâm lăng thì cần kiên cường đứng lên bảo vệ nền độc lập dân tộc.	
3. <i>Kết đoạn:</i> Cảm nhận về vấn đề nghị luận.	0.25
Câu 2:	
* Về hình thức:	0.25
- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.	
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
* Về nội dung: Trên cơ sở nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm <i>Nói với con</i> học sinh cần làm rõ các ý cơ bản sau:	
1. <i>Mở bài:</i> Giới thiệu vấn đề nghị luận.	0.25
- Bài thơ <i>Nói với con</i> của Y Phương.	
- Dẫn dắt vấn đề: Người đồng minh hiện lên với những phẩm chất tốt đẹp: yêu lao động; lạc quan, giàu ý chí nghị lực; thủy chung tình nghĩa với quê hương; tự lực tự cường.	
2. <i>Thân bài:</i>	
a. Người đồng minh đáng yêu bởi sự giản dị và tài hoa:	1.0
- Trên quê hương thơ mộng nghĩa tình, người đồng minh hiện lên trong cuộc sống lao động cần cù mà tươi vui: "Người đồng minh yêu lắm, con ơi! / Đan lò cái nón hoa/ Vách nhà khen câu hát".	
- Chỉ với những câu thơ ngắn gọn, nhà thơ giúp ta hình dung được hình ảnh đáng yêu của người đồng minh giữa núi rừng thơ mộng, hiền hòa. Vẻ đẹp của họ được gợi ra từ cuộc sống lao động bình dị, từ bàn tay tài hoa và khôi ốc sáng tạo. Họ có niềm vui giản dị, tinh tế ngay trong cuộc sống mộc mạc đời thường.	

b. Người đồng minh giàu ý chí nghị lực, biết vượt qua khó khăn, gian khổ:	1.0	Câu 2 - Lời 1 - Bởi v tự nhủ
- Người đồng minh không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước: “Người đồng minh thương lâm con ơi! Cao đồi nỗi buồn/ Xa nuôi chí lớn”.		
- Có thể nói, cuộc sống của người đồng minh còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiêng thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.		Câu 3 - Hoài một m lời mi - Lời c thủy el - Đoạn Vũ N biểu ch dưỡng nghi oa
c. Người đồng minh dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn:	1.0	
- “Sông trên đá không chê đá gấp ghềnh/ Sông trong thung không chê thung nghèo đói/ Sông như sông như suối/ Lên thác xuống ghềnh/ Không lo cực nhọc”. Phép liệt kê với những hình ảnh ẩn dụ “đá gấp ghềnh”, “thung nghèo đói” gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc.		Câu 4: 2 chi ti - Phan - Vũ N lòng rụ
- Vận dụng thành ngữ dân gian “Lên thác xuống ghềnh”; ý thơ gợi bao nỗi vất vả, lam lũ. ⇒ Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.		
d. Người đồng minh có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc:	1.0	Câu 1: * Về hì - Đàm l - Trình * Về nç 1. Mở a Dẫn dắt 2. Thán a. Giải t - Khi ch nỗi đau - Tình n lứa đôi, cảm bìn lớn lao b. Bàn l - Câu n quy luật
- Phẩm chất của người của con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi.		
- Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng minh. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí.		
- Cùng với ý thức tự lực, tự cường, người đồng minh còn ngời sáng tinh thần tự tôn dân tộc và khát vọng xây dựng quê hương.		
e. Nhận xét:	0.25	
- Thể thơ tự do, giọng điệu khóc khoán vừa tâm tình tha thiết vừa chứa chan hi vọng.		
- Những hình ảnh, từ ngữ mộc mạc,通俗.		
- Nhà thơ nói với con về những vẻ đẹp của người đồng minh.		
- Truyền cho con lòng tự hào về quê hương, dân tộc, nhắn nhủ con biết sống đẹp, biết vượt qua gian khổ bằng niềm tin, ý chí như người đồng minh.		
3. Kết bài	0.25	
- Qua lời thủ thi, tâm tình của người cha đối với con, hình ảnh của quê hương, của người đồng minh hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là mạch suối ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con.		
- Đọc bài thơ, hiểu về vẻ đẹp của những con người quê hương, ta yêu hơn, trân trọng hơn những con người làm giàu đẹp quê hương, đất nước.		

ĐỀ SỐ 5

Nội dung	Điểm
ĐỌC – HIỂU	
Câu 1:	
- Tác phẩm: <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i>	0.25
- Tác giả: Nguyễn Dữ.	0.25

Câu 2:	- Lời thoại trên là lời độc thoại của nhân vật Vũ Nương. - Bởi vì: Tuy viết “nàng... ngửa mặt lên trời mà than rằng” nhưng thực chất đây là lời của Vũ Nương tự nhủ với chính mình.	0.25 0.25
Câu 3:	- Hoàn cảnh lời thoại của Vũ Nương: Vũ Nương bị Trương Sinh nghi ngờ, ghen tuông, la mắng và một mực không tin tưởng lòng thủy chung của nàng dù nàng đã tha thiết phản trần, hàng xóm hết lời minh oan. Vũ Nương tuyệt vọng, quyết định tự sát sinh. - Lời đối thoại của Vũ Nương cho thấy nàng muốn khẳng định phẩm chất đoan trang, trong trắng, thủy chung của nàng với chồng. - Đoạn văn suy nghĩ về phẩm chất của nhân vật:	0.25 0.25 1.0
	Vũ Nương là người phụ nữ đẹp người đẹp nết. Nàng là người tiết hạnh, thủy chung, hiếu thảo tiêu biểu cho vẻ đẹp người phụ nữ truyền thống. Chồng đi lính xa, nàng ở nhà một mình nuôi con, phụng dưỡng mẹ chồng chu đáo. Thế nhưng cuộc đời trái ngang, nàng bị chính người chồng đầu ấp tay gối, nghi oan đến mức phải tự sát sinh. Người phụ nữ ấy đáng thương biết chừng nào!	
Câu 4:	2 chi tiết kí ảo trong “Chuyện người con gái Nam Xương”. - Phan Lang chết đuối nhưng được Linh Phi cứu sống. - Vũ Nương ngồi trên kiệu hoa ở giữa dòng sông, theo sau có đến năm mươi chiếc xe, cờ táń, vồng lọng rực rỡ, lúc ẩn, lúc hiện khi Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng.	0.5
LÀM VĂN		
Câu 1:	* Về hình thức: - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn, đúng dung lượng yêu cầu. - Trình bày mạch lạc, đúng chính tả. * Về nội dung: Học sinh thể hiện được những nội dung cơ bản sau: <i>1. Mở đoạn:</i> Giới thiệu vấn đề nghị luận. Dẫn dắt vấn đề nghị luận, câu nói của M.Faraday: “Mọi thứ sẽ qua đi chỉ còn tình người ở lại”. <i>2. Thân đoạn:</i> a. Giải thích câu nói: - Khi chúng ta nhìn lại cuộc sống của mình, rất dễ dàng để nhận ra mọi việc đều đến rồi đi. Niềm vui, nỗi đau, sự khen ngợi, chê trách, khó khăn, dễ dàng, thành đạt, thất bại và bao nhiêu điều khác nữa. - Tình người là những tình cảm đẹp đẽ của con người, gắn kết những trái tim. Nó có thể là tình cảm lứa đôi, tình cảm gia đình, bè bạn, và cao hơn cả là tình người nói chung. Đó có thể là những tình cảm bình dị nhất, gần gũi nhất từ sự quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống đến những tình cảm lớn lao hơn mang tính giai cấp, cộng đồng. b. Bàn luận (phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ...) - Câu nói trên có tác dụng như một sự nhắc nhở rằng mọi thứ đều có hạn, thời gian nhất định, một quy luật cơ bản là không có điều gì tồn tại mãi mãi.	0.25 0.5 0.5 0.5

<ul style="list-style-type: none"> Tình người đã tồn tại trong mỗi người từ lúc được sinh ra. Sau tiền tài, vật chất không gì áp hơn bằng một cái bắt tay, một nụ cười, một cái ôm, một lời động viên chân thành vì những gì hôm nay chưa chắc ngày mai ta còn đó. Tình người đã giúp cho mọi người gần nhau hơn. Trong cuộc sống, có vô vàn những người sẵn sàng dang tay giúp đỡ mọi người: dẫn chứng từ sự yêu thương, dùm bọc từ đại dịch Covid-19; sự chung tay góp sức ủng hộ miền Trung trong trận lụt lịch sử năm 2020... Thực tế, có những con người chạy theo quyền lực, danh lợi... sống thiếu chân thành, đề cao cái tôi cá nhân, lợi dụng hoặc xù nịnh kẻ khác mà đánh mất nhân tâm, đánh mất tình người... → một lối sống ti tiện và thiếu tình người. <p>c. Bài học nhận thức, hành động:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hãy sống yêu thương nhau. Đó là đạo đức của con người. Sống với tấm lòng rộng lượng, vị tha, sẵn sàng tha thứ, bỏ qua mọi lỗi lầm, sai phạm của người khác và không bao giờ nhắc đến... Liên hệ và bài học cho bản thân về động cơ sống và cách sống sao cho tình người còn mãi. <p>3. Kết đoạn: Khẳng định lại vấn đề.</p>	0.25
<p>Câu 2:</p> <p>* Về hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận. Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. <p>* Về nội dung: Trên cơ sở nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> học sinh cần làm rõ các ý cơ bản sau:</p> <p>1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> Bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận. Dẫn dắt vấn đề: <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Tình thần lao động hăng say và lòng biết ơn với biển khơi</p> <ul style="list-style-type: none"> “Ta hát bài ca gọi cá vào”: Người dân chài đã biến công việc nặng nhọc thành bài ca vui tươi. Tiếng hát của người dân chài có khả năng kì diệu gọi cá vào lưới. → Bút pháp lăng mạn khi miêu tả giúp cho công việc đánh cá đêm trở nên thơ mộng, thể hiện tình thần say mê, lạc quan; tinh yêu lao động của người lao động. <p>- Hình ảnh sáng tạo, giàu chất thơ “gõ thuyền đã có nhịp trăng cao”: trăng in bóng xuống nước, sóng vỗ vào mạn thuyền “gõ nhịp” gọi cá vào.</p> <p>- Cảm xúc dâng trào, ngợi ca biển cả đầy tha thiết: “Biển cho ta cá như lòng mẹ/ Nuôi lớn đòi ta tự buổi nào”.</p> <p>+ Biển không chỉ đẹp mà biển còn rất giàu, nguồn tài nguyên biển phong phú, đa dạng mang lại hạnh phúc cho con người.</p> <p>+ Hình ảnh so sánh “như lòng mẹ” quen thuộc là lời ca ngợi biển cả, thể hiện niềm tự hào của những người dân làng chài đối với biển quê hương và ví biển nuôi sống con người như một người mẹ chăm sóc, nuôi nấng bầy con.</p> <p>⇒ Con người luôn có khát vọng chiến thắng, làm chủ thiên nhiên nhưng cũng vô cùng biết ơn thiên nhiên.</p>	0.5
<p>Câu 1: Phươn</p> <p>Câu 2: Nội du trên tu phá bo</p> <p>Câu 3: - Hai c + Nô t + Khô - Hiệu nhanh,</p> <p>Câu 4: Đoạn t phá bo không</p>	
<p>Câu 1: * Về h</p> <p>- Đảm</p> <p>- Trình</p>	

b. Hình ảnh con người lao động với kết quả rực rỡ	2.0
<ul style="list-style-type: none"> - Khi bắt đầu ra khơi là ban đêm, lúc “sao mờ”, sắp sáng là thuyền trở về. - “Kéo xoăn tay”: Hình ảnh người ngư dân đầy sức sống, dáng người nghiêng mình trụ vững, dồn tất cả sức mạnh vào đôi cánh tay cuồn cuộn kéo lưới căng, khỏe vô cùng đẹp đẽ. - “Chùm cá nặng”: Gợi tả thành quả lao động bội thu, cho thấy lưới có rất nhiều cá, thỏa lòng mong mỏi của ngư dân. Đồng thời hình ảnh ấy còn ẩn chứa bao niềm vui tươi, sung sướng của người ngư dân trước thành quả mà họ đã tốn bao công sức mới thu hoạch được và niềm say mê công hiến, đóng góp những thành quả lao động của mình cho đất nước. - Vây đuôi của những chú cá lấp lánh ánh bình minh rực rỡ. Những từ “bạc, vàng” tạo cho câu thơ một màu sắc lấp lánh, vừa diễn tả sự giàu có của biển cả, vừa cho thấy thái độ tôn trọng của những người đánh cá với thành quả lao động của mình. Đồng thời đó còn là niềm biết ơn của họ trước sự hào phóng, ưu ái của biển cả đối với con người. - “Đón nắng hồng” biểu hiện trạng thái sáng khoái, phấn chấn của họ khi công việc thành công mỹ mãn. “Nắng hồng” không những khắc họa được vẻ đẹp tươi sáng của bầu trời mà còn thể hiện được lòng yêu đời, yêu thiên nhiên. Mùa hồng của một ngày mới, một cuộc đời mới đang chào đón mọi người. 	0.25
3. Kết bài: Khai quát lại giá trị nội dung, nghệ thuật đoạn thơ.	

ĐỀ SỐ 6

Nội dung	Điểm
ĐỌC – HIỂU	
Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: tự sự.	0.5
Câu 2: Nội dung chính đoạn trích: Đoạn trích tái hiện lại những cảnh tượng bom đạn chiến tranh khốc liệt trên tuyến đường Trường Sơn. Ở nơi đó có những nữ thanh niên xung phong dũng cảm chiến đấu, phá bom. Họ có tình đồng đội keo sơn, họ vô cùng gắn bó, yêu thương, quan tâm hết mực đến nhau.	0.5
Câu 3: <ul style="list-style-type: none"> - Hai câu rút gọn trong đoạn trích: + Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét. + Không thấy mây và bầu trời đâu nữa. 	0.25
<ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả của việc sử dụng các câu rút gọn: Làm cho câu văn ngắn gọn, tránh lặp từ; thông tin nhanh, nhịp văn dồn dập phản ánh được sự khốc liệt của chiến trường. 	0.25
Câu 4: Đoạn trích cho thấy Phượng Định là cô gái có tình yêu thương đồng đội sâu sắc. Khi đồng đội đi phá bom chưa về, cô vô cùng lo lắng, sốt ruột, trí não căng lên, “Có gì lí thú đâu, nếu các bạn tôi không về...”	0.5
LÀM VĂN	
Câu 1: <ul style="list-style-type: none"> * Về hình thức: - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn, đúng dung lượng yêu cầu. - Trình bày mạch lạc, đúng chính tả. 	0.5

* Về nội dung: Học sinh thể hiện được những nội dung cơ bản sau:	
1. <i>Mở đoạn</i> : Giới thiệu vấn đề nghị luận.	0.25
Sức mạnh của tinh thần đoàn kết.	
2. <i>Thân đoạn</i> :	
- Giới thiệu vắn tắt về những cô gái thanh niên xung phong trong tác phẩm <i>Những ngôi sao xa xôi</i> và tinh thần đồng chí đồng đội của họ.	
- Giải thích: Đoàn kết là sự hợp tác chung tay góp sức để kết thành một khối thống nhất. Sự thống nhất này cả về tư tưởng lẫn hành động nhằm thực hiện một mục đích chung. Mục đích của đoàn kết là nhằm đem lại lợi ích và phát triển của tập thể. Đoàn kết là một truyền thống tốt đẹp của nhân dân ta từ bao đời nay.	2.0
- Sức mạnh của tinh thần đoàn kết:	
+ Giúp con người hòa nhập, gắn kết trong cộng đồng;	
+ Tạo nên sức mạnh lớn lao để vượt qua khó khăn, đạt được thành công trong mọi hoàn cảnh.	
+ Dẫn chứng đời sống: đoàn kết của người Việt trong đại dịch Covid-19; tinh thần kết chung tay sẻ chia với miền Trung trong trận lụt 2020...	
- Phê phán những kẻ sống thiếu đoàn kết, ích kỉ, chỉ nghĩ cho riêng mình.	
3. <i>Kết đoạn</i> : Khẳng định lại ý nghĩa vấn đề.	0.25
Câu 2:	
* Về hình thức:	0.5
- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.	
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
* Về nội dung: Trên cơ sở nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm Đồng chí, <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> học sinh cần làm rõ các ý cơ bản sau:	
1. <i>Mở bài</i> :	0.25
Dẫn dắt giới thiệu 2 đoạn trích trong hai bài thơ Đồng chí và <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> .	
2. <i>Thân bài</i> :	2.0
a. Cảm nhận đoạn trích bài thơ Đồng chí.	
- Hoàn cảnh khắc nghiệt:	
+ Thời gian, không gian: rừng đêm hoang vu, lạnh lẽo.	
+ Không khí căng thẳng trước một trận chiến đấu. Trước mặt họ là cả những mắt mát, hi sinh không thể tránh khỏi.	
- Tư thế điềm tĩnh, chủ động “chờ giặc tới” của người lính. Nhờ tựa vào sức mạnh của tinh thần đồng đội. Họ “đứng cạnh bên nhau” và trở thành một khối thống nhất không gì lay chuyển nổi.	
- Hình ảnh thơ độc đáo, đầy sáng tạo “Đầu súng trắng treo”. Hình ảnh thơ được cảm nhận từ thực tiễn chiến đấu. Song hình ảnh này mang nhiều ý nghĩa biểu tượng phong phú:	
+ Gợi liên tưởng: chiến tranh - hòa bình, hiện thực - ảo mộng, kiên cường – lâng mạn, chất chiến sĩ – chất thi sĩ.	

+ Gó
về si
go, k
+ Gó
đạn
+ Gó
đến
b. C
- Đứ
+ Là
+ Ch
vì v
làm
⇒ H
góc,
- Hù
+ Ur
+ Ni
khó
c. N
- Di
khăr
- Đí
chât
nhẹ
3. K

Câu
Câu
Câu
- Bi
- Hí
như
Câu
Nội
bản

+ Gợi vẻ đẹp của tình đồng chí sáng trong, sâu sắc. sự xuất hiện của vàng trăng là một bằng chứng về sức mạnh kì diệu của tình đồng đội. Tình cảm ấy giúp tâm hồn người lính bay lên giữa lúc gay go, khốc liệt của chiến tranh. + Gợi vẻ đẹp của tâm hồn người lính – một tâm hồn luôn trong trẻo, tươi mát dấu phai băng qua lửa đạn chiến tranh. + Gợi vẻ đẹp tâm hồn dân tộc Việt Nam – một bàn tay giữ chắc cây súng mà trái tim luôn hướng đến những khát vọng thanh bình.	
b. Cảm nhận đoạn trích <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> .	1.5
- Được giới thiệu rất độc đáo: Không có kính không phải vì xe không có kính: + Là lời giải thích của người lính về chiếc xe không kính. + Chứa đựng tâm trạng xót tiếc, xuyệt xoa, lại có chút phân bua, thanh minh. Tâm trạng này dễ hiểu vì với người lính lái xe chiếc xe là niềm tự hào, là phương tiện để góp sức cho chiến tuyến, góp phần làm nên chiến thắng chung. ⇒ Hình ảnh chiếc xe không kính gợi sự khốc liệt của chiến trường; sự gian khổ khi lái xe; sự gan góc, kiên cường của người lính lái xe. - Hình ảnh người lính lái xe: + Ung dung, điềm tĩnh trước những khó khăn, thử thách. + Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng: Điện từ “nhìn” được lặp lại khẳng định tư thế hiên ngang, bất chấp khó khăn, đối diện thực tại của người lính.	
c. Nhận xét chung	0.5
- Điểm chung: Cả hai đoạn thơ đều mang đến những hình dung chân thực nhất về hoàn cảnh khó khăn, khắc nghiệt của chiến trường và hình ảnh những người lính quả cảm, gan dạ, hiên ngang. - Điểm khác nhau: Giọng điệu <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> có pha chút hóm hỉnh, vui tươi đậm chất lính trẻ của người lính trong kháng chiến chống Mỹ. Giọng điệu bài thơ <i>Đồng chí thi trầm lắng</i> , nhẹ nhàng hơn.	
3. Kết bài: Khái quát lại cảm nhận chung; đặc sắc nghệ thuật, nội dung hai đoạn trích.	0.25

ĐỀ SỐ 7

Nội dung	Điểm
ĐỌC – HIỂU	
Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0.5
Câu 2: Thành phần biệt lập: “chắc chắn”.	0.5
Câu 3: - Biện pháp tu từ: lặp cấu trúc “bạn có thể không... nhưng”, “bạn không... nhưng”. - Hiệu quả: Con người ai cũng có những khiếm khuyết (<i>không thể, không</i>), không ai hoàn hảo cả nhưng quan trọng là mỗi chúng ta biết nhìn nhận phát huy những giá trị của bản thân mình có.	0.25 0.25
Câu 4: Nội dung chính của đoạn trích: Mỗi con người trong chúng ta đều có những giá trị riêng và chính bản thân chúng ta cần biết trân trọng những giá trị đó.	0.5

LÀM VĂN

Câu 1:	
* Về hình thức:	0.25
- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn, đúng dung lượng yêu cầu.	
- Trình bày mạch lạc, đúng chính tả.	
* Về nội dung: Học sinh thể hiện được những nội dung cơ bản sau:	
1. <i>Mở đoạn:</i> Giới thiệu câu tục ngữ Nga “Đừng xấu hổ khi không biết, chỉ xấu hổ khi không học”.	0.25
2. <i>Thân đoạn:</i>	
a. Giải thích:	0.25
- Từ “xấu hổ”: Đó là trạng thái tâm lí bình thường của con người khi cảm thấy ngượng ngùng, e thẹn hoặc hổ thẹn khi thấy kém cỏi trước người khác.	
- Ý nghĩa cả câu: chỉ ra sự khác nhau giữa “không biết” và “không học”, đồng thời khuyên con người phải ham học hỏi và biết “xấu hổ khi không học”.	
b. Bàn luận:	2.0
- Dùng lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định sự đúng đắn của câu ngạn ngữ.	
+ Tại sao lại nói: “Đừng xấu hổ khi không biết”? Tri thức của nhân loại là vô hạn; khả năng nhận thức của con người là hữu hạn. Không ai có thể biết được mọi thứ, không ai tự nhiên mà biết được. Không biết vì chưa học là một điều bình thường, không có gì phải xấu hổ cả.	
+ Tại sao nói: “chỉ xấu hổ khi không học”? Vì việc học có vai trò rất quan trọng đối với con người trong nhận thức, trong sự hình thành nhân cách, trong sự thành đạt, trong cách đối nhân xử thế và trong việc công hiến đối với xã hội. Không học thể hiện sự lười nhác về lao động, thiếu ý chí cầu tiến, thiếu trách nhiệm với bản thân và xã hội. Việc học là một nhu cầu thường xuyên, phổ biến trong xã hội từ xưa đến nay, từ việc nhỏ như “Học ăn, học nói, học gói, học mở” đến những việc lớn như “kinh bang tế thế”, đặc biệt trong thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, phát triển vũ bão về khoa học công nghệ như hiện nay. Việc học giúp chúng ta sống tốt hơn, đẹp hơn, hoàn hảo hơn.	
- Mở rộng về hiện tượng: “giấu dốt, thói tự kiêu, tự mãn”.	
- Bài học rút ra:	
+ Muốn việc học có kết quả, cần có phương thức học tập đúng đắn, phong phú: học ở trường, ở gia đình, ở xã hội, ở bạn bè, trong thực tế, trong sách vở, trong phim ảnh.	
+ Học phải kết hợp với hành, biến nó trở thành sức mạnh phục vụ cho cuộc sống của chính mình và xã hội, có như vậy, việc học mới có ý nghĩa thực sự đúng đắn.	
+ Không giấu dốt, không ngại thú nhận những điều mình chưa biết để từ đó cố gắng học tập, tích cực rèn luyện, và không ngừng vươn lên.	
+ Khẳng định việc học là vô cùng quan trọng, không chịu học là điều đáng xấu hổ.	
c. <i>Kết đoạn:</i> Khẳng định ý nghĩa sâu xa của ý kiến và những bài học mà bản thân em cần ghi nhớ.	0.25
Câu 2:	
* Về hình thức:	0.5
- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.	
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
* Về nội dung: Trên cơ sở nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm <i>Bếp lửa</i> học sinh cần làm rõ các ý cơ bản sau:	
a. <i>Mở bài:</i>	0.25
Dẫn dắt vấn đề nghị luận xã hội: dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà trong bài thơ <i>Bếp lửa</i> được thể hiện trong đoạn thơ	

b. T
 * Ni
 - “T
 đứa
 của
 - Kh
 chát
 ngườ
 đau
 chát
 → M
 la, s
 với l
 nghĩ
 - Bà
 hươ
 đồng
 + Ti
 chín
 + Tu
 niê
 lam
 + Câ
 nỗi l
 ⇒ N
 chuy
 bà k
 một
 của
 * Đă
 - Sư
 - Thủ
 - Gi
 c. K
 cảm

Câu
 Câu

b. <i>Thân bài</i> : Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt năm năm bên bà	
* Nhớ về những kỉ niệm là nhớ về bếp lửa, nhớ về tình bà trong suốt năm năm bên bà:	3.5
- “Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa”: Tám năm là khoảng thời gian dài, là cả tuổi thơ của một đứa trẻ. Trong thời gian ấy, cháu nhận được sự yêu thương, che chở, dưỡng nuôi tâm hồn từ tấm lòng của bà. Tám năm ấy, cháu sống cùng bà vất vả, khó khăn nhưng đầy tình yêu thương.	
- Kháng chiến bùng nổ, “Mẹ cùng cha công tác bạn không về”, bà vừa là cha, lại vừa là mẹ: “bà bảo cháu nghe; bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”. Chính bà là người đã nuôi dưỡng, dạy dỗ cháu nên người. Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế để nhắc nhở cháu về truyền thống gia đình, về những đau thương mất mát và cả những chiến công của dân tộc. Bà luôn bên cháu, dạy dỗ, chăm sóc cho cháu lớn lên.	
→ Một loạt các từ ngữ “bà bảo”, “bà dạy”, “bà chăm” vừa diễn tả một cách sâu sắc tình thương bao la, sự chăm chút hết mình của người bà dành cho cháu, vừa thể hiện được lòng biết ơn của cháu đối với bà. Tình yêu và kính trọng bà của tác giả được thể hiện thật chân thành, sâu sắc: “Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.	
- Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà lại gợi thêm một kỉ niệm tuổi thơ - kỉ niệm gắn với tiếng chim tu hú trên đồng quê mỗi độ hè về.	
+ Tiếng chim tu hú - âm thanh quen thuộc của làng quê Việt Nam mỗi độ hè về, báo hiệu mùa lúa chín vàng đồng, vải chín đỏ cây.	
+ Tiếng chim như giục giã, như khắc khoải một điều gì đã diết khiến lòng người trỗi dậy những hoài niệm, nhớ mong. Phải chăng đó chính là tiếng đồng vọng của đất trời để an ủi, sẻ chia với cuộc đời lam lũ của bà?	
+ Câu hỏi tu từ “Tu hú oì chẳng đèn ở cùng bà – Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?” diễn tả nỗi lòng đa diết của tác giả khi nhớ về tuổi thơ, nhớ về bà.	
⇒ Những câu thơ như lời đối thoại tâm tình, cháu trò chuyện với bà trong tâm tưởng, cháu trò chuyện với chim tu hú trong tình yêu thương. Và tất cả đều là sự bộc bạch của cháu dành cho người bà kính yêu. Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mènh梦 khiến cả bài thơ nhuộm phủ sắc báng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong truyện cổ tích.	
* Đặc sắc nghệ thuật:	0.5
- Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm và miêu tả, tự sự và bình luận.	
- Thể thơ tam chữ kết hợp với 7 chữ, 9 chữ phù hợp với việc diễn tả dòng cảm xúc và suy ngẫm về bà.	
- Giọng điệu tâm tình, thiết tha, tự nhiên, chân thành.	
c. <i>Kết bài</i> : Dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà càng cho ta thấy rõ tình cảm thiêng liêng giữa bà với cháu.	0.25

ĐỀ SỐ 8

Nội dung	Điểm
ĐỌC – HIỂU	
Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: tự sự.	0.5
Câu 2: Thành phần biệt lập gọi – đáp: <i>Con oii!</i>	0.5

- KI
+ T
buồ
ruội
+ C
môi
- N
bé
b. C
- H
Kiè
- Li
thể
⇒ C
doạ
c. C
- M
+"
+"
⇒ T
thơ
d. C
Ấn
sốn
e. F
- Đ
ng
- N
⇒ C
- H
- N
- T)
- H
3. J

Câu 3: Câu chuyện đề cập đến mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc đời mỗi con người. Khi con người trao tặng cho người khác tình cảm gì thì sẽ nhận lại được tình cảm đó. Đó là mối quan hệ nhân quả và cũng là quy luật tất yếu của cuộc sống.	1.0
LÀM VĂN	
Câu 1:	
* Về hình thức:	0.25
- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn, đúng dung lượng yêu cầu.	
- Trình bày mạch lạc, đúng chính tả.	
* Về nội dung: Học sinh thể hiện được những nội dung cơ bản sau:	
1. <i>Mở đoạn:</i> Dẫn dắt vấn đề: Cho và nhận.	0.25
2. <i>Thân đoạn:</i>	
- Giải thích:	0.25
+ “Cho”: là hành động gửi tặng đến người khác dưới nhiều hình thức: cụ thể, hữu hình (một bông hoa, một món quà, một nụ cười...); vô hình, trừu tượng (tình yêu, cuộc đời của cha mẹ cho con cái; tri thức, hiểu biết, kinh nghiệm của thầy cô cho học trò; những lời khuyên chân thành...).	
+ “Nhận”: là sự đáp lại hành động “cho” của người khác.	
- Biểu hiện của mối quan hệ cho – nhận trong cuộc sống	1.0
+ Mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” trong cuộc sống vô cùng phong phú, bao gồm cả vật chất lẫn tinh thần.	
+ Mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” không phải bao giờ cũng ngang bằng nhau trong cuộc sống: Có khi ta cho nhiều nhưng nhận lại ít hơn và ngược lại.	
+ Mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” không phải bao giờ cũng là mình “cho” người đó và “nhận” từ người đó, mà nhiều khi lại nhận được ở những người mà mình chưa hề cho. Và cái mình nhận có khi là sự bằng lòng với chính mình, là sự hoàn thiện hơn nhân cách làm người của mình trong cuộc sống.	1.0
- Thế nào là “cho” và “nhận” một cách đúng đắn, có văn hóa?	
+ “Cho”: phải thể hiện tình cảm chân thành, yêu mến, tôn trọng người khác chứ không phải là sự ban ơn, trịch thượng của người trên với người dưới.	
+ “Nhận”: người nhận cũng phải thể hiện lòng biết ơn, trân trọng người cho, tặng mình. Dù có từ chối cũng phải rất nhã nhặn, lịch sự, chân thành.	
+ Mối quan hệ giữa “cho” và “nhận” là quan hệ hai chiều. Nếu chỉ biết “nhận” thì sẽ trở thành kẻ ích kỉ, không thể tồn tại mối quan hệ lâu dài với người khác. Nếu biết cho đi, thì sẽ được nhận những tình cảm yêu thương của người khác, sẽ tạo thành sức mạnh đoàn kết bền chặt.	
+ Để cho nhiều hơn, con người cần phải cố gắng phấn đấu rèn luyện và hoàn thiện mình, làm cho mình giàu có cả về vật chất lẫn tinh thần để có thể yêu thương nhiều hơn cuộc đời này.	0.25
3. <i>Kết đoạn:</i> Tổng kết lại vấn đề, bài học bản thân và mọi người.	
Câu 2:	
* Về hình thức:	0.5
- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.	
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.	
* Về nội dung: Trên cơ sở nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm <i>Kiều ở lầu Ngung Bích</i> học sinh cần làm rõ các ý cơ bản sau:	
1. <i>Mở bài:</i>	
Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích <i>Kiều ở lầu Ngung Bích</i> và 8 câu thơ cuối đoạn trích.	0.25

2. <i>Thân bài:</i>	
a. Cặp lục bát 1: Nỗi buồn của Kiều khi nghĩ về cha mẹ, những người sinh thành ra mình, nàng cảm thấy xót xa.	1.0
- Không gian, thời gian, cảnh vật: + Không gian cửa bể mênh mông, rộng lớn. + Thời gian: chiều hôm. Trong ca dao, thơ ca, thời điểm chiều tà là thời điểm dễ khiến con người buồn, nhớ (dẫn chứng một vài câu thơ, câu ca dao: “Chiều chiều ra đứng ngõ sau/ Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều”...)	
+ Cảnh vật: chỉ có bóng con thuyền và cánh buồm thấp thoáng, càng khiến không gian trở nên mênh mông, cô quạnh, không một bóng người. - Nghệ thuật: đảo ngũ thấp thoáng lên trước, cùng từ láy xa xa làm tăng thêm cảm giác xa xôi, nhỏ bé của con thuyền, tăng cảm giác cô độc của nhân vật.	
b. Cặp lục bát 2: Gợi tả nỗi mênh lung lo lắng của Kiều không biết cuộc đời sẽ trôi đi đâu về đâu.	1.0
- Hình ảnh ẩn dụ: hoa trôi trên dòng nước ẩn dụ cho thân phận người con gái chìm nổi trên dòng đời. Kiều nhìn cánh hoa trôi mà cảm thương cho số phận chim nổi lênh đênh của mình. - Liên hệ với ca dao: “Thân em như thể bèo trôi/ Sóng dập gió dội biết tựa vào đâu”; “Thân em như thể cánh bèo/ Ngược xuôi xuôi ngược theo chiều nước trôi”... ⇒ Cảnh hoa, cánh bèo, cánh lục bình... đều ẩn dụ cho sự mong manh, yếu đuối, không thể tự định đoạt của thân phận người con gái trong xã hội phong kiến. Sóng, dòng nước ẩn dụ cho cuộc đời.	1.0
c. Cặp lục bát 3: Tâm trạng buồn bã của Thúy Kiều trước tương lai mờ昧.	
- Màu sắc của cảnh vật: + “Râu râu”: màu sắc ám đạm, úa tàn. + “Xanh xanh”: ý nói không gian không có sự sống con người, trời đất lẫn vào nhau một màu xanh. ⇒ Tâm trạng mệt mỏi chán chường của Thúy Kiều, nhìn đâu cũng thấy sự ám đạm, thê lương; câu thơ tiêu biểu cho thủ pháp tả cảnh ngũ tình trong đoạn thơ (người buồn cảnh có vui đâu bao giờ).	
d. Cặp lục bát 4: Cảm giác sợ hãi, hoảng hốt của Kiều.	0.5
Âm thanh dữ dội của sóng, gió gợi sự kinh hãi. Câu thơ như báo trước những sóng gió trong cuộc sống sắp tới với Kiều.	0.5
e. Đánh giá chung về nghệ thuật của đoạn thơ	
- Diệp từ “buồn trông”: tạo nên âm hưởng trầm buồn, nhu một điệp khúc của đoạn thơ, là nguồn lí giải cảnh sắc trong đoạn thơ. - Nghệ thuật tả cảnh ngũ tình: cảm xúc của Thúy Kiều ảnh hưởng tới cảnh vật nàng nhìn thấy ⇒ cảnh nào cũng buồn, cô quạnh, u ám, đáng sợ. - Hệ thống từ ngữ tả cảnh: tính từ, từ láy. - Nhịp thơ thay đổi ở 2 câu cuối: đang từ chậm buồn trở nên gấp gáp. - Thủ pháp đối lập giữa 2 câu cuối và 6 câu trước: âm thanh dữ dội đối lập với những hình ảnh ám đạm. - Hình ảnh được tả từ xa đến gần: sự thay đổi điểm nhìn của nhân vật, đứng trên lâu cao nhìn từ xa lại.	0.25
3. <i>Kết bài:</i> Tổng kết vấn đề.	

ĐỀ SỐ 9

- Cách thức bày tỏ tình yêu thương.
 - + Bằng lời nói yêu thương, chân thành.
 - + Bằng hành động thiết thực: giúp đỡ cha mẹ công việc trong gia đình, chăm ngoan học tập, thấu hiểu sự vất vả của cha mẹ,...
 - Nếu không bày tỏ tình yêu thương với cha mẹ sẽ ra sao?
 - + Nếu tình yêu không được thô lộ, cha mẹ sẽ không thể biết được tình cảm cảm xúc của con cái với mình.
 - + Không khí gia đình luôn buồn tẻ, lạnh lẽo, thiếu hơi ấm của sự hạnh phúc.
- c. Mở rộng vấn đề và liên hệ bản thân
- Bên cạnh đó vẫn có những người không có tình yêu thương với đấng sinh thành, sẵn sàng đánh đập mắng chửi. Đó là hành vi, biểu hiện của sự bỗng hoại đạo đức, lối sống. Những hành vi đó cần lên án và loại bỏ.
 - Tình yêu thương nào cũng cần xuất phát từ cảm xúc chân thành, không phải là thứ tình yêu thương nơi đâu môi.
 - Liên hệ bản thân: em đã làm gì để thể hiện tình yêu thương với cha mẹ?
3. Kết đoạn: Khái quát vấn đề.

0.25

Câu 2:

0.5

* Về hình thức:

- Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận.
- Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

* Về nội dung: Trên cơ sở nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm *Sang thu* học sinh cần làm rõ các ý cơ bản sau:

1. *Mở bài:*

0.25

Giới thiệu được bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh và nêu cảm nhận, ý kiến khái quát.

2. *Thân bài:*

1.5

a. Tín hiệu giao mùa từ cảm nhận tinh tế, bất ngờ:

- Không có lá rụng như thơ xưa, không có màu vàng như trong Thơ mới, tác giả cảm nhận mùa thu rất riêng, rất mới bằng sự rung động tinh tế.
- + Khứu giác (hương ôi); xúc giác (gió se); cảm nhận thị giác (sương chùng chình qua ngõ); cảm nhận của lý trí (hình như thu đã về).

→ Mùa thu hiện lên qua những hình ảnh giản dị, mộc mạc, đậm chất làng quê Bắc Bộ.

+ Tâm trạng ngỡ ngàng, cảm xúc bâng khuâng qua các từ “bỗng”, “hình như”.

⇒ Tác giả yêu mùa thu, yêu làng quê, gắn bó với quê hương tha thiết mới có cảm nhận tinh tế như vậy.

b. Khoảnh khắc sang thu.

1.5

- Từ cảm nhận của các giác quan, cảm xúc của tác giả về mùa thu dần hòa vào cảnh vật chung quanh.

- Sự vật ở thời điểm giao mùa hạ - thu đã bắt đầu chuyển đổi: sông “dênh dàng” - chim “bắt đầu vội vã”, đám mây mùa hạ “vắt nửa mình sang thu”;

+ Nghệ thuật nhân hóa, đối (sông dênh dàng >< chim vội vã) gợi lên sắc thái sống động, muôn hình vạn trạng của thiên nhiên, đất trời.

+ Liên tưởng độc đáo (đám mây – vắt nửa mình sang thu): Mây như kéo dài mềm mại, mang cái ngập ngừng dừng đằng giữa hai mùa thiên nhiên.

2. T
 a. G
 - S
 với
 - Nh
 khôi
 b. B
 - Ý
 + K
 nhữn
 + KJ
 + S
 + S
 - S
 nhữn
 - Ch
 trận
 - Ph
 - Liê
 3. K
 Câu
 * Về
 - Dài
 - Văn
 * Về
 làm t
 I. M
 - Mù
 nhà t
 - Hai
 2. Th
 a. Nh
 - Hệ
 non l
 - Hìn
 nhộn
 + Hù
 hình
 + Hù
 nhữn
 - Diệ
 tung
 ⇒ M

c. Chiêm nghiệm về cuộc đời.	1.0
- Cảm nhận về thời điểm giao mùa dần đi vào lý trí.	
- Hai dòng thơ cuối bài cần hiểu với hai tầng nghĩa.	
- Hình ảnh tả thực “mưa, nắng, sấm” nhưng gợi cho ta liên tưởng đến một tầng ý nghĩa khác - ý nghĩa về con người và cuộc sống: Khi con người đã từng trải thì không còn bị bất ngờ trước những dao động cuộc đời nữa.	
d. Giá trị nội dung và nghệ thuật	
- Nghệ thuật: bài thơ hấp dẫn bởi những từ ngữ gợi cảm, gợi nhiều về cảnh về tình. Nhân hóa làm cho cảnh vật có hồn, gần gũi với cuộc sống.	
- Nội dung: tình yêu thiên nhiên, quê hương, đất nước.	
3. Kết bài:	0.25
- Khẳng định giá trị nghệ thuật và nội dung bài thơ.	
- Nêu cảm xúc khái quát.	

ĐỀ SỐ 10

Nội dung	Điểm
ĐỌC - HIỂU	
Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.	0.5
Câu 2: Phép nối: Và (...Và ta sẽ thấy mình không hề đơn độc trên thế giới này)	0.5
Câu 3: Theo tác giả, “khi chúng ta cảm thấy cô đơn, chúng ta muốn tìm một ai đó để bấu víu, thì chỉ chạm vào những chiếc bóng mà thôi” vì “khi chúng ta chỉ nghĩ đến bản thân mình, cả thế giới xung quanh chỉ còn là những cái bóng”.	1.0
Câu 4: Học sinh có thể tự do phát biểu quan điểm cá nhân và có sự lí giải hợp lí. Ví dụ: Có đồng tình. Vì: - Chúng ta cảm thấy mình được yêu thương, mình có sự gắn kết với thế giới này. - Khi chia sẻ, mình có thể cảm nhận được cuộc sống có những người khó khăn và vất vả hơn mình nhiều, mình có thể vẫn là một con người rất may mắn. Minh cần cố gắng và nỗ lực cho cuộc sống nhiều hơn nữa.	1.0
LÀM VĂN	
Câu 1: * Về hình thức: - Đảm bảo cấu trúc đoạn văn, đúng dung lượng yêu cầu. - Trình bày mạch lạc, đúng chính tả. - Viết đúng câu có thành phần phụ chú, câu cầu khiến, gạch chân các thành phần câu đó. * Về nội dung: Học sinh thể hiện được những nội dung cơ bản sau: 1. Mở đoạn: Dẫn dắt vấn đề: điều kì diệu của sự sẻ chia.	0.25
	0.25

<p>2. Thân đoạn:</p> <p>a. Giải thích:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sự sẻ chia là một dạng tình cảm được trao đi xuất phát từ trái tim, đồng cảm, thương yêu, san sẻ với những người xung quanh. Sẻ chia chính là cho đi mà không mong muốn được nhận lại. - Nhạc sĩ Trịnh Công Sơn từng viết: “Sóng trong đời sống, cần có một tấm lòng. Để làm gì em biết không? Để gió cuốn đi.” Sẻ chia sẽ đem đến cho cuộc sống những điều kì lạ mà ta không tưởng. <p>b. Bàn luận, mở rộng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ý nghĩa của sự sẻ chia: <ul style="list-style-type: none"> + Khi chúng ta biết sẻ chia, chúng ta sẽ nhận được sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ, yêu thương từ những người xung quanh. + Khi mọi người biết sẻ chia các mối quan hệ sẽ trở nên tốt đẹp hơn. + Sự sẻ chia giúp con người vượt qua những thử thách, khó khăn trong cuộc sống. + Sẻ chia với mọi người sẽ đem lại niềm vui, sự hạnh phúc cho chính bản thân. - Sự sẻ chia diễn ra trên nhiều phương diện, cả vật chất lẫn tinh thần, cả những người thân thiết đến những mối quan hệ ngoài xã hội. - Chứng minh: học sinh lấy dẫn chứng về sự sẻ chia của đồng bào Việt Nam trong đại dịch Covid-19, trận lũ lụt năm 2020... (có phân tích) - Phê phán những con người sống ích kỉ, chỉ nghĩ đến bản thân mình. - Liên hệ bản thân: Em đã biết chia sẻ với mọi người chưa? Sự chia sẻ giúp em điều gì trong cuộc sống? 	0.25
<p>3. Kết bài: Tổng kết lại vấn đề.</p>	0.25
<p>Câu 2:</p> <p>* Về hình thức:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận. - Văn viết trong sáng, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. <p>* Về nội dung: Trên cơ sở nắm vững kiến thức về tác giả, tác phẩm <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> học sinh cần làm rõ các ý cơ bản sau:</p>	0.5
<p><i>1. Mở bài:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Mùa xuân nho nhỏ</i> (1980) là tiếng lòng tha thiết gắn bó với cuộc đời, với thiên nhiên, đất nước của nhà thơ Thanh Hải. - Hai khổ của bài thơ thể hiện cảm xúc của tác giả trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước và con người. <p><i>2. Thân bài:</i></p> <p>a. Nhà thơ khám phá, ca ngợi vẻ đẹp của mùa xuân đất nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống điệp từ “mùa xuân”, “lộc”: gợi quang cảnh mùa xuân tươi đẹp, tràn đầy sức sống của chồi non lộc biếc; gợi những thành quả trong công cuộc xây dựng đất nước. - Hình ảnh “người cầm súng”, “người ra đồng”: được liệt kê để vẽ lên hình ảnh đất nước tung bừng, nhộn nhịp với hàng vạn con người đang góp sức mình cho mùa xuân của dân tộc. + Hình ảnh “người cầm súng”: phản ánh hiện thực gian khổ của chiến tranh. Lộc trên lưng vừa là hình ảnh cành lá nguy trang vừa là mùa xuân mà họ mang lại cho đất nước. + Hình ảnh “người ra đồng”: không khí lao động ở hậu phương. “Lộc trải dài nương mạ”: mang đến những cánh đồng xanh tươi, những vụ mùa no ấm, mang lại sự sống. - Điệp từ “tất cả” + lặp cấu trúc ngữ pháp + các từ láy “hối hả” “xôn xao” diễn tả nhịp sống sôi động, tung bừng, tràn đầy niềm vui, hạnh phúc. <p>⇒ Mùa xuân của đất nước gắn với hai nhiệm vụ: xây dựng và bảo vệ đất nước.</p>	0.25
	2.0

<p>b. Niềm tự hào về quê hương, đất nước và niềm tin vào tương lai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - “Đất nước bốn ngàn năm”: Niềm tự hào về lịch sử lâu dài của dân tộc. Đó là bốn ngàn năm dựng và giữ nước gian khổ mà hào hùng của cha ông ta. - Tính từ “vất vả” “gian lao”: đúc kết quá khứ, lịch sử dân tộc đầy đau thương, mất mát song cũng rất đáng tự hào. <p>⇒ Đoạn thơ bộc lộ lòng biết ơn, tự hào, kiêu hãnh với các thế hệ đã làm nên lịch sử hào hùng của đất nước.</p> <p>+ So sánh “đất nước như vì sao” gợi vẻ đẹp tươi sáng của đất nước trên con đường đi tới tương lai; gợi niềm tin của tác giả vào ngày mai tươi đẹp, phồn vinh của quê hương, đất nước.</p> <p>⇒ Giọng thơ vừa tha thiết, sôi nổi, vừa trang trọng đã gói trọn niềm yêu mến, tự hào, tin tưởng của nhà thơ về đất nước.</p> <p>3. Kết bài: Tổng kết vấn đề.</p>	<p>2.0</p> <p>0.25</p>
--	------------------------